

KIẾU MÃU

1972 HUẾ



Thân qđ! Đại tập. Đắc - San đầu tiên mà
trông mừng đã hiệ. + hàng và làm đất có
bước chân với khai - phá; tập đầu một
hư-tiến-trái và tập - một về mọi người
của qđ, tuy mà đã hơn một lần, tập
đầu tiên và đi - tập đầu, tập bạn, tập
mọi từ đó

13-8-1972
28 tháng chạp âm lịch
I. phước

ĐẮC - SAN

kiều-mẫu huế

1972

Chủ-nhiệm : Trần Hữu Long

Chủ-bút : Lê-bá Quân

Gs đặc-trách thực-hiện : Nguyễn-hữu Châu-Phan

Phụ-tá Chủ-nhiệm : Vương Hữu-Lễ

Ban Giáo-sư tuyển-chọn sáng-tác học-sinh :

NGUYỄN NGỌC-ANH, LÊ CHƯƠNG, LÊ-VĂN CƠ

NGUYỄN-VĂN MỸ, NGUYỄN-CỬU SÀ, MAI DUY-TRUNG

MÀU BÌA : HỌA-SĨ ĐÌNH-CƯỜNG

Believe me when I say how much
I love you.

KIỀU-MẪU HUẾ 1972

MỤC-LỤC

Phần giới-thiệu Trường

G.S. Nguyễn đức Kiên	Lời giới-thiệu	1
Trần hữu Long	Trung-học Kiều-Mẫu Huế	3
THKM Huế	Ban Giám-đốc và thành-phần ban Giảng-huấn	8
THKM Huế	Ban Chấp-hành Phân-hội Phụ-huynh học-sinh	10
THKM Huế	Tình-hình học-sinh, giáo-sư và nhân-viên	11
THKM Huế	Thi nhập-học và thi tốt-nghiệp	12
Trần hữu Long	Quan-niệm và tổ-chức thi-cử tại Trung-học Kiều-Mẫu Huế	14
THKM HUẾ	Phụ-bản: Hình-ảnh sinh-hoạt	
Nguyễn-cửu Sà	Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế	19

Phần khảo-luận của Giáo-sư

Mai-duy Trung	Một ngôi trường Kiều-Mẫu tại Alsace	25
Vương Hữu-Lễ	Nguồn-gốc và lịch-sử chữ Việt	28
Lê-bá Tròn	Những nẻo đường toán-học	41
Lê-quang Phú	Doanh-thương trong lãnh-vực kinh-tế hiện-đại	51

Phạm-văn Ấm	Phương - pháp dạy văn - phạm tiếng Anh theo mẫu câu	54
Phòng Hương-dẫn G. D.	Trắc - nghiệm trong kỳ thi tuyển Lớp Sáu	62
Nguyễn-văn Mỹ	Vấn - đề quốc - văn	65
Nguyễn-hữu Châu-Phan	Sự thông - cảm quốc-tế và việc giảng - dạy môn lịch - sử	69

Phần sáng-tác của Học-sinh

Lê Phước	Tháng ngày qua	77
Bửu Ba	Người lạ mặt	81
Trần-thị Hồng	Mẹ vẫn nuôi con	84
Trần-văn Thuận	Thằng Buộc	85
Hoàng-thị Thu	Giọt nắng mùa xuân	88
Nguyễn-thị Thanh-Vân	Một thoáng bình - yên	90
Bùi Huy	Về nguồn	91
Công-h t-n Thơ-Thơ	Trả buồn cho tôi	100
Lê Văn-Nhân	Thú đau - thương	101
Trần-thị Bùi	Khi tuổi lớn	110
Bửu Ba	Hoa Khế	111
Tôn-nữ Quỳnh-Mơ dịch	Mưa trong lòng tôi	115
Nguyễn-thị Phong-Hằng	Ngày vào đông	116
Cao-xuân Thanh-Phương dịch	Căn nhà của Eulalie	117
Quang-hữu Lân	Tiếc nhớ	124
Diệp-thị Minh-Hải	Giờ chia tay	126
Phan-thị Bích-Đào	Tạ-từ	127
Bùi Huy	Lạnh và em yêu	129
Lê-thị Phượng	Mẹ	138
Hồ-đăng Kham	Tuổi học trò	145
Nguyễn-văn Kỳ-Lân	Tơ vương	145
Nguyễn-thị Ngọc-Lan	Tình sầu	146

ĐẶC-SAN KIỀU-MẪU HUẾ 1972
ĐƯỢC ẤN-HÀNH VỚI SỰ GIÚP-ĐỖ CỦA
GIÁO-SƯ VIỆN-TRƯỞNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
GIÁO-SƯ KHOA-TRƯỞNG ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM HUẾ
PHÂN-HỘI PHỤ-HUYNH HỌC-SINH KIỀU-MẪU HUẾ
QUÝ VỊ GIÁO-SƯ VÀ SỰ ĐÓNG-GÓP CỦA HỌC-SINH
TRƯỜNG TRUNG-HỌC KIỀU-MẪU HUẾ.

Ấn-hành tại nhà in Liên-Hoa
15A, Lê-Lợi Huế

Giấy phép số 16 - BTT/PHNT ngày 05 - 1 - 1972

LỜI GIỚI-THIỆU

của

Giáo-sư Khoa-trường Trường Đại-học Sư-phạm Huế

Trường Trung-học Kiểu-Mẫu Huế vừa hoàn-tất được một công-tác báo-chí đáng khích-lệ: Đặc-san Kiểu-Mẫu Huế 1972.

Đặc-san này xuất-hiện thật là đúng lúc. Từ lâu, chúng tôi vẫn thường nghe thấy nhiều băn-khoăn thắc-mắc của dư-luận: Tại sao trong cơ-cấu tổ-chức Đại-Học Sư-Phạm lại có một thành-phần đặc-biệt là trường Trung-học Kiểu-Mẫu? Trường ấy nhằm mục-dích gì? Chương-trình và phương-pháp giáo-dục có những điểm dị-biệt nào với các trường Trung-học phổ thông khác?... Những câu hỏi ấy sẽ nhận được lời giải-đáp thỏa-đáng trong Phần I của Đặc-san này. Hơn nữa, thiết nghĩ giữa lúc nền giáo-dục quốc-gia đang đi tìm một đường-hướng mới, giữa lúc vấn-đề thi-hành chương-trình trung-học tổng-hợp đang được bàn-luận sôi-nổi, Đặc-san này chắc có thể đóng-góp một vài ý-kiến xây-dựng đáng quan-tâm, nhất là khi những ý-kiến ấy được nâng-đỡ bằng những kinh-nghiệm quý-báu trong những năm qua.

Ngoài ra, nội-dung Đặc-san Kiểu-Mẫu Huế còn được khởi-sắc nhờ ở những bài nghiên-cứu của giáo-sư (Phần II) và sáng-tác của học-sinh (Phần III).

Những biên-khảo, nghị-luận của các giáo-sư nhằm đào-sâu một vấn-đề nào đó thuộc giáo-trình của mình, hay đề-nghị một vài cải-cách, hoặc trình-bày một cách-thức hữu-hiệu để giảng-dạy một môn học nào đó, chứng-tỏ tinh-thần hăng-hái và thiện-chí phục-vụ của những nhà giáo, mặc dầu đang sống trong hoàn cảnh kinh-tế khó-khăn, vẫn luôn-luôn tận-tụy với thiên-chức cao-cả mà mình đã chọn làm lý-tưởng.

Phần sáng-tác dịch-thuật của học-sinh hình như được đặt nặng đề khuyến-kích những tài-hoa vừa chớm nở: phần này chiếm một nửa số trang của tờ báo. Những bài ấy đã được chọn-lọc kỹ, chứa-đựng một nội-dung lành-mạnh trong-sạch và đầy tình thương-yêu: yêu gia-đình, yêu học-đường, yêu tổ-quốc và yêu nhân-loại. Tiêu-chuẩn ấy thật thích-hợp với ý-hướng giáo-dục nhằm phát-triển bản-chất nhân-ái của con người. Dĩ nhiên, ngòi bút học-sinh thì không sao tránh được một vài nét vụng-về; tuy vậy nhiều lúc, người ta lấy làm kinh-ngạc — đến độ nghi-ngờ — khi bắt gặp những ý-tưởng tân-kỳ sâu-sắc hay những câu văn điêu-luyện già-giặn, tưởng chừng như trích ra từ một danh-phẩm nào đó.

Với một nội-dung hướng-thiện và súc-tích như vậy, cộng thêm phần hình-thức mỹ-thuật trang-nhã, Đặc-san Kiều-Mẫu Huế xứng-đáng nhận được sự tiếp-đón nồng-hậu của quý-vị giáo-sư, phụ-huynh học-sinh và những ai lưu tâm đến vấn-đề giáo-huấn thanh-thiếu-niên.

Trong niềm ước-mong đó, chúng tôi hoan-hỉ và trân-trọng giới-thiệu Đặc-san Kiều-Mẫu Huế 1972.

GS. NGUYỄN ĐỨC KIÊN

TRUNG-HỌC KIỀU-MẪU HUẾ

TRỤ-SỞ: 36 LÊ-LỢI HUẾ

Điện-thoại: 2278 — 2288

I.— MỤC-ĐÍCH THÀNH-LẬP

Để đáp-ứng với nhu-cầu cải-tiến nền giáo-dục cấp Trung-học cho phù-hợp với đà tiến-triển chung của xã-hội, Trường Đại-học Sư-Phạm Huế đã thành-lập một Trường Trung-học trực thuộc mang tên TRUNG-HỌC KIỀU-MẪU HUẾ.

(Nghị-định số 1352/GD/PC/NĐ ngày 4-8-1964 thiết-lập Trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế trực thuộc Trường Đại-Học Sư-Phạm Huế và Nghị-định số 840/GD/PC/NĐ ngày 12-6-1965 đặt Trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế thuộc bậc Đệ nhị cấp).

II.— LƯỢC-SỬ

Nằm sát cạnh trường Đại-Học Sư-Phạm Huế và có cùng một lối kiến-trúc, Trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế đã được hoàn thành vào năm 1964.

Trường đã khai-giảng khóa học đầu tiên vào ngày 20-9-1964 với tám lớp học, 320 học-sinh và 24 giáo-sư.

Trong những năm đầu tiên một phái-đoàn giáo dục thuộc Đại-học Ohio đã cộng-tác mật-thiết với trường Đại-Học Sư-Phạm và Ban Giảng-huấn Trung-học Kiều-Mẫu. Phái đoàn này đã giúp đỡ nhiều ý-kiến và cung-cấp phương-tiện trang-bị các phòng thí-nghiệm và học-xưởng.

Từ khi thành lập, các vị Hiệu-trưởng sau đây đã lần-lượt điều-khiển trường:

- 1964 - 1966 : Ô. Trần - kim Nữ
- 1966 : Ô. Dương - đình Khôi
- 1966 — ... : Ô. Trần - hữu Long

Trường Trung-học Kiểu-Mẫu Huế đã tổ-chức kỳ thi lấy Chứng-chỉ Tú-Tài 1 tổng-hợp khóa đầu tiên tại trường vào cuối niên-học 1968-69.

Với Nghị-định số 1722/GD/TN/PC/NĐ ngày 9-8-1969, Bộ Giáo-Dục đã thiết-lập chứng-chỉ Tú-Tài 1 và văn-bằng Tú-Tài 2 tổng-hợp tại trường Trung-học Kiểu-Mẫu Huế và ấn định giá-trị tương-đương giữa các chứng-chỉ này và chứng-chỉ Tú-Tài phổ-thông.

Trong niên-khóa 1969-70, nghị-định trên được sửa-đổi bởi nghị-định số 1139/GD/KHPC/HV/NĐ ngày 25-6-1970 thiết-lập các kỳ thi lấy chứng-chỉ Hoàn-tất Mỹ-mẫn lớp 11 Trung-học tổng-hợp vào cuối năm lớp 11 và Chứng-chỉ Thành-chung Trung-học tổng-hợp cuối năm lớp 12. Các chứng-chỉ này được qui-định đồng quyền lợi với các chứng-chỉ hay văn-bằng Tú-Tài phổ-thông về mọi phương-diện. Thẻ-lệ thi lấy Chứng-chỉ Hoàn-tất Mỹ-mẫn lớp 11 được ấn-định bởi nghị-định số 1141a/GD/KHPC/HV/NĐ ngày 27-6-1970 và thẻ-lệ thi lấy chứng-chỉ Thành-chung Trung-học tổng-hợp được ấn-định do Nghị-định số 1141b/GD/KHPC/HV/NĐ ngày 27-6-1970.

Học-sinh tốt-nghiệp của Trường đã theo học các Đại-Học quốc-ngoại và quốc nội từ niên-khóa 1970-71 và đang xúc-tiến việc thành-lập Hội ái-hữu cựu học-sinh Trung-học Kiểu-Mẫu Huế.

Phân-hội phụ-huynh học sinh Trung-học Kiểu-Mẫu Huế thành-lập từ năm 1966 hiện đang giúp đỡ thiết thực cho nhà Trường trong mọi sinh - hoạt.

III. — NHIỆM - VỤ

Nhiệm-vụ của trường Trung-học Kiểu-Mẫu Huế được ấn-định là:

- I. — Tìm một đường lối thích-hợp trong việc thực-thi giáo-dục cấp Trung-học.

- 2.— Nghiên-cứu và áp-dụng những chương-trình và phương-pháp giảng-dạy hữu-hiệu.
- 3.— Nghiên-cứu và thực-hiện các tổ-chức học-đường và các phương-thức sinh-hoạt phối-hợp, các trợ-huấn-cụ để cho sự học-tập đạt được kết-quả tối đa.
- 4.— Hộ-trợ chương-trình quan-sát và thực-tập của giáo-sinh Đại-học Sư-Phạm.
- 5.— Thực-hiện mọi nỗ-lực để trở thành một Trung tâm giáo-dục Kiều-Mẫu về mọi phương-diện.

Từ ngày thành-lập đến nay, Trường Trung-học Kiều-Mẫu luôn cố gắng thiết-lập những điều-kiện căn-bản cho sự nghiên-cứu và giảng-dạy cũng như những phương-tiện cần-thiết tối-thiểu cho việc học-tập.

Nhiệm-vu qui-định như trên cần nhiều thời-gian mới có thể hoàn-thành, và đòi-hỏi không những thiện-chí tối đa của toàn ban giảng-huấn mà còn cả sự hộ-trợ liên-tục về mọi phương-diện của các cấp thẩm quyền liên-hệ, của chính quyền địa-phương, của các nhà giáo-dục và phụ-huynh học-sinh.

IV.— ĐẠO-CƯƠNG VỀ ĐƯỜNG LỐI GIÁO-DỤC

Trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế chủ-trương và đang áp-dụng một đường lối giáo-dục tiến-bộ nhằm phục-vu tối-đa học-sinh bằng cách:

1.— Chú-trọng đến việc hướng-dẫn từng cá-nhân học-sinh để việc học-tập có phương-pháp và hiệu-quả hơn, hướng-dẫn trong việc chọn lựa môn học thích-hợp hay giúp đỡ giải-quyết mọi khó-khăn gây trở-ngại cho việc học

2.— Tạo nhiều cơ-hội và phương-tiện cần-thiết hữu-hiệu để đáp-ứng những nhu-cầu căn-bản của học-sinh dựa trên nhu-cầu chung của xã-hội, và để học-sinh có khả-năng, sở-thích khác nhau đều có thể thành công.

3.— Trang-bị cho học-sinh một số kiến-thức tổng-quát tối-thiểu và phổ-thông để trở thành một công-dân hữu-ích, một số kiến-thức lý-thuyết dự-bị cho việc theo đuổi học-tập ở cấp Đại-học, và đồng thời cung-cấp một số kiến-thức thực-dụng giúp học-sinh hiểu biết để lựa chọn nghề-nghiệp trong tương-lai hoặc lâm thời có thể sử-dụng những tài khéo khi không thể tiếp-tục việc học.

4.— Thiết-lập chặt-chẽ mối tương-quan giữa trường-học và trường đời, đặt nặng khía cạnh thực-tiễn, xây-dựng nhiều kinh-nghiệm để học-sinh có thái-độ tích-cực và thích-ứng với đời sống trong xã-hội.

5.— Đào-luyện tinh-thần dân-chủ và ý-thức trách-nhiệm bằng cách thúc-đẩy học-sinh tham-gia từ những sinh-hoạt trong lớp đến những sinh-hoạt ngoài lớp, tổ-chức hàng ngũ tự-trị và khuyến-khích kỷ-luật tự-giác.

V.— SƠ-LƯỢC về CHƯƠNG-TRÌNH HỌC-TẬP

Chương-trình đang áp-dụng tại Trường trung-học Kiểu-Mẫu Huế là một chương-trình bao gồm nhiều môn học với nhiều mục-đích khác nhau đáp ứng những sở-thích và khả-năng khác nhau của học-sinh.

Chương-trình các lớp 6 và 7 gồm các môn học có tánh-cách bắt-buộc và bao-quát. Tánh chất dự-hướng của những môn học ở cấp này giúp cho học-sinh có được những kiến-thức căn-bản tối-thiểu về các môn phổ-thông cũng như các môn hướng-nghiệp.

Chương-trình các lớp 8 và 9 là một chương-trình định-hướng cung-ứng thêm một số môn học lựa chọn tùy theo năng-khiếu của từng học-sinh. Khía cạnh thực-tiễn và thực-dụng được đặt nặng.

Chương-trình các lớp 10, 11 và 12 có tánh-cách chuyên biệt hơn và được thực-hiện thành nhiều ban khác nhau:

a.— Các ban dự-bị Đại-Học: Khoa-học thực-nghiệm, Khoa-học Toán, Văn-chương Sinh-cổ-ngữ.

b.— Các ban hướng-nghiep : Doanh-thương, Canh-nông, Công-kỹ-nghệ, Kinh-tế gia-đinh.

Chương-trình các ban hướng-nghiep cũng được sắp xếp sao cho các học-sinh trong các ban này cũng có thể có đủ khả-năng theo trình-độ Đại-Học sau khi hoàn tất bậc trung-học.

Trong giai-đoạn hiện-thời, Trường Trung-học Kiểu-Mẫu Huế chưa có thể phát-triển sâu rộng phạm-vi hướng-nghiep, mà đang nằm trong một giai-đoạn chuyển tiếp với những cải-tổ có tính cách tuần-tự, tùy theo khả-năng và nhân-sự. Trường sẽ mở đầy-đủ các ban học, cũng như tăng-cường các môn học lựa chọn khi cơ-hội cho phép.

Để hộ-trợ cho chương-trình học-tập trên, chương-trình hướng-dẫn giáo-dục đang được đẩy mạnh. Phòng Hướng-dẫn giáo-dục và phòng liên-lạc phụ-huynh học-sinh đã được thiết-lập tại trường.

Ngoài ra, một chương-trình sinh-hoạt thường-xuyên do một ban giáo-sư cố-vấn hướng-dẫn mang lại nhiều không-khí sôi-động và bổ-ích. Trong tinh-thần này Trường đang xúc-tiến thành-lập nhiều học-hội để khích-động tinh-thần học-tập của học-sinh.

Điều cần lưu-ý là chương-trình sẽ được sửa đổi thường-xuyên trong tinh-thần linh-động và uyển-chuyển để phù-hợp với những khám phá mới trong địa hạt nghiên-cứu giáo-dục.

TRẦN HỮU LONG

Hiệu trưởng Trung học Kiểu Mẫu Huế

TRUNG-HỌC KIỀU-MẪU HUẾ

Ban Giám-Đốc

Hiệu-Trưởng : Ô. Trần-hữu Long

Giám-học : Ô. Lê-bá Quân

Tổng Giám-thị : Ô. Nguyễn Ngọc-Anh

Thành-Phần Ban Giảng-Huấn

niên-khóa 1971-72

BAN NHÂN-VĂN

TIỂU-BAN KIẾN-THỨC XÃ-HỘI :

Ô. Nguyễn ngọc Anh

Ô. Nguyễn-hữu Châu-Phan

Ô. Vĩnh Tiên

Ô. Lê Chương

Ô. Lương Hoàng-Phiệt

TIỂU-BAN TRIẾT-LÝ :

Ô. Bùi Thông-Duệ

TIỂU-BAN VIỆT-VĂN :

Ô. Lê-văn Cơ

Ô. Vương Hữu-Lễ

Ô. Hoàng-sơn Phụng

Ô. Lê Chương

Ô. Nguyễn-văn Mỹ

Ô. Nguyễn-cửu Sà

Ô. Nguyễn-văn Danh

Cô Lê-thị Túy-Ngọc

BAN KHOA-HỌC

TIỂU-BAN LÝ-HÓA :

Ô. Lê-bá Lại

Ô. Tôn-thất Quý

Ô. Lê Sơn

Ô. Trần Ngọc-Kỳ

Ô. Trương Minh-Sinh

Ô. Đình-văn Thành

TIỂU-BAN TOÁN :

Bà Trương-thị Kim-Sa

Ô. Nguyễn Phú-Liễm

Ô. Lê-bá Tròn

Ô. Võ-đăng Lộc

Ô. Đào-hữu Suyền

TIỂU-BAN VẠN-VẬT :

Ô. Nguyễn-văn Bằng

Ô. Tôn-thất Quế

BAN SINH-CỔ-NGŨ

TIỂU-BAN ANH-VĂN :

Ô. Đặng Minh-Trai

Ô. Hồ-hữu Hạnh

Ô. Nguyễn Anh-Tuấn

Ô. Nguyễn-tư Triệt

Ô. Nguyễn-tư Trường

TIỂU-BAN PHÁP-VĂN:

Ô. Huỳnh-hữu Hiệp

Ô. Trần-hữu Long

Ô. Lê-bá Quân

Ô. Nguyễn-văn Tiên

Ô. Trần-văn Thuận

Ô. Mai-duy Trung

Ô. Hà-văn Chữ

Ô. Michel Kauffmann

Ô. Hoàng-đức Thạc

TIỂU-BAN HÁN-VĂN:

Ô. Vương Hữu-Lễ

Ô. Nguyễn-cửu Sà

BAN MỸ-THUẬT

TIỂU-BAN ÂM-NHẠC:

Ô. Dương-xuân Lai

Ô. Đặng-văn Nhuận

TIỂU-BAN HỘI-HOẠ:

Bà Hà-thị Như-Mai

Ô. Đoàn-văn Khuyến

Ô. Phan Xuân-Sanh

TIỂU-BAN THỂ-DỤC:

Bà Tôn-nữ Phương-Tảo

Ô. Nguyễn Doãn

Ô. Võ-quang Kiềm

Bà Nguyễn-thị Tuyết

Ô. Lưu-phước Hải

Ô. Phan-hồng Thanh

Ô. Nguyễn-thúc Đệ

BAN HƯỚNG-NGHIỆP

TIỂU-BAN CANH-NÔNG:

Bà Tôn-nữ thị-Cần

Ô. Hoàng-trọng Cầm

Ô. Nguyễn-văn Hạnh

TIỂU-BAN CÔNG KỸ-NGHỆ:

Ô. Lê-ngọc Bồng

Ô. Nguyễn-tăng Khôi

Ô. Trương-như Lượng

TIỂU-BAN DOANH-THƯƠNG:

Ô. Lê-quang Phú

Cô Nguyễn-thị Lệ

Ô. Nguyễn Minh

TIỂU-BAN KINH-TẾ GIA-ĐÌNH:

Cô Lê-thị Kim-Cúc

Bà Lâm-thị Hương

Bà Ngô-thị Tuyết-Mai

Thành phần Giáo-sư đặc trách

PHÒNG HƯỚNG DẪN GIÁO-DỤC

Ô. Lê-văn Cơ

Ô. Nguyễn-văn Mỹ

THƯ-VIÊN

Ô. Nguyễn-cửu Sà

Ô. Mai-duy Trung

PHÒNG THÍ-NGHIỆM

Ô. Tôn-thất Quy

Ô. Trương Minh-Sinh

Ô. Đinh-văn Thành

BAN CHẤP-HÀNH PHÂN-HỘI PHỤ-HUYNH HỌC-SINH

TRUNG-HỌC KIỀU-MẪU HUẾ NIÊN-KHÓA 1971-72

Phân - Hội - Trưởng	:	Ô. Hà - thúc Nghĩa
Đệ nhất Phó Hội - Trưởng	:	Ô. Ngô - gia Bu
Đệ nhị Phó Hội - Trưởng	:	Ô. Tống - văn Bá
Ủy - viên kế - hoạch	:	Ô. Nguyễn - trí Ngọc
Ủy - viên Kiến - thiết	:	Ô. Bửu Thận
Ủy-viên Tài-chánh kiêm Thủ-quy	:	Ô. Bửu Nại
Ủy - viên Xã - hội	:	Bà Nguyễn - thị Thu - Mẫn
Thư - ký	:	Ô. Võ - quang Kiềm

BAN CỔ-VẤN

THÀNH-PHẦN PHỤ-HUYNH

Ô. Nguyễn Anh
 Trần-văn Bảy
 Cao-Xuân Duân
 Phạm-đăng Tích
 Đỗ Thanh

THÀNH-PHẦN GIÁO-SU

Ô. Trần - hữu Long
 Nguyễn Ngọc-Anh
 Lê-văn Cơ
 Nguyễn-văn Mỹ
 Mai-duy Trung

DANH-SÁCH BAN ĐẠI-DIỆN HỌC-SINH

niên - khóa 1971 - 1972

Tổng Thư-Ký	:	Lê Phước	11B
Đệ I Phó Tổng Thư-Ký	:	Đặng-thị Kim-Quy	10C
Đệ II Phó Tổng Thư-Ký	:	Bùi-thị Quỳnh-Nga	9/2
Trưởng Khối Báo-chí	:	Phạm-đình Chương	12B
Phó Trưởng khối	:	Phạm-bá Hoàng	11C
Trưởng-khối Du-khảo	:	Lưu Bảo	12B
Phó Trưởng khối	:	Nguyễn-hải Long	11A
Trưởng Khối Học-tập	:	Nguyễn-hữu Thắng	12A
Phó Trưởng khối	:	Nguyễn-thị Thu-Sương	11A
Trưởng-khối Khánh-tiết	:	Chế Quang-Trạc	12A
Phó Trưởng khối	:	Lê quang-Bôn	9/2
Phó Trưởng khối	:	Nguyễn-thiếu Nam	12B
Trưởng Khối Thể-thao	:	Trương-quang Huế	12B
Phó Trưởng Khối	:	Trương-xuân Dân	10B
Trưởng khối Văn-nghe	:	Ngô Quốc-Thành	12B
Phó Trưởng khối	:	Lê-quang Hùng	11B
Trưởng-khối Xã-Hội	:	Nguyễn-thị Minh-Ngọc	11C
Phó Trưởng-khối	:	Phan-thị Tuyền	12A

Tình-hình Học - sinh, Giáo - sư và Nhân - viên từ năm 1964 - 1972

	NIÊN KHÓA	1964-1965	1965-1966	1966-1967	1967-1968	1968-1969	1969-1970	1970-1971	1971-1972
SỐ LỚP	Đệ-nhất-cấp	8	12	15	16	14	16	17	18
	Đệ-nhi-cấp	0	0	0	3	6	9	9	9
	Tổng - kết	8	12	15	19	20	25	26	27
SỐ HỌC-SINH	Đệ-nhất-cấp	320	476	492	524	461	508	599	717
	Đệ-nhi-cấp	0	0	0	96	165	200	187	185
	Tổng - kết	320	476	492	620	626	708	786	902
SĨ SỐ trung - bình mỗi lớp	Đệ-nhất-cấp	40	40	35	33	33	32	35	39
	Đệ-nhi-cấp	0	0	0	32	28	23	21	21
HẠNG TUỔI	Đệ-nhất-cấp	11 - 15t	11 - 16t	11 - 17t	11 - 18t	11 - 18t	11 - 18t	11 - 18t	11 - 18t
	Đệ-nhi-cấp				14 - 18t	15 - 19t	16 - 20t	16 - 20t	16 - 20t
GIÁO - SƯ	Chánh ngạch Tur-nhân, công-chức }	9	20	23	24	21	24	26	32
		15	10	14	23	26	36	45	41
	Tổng - kết	24	30	37	47	47	60	71	73
NHÂN - VIÊN	Văn-phòng	3	4	8	4	4	4	7	9
	Phụ - dịch	4	4	4	4	4	4	4	5
	Tổng - kết	7	8	12	8	8	8	11	14

Thi nhập học

Hằng năm trường tổ chức vào khoảng đầu hè một kỳ thi nhập học lớp 6.

Điều kiện dự thi được ấn định như sau:

- 1.— Tuổi thí sinh tối thiểu là 11 và tối đa là 14.
- 2.— Thí sinh có thể là nam hay nữ.
- 3.— Phải nộp đầy đủ hồ-sơ:
 - Một chứng chỉ học trình đã học xong lớp năm; nếu chứng chỉ này do tư thục cấp, phải được Ty Tiểu-học kiểm nhận.
 - Một giấy khai sinh
 - Hai phiếu thí sinh có dán ảnh. (Loại phiếu này có bán ở các tiệm sách).
 - Một tờ hồ sơ.

Tình hình thí sinh thi nhập học lớp 6 từ năm 1965 đến 1972.

Niên khóa	65 - 66	66 - 67	67 - 68	68 - 69	69 - 70	70 - 71	71 - 72
Thí sinh ghi danh	319	367	492	248	530	431	455
Bách phân trúng tuyển	55%	22%	29%	59%	32%	46%	44%

Thi tốt nghiệp

♣ Sau khi học xong lớp 11 tại trường, học-sinh phải qua một kỳ thi gồm hai khóa — khóa chính và khóa vớt — để lấy:

Chứng-chỉ hoàn-tất mỹ-mãn lớp 11 Trung-học Tổng-hợp

Học-sinh có chứng-chỉ này được hưởng mọi quyền lợi dành cho chứng-chỉ Tú-Tài 1 Phổ-thông.

♣ Sau khi học xong lớp 12 tại trường, học-sinh phải qua một kỳ thi gồm hai khóa — khóa chính và khóa vớt — để lấy:

Chứng-chỉ Thành-chung Trung-học Tổng-hợp

Học-sinh có chứng-chỉ này được hưởng mọi quyền-lợi dành cho Chứng-chỉ Tú-Tài 2 Phổ-thông hiện đang được cấp phát trên toàn quốc.

- 1) Kết quả kỳ thi Tú-Tài I Tổng-hợp tại Trung-học Kiều-Mẫu Huế khóa ngày 20-8-1969:

Bách phân Trúng tuyển	Nam	Nữ	Cộng chung
	72°/°	58°/°	65°/°

- 2) Kết quả kỳ thi Hoàn-tất mỹ-măn lớp II Trung-học Tổng-hợp tại Trung-học Kiều-Mẫu Huế niên khóa 1969 - 1970.

Khóa	Nam	Nữ	Cộng chung
29. 7. 1970	57°/°	28°/°	42°/°
4. 9. 1970	62°/°	46°/°	51°/°

- 3) Kết quả kỳ thi Thành-chung Trung-học Tổng-hợp tại Trung-học Kiều-Mẫu Huế niên khóa 1969 - 1970.

Khóa	Nam	Nữ	Cộng chung
20. 7. 1970	69°/°	63°/°	66°/°
1. 9. 1970	100°/°	86°/°	92°/°

- 4) Kết quả kỳ thi Hoàn-tất mỹ-măn lớp II Trung-học Tổng-hợp tại Trung-học Kiều-Mẫu Huế niên khóa 1970 - 1971.

Khóa	Nam	Nữ	Cộng chung
7. 7. 1971	54%	47%	49%
4. 8. 1971	66%	60%	62%

- 5) Kết quả kỳ thi Thành-chung Trung-học Tổng-hợp tại Trung-học Kiều-Mẫu Huế niên khóa 1970 - 1971.

Khóa	Nam	Nữ	Cộng chung
16. 6. 1971	53%	45%	50%
28. 7. 1971	92%	63%	79%

QUAN-NIỆM và TỔ-CHỨC THI-CỬ

tại TRUNG-HỌC KIỀU-MẪU HUẾ

TRẦN HỮU LONG

PHƯƠNG-thức thi-cử hiện đang áp-dụng tại Trường Trung-học Kiêu-Mẫu Huế là một cải-tiến đáng được quan-tâm.

Phương-thức này bắt nguồn từ một quan-niệm tiến-bộ về thi-cử. Thi-cử không còn được xem như là một quyết-định tối-hậu và thường khi bất công đối với tương-lai học-sinh trong đó yếu-tố may rủi luôn nắm phần chủ-động và là mối ám-ảnh thường-xuyên.

Thi-cử đang được quan-niệm lại nhẹ-nhàng nhưng hợp-lý hơn. Được đặt kế-tục trong tiến-trình giáo-dục và học-tập, thi-cử chính là một phương-tiện giáo-dục. Thiện-chí học-tập, những nỗ-lực đều-đắn của học-sinh trong quá khứ, khả-năng phục-vụ của học-sinh trong tương-lai, là những yếu-tố chính-quyết-định trong lễ-lối thi-cử này. Lẽ đương-nhiên, trong suốt thời-gian học-tập, học-sinh không được hướng-dẫn nhắm vào việc thi mà đã được thường xuyên hướng-dẫn để học-tập có kết-quả.

Nhìn lại cách thức thi cử cổ-diễn, từ những kỳ thi lục cá nguyệt trong niên-học, đến các kỳ thi Tú-Tài I và II, không ai có thể phủ nhận sự mâu-thuẫn thường xảy ra giữa sự học-tập và việc thi-cử. Điều này được biểu-lộ bởi hậu-quả phổ-thông học-tài thi phận.

Có những học-sinh chăm-chỉ, thuộc vào hạng giỏi, nhưng kết-quả các kỳ thi lại không khả-quan gì mà có lúc còn ngược lại. Có nhiều học-sinh không giỏi, ít chăm lại có kết-quả thi-cử khả-quan nhiều hơn so với những học-sinh vừa kể trên.

Lại nữa, tổ-chức thi-cử và tầm quan-trọng tối-hậu của kết-quả đã vô-tình khuyến-kích học-sinh lâm vào nhiều tệ-trạng. Thường, học-sinh lo-là trong những ngày tháng không thi, trong những năm học chưa đến năm thi, và chỉ vui

đầu thâu đêm suốt sáng vào những tuần gần sát ngày thi. Cách học này, không những vô-bổ bởi lẽ sau này học-sinh sẽ không còn nhớ được gì vì đã hấp-thu kiến-thức trong một thời-gian quá ngắn, lại còn là một đe dọa lớn cho sức-khỏe của chính bản thân. Hoặc giả, lợi-dụng tru-thế của những môn có hệ-số cao, và cách-thức ra đề đơn-giản, học-sinh khuyến-khích nhau chủ-trương học tủ, học cầu may; có thể còn tìm mọi cách để gian-lận....

Trương-quan giữa học-tập và thi-cử vì thế không còn nữa, hay nói rõ hơn, tổ-chức thi-cử ấy đã làm cho sự học mất hẳn ý nghĩa đích thực của nó. Vì, như trình bày trên, thay vì thi-cử là một hình-thức xác-nhận lại công-trình học-tập, để dự đoán kết-quả trong tương-lai hay để làm căn-cớ cho việc hướng-nghiệp, thi-cử lại là một hố sâu ngăn chận bước tiến của số học-sinh thiếu một vài may-mắn nào đó. Như thế thi-cử là một mối nguy-hại cho việc giáo dục vậy. Đó là chưa kể thể-thức phê-điểm ít nhiều chủ-quan của giáo-sư giám-khảo, đôi khi làm lầm lạc ít nhiều sự nhận xét khách-quan về năng-khiếu của học-sinh.

Từ những nhận định trên, Trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế đã thực-hiện nhiều nỗ-lực làm cho công việc thi-cử phù-hợp với mục-tiêu giáo-dục. Để được rõ-ràng hơn, sau đây chúng tôi xin trình-bày một vài điểm chính của thể-thức đang được áp-dụng.

Bãi-bỏ thi lục-cá-nguyệt, tam-cá-nguyệt: Các kỳ thi lục cá nguyệt hay tam cá nguyệt được bãi bỏ để duy-trì cường-độ học-tập đồng đều trong suốt niên-khoá. Niên-học được tổ-chức thành bốn học-kỳ có thời-gian bằng nhau. Sau mỗi học-kỳ, giáo-sư mỗi môn phụ-trách tổng-kết thành-tích học-tập của từng học-sinh căn-cứ trên các điểm bài làm hay điểm bài học. Điểm trung-bình cuối năm của môn học là trung-bình của các điểm học-kỳ, và điểm này dự một phần quan-trọng trong việc xét cho lên lớp hay trong các kỳ thi cuối năm ở các lớp 11 và 12. Điểm cho bất cứ lúc nào cũng quan-trọng và ảnh-hưởng trực tiếp đến kết-quả cuối niên-học, vì thế học-sinh phải học-tập chăm-chỉ đều-đặn. Vấn-đề chính-yếu là giáo-sư phải phân-phối kỹ-lưỡng các bài học, bài tập và nhất là phải tổ-chức thường xuyên việc học-ôn.

Bãi-bỏ hệ-số các môn học, hệ-số các môn thi: Hệ-số dùng cho các môn học và các môn thi đều được bãi-bỏ. Tánh cách độc-đoán của các hệ-số, sự thay đổi hệ-số thường xuyên và thiếu căn-cứ từ niên-khoá này qua niên-khoá khác đã đưa đến cho học-sinh và ngay cả giáo-sư chúng ta nhiều nhận định sai lầm, mà tai-hại nhất là sự xem thường các môn học có hệ-số nhỏ, hay là những môn học được gọi là phụ, không có gì quan-trọng, thành-kiến đó đã làm nảy-sinh một mối mặc-cảm vô-ích ở học-sinh cũng như ở giáo-sư. Các môn học có hệ-số cao lại ám ảnh học-sinh làm sinh ra sự sợ sệt hay ỷ lại... Không có gì vô lý hơn khi một thí-

sinh lấy điểm một môn này bù cho điểm một môn khác có hệ-số thấp mà học-sinh này không hề đếm xỉa đến trong suốt thời-gian học-tập. Về phần giáo-sư đôi lúc cũng có mặc-cảm với chính môn mình phụ trách hoặc cho mình là giáo sư chính, hoặc cho mình là giáo-sư phụ... Quan niệm của tiền-nhân, mà cũng là quan-niệm đương thời của các nước tân-tiến trong câu nhất nghệ tinh nhất thân vinh, từ đó đã không còn được coi trọng.

Để bù đắp lại các khuyết điểm trên, tại trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế các môn có trong chương-trình đều được xem quan-trọng bằng nhau, vì xét kỹ, nếu có môn học không quan-trọng thì nó đã không được xếp vào trong chương-trình. Về phần các môn nhiệm ý, lẽ dĩ-nhiên là khi học-sinh đã cân-nhắc kỹ và lựa chọn môn nào rồi thì ít ra, học-sinh này cũng đã thấy môn học này cần-thiết cho kiến-thức và kinh-nghiem của chính mình. Điểm khác nhau duy nhất giữa các môn học là phạm-vi của mỗi môn học, thời gian cần-thiết để học-hỏi và thấu triệt các vấn-đề trong môn học đó cũng như số kiến-thức trung-bình về những nguyên-tắc căn-bản trong môn học này.

Bãi bỏ hệ-số không có nghĩa là hạ thấp một môn học nào đó mà chỉ là đặt lại các môn học đúng với vị-trí và ý-nghĩa chính-đáng. Vấn-đề quan-trọng đây là làm thế nào để có thể có một chương-trình đúng-dẫn cho mỗi môn học và ấn-định số giờ cần-thiết hằng tuần hay hằng năm cho sự học-hỏi môn học đó, dựa trên căn-bản mà kiến-thức phổ-thông đòi-hỏi. Ngoài ra, môn học phải được trình bày trong một tinh-thần chung, không ráp-nối và phải nhịp-nhàng kết-hợp với các môn học trong cùng niên-khoá.

Đề thi: Khi nghiên-cứu một số đề thi trong quá khứ về các kỳ thi Tú-Tài I và II, chúng tôi không khỏi ghi nhận tánh cách dễ-dãi của việc ra bài và tánh chất đơn-giản của các đề thi, cho dù đó là một bài khảo sát sinh-ngữ hoặc một bài toán có bốn năm câu hỏi bên cạnh một số câu hỏi giáo-khoa. Các đề thi gồm một câu hoặc nhiều câu chọn một cũng thường gặp. Đó là một vài sơ-hở của cách ra đề. Có thể là cách ra đề này phù-hợp với tổ-chức trung-ương tập quyền, và vì còn thiếu-thốn phương-tiện, nhưng dù sao cũng phải công nhận là đề thi bị gò bó trong nhiều ước-lệ và chú-trọng nhiều đến hình-thức hơn là nội-dung. Trước các đề thi này, học-sinh có thể chỉ học một phần nhỏ của chương-trình mà cũng có thể làm được bài một cách thông suốt. Do đó, ta thường nghe đến tình-trạng học-sinh đoán đề thi sẽ được ra và danh-từ trúng-tủ đã quá quen thuộc đối với những học-sinh chuyên học cầu may. Điều này có khi lại làm cho những học-sinh chăm-chỉ, có nhiều thiện-chí học-hỏi phải ngã lòng, và các bài học một lần nữa mất hết tầm quan-trọng.

Tại trường Trung học Kiều-Mẫu Huế, các đề thi được soạn-thảo công phu, đòi-hỏi ở giáo-sư nhiều thời-gian và thiện-chí. Thường thì các câu hỏi bao-quát cả một chương-trình và học-sinh phải theo dõi kỹ-lưỡng tất cả các bài học mới

có thể trả lời hoàn-toàn. Từ các đề thi nhập học lớp 6 của trường, các bài làm trong năm học, đến các đề thi dành cho học-sinh học xong lớp 11 và lớp 12 của trường, tất cả đều được thực-hiện trong tinh-thần vừa nói. Mỗi bài thi thông-thường gồm 2 phần chính: Trắc-nghiệm và Tiểu-luận. Trắc-nghiệm không phải, như một số người thường hiểu lầm, là một câu hỏi nhiều câu trả lời đúng trật không đòi hỏi một công-trình soạn-thảo gì, và học-sinh chỉ còn việc đánh dấu X bừa không cần suy-luận. Trắc-nghiệm áp-dụng bao gồm nhiều hình-thức khác-nhau, đi từ loại điền-khuyết, chọn lựa, đến loại trả lời ngắn hay loại tương-hợp vv... và được soạn-thảo đúng với các tiêu-chuẩn đòi hỏi của một câu trắc-nghiệm ra đúng. Phần trắc-nghiệm này nhằm kiểm-soát, đo-lường trí nhớ chính xác, khả-năng nhận thức, phân-biệt, thấu triết các tương-quan, khả-năng áp-dụng những nguyên-tắc phổ-quát học-hỏi được. Phần tiểu-luận đi xa hơn, nhằm khai-thác khả-năng suy-luận từ những sự kiện, và khả-năng diễn đạt những suy-luận đó, đồng thời khám phá những ước vọng hay nhu cầu của học-sinh để khuyến-khích chúng sáng-tạo và tích-cực hơn trong mọi thái-độ.

Một bài thi được soạn-thảo như thế đã tránh được một phần nào yếu-tố rủi may cho học-sinh và sự xét đoán của giáo-sư giám-khảo cũng bớt phần thiếu xác thực và bất công vì phần chủ-quan của người bình điểm bị giới-hạn nhiều. Ngoài ra, giáo - sư giám - khảo còn căn-cứ trên bài ra, để ấn - định thang điểm cho hợp tình hợp lý.

Cách thức phê điểm: Từ lâu cách cho điểm được áp-dụng tại các học đường nước nhà là thang bậc 0 - 20. Cũng có trường cho điểm từ 0 - 10. Ở các nước Âu-tây, cách cho điểm cũng tương-tự. Điểm cho có thể từ 0 - 3, 0 - 6, 0 - 100 hay 1 - 3, 1 - 5 vv... cũng có quốc-gia cho điểm theo trình-độ A-B-C-D như ngày xưa ở nước ta đã từng áp-dụng bằng cách phê ưu-bình-thứ-liệt vv...

Một cách tổng-quát, cách cho điểm số hay điểm chữ đều có những ưu điểm cũng như những khuyết điểm. Ví-dụ như điểm số từ 0-20 có 20 bậc điểm, ngoài ra còn có vô số các điểm lẻ, ví-du 19,25; 19,75, vv... số thang bậc nhiều cho phép giáo-sư đi gần đến sự chính xác hơn, và việc xếp hạng căn-cứ trên điểm cho chỉ trúng đích vị-thứ của học-sinh trong lớp học. Lỗi cho điểm này còn khuyến-khích học-sinh tranh đua nhau từng điểm hoặc từng vị-thứ một. Tuy thế, khuyết-điểm của lối cho điểm này cũng khá nhiều. Trước hết là tánh cách thiếu đồng nhất của việc cho điểm. Một bài luận có thể được nhiều giáo-sư xác-nhận là được xếp vào hạng khá nhưng nếu các giáo-sư này cũng đều phê điểm trên bài luận đó thì điểm số có thể có khoảng cách rất xa. Các trung-tâm nghiên cứu việc cho điểm đã cho biết điều này. Hơn nữa, cùng một giáo-sư chấm nhiều bài luận khác nhau, khoảng cách của điểm số được cho, ví-dụ giữa các bài có điểm 10,75 10,25, chưa hẳn đã nói lên một nhận xét gì rõ-rệt. Nếu chấm đi chấm lại một bài luận trong nhiều lần ở những thời gian khác nhau, điểm số được cho bởi cùng một giáo-sư

cũng còn thay đổi mặc dù nhận xét chung trên bài luận vẫn là một. Việc cộng điểm và xếp hạng từ điểm số trung-bình lại là một công việc phiền toái và chiếm một số thì giờ không nhỏ, trong khi đó ý nghĩa của việc xếp hạng không là bao nhiêu đôi lúc còn bất công đối với học-sinh. Một học-sinh có điểm số 15,01 lại đứng nhất lớp trong khi một học-sinh 15,00 lại đứng sau, và cũng trong lúc đó một học-sinh ở lớp khác có điểm số 16 chưa chắc đã là nhất hoặc nhì lớp. Việc xếp hạng còn thiếu tính cách tổng-quát, một học-sinh đứng thứ 20 trong một lớp có 25 học-sinh không thể so-sánh với một học-sinh được xếp thứ 20 trong một lớp có 65 học-sinh chẳng hạn. Đó là chưa kể thang điểm lại do từng giáo-sư ấn-định. Một bài làm được giáo-sư toán phê giỏi có thể có điểm số 20/20 trong khi đó một bài luận hay sinh ngữ cũng được giáo-sư phê giỏi và chỉ có điểm số 13/20 hoặc 15/20 mà thôi. Việc xếp hạng còn gây ở học-sinh sự tự mãn, thiếu cầu tiến. Một học-sinh được xếp nhất lớp dù với điểm trung-bình 10/20 hoặc nhất một môn học nào đó dầu cho điểm trung-bình chưa đến 10/20 cũng đã cảm thấy ít bị thôi-thúc học-tập để có điểm số cao hơn vì đã được xếp hạng nhất rồi.

Để tránh phần nào các phiền-phức nêu trên, trường Trung-học Kiều-Mẫu đã chọn cách phê điểm bằng trình-độ, xếp hạng khả-năng của học-sinh theo trình-độ rất tốt, tốt, trung-bình, tạm được, kém, loại và ký hiệu được áp-dụng là các điểm chữ A-B-C-D-L-O.

Lỗi phê bằng điểm chữ tương đối có nhiều ưu-điểm hơn. Đơn giản (vì khỏi phải mất nhiều thì giờ khi cộng điểm và khỏi phải cần xếp hạng) và tổng-quát (vì một học-sinh có điểm A đương nhiên được xếp là ở trong hạng rất khá), lỗi cho điểm này vẫn công bằng và chính xác. Điểm phê bây giờ không còn gây ở học-sinh sự ganh đua nhiều khi nhỏ nhen từng điểm một với bè-bạn, mà luôn luôn thúc-dẩy học-sinh cố gắng để vượt lên một trình-độ cao hơn, do đó, ý-thức cầu tiến được thường xuyên khích lệ mạnh-mẽ.

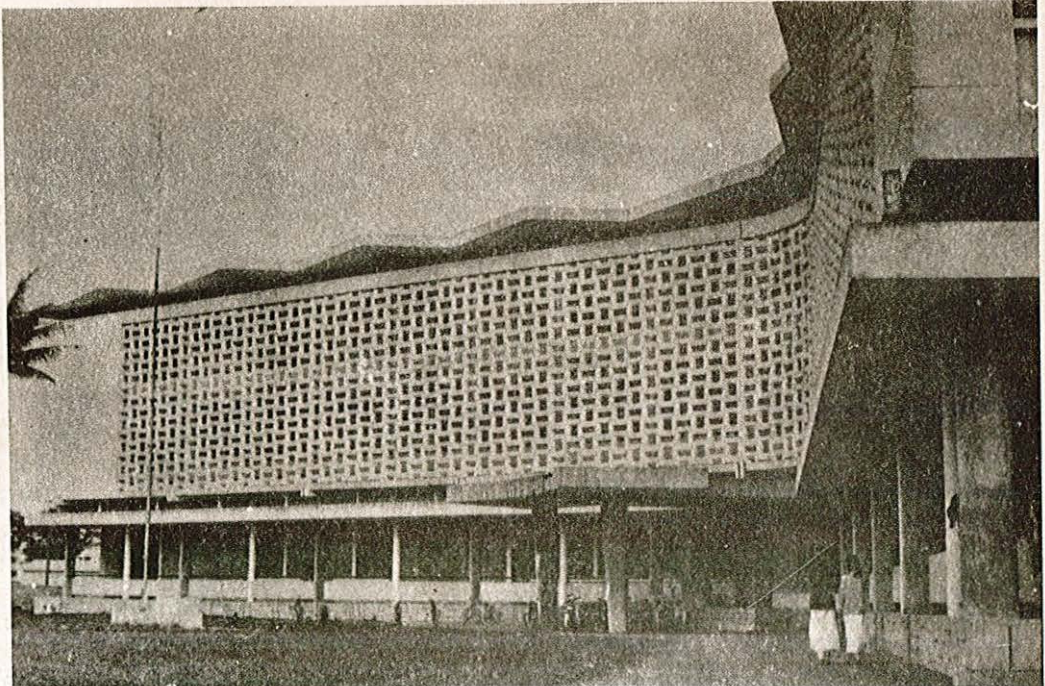
Trong lúc lỗi cho điểm theo thang bậc 0-20 đang được áp-dụng tại hầu hết các học-đường trên toàn quốc, ký hiệu điểm chữ đã gây trở-ngại không nhỏ cho những học-sinh chuyển trường hay xin việc làm. Để giải-quyết các trường-hợp khó-khăn này, hội-đồng giáo sư đã đề-nghị một bảng điểm ấn-định sự tương-đương giữa 2 ký hiệu.



Trình bày một vài điểm liên-hệ đến phương-thức thi-cử tại trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế, chúng tôi không có ý phò trương việc làm tại đây, chúng tôi chỉ muốn nói lên một vài cải-tiến đang được thực-hiện tại ngôi trường này — mà chúng tôi biết chắc là chưa hoàn-hảo, nhưng cũng thể-hiện được phần nào thiện-chí nhằm làm cho việc giáo-dục con em có nhiều hiệu-quả hơn, để góp phần nào sự tiến-bộ chung của xã-hội.

Trần hữu Long

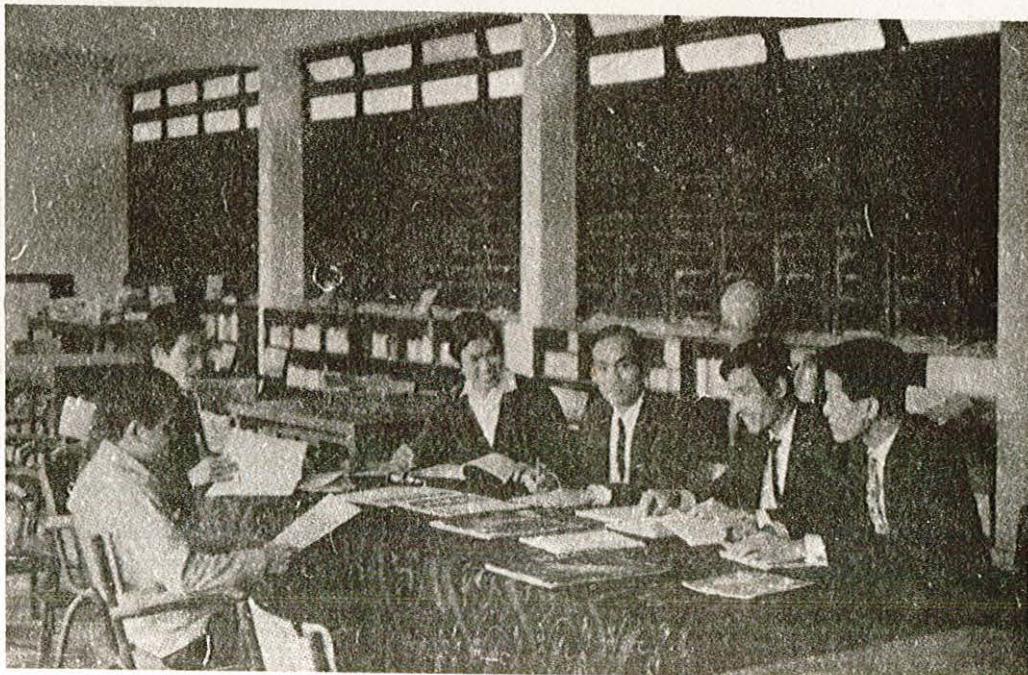
HÌNH ẢNH SINH HOẠT



Một cảnh của trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế



Phiên họp hàng tháng của Ban Giám-đốc và Giáo-sư Hướng-dẫn
 Từ trái sang phải: Ô. Lê-văn Cơ, Ô. Tổng Giám-thị,
 Ô. Hiệu-trưởng, Ô. Giám-học, Ô. Nguyễn-văn Mỹ



Một buổi họp của Ban Báo-chí

Một phiên họp đặc-biệt
của Ủy ban Thư-viện
Kiều-Mẫu do Ông Khoa-
Trưởng Đại-Học Sư-Phạm
Huế chủ-tọa



Quang-cảnh Thư-viện
Kiều-Mẫu Huế
◀ trong giờ mở cửa



Học-sinh đang tìm
sách ở tủ thư-mục



Giờ Võ-thuật

Lớp học Canh-nông ngoài trời



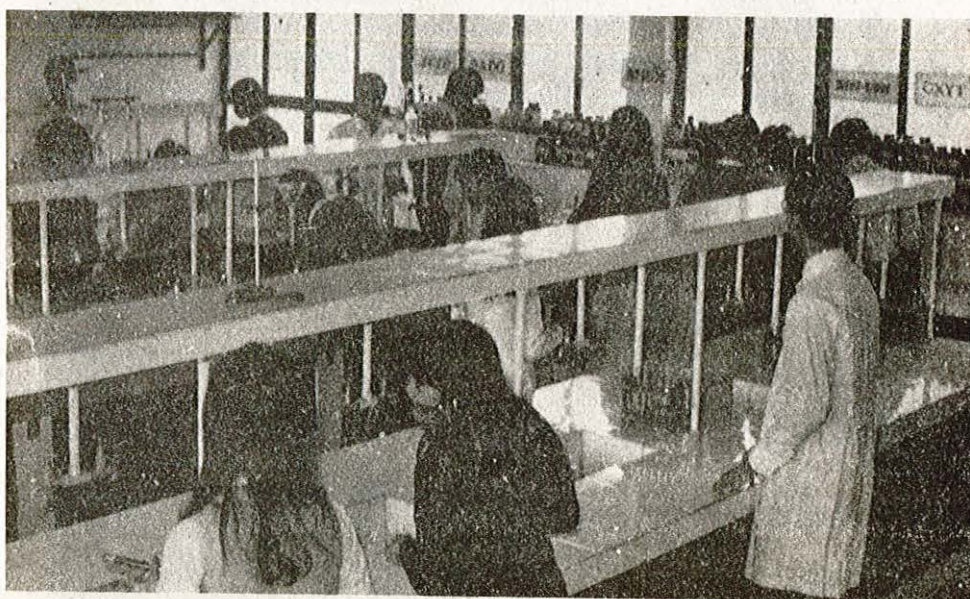
Lớp học đánh máy chữ



Phòng Thí nghiệm Vật vật trong giờ thực-tập



Giờ thực-tập tại Phòng Thí-nghiệm Vật-lý

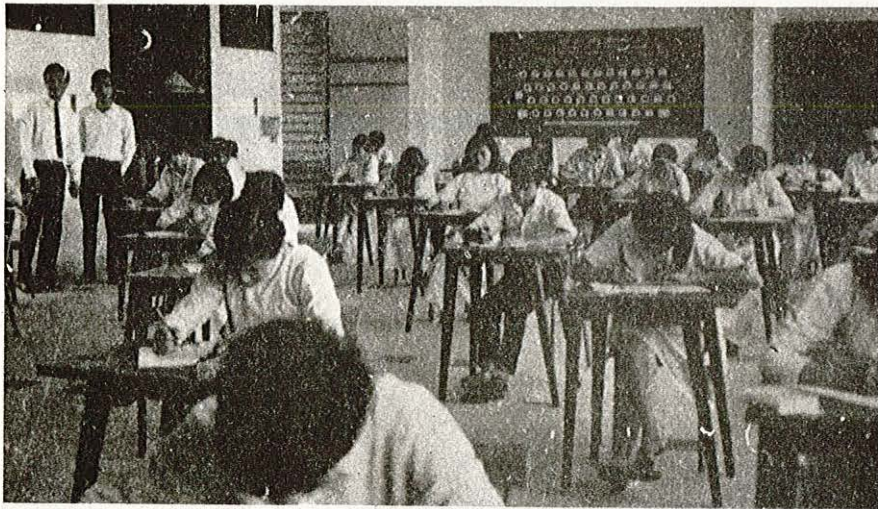
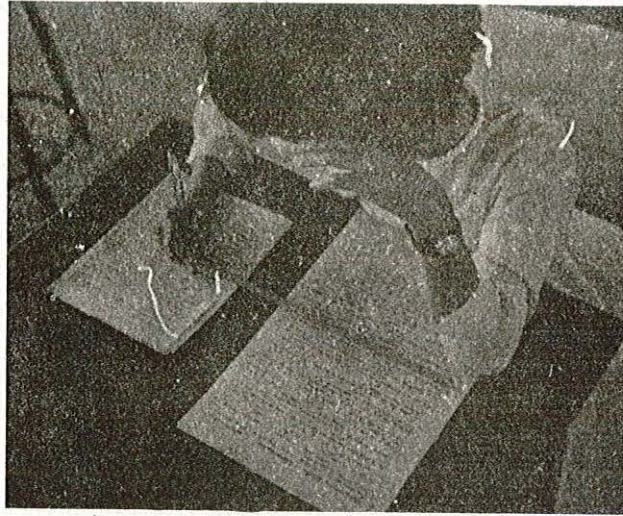


Giờ thực-tập tại Phòng Thí-nghiệm Hóa-học





Thi nhập học
vào lớp Sáu



Quang-cảnh phòng thi
Chứng-chỉ
Thành-chung Trung-học



Một thí-sinh trong
giờ thi Chứng-chỉ
Thành-chung
Trung-học tổng-hợp





Ông Viện-Trưởng Viện Đại Học Huế và Ông
Khoa-Trưởng Đại-Học Sư-Phạm Huế viếngthăm phòng
Hội-đồng kỳ thi Chứng-chỉ Thành-chung Trung-học
tổng-hợp niên-khóa 1970



Đề thi được chọn và quay ronéo trước mỗi giờ thi

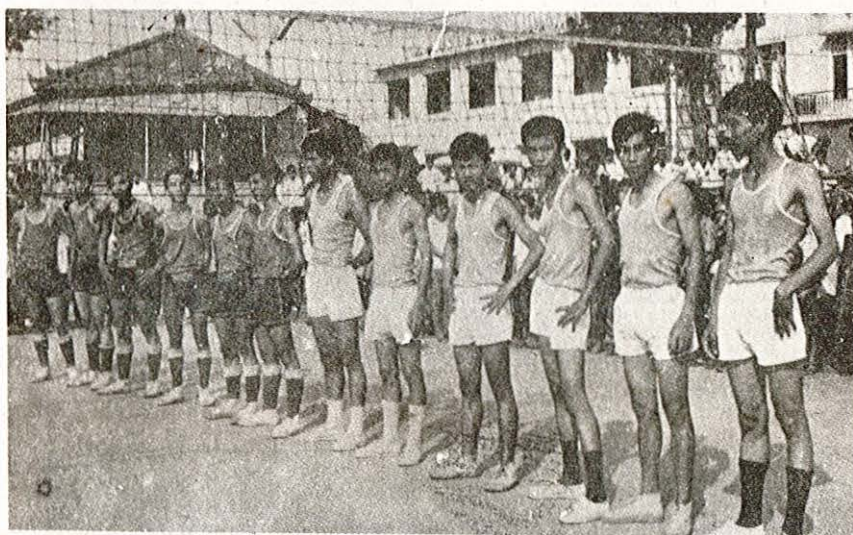
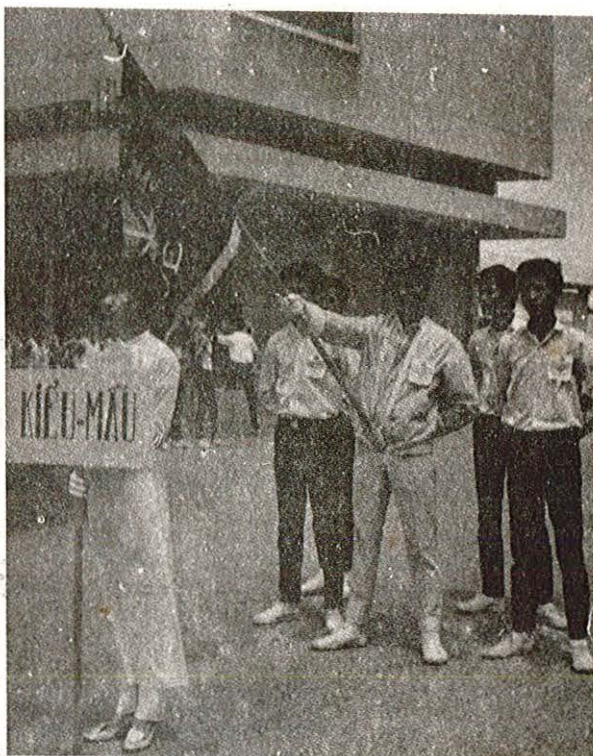


Giám-khảo chấm bài

Học-sinh Trung-học Kiều-Mẫu Huế
tham-dự Đại-hội Thể-thao Liên-trường



Trận đấu bóng chuyền giao-hữu
giữa học-sinh trường Kiều-Mẫu
và trường Kỹ-thuật Huế



Ông Hội-Trưởng Phân-hội
Phụ-huynh học-sinh Kiều-Mẫu
đang xem một Bích-báo
ở phòng Triển-lãm báo-chi





Ông Khoa-Trưởng Đại-học Sư-Phạm
viếng thăm Trại tất-niên



Hình-ảnh một buổi Du-khảo



Một ngày cứu-trợ
của học-sinh
Kiều-Mẫu Huế tại
Ấp Lăng-xá-Bàu





Một màn Hợp-ca học-sinh Kiều-Mẫu
trong đêm văn-nghệ do Liên-trường tổ-chức



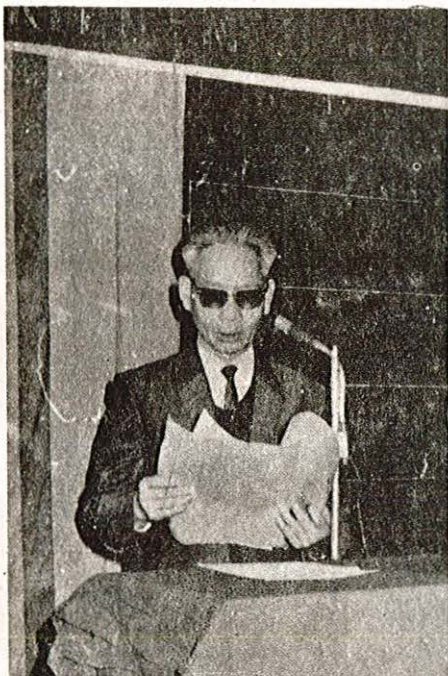
Vũ-khúc « Mùa hoa Anh-đào »



Ông Hiệu-Trưởng đọc diễn-văn khai-mạc và chào mừng
Đại-hội Phụ-huynh học-sinh Kiêu-Mẫu niên khóa 1971-72



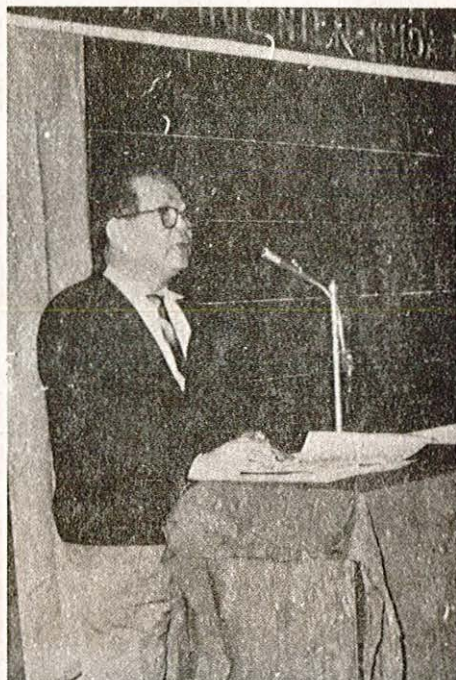
Quang-cảnh Hội-trường Đại-hội Phụ-huynh học-sinh Kiêu-Mẫu



Ông Hội-Trưởng Phân-hội Phụ-huynh
học-sinh Kiều-Mẫu
đọc diễn-văn tường-trình
sinh-hoạt trong niên-khoá qua



Ông Thủ-quỹ Phân-hội báo-cáo
về tình-hình tài-chánh



Ban Giám-đốc và giáo-sư trong ngày Đại-hội Phụ-huynh học-sinh Kiều-Mẫu

Thư - Viện Trung - Học Kiều - Mẫu Huế

TRONG sinh-hoạt học-đường cũng như trong đường lối giáo-dục của một ngôi trường, Thư-viện đã giữ một vai-trò trọng yếu. Đó là một điều mà hiện nay ai cũng công nhận. Bởi thế nói đến một ngôi trường không thể không biết đến thư-viện của trường đó. Với mục-đích giới-thiệu một thành-phần và một khía cạnh hoạt-động của trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế, chúng tôi xin được nói đến Thư-viện của trường.

I. Lược sử: Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế được thành-lập vào năm 1964 cùng một lượt với trường. Cách tổ-chức của các thư-viện học-đường Hoa-kỳ với lối phân-loại Thập-phân Dewey là kiểu-thức mẫu khi thành-lập Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế. Một giáo-sư Anh-văn — cô Tôn-nữ Minh-Châu — được cử phụ-trách Thư-viện đầu tiên. Trong giai-đoạn này sách báo tại Thư-viện phần lớn — nếu không nói hầu hết — là sách báo Anh-ngữ. Tuy-nhiên do sự tổ-chức của các giáo-sư Việt-văn, một số sách Việt — nhất là các tác-phẩm của Tự-lực Văn-đoàn — được học-sinh đóng góp cũng dự phần vào hoạt-động Thư-viện. Trong những giờ rảnh học sinh được đến Thư-viện đọc sách hoặc mượn về nhà. Ngoài ra mỗi lớp còn có những giờ Thư-viện, trong đó học-sinh đọc sách theo sự hướng-dẫn của giáo-sư. Niên-khoá 1966-67, Cô Minh-Châu chuyển-chuyên vì nhu-cầu công-vụ, Ông Nguyễn-tư Trừng, giáo-sư Anh-văn, được cử thay-thế.

Năm 1968, trong biến-cổ Mậu-Thân, Thư-Viện Trung-học Kiều-mẫu cũng như mọi cơ-sở khác, phải chịu chung cảnh tàn-phá do

chiến-cuộc. Sách báo mất-mát và hư-hại hoàn-toàn, vật dụng cũng thế, chỉ còn lại ít kệ sách.

Sau Tết Mậu-Thân, khi hoạt-động nhà trường đã trở về tình-trạng bình-thường, Thư-viện được tái thành-lập do sự yểm-trợ của các cơ-quan như: Cơ-quan văn-hóa Á-châu (Asia-Foundation), Cơ-quan Văn-hóa và thông-tin Hoà-Kỳ (USIS), và nhất là Cơ-quan Phát-triển Thư-viện Usaid (Library Development Activity Usaid). Cơ-quan Phát-triển Thư-viện đã yểm-trợ một cách có kế-hoạch cho Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu cũng như cho một số Thư-viện Trung-học khác. Ngoài ra cơ-quan này còn mở những khóa huấn-luyện đào-tạo giáo-sư quản-thủ Thư-viện cho các thư-viện học-đường trên toàn quốc. Do đó từ tháng 8/1969 sau khi Ông Nguyễn-tư-Trừng được chuyển-chuyên giữ chức-vụ quản-thủ Thư-viện Đại-học Huế, chúng tôi được đề-cử tham-dự khóa huấn-luyện quản-thủ Thư-viện nói trên đề-rời đảm-nhiệm công việc tại Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế cho đến nay.

Giữa năm 1970, sau những nỗ-lực tương-đối có tiếng vang, Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu được Bộ Giáo-dục hợp-thức-hóa bằng nghị-định số 1130-GD/KHPC/ND ký ngày 22-6-1970. Trong niên khóa này (1971-72) vì nhu-cầu ban Giám-Đốc đã đề-cử Ông Mai-duy-Trung giữ chức Phụ-tá Quản-thủ Thư-viện.

II. Hiện-trạng: Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế hiện nay đặt tại phòng A22, diện-tích gần 200m², với 17 kệ sách, 5 tủ sách và khoảng 50 chỗ cho học-sinh. Ngoài ra còn có

bàn tham-khảo của giáo-sư, chỗ xem sách báo, nơi làm việc của Quản-thủ và phụ-tá.

Hiện nay Thư-viện có trên 4 ngàn quyền sách, chia như sau:

Sách Việt	: 707 quyền
Sách Pháp	: 355 —
Sách Anh	: 3354 —
Tổng cộng	: 4416 —

Ngoài ra còn có một số tạp-chí Anh, Pháp và Việt-ngữ, bản đồ, địa-cầu và các dụng-cụ như: 2 máy chữ, một bàn xén, 2 bộ thí-nghiệm Khoa học sơ-cấp, 01 dụng-cụ thí-nghiệm về sự vận-chuyển của địa-cầu trong thái-dương-hệ.

Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu hiện đang ở trên đà phát-triển mạnh, số sách báo và vật dụng nói trên sẽ thay đổi và tăng nhanh. Hiện chúng tôi vừa nhận mười mấy kiện sách của cơ-quan phát-triển. Thư-viện cũng vừa thực hiện một bản danh-sách đề-nghị đề mua một số sách Việt-ngữ và Pháp-ngữ theo quỹ-phiếu 50.000\$ do Bộ Giáo-dục yểm-trợ.

III. Tổ-chức và hệ-thống điều-hành:

1) Ủy-ban Thư-viện: Theo quy-chế của Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế, việc điều-hành Thư-viện do một Ủy-ban mệnh-danh là Ủy-ban Thư-viện gồm các thành-phần sau đây:

Chủ-tịch	: Ông Hiệu-Trưởng
Tổng Thư ký	: Quản-thủ Thư-viện
Thủ-quỹ	: do Ông Hiệu-Trưởng đề-cử

Thành-phần Giáo-sư Cố-vấn (Đại-diện Hội-đồng giáo-sư nhà trường): gồm một giáo-sư Triết-lý và Văn-chương, 01 giáo-sư Khoa-học, 01 giáo-sư Sinh-ngữ và 01 giáo-sư thực-nghiệm.

Ngoài ra Hiệu-Trưởng có thể đề nghị sung vào Ủy-ban Thư-viện 01 đại-diện của Phân-hội phụ-huynh học-sinh, 01 đại-diện học-sinh, 01 hay nhiều thân-hào, nhân-sĩ trong tỉnh thị. Ủy-ban Thư-viện được triệu tập hàng năm vào đầu niên-khoá. Ủy-ban có nhiệm-vụ hoạch-định kế-hoạch phát-triển và chương-trình hoạt-động cho Thư-viện đề Quản-thủ thực-hiện.

Niên-khoá 1971-72, Ủy-ban Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế gồm các vị sau đây:

Chủ-tịch	: Ông Trần-hữu Long
Tổng Thư-ký	: Ông Nguyễn-cửu Sà
Thủ-quỹ	: Ông Mai-duy Trung

Thành-phần giáo-sư cố-vấn gồm các vị:

- Ông Bùi-thông-Duệ, giáo-sư Triết.
- Ông Lê-bá-Tròn, giáo-sư Toán.
- Ông Đặng-minh-Trai, giáo-sư Anh-văn
- Ông Lê-quang-Phú, giáo-sư Doanh-thương.

2) Nhân-viên Thư-viện:

Ngoài Quản-thủ, công-việc hằng ngày tại Thư-Viện đòi-hỏi những nhân-viên khác như: Thư-ký, lao-công. Đó là không kể những chuyên-viên như: thợ đóng sách, chuyên-viên phim ảnh, dụng-cụ thính-thị... ở những thư-viện lớn. Đối với các thư-viện học-đường nhân-viên thư-viện tăng theo tỉ-lệ thuận với sĩ-số học-sinh. Tại các thư-viện Trung-học Hoa-kỳ cứ tương-ứng với 300 học-sinh là có một quản-thủ, lễ cố-nhiên số thư-ký và lao-công cũng tương-ứng với nhu cầu của công việc. Tuy-nhiên dù số nhân-viên chính-thức có được thực-hiện theo đúng cấp số ấn-định Thư-viện học-đường không thể nào bỏ qua nguồn nhân-lực phong-phú: học-sinh. Hơn nữa việc sử-dụng học-sinh trong các dịch-vụ thư-viện còn là một khía cạnh của Triết-lý Thư-viện học đường. Do đó việc tổ-chức một hệ-thống học-sinh trực đề đảm-nhiệm công việc của những nhân-viên thư-viện được mọi thư-viện học-đường thực hiện nhất là Thư-viện các trường Trung-học Việt-nam đang ở trong tình-trạng quá thiếu-thốn nhân-viên như hiện nay. Trong những niên-khoá vừa qua Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế đã sử-dụng các học-sinh trực đề phụ-giúp Quản-thủ trong những công-việc tại Thư-viện. Những học-sinh này được rút ra từ hệ-thống học-sinh trực của nhà trường. Do đó họ không quen với những công-việc chuyên môn ở Thư-viện như đánh thẻ, viết nhãn, sắp sách lên kệ sắp thẻ vào tủ thư-mục. Hiệu-năng của những học-sinh trực này vì thế không thể khá được. Họ chỉ đỡ tay quản-thủ — nhân-

viên chính-thức duy-nhất — trong những việc vặt như quét nền, quét bàn ghế, kê sách, sắp ghế, bưng sách... Bởi thế Quản-thủ phải kêu gọi sự giúp đỡ của một số học-sinh thiện-chí đến làm việc tại Thư-viện trong những giờ rảnh. Chính những học-sinh này là những nhân-viên thư-viện thực sự sau một thời-gian ngắn được hướng-dẫn làm việc. Nhưng những học-sinh này thì ác thay lại không nhiều và thường là thuộc những lớp lớn nên giúp cho thư-viện không bao lâu thì họ phải bận học thì rồi rời trường. Trong niên-khóa này đề tăng hiệu năng làm việc cho hệ-thống học-sinh trực thư-viện, chúng tôi tổ-chức đào-tạo trong các đội-trực của từng lớp những học-sinh chuyên trực thư-viện. Những học-sinh này được dự một lớp huấn-luyện cấp tốc để biết làm những công việc cần-thiết khi trực thư-viện như: sắp sách lên kệ, sắp thẻ thư-mục vào hộc, cho mượn sách, nhận sách trả, gia hạn vv.. Như thế họ sẽ không bỡ-ngờ khi trực và giúp ích cho thư-viện nhiều hơn. Và chính những học-sinh này chúng tôi hy-vọng sẽ là những hội-viên của một «hội thư-viện của học-sinh» tại trường và là nòng cốt cho việc thực-hiện những tổ-chức do thư-viện đề ra.

Song song tổ-chức trên, với mục đích tăng-cường phương-tiện nhân-sự đề đầy mạnh hoạt-động và phát-triển thư-viện, Phân-hội Phụ-huynh học-sinh trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế đã chấp-thuận đề-nghị của Thư-viện đề cấp 04 «học-bổng làm việc» tại Thư-viện cho học-sinh trong trường. Học-sinh được học-bổng phải làm việc tại Thư-viện 05 giờ để hưởng một phụ-cấp 1.000\$ mỗi tháng. Việc yểm-trợ này không những nói lên lòng ưu-ái của phụ-huynh đối với chính con em mình mà còn chứng tỏ sự thấu-triệt vai-trò và ý-nghĩa của thư-viện học-đường trong một đường lối giáo-dục tiến-bộ. Chúng tôi cũng nghĩ rằng sự yểm-trợ đó thật thích-hợp với tình-trạng hiện tại của Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế một thư-viện đang ở trên đà phát-triển mạnh-mẽ và cũng tương xứng đôi phần với sự yểm-trợ của Bộ Giáo-dục và một vài cơ-quan khác.

3) Vài khía cạnh chuyên-môn :

Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế hiện được tổ-chức theo phương-thức của các Thư-viện Hoa-kỳ với lối phân-loại Thập-phân Dewey và lối kê sách đề tự-do cho độc giả tự lấy sách đọc. Là tất-nhiên cách áp-dụng các phương-thức tổ-chức vừa kể được biến cải cho hợp với tình-thần địa-phương. Và chính ở những điểm đó ta thấy những sắc thái riêng biệt của một thư-viện học-đường Việt-Nam.

a) Phương-pháp tổng-kê và phân loại hiện áp-dụng :

Dewey đã chia sách làm mười loại chính :

1. Sách Triết-lý, được đánh số từ 100 đến 199
2. Sách tôn-giáo, — 200 — 299
3. Sách xã-hội-học, — 300 — 399
4. Sách ngôn-ngữ, — 400 — 499
5. Sách khoa-học thuần-túy — 500 — 599
6. Sách khoa-học áp-dụng — 600 — 699
7. Sách nghệ-thuật — 700 — 799
8. Sách văn-học — 800 — 899
9. Sách Sử-địa — 900 — 999
10. Sách không thuộc 9 loại-trên được gọi là sách tổng-quát và đánh số 000 — 099

Trong mỗi loại sách lại chia làm 10 loại nhỏ và cứ theo lối Thập-phân khi cần chia tiếp. Thí-dụ trong loại sách văn-học mang số 800 lại được chia nhỏ sau : 810 : văn-học Mỹ, 820 : văn-học Anh, 830 : văn-học Đức, 840 : văn-học Pháp, 850 : văn-học Ý, La-Mã, 860 : văn-học Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha, 870 : văn-học La-tinh, 880 : văn-học Hy-Lạp, 890 : văn-học các nước khác. Trong mỗi nền văn-học của một nước còn chia nhỏ ra. Thí-dụ : 821 : Thi-ca Anh, 822 : kịch Anh, 823 : Tiểu-thuyết Anh, 824 : Tiểu luận Anh, 825 : Diễn từ Anh, 826 : Thư-từ Anh, 827 : Văn châm-biểu và trào phúng Anh, 828 : Linh-tinh về văn-học Anh. Vì sách được chia và đánh số theo 10 nên gọi là Thập-phân. Khi sử-dụng lối phân-loại này Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế biến cải ít điểm theo đề-nghị của tác-giả Richard Gardner trong cuốn

Phương-pháp tổng-kê và phân loại sách, cũng như theo đề-nghị của Ông J. Hafenrichter, Trưởng cơ-quan Phát-triển Thư-viện Usaid.

Thí-dụ thay vì số 810 cho Văn-học Mỹ thì ta dùng số đầu tiên đó cho Văn-học Việt và Văn-học Mỹ và Anh vào cùng một số 820. Các thời kỳ của văn-học Việt-Nam cũng được phân-tích kỹ-lưỡng và chi-tiết hơn trong nguyên-bản của Dewey. Đó là một vài thí-dụ điền-hình trong việc biến-cải phương-pháp Dewey.

b) Phương-thức phổ số tên tác-giả Việt-Nam :

Khi phổ-số một quyển sách, ngoài số phân-loại (thí-dụ 811 cho một quyển thơ Việt) còn có những chữ hoặc số cho tên tác-giả. Đối với những tác-giả Âu Mỹ, tên tác-giả khi ghi lên thẻ được đảo ngược: đề họ ra trước, tên ở sau. Thí-dụ : Tác-giả Alphonse Daudet sẽ được ghi : Daudet, Alphonse. Đó là những quy-luật không còn bàn cãi nữa. Nhưng khi gặp một tác-giả Việt-Nam chúng ta gặp những cái không ổn nếu đảo-ngược tên ra trước như một số người đã làm. Trường-hợp các tác-giả có tên kép, thí-dụ : Phan-Bội-Châu, nếu đảo-ngược một cách máy-móc đề tên ra trước phải ghi : Châu, Phan-bội. Như thế chúng ta đã xê đôi cái tên ra mỗi nơi ra một chữ. Đúng hơn ta có thể viết : Bội-Châu, Phan. Nhưng đối với các tác-giả Việt-Nam rất nhiều tên chúng ta khó biết chắc chữ ở giữa nó thuộc về họ hay tên. Thí-dụ : Phan-huy Ích mà chúng ta ghi Huy-Ích, Phan thì lại không được vì họ Ông ta là Phan-huy. Đó là những cái không ổn trong những cái không ổn. Vì thể hiện nay các Quản-thủ Việt-Nam và những người liên-hệ đến ngành Thư-viện-học Việt-Nam đều đồng ý nên giữ nguyên thứ-tự vốn có của tên các tác-giả Việt-Nam. Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế hiện cũng theo chủ-trương này. Và chúng tôi dùng bảng số Cutter đề phổ số cho tên tác-giả. Đối với tên Âu-Mỹ ta chỉ cần phổ-số chữ đầu đã đảo ngược. Theo thí-dụ ở trên ta ghi Daudet, Alphonse và phổ số theo Daudet với D238. Như vậy tác-phẩm Contes du lundi của Alphonse Daudet sẽ có

số hiệu : ⁸⁴³D238. Đối với tên một tác-giả Việt-Nam như Nguyễn-Du chúng ta phải phổ sao đây? Phổ-số theo Nguyễn hay theo Du hay theo cả hai? Sau khi tham-khảo ý kiến của một số đồng-nghiep chúng tôi áp-dụng đường lối sau đây : Phổ số theo tên nghĩa là theo chữ cuối và giữ ký-hiệu chữ đầu của họ. Thí-dụ Nguyễn-Du ta có ND82. Truyện Kiều sẽ có số hiệu ⁸¹¹ND82

Ngoài ra đề phân-biệt các tác-phẩm cùng một loại của một tác-giả (những truyện của Nhất-Linh Nguyễn-tường-Tam chẳng hạn) chúng tôi theo đề-nghị của cơ-quan Phát-triển Thư-viện Usaid bằng cách dùng 1 hoặc 2 chữ đầu của nhan-đề. Thí-dụ quyển Bướm trắng của Nguyễn-tường-Tam sẽ có số-hiệu ⁸¹³NT153^{bt} trong khi quyển Đôi Bạn có số hiệu : ⁸¹³NT153^{db}

Đó là vài khía cạnh chuyên-môn chính được áp-dụng tại Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế. Một vài điểm nhỏ khác như cách đóng dấu sách, cách đánh thẻ... quá chi-tiết nên không được đề-cập trong bài này.

c) Về việc đọc sách tại chỗ

Các Thư-viện Hoa-kỳ hầu hết đề cho độc giả tự tay lấy từ trên kệ quyền sách họ chọn đề đọc. Kệ sách vì thế được đề ngay trong phòng đọc sách. chúng ta có thể gọi lối kệ này là «kệ tự-do». Cách tổ-chức này nói lên được tinh-thần dân-chủ, tự-trọng và hiểu biết của độc-giả. Nó đòi hỏi ở độc-giả một trình-độ sử-dụng Thư-viện. Nó cũng đòi-hỏi ở Thư-viện có đủ nhân-viên đề phục-vụ độc-giả. Vì thế khi đem áp-dụng cho Thư-viện học-đường Việt-Nam trong giai-đoạn sơ-khởi này với tình-trạng thiếu nhân-viên và trình độ hiểu biết về cách sử-dụng Thư-viện của học-sinh còn kém cỏi nó khiến cho Quản-thủ gặp nhiều khó-khăn. Một trong những khó-khăn đó là việc kiểm-soát sách. Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu trong hai niên-khóa 1968-69, 1969-70 đã áp-dụng lối kệ tự-do nói trên và đã gặp nhiều trở-ngại, nên đã biến-cải phần nào phương-pháp

này. Chúng tôi vẫn để tay học-sinh lấy sách từ trên kệ để đọc. Nhưng liền đó học-sinh phải để ngay vào chỗ quyền sách vừa lấy 1 mảnh bìa làm dấu. Những mảnh bìa được để sẵn trên từng kệ. Các mảnh bìa làm dấu này giúp Quản-thủ kiểm-soát dễ-dàng số sách đang được đọc cũng như giúp cho nhân-viên sắp sách lại mau lẹ hơn. Sau đó học-sinh phải mang sách đến quầy học-sinh trực để ghi mượn và nhận 1 thẻ nhỏ sau khi để lại thẻ học-sinh. Nhân-viên Thư-viện sẽ sắp lại sách khi đóng cửa. Phương-thức này không áp-dụng với báo và các sách hình. Tờ-chức đó lẽ tất-nhiên sẽ gây phần nào khó-khăn cho học-sinh, tuy-nhiên nó cần-thiết cho tờ-chức và điều-hành của Thư-viện rất nhiều, cũng như tập cho học-sinh thói quen trật-tự ở Thư-viện.

IV. Hoạt-động và những dự-tính tương-lai:

Những hoạt-động chính của Thư-viện được thu về trong giờ Thư-viện mở cửa để học-sinh đến đọc sách báo tại chỗ hoặc mượn về nhà. Hoạt-động của Thư-viện vì vậy có mục đích tạo điều-kiện và phương-tiện để học-sinh trau-dồi kiến-thức và giáo-sư giảng dạy hiệu-quả hơn. Ngoài ra những hoạt-động khác của Thư-viện còn nhằm mục-đích giúp học-sinh biết cách sử-dụng Thư-viện và có những kiến-thức căn-bản về Thư-viện. Đó là những mục-tiêu chính mà mọi Thư-viện học-đường trong bất cứ thời-gian nào cũng đều hướng đến. Nhìn lại những niên-khoá vừa qua, ngoài những công việc cần-thiết chuyên-môn trong thư-viện như: phân loại, làm thẻ sách, cho mượn... chúng tôi đã thực-hiện những giờ hướng-dẫn về Thư-viện để học-sinh có những kiến-thức căn-bản và hiểu rõ qui-luật phải theo tại Thư-viện, nhất là những học-sinh lớp sáu. Ngoài ra thư-viện cũng thực-hiện những giờ đọc sách hoặc làm việc tập-thể cho các lớp và do sự đề-nghị và hướng-dẫn của giáo-sư. Thư-viện cũng hợp-tác với phòng Hướng-dẫn giáo-dục để tờ-chức những buổi nói chuyện hay chiếu-phim cho học-sinh tại Thư-viện.

Trong niên-khoá 1971-72 này, những hoạt-động đã có sẽ được duy-trì, ngoài ra một vài tờ-chức khác được đề-nghị và đã được Ủy-ban Thư-viện chấp-thuận thực-hiện trong buổi họp đầu niên-khoá vừa qua. Chẳng-hạn Thư-viện sẽ có giờ nói chuyện hay nghe nhạc có dẫn-giải hằng tuần, hoặc sẽ tờ-chức triển-lãm và nói chuyện vào dịp những ngày kỷ-niệm các danh-nhân... Thư-viện cũng dự-định tờ-chức những giải-thưởng cho học-sinh thi đua như giải kể chuyện, vẽ tranh, thực-hiện bích-chương trang-hoàng Thư-viện v... Như đã nói ở trên, chúng tôi cũng thực-hiện một hệ-thống học-sinh chuyên trực thư-viện và từ đó sẽ thành-lập một hội thư-viện cho học-sinh tại trường. Nếu không có những bất-trắc về phương-tiện và tài-chánh chúng tôi nghĩ rằng sẽ thực-hiện được trọn vẹn những dự-định kể trên. Trong kế-hoạch phát-triển dài-hạn của Thư-viện việc xây-cất Thư-viện ở một nơi thích-hợp thoáng-khí và rộng-rãi hơn cũng đã được đề-nghị. Tuy-nhiên, tất cả đều tùy-thuộc vào phương-tiện và nhất là vào các giới-chức có thẩm-quyền.

Giới-thiệu một thư-viện bằng vài trang trong một đặc-san dù cho có được đính kèm những hình ảnh rõ-ràng nhất cũng không thể nào nói lên được màu sắc, tinh-thần và nội-dung đích-thực của thư-viện đó. Nếu một đóa hồng phải được thưởng-thức khi nó còn ở trên cành, đang lung-linh với sương sớm trong nắng mai thì một thư-viện phải được nhìn thấy trong giờ mở cửa qua ánh mắt hân-loan của một học-sinh trước quyền tự-diễn khi tìm thấy nghĩa của một từ-ngữ khó, qua vẻ lâng-lâng mơ-màng của một độc-giả đang thả hồn trên những trang tiểu-thuyết phiêu-lưu hoặc qua cái «cảm nín mà hùng-hồn» của những quyền sách đứng san-sát bên nhau trên kệ, mang đầy tên tác-giả và nhan-đề. Còn nhiều, nhiều nữa, chỉ có thể nhìn thấy mà không thể kể hết. Cho nên nếu những ai đọc đến đây mà còn muốn biết thêm, hay đúng hơn, muốn biết rõ về Thư-viện Trung-học Kiều-Mẫu Huế, thì xin ít nhất hãy một lần ghé thăm. Sách vẫn im-lặng để mãi-mãi đón chờ.

NGUYỄN-CỬU SÀ

PHẦN KHẢO-LUẬN
của giáo-sư

❀ Tìm hiểu nền giáo-dục nước ngoài

Một ngôi trường kiểu - mẫu tại Alsace (Pháp)

... La Discipline, c'est convaincre plutôt que forcer ...

Lần đầu-tiên trong lịch-sử giáo-dục Pháp, một trường Trung-học tư được ông Tổng-Trưởng Giáo-dục Pháp chính-thức tuyên bố xứng danh là một cơ-sở Giáo-dục kiểu-mẫu (établissement-pilote); đó là Trường Trung-học Alsace, do Giáo-sư Georges Hacquard làm Hiệu-trưởng.

Đó là một ngôi trường vẻ bề ngoài không có gì đặc-biệt; trường nằm tại đường Notre Dame-des-Champs, thuộc khu-vực Montparnasse, trông có vẻ như một khách-sạn cỡ nhỏ, mặt trên quét vôi trong, với 4 sân chơi im mát bên trong. Nơi cửa vào, người ta trông thấy 1 khẩu đại-bác cũ-kỹ, chiến-lợi-phẩm thu được của quân Đức năm 1918, bởi chính các học-sinh của tỉnh nhà, nhưng có lẽ giờ đây đã khuất bóng, để lại niềm kiêu-hãnh to-lớn cho thế-hệ học-sinh 1971. Tuy là một trường tư, cơ-sở giáo-dục này đã đào-tạo nhiều nhân-tài nước Pháp, Văn-hào André Gide, Nhà báo nổi tiếng Louis Gabriel-Robinet, Chủ-nhiệm tờ Figaro, mới đây vừa được bầu vào Hàn-Lâm-Viện Khoa-Học Đạo-Đức và Chính-trị.

Bàn về yếu-tố thành-công trong đường-lối giáo-dục, Hiệu-trưởng Georges Hacquard đã định-nghĩa bằng hai tư-tưởng dẫn-đạo sau đây:

— Tinh-thần tự-do

— Lễ-lối làm việc tập-thể

(Liberté et travail d'équipe)

Tinh-thần tự-do được hiểu như thế nào?

Trước hết, đối với học-sinh, nhà trường chủ-trương phủ-nhận mọi hình thức kỷ-luật bó-buộc (*Discipline contraignante*), mọi thứ nội-quy khắt-khe đè-nặng, ám-ảnh tâm-hồn trẻ; trái lại nhà trường chỉ chấp-nhận và thi-hành một loại kỷ-luật tự-giác, nghĩa là được cảm-nhận trong tinh-thần tự-do bởi học-sinh. «Kỷ-luật không từ bên ngoài đưa đến mà phát-xuất từ bên trong» (*La Discipline ne vient pas de l'extérieur mais de l'intérieur*). Trường được quan-niệm như 1 hội-quán (*Club*) hơn là một thứ lò-luyện khủng-khiếp. Do đó phải chọn-lựa sự thuyết-phục hơn là sự áp-bức. Vì vậy, trong tinh-thần đó, và trong một vài sinh-hoạt hiệu-đoàn, sự xưng-hổ thân-mật (*le tutoyement*) giữa giáo-sư và học-sinh cũng được chấp-nhận.

Về phần nhân-viên giảng-huấn, giáo-sư được thấu-nhận ở đây do tinh thần tự-nguyện hoàn-toàn, và do ý-thức về thiên-chức và công việc của mình. Hiệu-trưởng toàn-quyền từ-chối các giáo-sư không hòa-hợp được với đường-lối của trường. Một cách hết sức tự-tin, Georges Hacquard nói: «Cần phải tránh điều thường hay xảy ra tại một trường kiểu-mẫu: một vị Hiệu-trưởng kiểu-mẫu cầm đầu một thành-phần giảng-huấn không kiểu-mẫu».

Song-song với tinh-thần tự-do vừa đề-cập ở trên, là phương-pháp làm việc tập-thể. Georges Hacquard giải-thích tiếp: «Giáo-sư và học-sinh không thể làm việc đơn-độc, mỗi người biệt-lập trong một góc xó. Tất cả phải quen-biết nhau, làm việc chung với nhau. Ví-dụ cụ-thể là tại đây phương-pháp giảng-dạy bằng vô-tuyến truyền-hình, một phương-tiện hữu-hiệu giúp giáo-sư sửa-soạn bài giảng một cách chu-đáo, với sự phối-hợp chặt-chẽ giữa giáo-sư và học-sinh. Trường được trang-bị một phòng vô-tuyến truyền-hình, với đầy-dủ dụng-cụ và nhân-viên. Phòng này biến thành một «**classe-studio**», tại nơi đây chúng ta có thể chứng-kiến một hình-thức làm việc tập-thể tiêu-biểu nhất của giáo-sư và học-sinh. Vào một ngày thứ sáu, ngày dành cho môn công-dân giáo-dục, nhà trường mời một diễn giả, ông Michel Rocord, đến trình-bày về chủ-nghĩa tư-bản và chủ-nghĩa xã-hội. Buổi diễn-thuyết, và sau đó là một cuộc chất-vấn, đối-thoại như một cuộc họp báo, được học-sinh thu-hình và phát-ra, từ «classe-studio» này, cho 4 lớp khác đang có giờ học công-dân giáo-dục. Trong lúc học-sinh theo dõi bài học ở máy vô-tuyến truyền-hình, vị giáo-sư liên-hệ quan-sát chúng và sau đó rút-ra bài học, hình-thành từ kinh-nghiệm của cả lớp. Như thế, trong giờ học, tính-chất hơn-thua (*esprit de compétition*) giữa thầy và trò nhường chỗ cho tinh-thần cộng-tác (*esprit de collaboration*).

Georges Hacquard còn nhấn mạnh thêm rằng cơ-sở giáo-dục được mệnh-danh là kiểu-mẫu phải là nơi thực-nghiệm tất cả những phương-pháp sư-phạm mới, nhằm ngăn-ngừa sự chán-ngấy trong học-sinh do những đầu-óc chuộng giáo-điều gây ra và đem lại sự thích-thú tìm hiểu cho mỗi học-sinh. Chẳng hạn môn sinh-ngữ phải được giảng dạy đúng với danh-hiệu của nó, một ngoại-ngữ sống, chứ không phải một ngôn-ngữ chết khảm-

phá ra từ một cuốn sách văn-phạm nhiều rắc-rối. Georges Hacquard nói: «Tôi đi vào 1 lớp dạy Pháp-văn với tinh-thần một người chơi quần-vợt tham-dự một giải vô-địch. Không bao giờ tôi biết trước được lớp học tôi sẽ được dẫn-dắt như thế nào. Chính các học-sinh làm nên lớp học của chúng: bằng cách **nói**, chúng tự tìm ra luật-lệ của tiếng Pháp. Vai-trò của Giáo-sư chỉ là lắng nghe, lặp lại, đúc-kết lại thành bài học tập-thề được viết lại bởi chính học-sinh».

Nhìn chung, các môn học khác, Vạn-vật, Sử-ký, Âm nhạc, Hội họa, Công-kỹ-nghệ... đều được tổ-chức trong tinh-thần tự-do và trong sự cộng-tác mật-thiết giữa thầy và trò như đã nói ở trên.

Mục-tiêu tối-thượng của đường-lối giáo-dục này là tạo-nên một ngôi trường mà ở đó học-sinh được sung-sướng, thoải-mái, một ngôi trường không còn là đồng-nghĩa với sự phiền-phức, bức-bội, sự trừng-phạt, sự hiểu-biết vô-dụng, mà là sự thích-thú, là sự khám-phá bản-thân và tha-nhân, là kiến-thức sống-động.

Ôc bảo-thủ cực-đoan của một số đông giáo-sư, lẽ-lỗi làm việc «quan-lại» của các giới-chức trách-nhiệm, sự thụ-động trong việc học-hỏi nghiên-cứu, vào lúc mà những tệ-trạng đó đang gặm-nhấm từ bên trong hệ-thống tổ-chức học-đường, sự thành-công của Trường Trung-học Kiêu-Mẫu Alsace là một tấm gương sáng cho tất cả những ai ý-thức được vai trò dẫn-dắt của một cơ-sở giáo-dục mang tên là Kiêu-Mẫu, đề nỡ-lực cải-tạo nền giáo-dục hiện-tại và chuẩn-bị nền giáo-dục tương-lai.

Không phải gia-tăng phương-tiện là đủ mà còn phải, và nhất là thay đổi tinh-thần làm việc của mỗi người: Người có trách-nhiệm điều-khiển phải tạo không-khí thuận-lợi để giáo-sư quen hòa-đồng, quen hợp-tác và quen áp-dụng những phương-pháp sư-phạm mới-mẻ, để họ không còn là những kẻ «**thông hiểu mọi sự**» đối-diện với kẻ «**không biết gì hết**» là đám học-sinh của họ. Tất cả mọi chánh-sách sửa-sai nền sư-phạm phải khởi-diễn từ đó.

10-11-71

MAI DUY TRUNG

Viết theo tài-liệu Paris Match

NGUỒN - GỐC VÀ LỊCH - SỬ CHỮ VIỆT

VƯƠNG HỮU-LỄ

Chữ viết không phải là đối-tượng đích-thực của ngữ-học. Tuy nhiên, trong những trường-hợp như một thứ tiếng đã trở thành một tử-ngữ mà ta chỉ có thể biết được qua những bản văn còn sót lại hay khi phải xét quá-trình lịch-sử của một sinh-ngữ, thì chữ viết là tài-liệu quý-báu và duy nhất đối với nhà ngữ-học. Cho nên, việc nghiên-cứu nguồn-gốc và lịch-sử **chữ Việt** không phải là không bổ-ích: nó sẽ chiếu ánh-sáng vào bóng đêm quá-khứ của Việt-ngữ, giúp cho nhà ngữ-học tái-lập lại những hình-ảnh xa-xưa của tiếng nói dân-tộc...

Trước khi xét đến nguồn-gốc và lịch-sử chữ Việt, thiển-nghĩ cũng cần giải-quyết vấn-đề chính-danh.

I. — VẤN-ĐỀ CHÍNH-DANH:

Cải hệ-thống văn-tự ngày nay dùng để ghi âm tiếng nói của dân-tộc Việt-nam chúng ta, nên gọi là gì cho hợp-lý: «**chữ quốc-ngữ**», «**chữ Latin**», «**chữ La-mã**», «**chữ Việt-abc**», «**chữ abc**» hay «**chữ Việt**»?

1) NÊN DÙNG DANH-TỪ «CHỮ QUỐC-NGỮ»?

Danh-từ «**chữ quốc-ngữ**» xem ra được thông-dụng hơn cả; nhưng xét kỹ lại, ta thấy danh-từ ấy không ổn cho lắm.

«Quốc-ngữ» nghĩa đen là **tiếng nói của nước**; như thế, dùng để gọi thứ chữ ta đang dùng thì không đúng bởi vì đó là một thứ **chữ**, chứ không phải là một thứ **tiếng** (1). Vấn-đề phân-biệt **chữ viết** và **ngôn-ngữ** là một vấn-đề căn-bản, sơ-đẳng nhất của ngữ-học; chúng ta không được quyền lăm-lẫn hai thực-thể khác nhau ấy.

Nếu gọi thứ chữ ta đang dùng là «**quốc-ngữ**» thì phải chăng nên gọi thứ **chữ Nôm** mà các bậc tiền-bối vẫn dùng xưa kia là **chữ ngoại-ngữ** (?) trong khi hai thứ chữ đó thật ra đều là những hình-thức vay-mượn của người ngoài cả, một đẳng thì của Tây, một đẳng thì của Tàu (2).

(1) Dương Quảng-Hàm, **Việt-nam Văn-học sử-yếu**, Bộ Giáo-dục, in lần thứ 10, Sài-gòn, 1968, tr. 191.

(2) Nguyễn Bạt-Tự, **Ngôn-ngữ-học Việt-nam**, Ngôn-ngữ, Sài-gòn, 1959, ph. II, tr. I.

Danh-từ «**chữ quốc-ngữ**» lúc đầu được đặt ra là để người học chú-ý và phân-biệt với chữ Nôm, chữ Hán và chữ Pháp. Rồi người Pháp lợi-dụng lòng tự-ái quốc-gia của người Việt để thúc-dẩy người Việt dùng «**chữ quốc-ngữ**». Hậu-ý của họ không có gì khác hơn là muốn tách Việt-nam ra khỏi vòng ảnh-hưởng Trung-hoa và nhất là muốn cắt đứt dân-tộc Việt ra khỏi quá-khứ tự-trị và văn-hóa cổ-truyền vẫn làm khó-dễ cho địa-vị chủ-nhân-ông của họ ở Việt-nam. Nhưng khi thời-thế thuận-tiện, các nhà duy-tân Việt-nam đã dùng ngay «cái gậy» ấy để đập lại «lưng» người Pháp: Nhận thấy thứ chữ mới là một khi-cụ lợi-hại trong việc chống ngoại-xâm và duy-tân tự-cường, các nhà cách-mạng đã hô-hào dùng thứ chữ mới đó, và danh-từ «**chữ quốc-ngữ**» sẵn có cái công-dụng đánh động lòng ái-quốc của dân-tộc, nhân dịp này mà được phổ-biến rộng-rãi. Trong ý-hướng đó, Tản-Đà khuyến-khích: «**Quốc-ngữ: chữ nước ta; Con cái nhà đều phải học**»...

Ngày nay giai-đoạn đó đã qua, không cần phải dùng một danh-từ không đúng để kêu-gọi lòng tự-ái dân-tộc nữa.

Vả lại, các bậc tiền-bối vốn còn chịu nhiều ảnh-hưởng Trung-hoa, nên mới dùng danh-từ «**chữ quốc-ngữ**» y như người Tàu dùng danh-từ «**quốc-ngữ**» chỉ chung tiếng nói (**quan-thoại**) và văn viết (**bạch-thoại**) để phân-biệt với lối nói và viết theo cổ-văn mà họ gọi là «**văn-ngôn**». Cùng một mục-đích như những nhà duy-tân Việt-nam đầu thế-kỷ này, những nhà cách-mạng văn-học Trung-quốc như Hồ-Thích, Trần Độc-Tú khởi-xướng và hô-hào dùng «**quốc-ngữ**» ở Trung-hoa. Danh-từ «**quốc-ngữ**» ấy được nghe lại ở Việt-nam một cách hợp-thời,

các nhà nho Việt-nam bèn dùng ngay. Nhưng ta thấy cái việc dùng danh-từ ấy ở chính Trung-hoa cũng đã không chân-xác rồi, bởi vì «**văn-ngôn**» cũng phải là «**quốc-ngữ**» của họ chứ!

Tưởng thế cũng đủ chấp-nhận rằng danh-từ «**chữ quốc-ngữ**» không đúng mà chẳng hợp lúc nữa.

2) NÊN DÙNG DANH-TỪ

«**CHỮ LATIN**» hay «**CHỮ LA-MÃ**»?

Người Trung-hoa, ngoài thứ chữ biểu-ý gọi là **Hán-tự** (chữ Hán), còn có một thứ chữ biểu-âm mà họ gọi là «**Lạp-đỉnh tự**» (chữ Latin). Người Nhật-bản, ngoài ba thứ chữ: **Kanji** (Hán-tự), **Kata kana** (ghi âm tiếng ngoại-quốc, đánh điện-tín), **Hiragana** (đơn-giản hóa toàn-bộ chữ Hán để ghi-âm tiếng Nhật), còn dùng một hệ-thống chữ viết nữa để phiên-âm tiếng Nhật mà họ gọi là «**Rômaji**» (chữ La-mã).

Ta có nên bắt-chước người Tàu, người Nhật mà gọi chữ ta đang dùng là «**chữ Latin**» hay «**chữ La-mã**» chăng? Tuy hai danh-từ này có phần đúng hơn danh-từ «**chữ quốc-ngữ**», nhưng cũng chưa thỏa đáng.

Nếu gọi là «**chữ Latin**» thì sẽ làm cho người ta lầm-lẫn với **cổ-ngữ Latin** của người Ý; còn nếu gọi là «**chữ La-mã**» thì cũng có thể khiến cho người ta liên-tưởng đến thứ chữ hiện dùng của người Ý (La-mã là kinh-đô nước họ).

Hơn nữa, chữ ta dùng không phải chỉ mượn ở chữ Latin hay chữ Ý, mà còn mượn ở chữ Bồ-đào-nha, Tây-ban-

nha, Pháp, Do-thái..., lại có những chữ không có trong văn-tự nước nào khác: ơ, ư, đ. Các dấu chỉ thính cũng có một nguồn-gốc phức-tạp: dấu sắc, huyền, ngã thì cổ A. De Rhodes mượn của Hy-lạp, dấu nặng do người Bồ-đào-nha đặt ra (?), dấu hỏi thì cổ De Rhodes mượn ở dấu hỏi-chấm của Latin vì theo ông khi phát âm một tiếng có thính «hỏi» thì giọng nói đưa lên như muốn hỏi một điều gì.

Vậy chúng ta mượn ký-hiệu ngữ-âm của nhiều dân-tộc — không riêng gì thứ chữ của người Ý — và lại dùng thêm nhiều hình-thức riêng-biệt khác. Như thế không thể gọi chữ của ta là «**chữ Latin**» hay «**chữ La-mã**».

3) NÊN DÙNG DANH-TỪ «CHỮ ABC» HAY «CHỮ VIỆT-ABC»?

Hai ông Đào Mộng-Nam và Nguyễn Tiến-Văn (1) lại đề-nghị dùng danh-từ «**chữ abc**» hoặc «**chữ Việt-abc**». Ý-kiến của hai ông cũng khó thuyết-phục người ta được.

Chữ Pháp, Anh, Ý, Bồ-đào-nha... cũng dùng mẫu-tự abc, như vậy không thể dùng danh-từ «**chữ abc**» để chỉ riêng cho thứ chữ của người Việt. Còn dùng danh-từ «**chữ Việt-abc**» thì được cái rõ-ràng, nhưng lại rườm-rà quá. Và lại như thế, khi muốn chỉ thứ chữ của người Pháp, Anh hay Bồ-đào-nha..., chúng ta lại phải nói một cách dài-dòng phiền-toái: **chữ Pháp-abc, chữ Anh abc, chữ Bồ-đào-nha abc...**! Hơn nữa, ngày nay ai lại không biết thứ chữ ta đang dùng là theo bảng mẫu-tự abc, cần gì phải nhắc lại một cách vô-ích: chữ abc.

4) NÊN DÙNG DANH-TỪ «CHỮ VIỆT»:

Sau những nhận-xét trên đây, ta thấy tựu-trung danh-từ «**chữ Việt**» là danh-từ đúng-đắn, rõ-ràng, gọn-ghẽ hơn cả để chỉ cái hệ-thống văn tự ghi âm tiếng nói của dân-tộc Việt-nam chúng ta. Bên cạnh những danh-từ như: **người Việt, nước Việt, tiếng Việt...** Chúng ta có thêm danh-từ «**chữ Việt**» thì thật là hợp lý và hợp tình biết bao!

II. — NGUỒN - GỐC CHỮ VIỆT. —

1) MỘT KHUYNH-HƯỚNG CHUNG. —

Việc dùng mẫu-tự abc để ghi âm một thứ ngôn-ngữ là một khuynh-hướng chung của các giáo-sĩ Âu-châu khi họ đến truyền-đạo Thiên-chúa ở bất cứ một nơi nào, chứ không riêng gì ở Việt-nam.

Tại Nhật, năm 1549, có một cuốn giáo-lý in bằng Rômaji (chữ La-mã), nhưng không rõ tác-giả là ai. Khoảng 1592-1596 lại có 15 cuốn sách đạo viết theo lối chữ ấy, như **Doctrina Jesus, Dictionarum Latino Lusitanumae Japonicum...** Năm 1632 ở La-mã, có in ba quyển sách bằng chữ ấy của một soạn-giả Nhật họ Đổ: **Phương pháp cáo tội xét mình, Tự-điển Nhật-ngữ Văn-phạm Nhật-ngữ.**

Tại Trung-hoa, khoảng 1584-1588, hai giáo-sĩ Ruggieri và Matteo Ricci soạn chung cuốn ngữ-vựng Bồ-Hoa: mỗi trang chia ra ba cột: chữ Bồ, chữ Hán và chữ phiên-âm theo mẫu-tự abc. Sách này chưa có dấu chỉ thính. Đến năm 1598, Ricci

(1) «**Thế chân vạc của ngôn-ngữ văn-tự Việt**», Tân-văn, số 13, Sài-gòn, tháng 5-1969, tr. 16.

hợp-tác với một giáo-sĩ khác là Cattaneo mới chế ra các ký-hiệu ghi thính. Đến năm 1626, giáo-sĩ Trigault xuất-bản ở Hàng-châu bộ **Âm-vận-kinh**, dày 700 trang nghiên-cứu kỹ về âm-thính tiếng Tàu.

Cái khuynh-hướng ấy vào thế-kỷ 17 cũng nhận thấy ở Việt-nam. Điều này cũng dễ hiểu khi ta biết rằng những giáo-sĩ phục vụ ở Đông-Á thường có liên-lạc và hội-hợp nhau.

2) NHỮNG NGUYÊN-NHÂN VÀ MỤC-ĐÍCH:

Truy-nguyên cội-rễ và mục-đích của sự-kiện trên, ta thấy có mấy điểm sau đây:

— Các giáo-sĩ chế ra chữ Việt theo hình-thức abc là để dễ học nói và viết ngôn-ngữ bản-xứ ngõ hầu tiện bề truyền-bá đạo Thiên-chúa.

— Họ có thể dùng loại chữ này như một ký-hiệu mật để tránh tai-mắt của nhà cầm quyền khi cần giao-dịch với giáo-dân về mọi phương-diện.

— Họ cố tách-biệt tập-thể giáo-dân ra khỏi ảnh-hưởng văn-hóa truyền-thống.

Ngoài ba lý-do mà hai ông Đào Mộng-Nam và Nguyễn Tiến-Văn (1) nêu trên, ta có thể kể thêm hai nguyên-nhân nữa:

— Tuy bấy giờ, thế-kỷ 17, dân ta đã có loại chữ Nôm, nhưng thứ chữ đó chưa được điều-chỉnh thống-nhất và học thì mất rất nhiều công-phu, thì-giờ, lại còn phải học qua chữ Hán đọc theo giọng Việt mới học chữ Nôm đó được. Cho

nên giáo-sĩ Âu-châu không thể dùng chữ Nôm để truyền đạo một cách tiện-lợi được.

— Gia-dĩ, chế ra chữ Việt bằng mẫu-tự abc sẽ làm cho việc ấn-loát kinh-sách được dễ-dàng vì các mẫu-tự đó đã có sẵn ở các nhà in Âu-châu; nếu có phải đặt thêm vài mẫu-tự nữa thì cũng chẳng khó-khăn gì.

Chính giáo-sĩ A. De Rhodes cũng thú-nhận những điều đó:

«Ta không bàn đến thứ chữ viết mà người Đàng Ngoài hay người An-nam dùng để viết tiếng của họ: thứ chữ này rất khó và nhiều vô-cùng, nhất là thứ chữ mà họ dùng để chép sách thì cũng chính là thứ chữ của người Trung-Hoa. Người ta bảo có tới tám mươi ngàn chữ. Các dân-tộc đó để suốt cả đời để mà học tiếng mà thực ra chẳng một ai có thể hoàn-toàn thấu-triệt được hết mọi tiếng. Vì các lý-do đó, chúng ta dùng các chữ của chúng ta, nó vừa ít hơn lại cũng dễ hơn nhiều». (2)

Vậy rõ-ràng là chữ Việt hiện ta đang dùng «không phải là do những người chủ ý làm văn-hóa quốc-gia đặt ra» (3). Lúc đầu nó chỉ là một công-cu dùng để truyền bá tôn-giáo; rồi «vì tình-thế lịch-sử xui nên, thứ chữ ấy nay thành thứ văn-tự phổ-thông của cả dân-tộc Việt-nam ta» (4). Chúng ta có thể nói thêm rằng nếu không có các giáo-sĩ Âu-châu thì rồi với cái đà lớn mạnh của dân-tộc ta, chắc-chắn đến đâu

(1) Đào Mộng-Nam và Nguyễn Tiến-Văn, sđd, tr. 18.

(2) Thanh-Lãng, Quá-trình hình-thành văn-chương quốc-ngữ, **Nghiên-cứu Văn-học** số 2, tháng 12 — 1971, tr 147.

(3) Phạm-thế Ngũ, **VNVHS Giản-ước Tân-biên** Quốc-học tùng-thư, Sài-gòn, 1965, q. III, tr 64

(4) Dương Quảng-Hàm, sđd, tr. 193.

thế-kỷ 20, các bậc thức-giả nặng lòng yêu nước thế nào cũng sáng-tạo được một thứ chữ theo mẫu-tự giống ngày nay, cũng như ngày xưa tổ-tiên ta đã chế-tác ra chữ Nôm để ghi âm tiếng Việt và sáng-tạo thi-văn. Phương chi tiếng Việt là một ngôn-ngữ uyển-chuyển thích-nghĩ dễ-dàng với cách phiên-âm bằng mẫu-tự abc; những ngôn-ngữ khác như tiếng Tàu, tiếng Nhật... không có được cái tính-chất mềm-dẻo đặc-sắc đó.

Nhưng dầu sao, công-bằng mà nói thì đến ngày nay dân-tộc ta cũng đã chịu ơn nhiều của những giáo-sĩ Âu-châu vì họ đã đem đến cho nước ta một thứ chữ rất tiện-lợi và nếu không có họ thì chúng ta phải mất nhiều thì-giờ hơn mới có được hình-thức chữ Việt hiện-dại.

3) NHỮNG GIÁO-SĨ ÂN-NHÂN. —

Vậy trong các giáo-sĩ đó, ai là người đầu-tiên sáng-chế ra chữ Việt?

Đó là một câu hỏi mà ngày nay chúng ta thiếu hẳn tài-liệu minh-bạch để trả lời cho đúng-đắn. Nhưng có điều chắc-chắn là những người Bồ-đào-nha đã góp một phần rất lớn trong việc chế-tác chữ Việt ở buổi đầu. Thật vậy, vào thế-kỷ 15, 16, họ là những kẻ hoạt-động mạnh-mẽ nhất ở Viễn-Đông. Nhất là ở Việt-nam thì các nhà buôn Bồ đến buôn-bán nhiều hơn và được dân ta tin-cậy hơn cả.

Theo Huard, tác-giả *Les Portugais et l'Indochine* (1910) thì vào năm 1523, có người Bồ tên là Duarte Coelho tới Việt-nam để điều-đinh việc giao-thương; việc không thành, ông bỏ đi. Năm 1535, Antonio de Faria vào cửa Hàn và từ năm

1540 đã có nhiều người Bồ đến làm ăn tại cửa Hàn và Hội-an (1). Cơ-hội đó chắc-chắn phải khiến các thương-gia Bồ học-hỏi ít nhiều tiếng Việt để tiện việc trao-đổi hàng-hóa và ghi-chép những điều tai nghe mắt thấy.

Nhưng có lẽ những nhà truyền đạo — vì các lý-do nêu trên — là những người liên-quan nhiều hơn với sự hình-thành của chữ Việt. Năm 1593, một cố-đạo người Bồ, Diego Aduarte đến Đàng Trong và ở lại ba năm. Tuy ông không để lại dấu-vết gì về chữ Việt sơ-khởi, nhưng ta có thể dự-đoán rằng trong một thời-gian cư-ngụ tại đất Việt khá lâu như vậy, ít ra ông cũng đã nghĩ đến một hình-thức phiên-âm tiếng Việt bằng chữ cái abc. Năm 1617, Một giáo-sĩ Bồ-đào-nha khác, *Francesco de Pina*, đến ở nước ta và không bao lâu đã tỏ ra một người rất thông-thạo tiếng Việt đến nỗi sau này chính A. De Rhodes chọn ông làm thầy dạy tiếng Việt cho mình.

Đến năm 1624 là năm De Rhodes đặt chân lên nước Việt, giáo-sĩ *De Mattos* triệu-tập một hội-nghị để thảo-luận việc dùng chữ « **Thượng-đế** » hay « **Thiên-chủ** » thay cho tiếng « **Chúa Đêu** » là một danh-từ có vẻ quá xa-lạ đối với người bản-xứ. Khoảng 1625 - 1626, bức thư của giáo-sĩ người Ý *Francesco Busomi* cho thấy một vài chữ Việt không dấu. Năm 1629, trong cuốn *Relatone del Viaggio di Tunquium*, giáo-sĩ *Baldinotti* có ghi vài chữ phiên-âm tiếng Việt. Nhưng những tài-liệu trên hết sức mập-mờ. Tài-liệu rõ ràng hơn là cuốn « **Điều-trần về xứ Đàng Trong** » in năm 1631 của giáo-sĩ *Christoforo Borri*, trong đó có ghi chép những

(1) Thanh-Lãng, « Quá trình hình-thành... » **Nghiên cứu văn-học**, số 1, tháng 11-1967, tr. 12.

danh-từ hay những câu tiếng Việt bằng mẫu-tự abc, nhưng cũng chưa có dấu. Tuy thế, công việc phiên-âm tiếng Việt, xem ra người Ý không coi trọng cho lắm. Họ không có những nỗ-lực nhằm vào mục-đích chế-tạo chữ Việt như những người Bồ. Hơn nữa, ngay trong thứ chữ mà Ch. Borri dùng thì yếu-tố Ý vẫn ít hơn yếu-tố Bồ nhiều lắm; điều này chứng tỏ hình-thức chữ Việt sơ-khởi đã do người Bồ tạo ra và Ch. Borri chấp-nhận hình-thức ấy một phần lớn.

Ngoài ra, năm đó (1631), có hai giáo-sĩ đóng một vai-trò quan-trọng trong việc thành-lập chữ Việt là hai người Bồ — *Gaspar de Amaral* và *Antonio Barbosa* — sang phục-vụ truyền-giáo tại Việt-nam. Đến sau A. De Rhodes 7 năm, nhưng hai ông là những kẻ góp phần lớn trong việc cải-thiện chữ Việt: G. De Amaral soạn **tự-điển Việt-Bồ**, còn A. Barbosa soạn **tự-điển Bồ-Việt**. Hai cuốn đó là nền-tảng cho tác-phẩm nổi tiếng và lớn-lao của A. De Rhodes sau này. Đồng thời với hai ông đó, theo ông Nguyễn Bạt-Tuy, còn có một vị giáo-sĩ người Bồ khác là Ferreira (?) cũng đã soạn được một tự-điển Bồ-Việt mà nay không còn dấu-tích gì.

Dựa vào những sự-kiện trên đây, ta có thể nói người Bồ-đào-nha đã chiếm công đầu trong việc sáng-tạo chữ Việt.

Một tá-chứng vững chắc hơn nữa là những lời xác-nhận của chính A. De Rhodes trong quyển **Tự-điển Việt-Bồ Latin** của ông in ở La-mã năm 1651:

« Để làm công việc này — soạn cuốn **tự-điển đó** (1) —, ngoài những điều mà tôi đã học được ở chính người bản-xứ trong khoảng mười hai năm trường, hết ở Đàng

Trong lại ở Đàng Ngoài, ngay từ buổi đầu tôi đã học tiếng với cha **Francesco de Pina**, người Bồ, cùng thuộc Dòng Tên, là người thứ nhất thông-thạo tiếng nước này và cũng là người thứ nhất bắt đầu giảng bằng tiếng nước này mà không dùng thông-ngôn. Tôi cũng **lợi-dụng những công-việc làm trước** của các cha cùng thuộc Dòng Tên, nhất là của hai cha Gaspar de Amaral và Antonio Barbosa. Cả hai ông đều đã có soạn tự-điển. Ông trên soạn Việt-Bồ, ông dưới soạn Bồ-Việt; nhưng cả hai ông đều đã mất sớm. Tôi **dùng chính công việc làm của cả hai ông**, thêm cả tiếng La-tinh vào... » (2).

Vậy, có thể kết-luận rằng người Bồ-đào-nha có sáng-kiến trước tiên trong công-cuộc chế-tạo chữ Việt. Nhưng nói thế không có nghĩa là phủ-nhận công-lao của cố A. De Rhodes; bởi vì những tự-điển Việt-Bồ hay Bồ-Việt làm ra trước chỉ được viết tay và chắc là hãy còn lắm khuyết-diểm, trong khi cố A. De Rhodes có công sửa-chữa, bổ-túc và nhất là chính ông là người đầu-tiên đem in những điển-thư bằng thứ chữ đó. Tuy thứ chữ của De Rhodes hãy còn khác nhiều với hình-thức hiện-đại, nhưng ông vẫn đáng được xem là kẻ có công lớn nhất trong việc xây-dựng hệ-thống văn-tự ngày nay cho nước ta.

III. — LỊCH-SỬ CHỮ VIỆT:

Trước đây, có vài người (Nguyễn Bạt-Tuy, Doãn Quốc-Sỹ...) đã từng phân-chia lịch-sử chữ Việt ra từng thời kỳ, nhưng công việc của họ chưa hợp lý và

(1) Chúng tôi chú-thích.

(2) Thanh-Lãng, « Quá trình... », **Nghiên-cứu văn-học** số 1, tr. 26.

không làm nổi bật được tính-chất đặc-sắc của mỗi thời-kỳ, mà cũng chẳng cho ta một cái nhìn tiêu-biểu rõ-rệt về từng chặng đường phát-triển của quá-trình chữ Việt.

Theo sát những biến-chuyển quan-trọng, ta thấy có thể phân-định sự diễn-tiến của chữ Việt ra làm bốn thời-kỳ:

1. Thời-kỳ phôi-thai (1631-1651)
2. Thời-kỳ định-hình (1651-1772)
3. Thời-kỳ chỉnh-đốn (1772-1882)
4. Thời-kỳ thực-dụng (1882-1971)

A. Thời-kỳ phôi-thai (1631-1651)

Chúng ta lấy năm 1631 làm năm sinh cho chữ Việt vì vào năm đó trong cuốn sách của Christoforo Borri đã xuất-hiện một vài tiếng và câu Việt-ngữ viết bằng mẫu-tự abc, là dấu-hiệu của một cố-gắng, và nhất là vì năm đó Gaspar de Amaral và Antonio Barbosa — hai người đầu tiên soạn từ-điển chữ Việt — đặt chân lên Việt-nam.

Thời kỳ này có thể chia ra hai giai-đoạn:

1) GIAI-ĐOẠN CHỮ VIỆT KHÔNG DẤU: Hình-thức này tìm thấy trong sách của Borri, có mấy đặc-điểm sau đây:

a) CHỮ VIỆT CHƯA CÓ DẤU: Ngoài thứ dấu trang-tự như dấu huyền mà không phải là dấu huyền vì không có tác-dụng như dấu huyền ngày nay (dà hết lút = đã hết lút) thì những dấu thanh khác không thấy được ghi nhận.

Linh-mục Thanh-Lãng đặt giả thuyết: tiếng Ý không có đủ dấu nên tác-giả đành

viết chữ không dấu. Và ông còn dự-đoán «**hình như hồi đầu người ta có dùng chữ đặt ở cuối thay cho các dấu**» như Nguyễn-văn Vĩnh từng chủ-trương sau này. Ông căn-cứ vào một ít tiếng như: **doi**j (đôi), **mocai**j (một cái), **gnoo** (nhỏ), **sai**j (sãi) (1).

Hai kiến-giải trên đây đều khó được chúng ta chia-xẻ. Nói rằng tiếng Ý không có đủ dấu để phiên-âm nên tác-giả không viết chữ có dấu, thì sao sau đó tiếng Bồ hay tiếng Pháp cũng không đủ dấu mà các giáo-sĩ người Bồ, người Pháp lại viết chữ có dấu? Mặt khác, thuyết dấu chỉ thịnh được thay bằng chữ đặt ở cuối-cùng cũng không vững, bởi lẽ thuyết ấy chỉ được nâng-đỡ bằng vài ví-du ít-ỏi, mà có những ví-du lại mâu-thuân nhau: nếu cho rằng chữ «j» trong hai chữ «**doi**j» và «**cai**j» là ghi dấu sắc thì sao chữ «sãi» dấu ngã lại viết là «**sai**j»? Lại có chữ phải viết theo dấu sắc thì cũng chẳng dùng chữ «j» ở cuối: **muon** (muốn), **biet** (biết).

Chúng ta có thể giải-thích một cách hợp-lý về sự-kiện chữ Việt phôi-thai không có dấu như sau: Những người đầu-tiên sáng-chế chữ Việt chưa nghiên-cứu kỹ-càng tiếng Việt; vì nhu-cầu cấp-bách, họ vội-vàng ghi âm tiếng Việt một cách đơn-giản.

b) CHỮ VIỆT CHƯA CÓ CÁC CHỮ Ẻ, Ơ, U, Ê.: Ví dụ:

chiam	=	chẳng
muon	=	muốn
nua	=	nửa
nuoec	=	nước
biet	=	biết

(1) Thanh-Lãng, «Quá trình...», **Nghiên cứu văn-học**, tr.18-19.

Đúng như nhận-xét của Lm Thanh-Lãng, «lý-do rất dễ hiểu» là chữ Việt thời ấy không dùng dấu. Chúng ta có thể nhắc lại nguyên-nhân sâu-xa hơn đã phát-biểu ở trên: các giáo-sĩ hầy còn chưa thấu-triệt hệ-thống âm-thính tiếng Việt.

c) **CHỮ VIỆT CHƯA NHẤT-TRÍ**: Cùng một âm lại ghi bằng hai cách khác nhau (**chữ = chia, chiu; chẳng = ciam, chiam; sai = sai, saij**), hay ngược lại hai âm khác nhau được bằng một hình-thức (**lòng và lan** đều ghi là **laom**, **chàm** và **chăng** đều ghi là **ciam**).

d) **CHỮ VIỆT CHỊU MỘT ÍT ẢNH-HƯỞNG Ý**: Có vài cách phiên-âm theo kiểu Ý **scin** (xin), **gno** (nhỏ), **ciam** (chăng).

e) **Nhưng CĂN-BẢN CỦA CHỮ VIỆT VẪN LÀ YẾU-TỐ BỒ-ĐÀO-NHA**. Ngay bên cạnh những chữ có hình-thức Ý, lại có cả hình-thức Bồ và xem chừng hình-thức sau có vẻ lẫn-luột hơn:

	Bồ đào nha	Ý
chàm	: chiampa	ciam
chăng	: chiam	ciam
chữ	: chia, chiu	(không có)
chúa	: chiuua	(không có)

Cách dùng chữ **s** cũng là theo lối Bồ, vì theo giọng Bồ chữ ấy đọc như chữ **ch** của Pháp: **sayc** (sách), **saij** (sải).

Ch. Borri là người Ý mà chấp-nhận cách phiên-âm theo kiểu Bồ, như vậy rõ ra người Bồ đã là kẻ đầu-tiên phác-họa hình-thức chữ Việt. A. De Rhodes hình như cũng thừa-nhận điều này khi ông xét thấy rất nhiều «thói-quen đã sẵn có

đối với người Bồ» trong các sách chép bằng chữ Việt đương thời.

Để có một ý-niệm về thứ chữ Việt phối-thai này, không gì hơn là ghi lại đây một câu điển-hình của thời ấy:

con gno muon bau tlom laom Hoalaom
chiam?

(con nhỏ muốn vào trong lòng Hòa-lan chăng?)

Xin nói thêm, theo Ch. Borri, câu trên là ở trước thời giáo-sĩ Francesco Busomi (1576 — 1659) và F. Busomi đã cho nó là ngớ-ngẩn, nên trong thời-gian giảng-đạo ở Việt-nam (1615 — 1639), ông đã sửa lại như sau:

muon bau dau Christiam chiam?
(muốn vào đạo Christiam chăng?)

2) GIAI-ĐOẠN CHỮ VIỆT CÓ DẤU (1645 — 1651):

Giai-đoạn này bắt đầu từ năm 1645 vì «trong một vài bài văn về thánh-lễ vào niên-điểm trên, thấy bắt đầu có những dấu hỏi, ngã, huyền» (1). Nhưng tài-liệu đáng tin-cậy nhất về hình-thức chữ Việt trong giai-đoạn này là một **bản tường-trình** của giáo-sĩ Marini về một cuộc hội thảo năm 1945 bàn về công thức rửa tội, qui-tụ 35 giáo-sĩ Âu-châu truyền-đạo ở ba nước Việt-nam, Trung-hoa, Nhật-bản trong số đó có cả G. de Amaral, A. Barbosa và De Rhodes.(2)

Theo tài-liệu ấy, ta biết được những gì?

(1) Phạm-thế Ngũ, sđd, tr. 59

(2) Thanh-Lãng, sđd, **Nghiên cứu Văn-học, số 1**, tr. 35, 41.

a) **CHỮ VIỆT ĐÃ CÓ DẤU**: Ta thấy có bốn dấu: **sắc, huyền, ngã, nặng**; nhưng chưa có dấu **hỏi**.

Theo Lm Thanh-Lãng, không có **dấu hỏi** là vì tài-liệu này ghi tiếng nói miền Trung, chỉ dùng toàn **dấu ngã**. Có lẽ ý - kiến này cũng không thuyết - phục được chúng ta, bởi lẽ bản tường-trình ấy chưa chắc chỉ ghi tiếng nói miền Trung; hơn nữa, một hội-ng nghị quan - trọng như thế, tụ-hợp đông-đảo giáo-sĩ như thế, lẽ nào ngoài De Rhodes ra không còn một ai phục vụ ở miền Bắc nữa sao?!

Chúng ta có thể nghĩ rằng lúc ấy người ngoại-quốc — kể cả A. De Rhodes — vẫn chưa phân-biệt được hai thanh hỏi và ngã là những thanh mà chính người Việt còn lầm-lẫn nữa là; rồi vì dấu ngã đã sẵn có rồi, nên họ không đặt ra dấu hỏi làm chi.

b) **CHỮ VIỆT CÓ NHỮNG MẪU-TỰ MỚI**: Nhưng về các âm-vị thì họ đã phân-biệt khá rõ-ràng, bằng-chứng là ta thấy có những mẫu-tự mới-mẻ như ă, â, ê, ô, ơ, ư.

c) **CHỮ VIỆT VẪN CHƯA NHẤT-TRÍ**: Cách dùng những chữ i, ỉ, y, ỹ hầy còn mập-mờ: **mải** (mây), **lấy** (lấy), **lý**, **linh**, **blờy** (trời) **băy** (bảy), **blai** (trai). Chữ ng được dùng ở vị-trí đầu một cách đúng-đắn (ngọt, ngỗ), nhưng ở vị-trí cuối thì chưa ổn-định: **sáng**, **tiếng**, **sour** (sống). Chữ v có lúc viết rõ là v (**vô**), nhưng phần nhiều viết là u (**uà**=và; **uía**=vía); lý do là vì ở chữ Latin, người ta cũng chưa phân-biệt rõ-rệt v và u.

d) **ẢNH-HƯỞNG BỒ-ĐÀO-NHA ÁT HẢN ẢO**: Chữ ch- thay-thế chữ

ci- (**cha, chúa, chẳng**); nh- thay cho gn- (**nhân**), x- thay cho sc- (**xác**)

Những cải-cách trên đây chắc-chắn là do những người Bồ-đào-nha rất rành tiếng Việt, họ đã hiểu rõ ngữ-âm tiếng Việt hơn những kẻ đi trước. Những người đó chắc là các giáo-sĩ như Francesco de Pina (người thứ nhất giảng-đạo bằng tiếng Việt một cách trôi-chảy), Gaspar de Amaral (mất năm 1646) và Antonio Barbosa (mất năm 1647) là hai kẻ đầu-soạn tự-diễn cho chữ Việt.

Chữ Việt giai-đoạn này tuy đã tiến-bộ nhiều, nhưng vẫn còn nhiều khuyết-điểm đang chờ-đợi A. De Rhodes.

B. Thời kỳ định-hình (1651-1772)

Thời-điểm 1651 đánh dấu một ngã rẽ quan-trọng, một biến-cổ có tính-cách quyết-định đối với vận-mệnh chữ Việt. Bắt đầu từ năm ấy, hình-thức chữ Việt được ấn-định rõ-rệt và phổ-biến rộng-rãi hơn: tại La-mã, cổ A. De Rhodes (1591-1660) cho nhà in **đúc chữ Việt lần đầu tiên** để in hai tác-phẩm lớn của ông: **Tự-diễn Việt-Bồ-Latin** và **Phép giảng tám ngày**.

Cuốn tự-diễn của De Rhodes — nói theo ông Phạm-thế Ngũ — có thể coi như « **cuốn sổ khai-sinh** » của chữ Việt ngày nay vậy.

Căn-cứ vào bộ tự-diễn ấy, ta thấy chữ Việt đương-thời có mấy đặc-điểm sau đây:

1.— Chữ Việt **có thêm một hình-thức mới** là chữ đ.

2.— Chữ Việt đã **có đủ các dấu thanh** như ngày nay. Có lẽ cổ De Rhodes

là người đầu-tiên phân-biệt được rất minh-bạch sáu thanh trong tiếng Việt; do đó, ngoài bốn dấu sắc, huyền, ngã, nặng đã có rồi, ông phải đặt thêm dấu hỏi bằng cách lấy phần trên của dấu hỏi — chấm (?) vì lý-do đã nói trên xa kia.

3.— Còn có những cách viết khác với ngày nay:

- aõ (ong) : saõ (song) ; tlaõ (trong)
- oũ (ông) : ðoũ (đồng) ; tloũ (trông)
- ù (ung) : cù (cùng)
- uà (uô) : muấn (muốn); tuải (tuổi)
- trá (trơ) : trằng (trường); xưàng (xương)
- éy (ấy) ; ðải (đầy) ; nhèo (nhiều) ; coên (quen) ; deay (dạy) ; haọc (học)

Trong các cách phiên-âm trên đây, có vài cách ta không thể biết được là các giáo-sĩ phiên-âm không đúng hay là rất đúng mà rồi về sau tiếng Việt biến-hóa khác đi (?).

Nhưng có những cách viết ta biết chắc là mô-tả rất đúng ngữ-âm tiếng Việt vào thế-kỷ 17; đó là những phụ-âm kép khởi đầu: bl, tl, ml. Henri Maspéro (1) và Dương Quảng-Hàm (2) cho ta những ví-dụ như sau:

BL: blời (trời), blầu (trầu), blằng (trằng)
blai (trai), blái (trái), blanh (tranh)
blải (trải), blo (tro), blun (trùn)
blả (trả), blồ tài (trồ tài),
blúc-blắc (lúc-lắc)

TL: tle (tre), tlăn (trần), tlầu (trầu)
tlẻ (trẻ), tlắm (trắm), tlứng (trứng)
tlò (trò), tlán (trán), tlước (trước)
tlên (trên), tlộm (trộm), tlong (trong)

ML: mlẽ (lẽ, nhẽ), mlời (lời, nhời)
mlằm (lằm, nhằm), mlát (lát, nhát)
mlặt (lặt, nhặt), mláng (láng, nháng)

Trong tự-điển của De Rhodes, Nguyễn-kim Thản (3) đếm được 102 đơn-vị có tl — và 97 đơn-vị có bl —.

Những phụ-âm kép này, đến nay, đã chết hẳn. Nhưng sự hiện-diện của chúng ở thế-kỷ 17 và trước đó là một dấu-vết rõ-ràng cho ta thấy mối tương-quan thân-thuộc giữa tiếng Việt và tiếng Mường: đó là một chỉ-dẫn rất ích-lợi cho ta khi nghiên-cứu về vấn-đề nguồn-gốc tiếng nói của dân-tộc.

Ngoài ra, bên cạnh chữ b và chữ v, trong tự-điển của De Rhodes, còn có một hình-thức rất đặc-biệt là chữ bê-ta Hi-lạp, ở đây tạm dùng chữ B để chỉ chữ đó. Như thế có lẽ đương-thời có một âm khác gần giống b và v. Có điều đáng chú-ý là chữ B đó về sau đều được viết bằng v cả:

Bui-bẻ > vui-vẻ; Bá Bải > vá vải (4)

Bổ tay > vỗ tay; Bợ lẽ > vợ lẽ (5)

Gs Dương Quảng-Hàm (6) lại cho biết có phụ-âm b - nay biến-đổi v — và d — thành nh — :

bua > vua ; bó ngựa > vó ngựa ;
dè-dẹ > nhè-nhẹ.



Một tài-liệu thứ hai giúp ta biết ít nhiều về trạng-thái chữ Việt ở «thời-kỷ định-hình» này, là bức thư viết bằng chữ

(1) H. Maspéro, *Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite*, BEFEO, t.XII, 1912.

(2) Dương Quảng-Hàm, sđd, tr. 192 - 193

(3) (4) Nguyễn kim-Thản, «Thử bàn về một vài đặc-điểm trong phương-ngôn Nam-bộ», tạp-chí Văn-học, 1964, số 8, tr. 90.

(5) Thanh-Lãng, *Nghiên-cứu văn-học*, số 4, 1967, tr. 21.

(6) Dương Quảng-Hàm, Sđd, tr.192.

Việt năm 1659 của Bento Thiện gửi cho giáo - sĩ Filippo Marino ở La - mã (1). Những nhận-xét của Ô. Hoàng Xuân-Hãn về tài-liệu này cũng phù-hợp với những điều vừa nói về cuốn tự-điển của A. De Rhodes.



Tóm lại, ta thấy chỉ sau 20 năm dò-dẫm (1631 - 1651) mà chữ Việt đã đạt được một hình-thức khá hoàn-hảo. Nó đã tiến một bước rất dài. Công của De Rhodes không phải là nhỏ. Ta có thể ví tác - giả « **Tự-điển Việt - Bồ - Latin** » như một người cha nuôi của chữ Việt, tuy không sinh nó ra, nhưng có được cái công nuôi-dưỡng bảo-bọc nó suốt thời thơ-ấu cho đến khi trưởng-thành.

C. Thời kỳ chỉnh-đốn (1772-1882)

Thời-kỳ này có thể phân ra hai giai-đoạn: **chuẩn-bị** và **hoàn-tất**.

1. GIAI - ĐOẠN CHUẨN - BỊ (1772-1838).
— A. de Rhodes, với cuốn tự-điển của ông, đã đặt một cơ-sở vững-chắc cho tiếng Việt mạnh tiến. Tiếp nối sự-nghiệp của ông là giáo-sĩ **Pigneau de Béhaine** (1741-1799).

Trong thời-gian sống ở chủng-viện Virampatnam, gần Pondichéry (Ấn-độ), De Béhaine soạn được ba quyển tự-điển Việt-Latin. Bản sao đề năm 1772, còn được lưu-trữ tại văn-khố của Hội Thừa-sai Paris. Sách dày 932 trang (2). Còn bản chính thì bị thiêu-hủy trong trận hỏa-tai của Nhà Chung ở Cà-mâu năm 1778.

Theo cố Cadière, trong một bài đọc ở Hội-đồng Khảo-cổ Đông-dương ở Paris (Commission archéologique de l' Indo-

chine) năm 1912 thì hình-thức hiện-thời của chữ Việt chính là do P. de Béhaine tu-sửa mà thành.

Năm 1797, một người Việt-nam đã góp một phần vào việc chỉnh-đốn chữ Việt: đó là **Philiphê Bình** (1759-1832). Năm ấy, ở kinh-đô Lisbonne của Bồ-đào-nha, ông soạn một bộ tự-điển Việt-Bồ mà Lm Thanh-Lãng (3) có những nhận-xét về các « cải-cách » của « thầy cả » như sau: « *Tất cả các chữ viết bằng phụ-âm khởi đầu bê-ta Hị-lạp B nay được viết bằng phụ-âm v và xếp chung với v, chứ không chung với b như ở Đờ - Rốt. Các phụ-âm khởi đầu như pl trông plăn, như tl trong tle... biến mất. ... Tất cả các phụ-âm khởi đầu như ml như trong mlúc - mlắc, bl như trong blả ơn... đều biến mất. Chỉ trừ một mình tên của Thượng-đế thì còn viết là Bô-i...* »

Căn-cứ vào « **Sách sổ sang chép các việc** » (4) đề năm 1822 của F. Bình, ta còn thấy có những điểm dị-đồng khác giữa « **thời-kỳ chỉnh-đốn** » và « **thời-kỳ định-hình** ». Tuy F. Bình còn dùng vài hình-thức như thời De Rhodes (oũ = ông; cũ = cùng; dăo = dòng), nhưng các cách viết xem ra đã ổn-định lắm rồi: tl - được thay bằng tr - hay gi-; iê, uô, ươ thế cho ie, uâ, urâ... và như thế đã rất giống hình-dạng ngày nay.

(1) Hoàng Xuân-Hãn, « Một vài văn - kiện bằng quốc-âm tàng-trữ ở Âu châu », **Đại-học** (Huế) số 10, tháng 7-1959, tr. 108-119.

(2) Doãn Quốc-Sỹ và Đoàn Quốc-Bửu, **Lược-Khảo về Ngữ-pháp-Việt-nam**, Trường Sư-phạm Sài-gòn xb, lần 3, 1970, tr-245.

(3)(4) **Sách sổ sang chép các việc của Philiphê Bình**, Viện Đại-học Đà-lạt xb, Sài-gòn, 1968, tr. XXVII.

Nhưng ta còn thấy một điều trái-ngược với nhận-định của Lm Thanh-Lãng: trong sách ấy (viết năm 1822) vẫn còn có các chữ phụ-âm kép bl —: **blái tim** (*Sách sô sang, Mục-lục*), **blả tiền** (*Sách sô sang*, tr.101).

Mặt khác, những trước-tác của F. Bỉnh năm 1797 hay 1822, đều là sau niên-điểm 1772 tức là năm đề trên bản sao tự-điền của De Béhaine. Do đó, dù rằng Lm Thanh-Lãng có thiện-ý giành lại cho người Việt cái vinh-dự lớn-lao mà lâu nay những người Pháp đã hưởng hết, người ta cũng không tin ở những lời nói hơi quá-đáng của ông:

«...Philippe Bỉnh đã có nhiều sáng-kiến trong việc kiện-toàn chữ quốc-ngữ, chứ không phải đợi mãi đến Pigneau de Béhaine hay Taberd chữ quốc-ngữ mới được thay-đổi như các nhà khảo-cứu người Pháp chủ-trương bấy lâu, và hầu hết học-giả Việt-nam đã lập lại một cách thuộc lòng vô bằng-cứ từ hàng trăm năm nay. Như vậy F. Bỉnh là nhà ngôn-ngữ-học Việt-nam đầu-tiên đã nhúng tay vào việc sửa-chữa chữ quốc-ngữ». (1)

2. GIAI-ĐOẠN HOÀN-TẮT (1838-1882).— F. Bỉnh tuy cho ta thấy được hình-dạng chữ Việt ở «giai-đoạn chuẩn-bị», nhưng thật ra ông không có ảnh-hưởng gì về các cải-cách về sau, bởi vì những tác-phẩm của ông vào thời ấy không được ai biết tới: chúng chỉ mới được khám-phá và Lm Thanh-Lãng cũng chỉ công-bố cách đây không lâu.

Và cái công đối với chữ Việt của **J.L. Taberd** (1794-1840) vẫn còn nguyên. Khi ở Sài-gòn, giáo-sĩ đã thâu-thập tài-liệu của De Béhaine mà soạn ra hai cuốn

tự-điền: Việt-Latin và Latin-Việt, in năm 1838, tại Serampur, tỉnh Bengale (Ấn-độ.)

Theo Andrien Launay, tác-giả «*Histoire de la mission de Cochinchine*» thì tự-điền của giáo-sĩ Taberd sửa-đổi rất ít công-trình của De Béhaine (2).

Tác-phẩm của Taberd về sau lại được hai giáo-sĩ **Thereul** và **Leserteur** bổ-khuyết, thêm vào một số từ-¹ giữ lưu-hành ngoài Bắc không có trong đó, và cho tái-bản lần đầu ở nước ta, tại Ninh-phủ năm 1877.(3)

Tới giai-đoạn này, chữ Việt đã giống hết hình-thức hiện-tại: tất cả những chữ phụ-âm đầu bl, tl, ml không còn có nữa, dấu ngã ở một số vần cuối đã được thay bằng hình-thức đúng hơn: -ng.

Công việc chỉnh-đốn chữ Việt coi như đã hoàn-tất.

D. Thời - kỳ thực - dụng (từ 1882 đến nay).—

Tuy chữ Việt đã được sửa-đổi đàng-hoàng, nhưng chưa được chỉnh - thức nhìn-nhận như một thứ chữ riêng của một nước. Phải chờ đến năm 1882 thì chữ Việt mới bước lên cái địa-vị tương-xứng của một «quốc-gia văn-tự», khởi-sự cho thời-kỳ thực-dụng và phát-đạt.

Thật vậy, nghị-định số 85 ngày 6.4. 1878 do thống-đốc Nam-kỳ ban - bố, đã khai-nguyên cho một giai - đoạn liên - hệ mật-thiết tới tương - lai chữ Việt; đại-lược như sau:

(1) «Sách sô sang...», tr.XXVIII-XXIX

(2) Doãn Quốc-Sỹ và Đoàn Quốc-Bửu, sđd, tr 245

(3) Phạm - thế Ngũ, sđd, tr. 62.

« Kể từ ngày mồng một tháng giêng năm 1882, tất cả văn - kiện chánh - thức, nghị - định, lệnh án toà, chỉ - thị... sẽ viết, ký tên, công - bố bằng « chữ Việt ». Nhân - viên nào không thể viết thư - từ bằng « chữ Việt » sẽ không được bổ - nhậm, thăng - thưởng trong ngạch phủ, huyện và tổng » (1)

Thế là chữ Việt có cơ - hội thuận - tiện để tiến - triển nhanh - chóng. Những biến - cố sau đây góp phần đặc - lực, đẩy mạnh thêm đà tiến của nó :

1905 : *Đông - kinh Nghĩa - thực* truyền bá chữ Việt.

1907 : *Đảng - cơ tông - báo cơ* - động dùng chữ Việt.

Nguyễn - văn Vĩnh nói : « **Nước Nam ta, mai sau này, hay dở là ở như chữ quốc - ngữ** ».

1913 : *Đông - dương tạp - chí* ra đời.

1915 : Thi Hương cuối - cùng ở Bắc - kỳ.

1917 : *Nam - phong tạp - chí* thổi một luồng sinh - khí mới cho chữ Việt.

1918 : Thi Hương cuối - cùng ở Trung - kỳ, nghĩa là ở toàn cõi nước ta.



Đến ngày nay, sau hơn ba thế - kỷ không ngừng tiến - bộ, chữ Việt đã đạt tới được **một hình - thức ổn - định**.

Tuy nhiên, nó chỉ được coi là « **ổn - định** », chứ chưa thể gọi là « **hoàn - bị** ». Nó hãy còn khuyết - điểm. Có nhiều chữ dư - thừa, vô - ích; có những chữ lại diễn - tả không đúng thực - thể ngữ - âm. Bởi thế biết bao đề - nghị cải - cách ra đời (Chéon, 1902 ; Nordemann, 1906 ; Nguyễn - văn Vĩnh,

1928 ; Nguyễn Bạt - Tuy, 1949...); nhưng thấy đều thất - bại. Một phần vì người ta không thấu - triệt cơ - cấu ngữ - âm tiếng Việt; một phần vì người ta làm việc riêng - rẽ, thiếu sự phối - hợp của các nhà ngữ - học toàn quốc; một phần vì những kẻ cầm đầu cơ - quan văn - hóa quốc - gia không có kế - hoạch; mà một phần cũng vì thói quen của công - chúng đã trở thành một bức tường kiên - cố khó có thể phá - đổ trong một sớm một chiều được.

Làm thế - nào vượt qua các trở - ngại đó ? Làm thế nào để cho công - cuộc kiện - toàn hệ - thống chữ Việt được thành - công hoàn - mỹ, mau - chóng ? Ấy là một vấn - đề khúc - mắc mà chúng tôi sẽ xin đóng - góp một vài ý - kiến thô - thiển trong một dịp khác.



Dầu sao, địa - vị « quốc - gia văn - tự » của chữ Việt hiện - nay đã vững như bàn thạch. Đó là một điều rất đáng mừng ! Chúng ta có đủ lý - do để xác - tín là trong tương - lai, cho dù dân Việt có chịu thêm một lần Bắc - thuộc, Pháp - thuộc hay ngoại - thuộc gì gì đi nữa... thì chữ Việt cũng sẽ không bao giờ bị truất mất cái địa - vị xứng - đáng ấy. Hơn nữa, nếu chẳng may vận - mệnh nước nhà có gặp phải bước đường đó, chúng ta có thể quả - quyết rằng : chữ Việt — **cái thể - xác cường - kiên mang linh - hồn tiếng Việt, cái chỗ dựa bền - chắc nhất của dân - tộc** — sẽ luôn - luôn nâng - đỡ Việt - Nam vượt qua khỏi những ngày đen - tối để giữ vững nền độc - lập. Hiện - tại là một minh - chứng cụ - thể và hùng - hồn nhất. Bởi vậy, chúng tôi dám « đại - ngôn » mà rằng chữ Việt đã quyết - định tiền - đồ tự - trị của nước Việt ta vậy.

Huế 16 - II - 1971

VƯƠNG HỮU - LỄ

(1) Lê Ngọc - Trý (Việt - nam khảo - cổ tập - san, số 2, 1931)

NHỮNG NẸO ĐƯỜNG **TOÁN HỌC**

LÊ BÁ-TRÒN

HÃN mọi người trong chúng ta, ai ai cũng công nhận rằng toán học đã và đang gắn liền với cuộc sống của nhân loại. Toán học là một ngành học kỳ cựu và phổ cập nhất và là nền tảng cho hầu hết mọi ngành khác nhất là kỹ thuật và khoa học.

Toán học hiện ra trong cuộc sống thường nhật từ xưa tới nay; hiện ra từ một công việc nhỏ nhất đến một công việc vĩ đại: Tỷ như hàng ngày chúng ta dự liệu cho khoảng thời gian từ nhà đến trường hoặc như các khoa học gia dự liệu khoảng thời gian từ trái đất đến mặt trăng. Thế nhưng, Toán học là gì? «Nó» đi từ đâu đến, và nó ảnh hưởng đến văn minh nhân loại như thế nào? Những vấn đề này, chúng tôi sẽ trình bày 1 cách giản lược sau đây, giản lược vì trọng tâm của bài này không phải đề cho những ai cố tình tìm hiểu sâu xa về toán học mà nó chỉ đề cho những độc-giã đang ở bước đầu của sự tìm hiểu ấy.

I. ĐỊNH NGHĨA TOÁN HỌC.

Cũng như mọi ngành học khác, công việc đi tìm một định nghĩa toán học gặp rất nhiều khó khăn, điều này thật dễ hiểu vì chúng ta đi thu gọn cả một thực tại vào một hay hai mệnh đề thì dù có dùng chữ hay ho cách mấy ta cũng không thể gom góp thấu triệt mọi khía cạnh của nó.

Từ xưa đến nay ta tìm thấy hai định nghĩa toán học. Một viết trong cuốn «Bách Khoa Tự Điển» xuất bản vào thế-kỷ 18 và một của BERTRAND RUSSELL.

Trong cuốn «Bách Khoa Tự điển» người ta định nghĩa toán học như sau: «Toán học là một khoa học mà đối tượng là những tính chất về độ lớn có thể tính toán hay đo được».

Ta thấy ngay rằng định-nghĩa này thật chính-xác, gãy-gọn, nhưng chỉ nói đến

«Toán học về lượng» vì vậy nó không còn đứng vững khi GASPAR MONGE (1746-1818) tìm ra môn Hình-học họa hình: Đó là một ngành của Hình-học mà ta không xét đến những tính chất về độ lớn. Vì vậy, kể từ khi MONGE công bố môn Hình-học này (1795) thì khái niệm thuần túy về tính-chất-lượng của Toán-học xem như đã lỗi thời...

Từ đó, định-nghĩa trên không còn đứng vững nữa, vì vậy, người ta cố-gắng hơn để tìm một định-nghĩa cho Toán-học. Tuy nhiên Toán-học tiến-bộ quá mức suy-tưởng của chúng ta thành ra những cố-gắng trên trở nên vô-hiệu.

BERTRAND RUSSELL định-nghĩa Toán-học như sau:

«Toán-học là một môn học trong đó chúng ta không biết mình đang nói về điều gì và cũng chẳng biết điều mình đang nói có đúng hay không».

Qua định-nghĩa trên, ai cũng cho rằng định-nghĩa này không mấy đứng đắn. Tuy nhiên nếu chúng ta khảo sát đến ngành «Toán-thuần-túy» (pure Mathematics) thì ta thấy ngay rằng định-nghĩa này mô tả thật chính-xác về ngành toán này.

Trước hết nhà toán học không biết mình đang nói gì: Vì cơ-cấu của hệ - thống toán-học là những phần-tử không định-nghĩa được có nghĩa là không mang một ý-nghĩa vật-lý nào.

Lại nữa, nhà toán-học không biết mình nói đúng hay sai: vì rằng kết quả tìm được của toán-thuần-túy chỉ là những diễn-dịch nghiêm-chính.

Ngoài ra, một Toán gia người Mỹ, ông BENJAMIN PIERCE (thế-kỷ 19) cho rằng: «Toán học là một ngành khoa học vạch rõ những kết luận ắt có».

Tuy nhiên đó không phải là định-nghĩa đầy đủ, vì nó chỉ mới nói lên được rằng toán học liên hệ với việc phác họa những kết quả phải đi liền sau những công-lý.

Qua phần trình bày này, hẳn nhiên chúng ta thấy được sự khó khăn trong việc đi tìm một định-nghĩa toán học. Nếu chúng ta không để ý đến từng ngành riêng biệt của toán học cũng như sự khác biệt giữa toán học xưa và nay, chúng ta có thể nói rằng: «Toán học là sự hợp lại những công trình của các toán-gia».

II) CÁC TRƯỜNG PHÁI TOÁN HỌC:

Hiện nay, toán học được xem như chia làm 3 trường phái chính: Phái toán luận (Logisticism), phái trực giác (Intuitionism) và phái Hình thức (Formalism) hẳn rằng trong các hoạt-động toán học các toán gia không nghĩ mình đang làm việc theo khuynh hướng của trường phái nào. Sau đây chúng tôi trình bày một cách giản-lược các trường phái nói trên

♣ Sẽ đề cập ở đoạn sau.

Phái toán luận

Trường phái này quan niệm toán học là một ngành của luận - lý học và luận lý là nguồn gốc của toán học. Theo họ, mọi khái-niệm Toán học đều được công thức hóa và những mệnh đề toán-học được suy diễn như mệnh đề luận-lý.

Tổ sư của trường phái này là LEIBNITZ (1646 — 1716) là một toán gia người Đức hiểu biết sâu rộng về các ngành toán, vật lý, sử-học, chính trị học và triết học.

LEIBNITZ muốn diễn tả những tư tưởng bằng những ký hiệu đơn giản rồi định các luật chấp nối để tổng hợp thành những tư tưởng phức tạp hơn, cuối cùng là thực-hiện những lẽ-lối suy luận phổ quát để con người dễ dàng đồng ý với nhau trong khi thảo-luận. Trong trường phái này còn có PÉANO (1889 — 1908). Toán gia này muốn trình bày toán học bằng những ký hiệu luận lý. PÉANO là người đầu tiên đã xây dựng tập hợp các số nguyên tự nhiên bằng công lý PÉANO như sau:

« Công nhận có tập hợp P và cùng một lúc với ánh xạ

$+$: $P \rightarrow P$ sao cho: $x \rightarrow x^+$, x^+ thuộc về P thỏa:

P_1 : Công lý vô hạn: « Ánh xạ cộng là một nội xạ và không là toàn xạ ».

P_2 : Công lý về truy chứng: « Cho S là tập hợp con của P. Giả sử S không chứa trong P_+ và S chứa trong S. Lúc đó $S=P$ ».

Ánh xạ cộng (+) còn gọi là ánh xạ thừa kế và x^+ là phần tử thừa kế của x thuộc P. Cùng một lúc, Péano đưa đến việc suy diễn toán học thuần đại số: nghĩa là mỗi định lý đều được trình bày bằng một công-thức. Phương pháp này đã đưa toán học đến một môn học « hình thức » và các ký hiệu đã dùng không cần đối chiếu với một ý nghĩa thực-tế nào cả.

Năm 1847, một toán gia người Anh, ông G.Boole (1815-1864) xuất bản cuốn Mathematical Analysis of Logic và năm 1854 xuất bản cuốn Laws of Thought. Trong các tác phẩm này, lần đầu tiên ta thấy xuất hiện về các phép tính luận lý như Giao, Hội, Phụ, Hiệu, Hiệu đối xứng... và các công thức liên hệ tạo thành một môn đại số mà sau này ta gọi là Đại số Boole. Cùng với Boole có De Morgan (1806-1871) với tác phẩm Formal logic xuất bản năm 1847. Trong đó chúng ta tìm thấy các công thức quen thuộc như là:

$$C^A \cup B = C^A \cap C^B$$

$$C^A \cap B = C^A \cup C^B.$$

Leionitz và Péano là những người tiên phong của phái toán luận. Trường phái này thật sự thành hình do công trình của Russel và Whitehed. Hai ông này hợp tác để soạn bộ Principia Mathematica (1910-1913) gồm 3 cuốn trong đó môn luận lý học được khai triển dưới một hình thức mới. Càng về sau này, sự giản lược của toàn thể Toán học về luận lý được sửa đổi hoàn bị hơn bởi sự đóng góp của Wittgenstein (1922), Chwistek (1924-1925), Ramsey (1926), Quine (1940).

Phái trực giác :

Trường phái này chủ trương công nhận có một liệt số thiên nhiên và toán học được xây dựng bằng một số hữu hạn phương pháp cấu tạo trên liệt số ấy. Do đó theo phái này trực giác là nền tảng của toán học. Nhờ trực giác mà ta nhận biết dễ dàng một vật đơn độc, rồi một vật đơn độc kế tiếp rồi một vật đơn độc kế tiếp nữa. v.v... theo đó mà ta có liệt số vô hạn quen thuộc là liệt các số nguyên tự nhiên. Như vậy mọi toán thể khác đều được thành lập theo một phương pháp thuần nhất về cấu tạo bằng cách dùng một số hữu hạn giai đoạn hay một số hữu hạn các phép diễn-toán.

Điều quan trọng là phái này không chấp-nhận sự tương đương giữa nguyên lý triệt tam và nguyên lý mâu-thuần.

Thủy tổ của phái này được xem là Brouwer, toán gia người Đức kể từ năm 1918. Tuy nhiên những quan-niệm tương tự đã tìm thấy từ toán gia Kronecker (1800) và Henri Poincaré (1902-1918).

Đến nay dù những bất bẻ luận cứ của trường phái này vẫn còn, nhưng những phương pháp do phái này đề ra vẫn hầu như được chấp nhận là không đưa đến những điều mâu-thuần.

Phái hình thức :

Quan-niệm chính yếu của trường phái này là «Toán học liên hệ mật thiết với một hệ thống ký-hiệu hình-thức». Họ không đồng ý với phái trực giác ở điểm cho rằng nền tảng của Toán học là luận lý học mà theo họ nền tảng của Toán học chỉ là sự kết hợp những ký hiệu và tập hợp những phép diễn toán trên những ký-hiệu này. Vậy thì toán học không có một nội dung cụ-thể nào cả và chỉ bao gồm yếu tố tượng trưng.

Thủy tổ của Trường phái này là David Hilbert (1862-1943). Ông là người đầu tiên trình bày hình học bằng «công lý luận-pháp» khởi đi từ những công lý cụ thể của Euclide để chuyển sang những công lý hình thức. Những điều này chúng ta tìm thấy trong tác-phẩm *Grundlagen der geometrie* xuất bản năm 1899.

Trọng tâm chính của sự chuyển hướng của trường phái này nhằm đương đầu với các khủng hoảng do các nghịch lý của thuyết tập hợp và những sự chỉ trích toán học cổ điển của phái Trực giác gây ra.

Chương trình thực hiện quan trọng nhất của trường phái này vào năm 1920 do Hilbert cùng một số cộng sự viên như Bernays (1888), Von Neumann (1903-1957), Ackermann, đó là «chương-trình hình thức», trọng tâm của nó nhằm cứu vãn những mâu chốt của toán học cổ điển trong việc giải quyết những vấn đề không gặp mâu thuẫn.

Tuy thế đến năm 1931 Kurt-Gödel cho ta thấy rõ ràng: «Không thể nào chứng tỏ được tính không gặp mâu thuẫn của một hệ thống bằng những phương pháp lệ thuộc vào hệ thống đó».

Godél còn chứng tỏ sự không hoàn bị của hệ thống Hilbert bằng cách thiết lập ngay trong hệ thống đó sự hiện hữu của những điều bất khả quyết và một trong những điều này là tính không gấp mâu-thuần của hệ thống.

Xuyên qua ba trường phái trên ta nhận thấy rằng cả ba đều không được hoàn hảo và không giải quyết được hết thảy vấn đề đặt ra cho toán học. Tuy nhiên sự hiện hữu của ba trường phái này chính là động cơ thúc đẩy toán học tiến bộ không ngừng để đáp ứng nhu cầu trí thức cho nhân loại. Bởi lẽ sự bất đồng quan-điểm mà đã gây ra những cuộc bàn cãi, tranh luận, dần dà thuyết toán học càng được chặt chẽ và hoàn bị hơn.

Như vậy cho dù các toán gia không cần-thiết phải biết mình được xếp đặt ở trường phái toán học nào. Tuy vậy các nhà triết-toán xếp đặt thành ba trường phái như trên không phải không hữu-ích cho nền văn-minh nhân-loại.

III. TOÁN LÝ THUYẾT VÀ TOÁN ÁP DỤNG

Nếu sự xếp đặt thành các trường phái toán học như trên đã xảy ra nhiều cuộc bàn cãi sôi nổi để dẫn-dắt toán học đến ngày càng hoàn bị thì sự phân chia thành hai ngành toán lý thuyết và toán áp dụng ngược lại đã bỏ túc lẫn nhau làm sáng tỏ cho nhau bằng cách dùng những chất liệu của thế giới Vật Lý thay thế vào các biến tố của các hàm mệnh đề. Dưới đây chúng ta khảo sát sơ lược hai ngành toán này:

Toán lý thuyết

Xem mệnh đề «Nếu $P \rightarrow Q$ ». Ta thấy rằng mệnh đề này có thể đúng và có thể sai. Là đúng, nếu những kết quả Q thực đã suy diễn từ P và ngược lại. Một mệnh đề như vậy gọi là «mệnh đề có giá thuyết». Giả thuyết P và những kết quả Q suy diễn từ P tạo nên một thực-thể luận-lý gọi là «hệ thống công-lý hình-thức» hay là «hàm lý thuyết có giá thiết». Mỗi hệ thống công lý hình thức gọi là một ngành của toán lý thuyết và những ngành của toán lý thuyết hợp lại gọi là Toán lý-thuyết.

Như vậy, toán lý thuyết chỉ suy diễn về những diễn-dịch luận-lý phát sinh từ những hệ thống công lý đặc biệt trong đó những «phần tử», «công lý», «định đề» và «định lý» của mỗi hệ thống không mang ý nghĩa đặc thù nào.

Tóm lại chúng ta hoàn toàn tự do trong công việc tạo dựng một ngành toán lý thuyết. Trong đó, chúng ta đặt ra một hệ thống công lý hình thức rồi nhờ đó suy diễn ra những định lý. Và công việc tạo dựng này có giá trị Toán học hay không tùy theo có nhiều người công nhận hay không.

Toán áp dụng

Giả sử trong một ngành toán lý thuyết ta thay thế những phần nguyên thủy (biến tố) bởi những phần có ý-nghĩa xác định mà: định đề trở thành mệnh đề đúng, ta bảo ta

có một sự giải thích hệ thống định đề. Lúc đó «hàm lý-thuyết có giả-thiết» trở thành «lý-thuyết có giả thiết» gọi là một ngành của toán áp dụng và sự hợp lại của những ngành của toán áp dụng gọi là toán áp dụng.

Như vậy, toán áp dụng thường đặt mối tương quan với hiện tượng vật lý. Những mệnh đề của toán áp dụng có được bằng cách đoán nhận các mệnh-đề của toán lý-thuyết theo các đối tượng vật-lý.

Khi ta bảo: «Thể tích của hình lập phương là tam thừa một cạnh» thì đó là phát biểu của một toán Lý-thuyết; nhưng khi ta bảo: «Thể tích của một hình lập phương cạnh 2m là $2^3 \text{ m}^3 = 8\text{m}^3$ », đó là một phát biểu của toán áp dụng.

Tóm lại, toán lý-thuyết không bàn đến sự kiện đúng hay sai mà chỉ bàn đến phương cách lý luận bắt đầu từ những công-lý, những tiền đề theo những lẽ luật của luận lý diễn-dịch. Ngược lại, toán áp dụng thì thực-hiện việc đoán nhận cho toán lý thuyết bằng chất liệu của thế giới vật-lý.

IV. TOÁN HỌC VỚI VĂN-MINH NHÂN LOẠI:

Nền văn-minh của một quốc gia nào cũng được thể hiện qua kiến trúc, hội họa, âm nhạc... Trong phần này chúng tôi chỉ trình bày sơ lược nền văn-minh thời trung cổ và phục hưng song song với các quan niệm toán-học của người Ai Cập và Hy Lạp. Do đó tưởng cũng nên nhắc lại các quan niệm hình-học xưa và nay...

1. Sơ lược về các quan niệm hình học.

a) HÌNH HỌC AI CẬP.

Trong cuộc sống hằng ngày, con người chúng ta thường tiếp xúc với vật thể có hình dạng, kích thước khác nhau: dần dà người ta đề ý đến diện tích các hình, thể tích các vật... Nhất là trong việc đo vẽ ruộng đất, phân chia đất đai v.v... Từ đó nảy sinh ra môn hình học. Như vậy ta có thể nói rằng hình học phát sinh từ kinh nghiệm của con người về thế giới vật chất.

Thật vậy trong cuốn Fundamentals of Mathematics, Richardson đã dẫn chứng người Ai Cập tạo lập một góc vuông như sau: «Dùng một sợi dây thừng chia làm ba phần nhờ những gút mà độ dài lần lượt là 3, 4, 5 đơn vị. Nếu có ba người giữ mỗi người một gút và kéo thẳng ra sao cho tạo thành một đường gãy kín lúc đó có được một góc vuông tại điểm phân chia «3 và 4 đơn vị».

Ngoài ra người Ai-Cập còn dùng phương-pháp này để vẽ đường Đông Tây trên trái đất sau khi tìm được đường Nam Bắc bởi ngành Thiên văn. Người Ai-Cập còn tìm ra công-thức tính diện tích hình tròn bán kính R là:

$$S = \frac{256}{81} R^2 \quad \text{ta có:} \quad \frac{256}{81} = 3,16 \quad \text{mà}$$

$\overline{IL} = 3,14...$ Ta nhận thấy rằng công-thức này rất gần đúng với công-thức chúng ta dùng ngày nay là: $S = \overline{IL} R^2$

Những khám phá về hình học của người Ai-Cập hoàn toàn do kinh-nghiệm mà có, không một toán gia Ai-Cập nào có ý-tưởng đi chứng minh chúng bằng phương pháp diễn-dịch khởi đi từ định-nghĩa và công-lý nào cả.

b.) HÌNH HỌC HY-LẠP.

Thủy tổ của hình học Hy-Lạp là toán gia Thalès. Thalès đã đến Ai-Cập để nghiên cứu hình học với các giáo-sĩ ở nước này. Tuy nhiên không phải vì vậy mà hình học Hy-Lạp lại đi gần với hình học Ai-Cập mà thực ra, hình học Hy-Lạp đã xa rời hình học Ai-Cập bằng cách đi thiết lập những ý-niệm và những luận-lý diễn-dịch về những ý-niệm này.

Đầu tiên, họ xây-dựng những ý-niệm trừu tượng về *điểm*, *đường* và *mặt*. Sau đó, thiết lập những công-lý, định-đề, từ đó tìm ra các kết quả. Môn hình-học này ngày nay chúng ta thường gọi là hình học Euclide vì Euclide đã gom góp và hệ-thống hóa vào năm 300 trước Tây-lịch. Những ý-niệm đầu tiên như điểm, đường, mặt, sau này trở thành những đối tượng căn bản hay những yếu-tố để khảo sát môn hình-học này. Tuy thế, đầu tiên những định-nghĩa của Euclide không bảo đảm được sự hiện hữu và cũng không mô tả rõ ràng vật thể được định-nghĩa.

- Điểm là cái gì không có phần nhỏ.
- Đường là một độ dài không có bề rộng.
- Mút của một đường là những điểm.
- Đường thẳng là đường giống nó tại mọi điểm của nó.
- Mặt là những cái gì chỉ có bề dài và bề rộng.
- Mút của mặt là các đường.
- Mặt phẳng là mặt giống nó trên mọi đường thẳng chứa trong nó.

— Nếu một đường thẳng vẽ trên một đường thẳng khác hợp với đường thẳng này hai góc bằng nhau thì mỗi góc như vậy đều vuông và đường thẳng vẽ gọi là đường thẳng góc với đường kia.

— Đường thẳng song song là những đường thẳng của mặt phẳng mà khi kéo dài vô tận sẽ không gặp nhau.

Các ý niệm định-nghĩa mơ hồ này lần lượt nhờ các định đề mà trở thành sáng tỏ. Ta kê năm định đề sau:

- ☆ Vẽ được một đường thẳng qua hai điểm
- ☆ Kéo dài được vô tận một đường thẳng hạn định

☆ Vẽ được một vòng tròn có tâm và bán kính đã cho

☆ Hết thảy mọi góc vuông đều bằng nhau

☆ Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng khác và tạo với hai đường thẳng này hai góc ở trong cùng một bên có tổng bé thua hai góc vuông, thì đường thẳng này hay phần kéo dài của chúng sẽ gặp nhau bên phía mà tổng số góc bé thua hai góc vuông.

Định đề năm gọi là định đề Euclide đã gây sôi nổi cho các toán gia. Nhiều toán gia muốn chứng-minh đề « năm » là kết quả của « bốn » định đề kia như Proclus (410-485: Hy-Lạp), Nasir Eddin (1201-1274: Ba tư), Catadi (1400: Ý) và Giordano Vitale (1633-1711: Ý), Wallis (1616-1703) là người đã nhận ra đầu tiên định đề Euclide có thể chứng - minh được nếu chấp nhận có một tam giác đồng-dạng với tam giác đã cho và Linh mục Saccheri (1667-1773) là toán gia đầu tiên nhận thấy sự tương đương giữa « tổng số góc trong một tam-giác = 2 góc vuông » với « định đề 5 ».

Ngoài ra các toán gia Pháp như: Lagrange (1736-1813) Laplace (1749-1827), Legendre (1752-1833), Carnot (1753-1823), Fourier (1768-1830) đã quan tâm khảo sát định đề Euclide. Legendre là người đã nêu rõ rằng một khi chấp nhận có thể kéo dài vô tận một đường thẳng thì tổng số góc trong mọi tam giác nhiều nhất là hai góc vuông mà thôi.

c.) HÌNH HỌC PHI EUCLIDE VÀ HÌNH HỌC RIEMANN.

Dù rằng toán học Euclide gần như hoàn bị và có ảnh hưởng lâu dài, các toán gia trong tinh-thần tiến-bộ Toán học vẫn không ngừng hoạt-động và một loại hình-học mới ra đời gọi là hình học phi Euclide do các toán gia (Lobatchefsky (1793-1856). Gauss (1777-1856), Schweikart (1780-1857), Taurinus (1794-1874) và Bolyai (1802-1860). Các toán gia này chấp nhận rằng có thể vẽ qua một điểm vô số đường thẳng song song với đường đã cho.

Tuy môn hình học này chỉ là kết quả của sự suy nghiệm diễn-dịch của trí óc nhưng không khỏi gây băn khoăn cho các toán gia có khuynh hướng nghiên-cứu một sự kiện đơn thuần để giải thích sự hiện hữu những hình-thức đa diện.

Henri Poincaré (1854-1912) đã đoán nhận hình học Lobatchefsky bằng các định-nghĩa lại khoảng cách giữa hai điểm, độ dài một cung và diện-tích một mặt. Ngoài ra còn một giả thiết thứ ba có thể chấp nhận để thay vào mệnh đề Euclide: « Ta không thể vẽ được đường thẳng qua một điểm mà không gặp một đường thẳng đã cho ». Giả thiết này nghịch lại với định-đề nói về sự kéo dài vô tận của một đường thẳng. Toán gia Riemann (1826-1866) cho rằng mọi đường thẳng đều có độ dài hữu hạn.

Như vậy trong hình-học Riemann, khái-niệm song song biến mất và tổng số các góc trong một tam giác lớn hơn hai góc vuông. Hình học Riemann sau này Einstein (1879-1955) dùng làm nền tảng để phát biểu các nguyên lý của thuyết tương đối.

d.) NHỮNG BÀI TOÁN LỊCH SỬ CỦA HÌNH HỌC EUCLIDE.

Về hình-học phẳng, việc dùng thước và compa để thực hiện những bài toán vẽ đã đưa đến những bài toán mà trong lịch-sử toán học chưa có toán gia nào vẽ nổi.

1.— *Cầu phương 1 vòng tròn* (vẽ 1 hình vuông mà diện tích bằng diện tích một vòng tròn đã cho).

2.— *Nhân đôi một khối vuông* (cho sẵn một đoạn biểu diễn cho cạnh của hình lập phương, vẽ một đoạn biểu diễn 1 cạnh của 1 hình lập phương khác có thể tích gấp đôi thể tích hình lập phương trên).

3.— *Chia một góc thành 3 góc bằng nhau* Những bài toán này có 1 giá - trị lịch-sử tuyệt vời mãi cho đến nay với ngần ấy phương pháp mà không có ai giải nổi.

Về bài toán thứ hai: Có 1 giai thoại lịch-sử lý thú như sau:

Vào thế-kỷ 6 trước Tây-lịch, người Athènes bị bệnh dịch hoành hành và họ đến thỉnh ý phương pháp trị liệu với một nhà tiên tri tại Delos. Nhà tiên tri phán rằng phải thay bàn thờ Apollo bằng một bàn thờ mới có thể tích gấp đôi bàn thờ cũ. Người Athènes bèn lập một bàn thờ có cạnh gấp đôi bàn thờ cũ và bệnh dịch vẫn hoành hành vì họ có hay đâu rằng bàn thờ mới này có thể tích gấp tám lần bàn thờ cũ...

2.) Toán học với văn minh nhân loại.—

Như phần trình bày trước, toán học là nền tảng của mọi sự tiến-bộ của nhân loại, nhất là tiến-bộ về khoa học và kỹ-thuật. Như thế, chúng ta không thể chối bỏ được ảnh hưởng của toán học trong văn hóa nhân loại. Toán-học hiện diện hầu hết trong các hoạt - động văn-hóa như hội-họa, âm-nhạc, triết lý, xã hội học... và sự hiện-diện này quan trọng như Spengler đã nói rằng: «Việc khảo sát toán học của bất cứ một nền văn-minh nào cũng làm nổi bật lên đặc tính chung cho các hình - thức sinh-hoạt khác của tư-tưởng trong nền văn-minh đó».

Từ ngàn xưa, toán học Euclide có tính chất «tĩnh» nghĩa là toán học Euclide chỉ khảo sát những hình cố-định trong không gian, kể đến, toán học Hy-Lạp chỉ khảo-sát những hình có kích-thước hữu hạn mặc dầu họ chấp nhận tính chất dài vô hạn của đường thẳng. Nhưng họ lại không có ý-niệm gì về «phần tử vô cực». Ngoài ra, toán học Hy-Lạp còn chú trọng đến những gì có thể thấy được mặc dù Pythagore đã tìm ra số vô tỉ (thế kỷ 6 trước Tây-Lịch) trong khi khảo-sát về độ dài. Tuy thế, người Hy-Lạp không bao giờ biết đến số âm, số Zéro và số ảo. Hơn thế nữa, người Hy-Lạp còn coi trọng hình-dạng trong toán học.

Phải chăng vì quan-niệm toán học của người Hy-Lạp như vậy mà họ ít ưa mạo hiểm? Về âm nhạc thì chỉ có âm điệu du dương mà không có hoà âm? Về hội-họa thì

không có chiều sâu và viễn tượng? Về kiến trúc thì nặng nề về hình thái? Tuy vậy ngành kiến trúc và điêu khắc được người Hy-Lạp dùng nhiều về các hình thể Toán học.

Toán học đi từ tính chất «tĩnh» qua tính chất «động» khi mà các người Ấn-độ và một số các người khác tìm cách giải-quyết các bài toán có tính chất lượng bằng đại số (Thế kỷ 14: Thời phục hưng). Từ đó, các khái-niệm căn bản về biến tố ẩn tàng trong mọi công thức của người Ai Cập và Hy Lạp trở nên có ý nghĩa; và cũng từ đó nảy sinh ý niệm về hàm có ẩn số và toán học khoác lên mình một bộ áo mới: «Toán học có tính chất động».

Điều quan trọng hơn cả của toán học cận đại là sự tự do khai triển những ý niệm toán học mà không cần so sánh với những mẫu mực hiển nhiên trong thế giới vật lý.

Cũng trong thời gian này hình học phi Euclide ra đời: Trong đó người ta thiết lập một lý thuyết để giải quyết những vấn-đề vô-hạn. Trong lúc đó, khoa học bắt đầu khảo-sát định-lượng về thế-giới (Thế-kỷ 16): Những định-luật vật-lý hiện ra dưới dạng các hàm. Ngành động lực-học bắt đầu xuất hiện, người ta khảo sát về quả đất, bầu trời từ đó phát sinh một ngành mới: Thiên văn học.

Gần đây hơn, khoa-học đã nương theo việc mô tả các hiện-tượng vật giới bằng cách cấu-tạo thuần luận lý; từ đó, triết học trở thành liên-hệ mật-thiết với những kết-quả của khoa-học và những kết quả này lại chi phối triết học không ít.

Qua phần trình bày tuy giản lược trên, chúng ta thấy rằng đặc tính của toán-học liên-hệ mật-thiết với những đặc tính của một nền văn-hóa tương-ứng. Ngoài ra ta còn có thể chứng-minh rằng «Lịch-sử của tư tưởng toán-học có tác dụng hỗ tương với lịch sử của nền văn minh đồng thời». Điều này hẳn nhiên không có nghĩa là toán học gây nên biến chuyển từ nền văn minh này sang nền văn minh khác mà toán học phản ánh trung thực mỗi nền văn minh như vậy.

Lê - Bá - Tròn

Tài liệu tham khảo:

- 1) Cours d'algèbre — Roger Godement.
- 2) Eléments d'histoire des Mathématiques — Bourbaki, Hermann.
- 3) Abstract Algebra — Chi-han-sah.
- 4) Các tập san « Học toán » 1,2,3,4
- 5) An Introduction to the Foundations and Fundamental Concepts of Mathematics — Howard Eves và Carroll V. Newson.
- 6) Tự điển Danh-nhân thế giới — Trịnh Chuyết.
- 7) Dictionnaire des Mathématiques modernes — Larousse.

Doanh-thương trong lãnh-vực

KINH-TẾ HIỆN-ĐẠI

LÊ QUANG PHÚ

«Người Việt sinh ra là đã biết buôn bán». Câu nói này thật không ngoa chút nào, nếu chúng ta để ý đến các em bé Việt-nam ngồi chơi với nhau, chúng lên hai lên ba, nói đang còn bập bẹ, nhưng chơi buôn bán thì rành rồi lắm. Chúng lại còn biết sử-dụng những gì làm tiền bạc v.v...

Thế mà khi lớn lên trong lãnh-vực kinh-tế trên thương trường người Việt đã thua kém người Trung-Hoa. Văn-hóa cổ-truyền Trung-hoa coi trọng kẻ sĩ, thường nói nhất Sĩ, nhì Nông, tam Công, tứ Thương, nhưng nay họ đã cải-tiến; trái lại người mình vẫn khăng khăng bám giữ cái văn-hóa lỗi thời du-nhập từ Trung-hoa đã hơn ngàn năm. Văn-hóa không thể nào cố-định, nó phải được cải-tiến theo thời-gian, phù hợp với đời sống của đà tiến-hóa nhân-loại nhất là trong lãnh vực kinh-tế khoa-học.

Sự di-cư vĩ-dại của đồng-bào Bắc-việt vào Nam đã thay đổi phần lớn nền kinh-tế nước nhà, mà trước kia hầu hết các nguồn lợi kinh-tế đều nằm trong tay người Hoa-kiều. Nếu chúng ta đã có dịp vào Chợ-lớn trước đó, chúng ta có thể đã tưởng chừng mình đang ở trên lãnh-thổ Trung-hoa, vì từ một hiệu buôn nhỏ đến hiệu buôn lớn đều do người Hoa-kiều quản-trị, thậm chí vào một tiệm cao-lâu gọi một thức ăn bằng tiếng Việt cũng cần một thông-ngôn.

Gần đây chúng ta có chính-sách tự-túc phát-triển kinh-tế. Thiết-tưởng phát-triển kinh-tế không thể là bốn chữ trên bức hoành-phi son son thép vang mà nó cần phải được thực thi. Một trong những vấn-đề liên hệ đến chương-trình phát-triển kinh-tế là phát-triển giáo-dục kinh-tế. Vậy phát-triển giáo-dục không phải là phát-triển từ-chương thi-phú; vẫn biết thi-phú nhạc họa là những cánh hoa trắng điểm trên cành lê làm cho cuộc đời tươi đẹp khi con người nhận hạ hay ăn không, ngồi rồi. Nhưng đối với con người cần lao, cánh đồng lúa chín thiên nhiên, vũ-trụ là những bức họa, gió thổi, tiếng máy cày là những bản nhạc đã

sẵn có. Vẫn biết nó cũng là một nhu-cầu đấy, nhưng là một xa-xỉ phẩm. Con người cần có một mức sống cao hơn. Thiết-tưởng không ai trong chúng ta lại muốn có một đời sống giống như cha ông chúng ta ngày trước về phương diện vật-chất, vì thực-tế vật-chất là căn bản của cuộc sống con người. Vậy muốn sống con người phải làm việc hoặc sản-xuất hóa-phẩm hoặc cung-cấp dịch-vụ, để tạo ra lợi-tức bảo-đảm cho đời sống của chính mình, của gia-đình và xã-hội mình, nói tóm lại là phải tự-túc. Làm việc đây có nghĩa là phát-triển kinh-tế.

Phát-triển kinh-tế cần phải được thực hiện trong hai lãnh-vực :

— giáo-dục kinh-tế

— thực thi chương-trình kinh-tế toàn diện.

Trên cương-vị của nhà giáo, chúng tôi chỉ đề cập đến vấn-đề giáo-dục kinh-tế, còn kinh-tế gia sẽ đảm-nhiệm việc hoạch-định thực thi chương-trình và dự-án phát-triển kinh-tế.

Vì tính cách quan-trọng của vấn-đề kinh-tế và nhu cầu hiện tại, trường Kiều-Mẫu Huế đã thêm vào chương-trình một môn học mới tức là môn Doanh Thương. Môn học này có thể mới lạ ở Việt-Nam, nhưng nó đã được dạy tại các trường của người Trung-hoa ở Việt-Nam, cách đây trên mười năm và hơn thế nữa.

Danh-từ «Doanh-thương giáo-dục» có nghĩa gì? Học-sinh sẽ học gì về môn Doanh-thương?

Khi nghe nói đến Doanh-thương, có vị đã không đồng ý để con em mình học và cho rằng học làm gì cho mất thì giờ, ồ môn học mua bán, lòn lên đi phố đi chợ thì biết v.v... Nếu có ý nghĩ như vậy, quý vị đã hiểu lầm nó.

Mục-dịch của môn Giáo-dục Doanh-thương là tạo cho học-sinh ý-thức, hiểu biết tất cả các sinh-hoạt kinh-tế trong cộng đồng và trở nên người tiêu-thụ khôn-ngoan. Vậy hai điểm chính-yếu của môn học này là «sự hiểu biết» và «khôn-ngoan».

Chúng tôi thiết-tưởng đối với các em học-sinh làm thế nào cho chúng ý thức được sự việc và phân-tích được sự lợi hại thua-thiệt là đủ rồi. Chúng ý-thức được con người trong đời sống kinh-tế là phải sản-xuất để tạo ra lợi-tức, ý-thức được giá-trị của cần-lao, ý-thức được sự sử-dụng lợi-tức một cách khôn-ngoan hợp-lý.

Môn học này rất đơn giản chỉ là phần nhập-môn của các vấn-đề liên-

quan đến đời sống hằng ngày của chúng ta, như các em học sinh phải làm gì khi các em muốn giúp cha mẹ :

- gọi điện thoại
- gửi một thư bảo-đảm
- gửi tiền tiết-kiệm
- giữ sổ nợ, chơi hụi
- mua công-khố phiếnv.v...

Đó là một số vấn-đề trong chương-trình học mà các học-sinh cần phải biết chuẩn-bị cho cuộc sống ngày mai của một nông-dân muốn tiếp-xúc với ngân-hàng phát-triển nông-nghiệp để gửi tiền, vay tiền, mua nông-cụ, của một thương-gia muốn giữ sổ-sách mua bán, viết thư-tín, của một công-chức muốn giữ sổ-sách hồ-sơ, của một công-nhân muốn đầu tư tiền để có thêm lợi tức, của một sinh-viên muốn để dành số tiền kiếm được v.v...

Sau đây là đại - cương chương - trình Doanh - thương dạy từ lớp Tám trở lên :

- Lớp Tám : Doanh-thương tổng-quát
- Lớp Chín : Đánh máy
- Lớp Mười : Tờ-ký, Tờ-chức văn-phòng
- Lớp Mười Một : Kế-toán, Sử-dụng bàn toán Á-đông, Sử-dụng máy toán điện-tử.
- Lớp Mười Hai : Kế-toán, Thư-tín Anh-Pháp-Việt.

Chương-trình đã được áp-dụng từ năm 1967 đến nay. Nhưng từ 1972 trở đi chúng tôi đã có một dự-án đề-nghị sửa đổi chương-trình này để nó phù với nhu-cầu và đời sống kinh-tế địa-phương đại-chúng, đó là chương-trình « Doanh-thương hậu-chiến ».

LÊ QUANG PHÚ

Phương - pháp dạy

Văn-phạm tiếng Anh theo mẫu câu

PHẠM VĂN ÁM

1. — MỤC-ĐÍCH

Al cũng công nhận phương-pháp dạy văn-phạm bằng cách trình-bày cho học-sinh các định-luật văn-phạm rõ-ràng đầy-đủ và bắt học-sinh học thuộc đề trả bài, rồi sau đó đem áp-dụng để phân-tích, tìm hiểu bài văn và để viết câu cho đúng, nay đã lỗi thời vì không gặt hái nhiều kết quả. Một phương-pháp khác nhằm tránh các điểm thiếu sót của phương-pháp trên, chú trọng đến cách bắt học sinh học thuộc các câu nói đúng văn-phạm. Mặc dầu theo phương-pháp này, học-sinh trực-tiếp sử-dụng ngôn-ngữ đem ra giảng dạy tức là trực-tiếp nghe và nói, nhưng vì không phân-biệt câu dễ với câu khó, giản-dị với phức-tạp, thành ra phương-pháp trình-bày thiếu một căn-bản khoa-học và kết-quả tuy khả quan nhưng tốn công và phí sức của người học. Gần đây các nhà ngữ-học đã nghiên-cứu kỹ các yếu-tố kết hợp thành ngôn-ngữ nên họ đã tìm ra một phương-pháp dạy văn-phạm tương-đối hữu-hiệu hơn, dựa trên một căn-bản hợp-lý để phân chia câu ra thành nhiều loại khác nhau căn-cứ vào các mẫu câu hay dạng văn-phạm (Pattern). Với phương-pháp này học-sinh chỉ tập những điểm khó khăn hay khác biệt với tiếng mẹ đẻ nhiều hơn là tập cho quen thuộc tất cả cái khó lẫn cái dễ với một sức cố-gắng bằng nhau. Do đó học sinh sẽ

nắm vững cách đặt câu, bằng phương-pháp dạy theo mẫu thực-hành (pattern practice, pattern drill) mà không cần nhớ nhiều các định-luật văn-phạm. Nhờ sự tập dượt, lặp đi lặp lại nhiều lần nên học sinh có thể nhớ kỹ các mẫu câu tiêu biểu như là một thói quen và sau đó có thể nói đúng một cách nhanh mà không cần suy nghĩ. Phương-pháp dạy văn-phạm bằng các mẫu câu tức là phương-pháp dạy các *dạng của chữ* và *thứ tự của chữ* ở trong câu. Giáo sư bắt-buộc phải sử-dụng thì giờ trong lớp để tập cho học sinh nghe và nói các câu mẫu hay câu thí dụ cho thật thuộc đề rồi tự mình có thể biến đổi câu bằng cách thay thế từng phần của câu. Đó là bước đầu để tiến tới chỗ có thể diễn tả ý-tưởng của mình một cách trung thực tùy theo nhu cầu của từng trường-hợp.

Công việc giảng dạy văn-phạm của một sinh-ngữ tại các lớp đệ nhất cấp không nặng nề về lý thuyết như ở các lớp đệ nhị cấp hay đại-học. Ở các lớp đệ thất, đệ lục chẳng hạn, học sinh mới tập tễnh sử dụng một ngoại ngữ. Học sinh không bắt buộc phải học nhiều từ ngữ hay các cú pháp phức tạp. Vì vậy sự áp dụng phương-pháp dạy theo mẫu câu trở nên thuận tiện cho thầy giáo và lại giúp học sinh thấu nhận dễ dàng hơn. Muốn cho phương-pháp này có kết quả thì ta phải đặt nặng vấn đề thực-hành. Chữ drill hay practice bao

hàm ý nghĩa thực-hành hay tập dượt, thường là thực hành bằng miệng nên gọi là «oral drill». Người ta thường bảo nếu tập-dượt hay thực hành thì sẽ có được một thói quen tốt và hoàn bị. Muốn cho học sinh quen nghe và quen nói thì phải thực hành cho thật nhiều, và khả năng sử dụng một ngôn ngữ chẳng qua chỉ vấn đề thói quen mà thôi.

Trong quá trình sử dụng ngôn từ thì nghe và nói là hai giai đoạn đầu tiên mà cần bản là tạo phương tiện cho con người diễn đạt và lĩnh-hội các ý-tưởng. Trong mọi sinh hoạt hằng ngày của đời sống xã hội con người thường dùng lời để truyền đạt, liên lạc hay giao tiếp hơn là chữ viết. Chính vì vậy mà ngày nay người ta quan tâm nhiều đến phương pháp dạy nói một sinh-ngữ. Và lại từ chỗ nói đến chỗ viết, thiết tưởng cũng không phải là một vấn đề khó khăn lắm. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta chỉ dạy nói chứ không dạy viết. Nhưng điều quan-trọng là dạy nói trước khi dạy viết. Vấn đề này được đặt ra là vì trong phương-pháp dạy văn-phạm theo mẫu câu, chúng ta phải trình-bày cơ-cấu của các câu dưới hình thức các câu tập bằng miệng tức là mẫu thực hành bằng miệng (oral drill). Nếu đã dùng qua bộ sách *English For Today* để làm tài liệu giảng dạy cho các lớp đệ thất và đệ lục thì chúng ta thường thấy các thí dụ trong bài học đều là các câu chứa đựng các dạng văn-phạm. Các dạng văn-phạm thông thường này tuy dễ nhưng đối với học sinh ở trình độ mới bắt đầu thì lại rất xa lạ.

II.— PHƯƠNG-PHÁP

Hy vọng rằng sau khi đã nhận định rõ ràng và đúng đắn về đường lối phải áp dụng để đạt được mục đích giảng dạy, chúng ta có thể đề cập đến phương thức để thực hiện mục đích đó. Tập dượt hay thực hành (tạm dịch hai chữ drill và practice) là hình thức luyện nói và nghe hữu hiệu hơn cả mà giáo sư dạy sinh-ngữ bắt buộc phải dùng để hướng dẫn lớp học. Sinh hoạt này chiếm phần

lớn thì giờ trong lớp. Muốn áp dụng hình thức tập dượt hay thực hành này, giáo sư phải thông thạo và sử dụng chúng vững vàng. Phần lớn các mẫu thực hành đều được soạn sẵn trong hai quyển đầu của bộ *English For Today* theo nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên trong vài trường hợp cần thiết, giáo sư có thể tự mình soạn lấy các mẫu thực hành để dùng cho phù hợp với nhu cầu của lớp học. Do đó chúng ta cần biết rõ nguyên tắc soạn các mẫu thực hành và phương-pháp trình bày ở trong lớp.

A.— NGUYÊN TẮC SOẠN MẪU THỰC HÀNH.

1. Mẫu thực hành (pattern practice) thường chứa đựng một dạng văn phạm (pattern hay grammatical pattern) và mỗi dạng văn phạm là một vấn đề khó khăn thuộc về văn phạm được xem như là một trở ngại tách biệt, riêng rẽ, không kết hợp với những vấn đề văn-phạm khó khăn khác. Như vậy mỗi dạng văn-phạm hay mỗi mẫu câu không phải là một câu, và thuộc lòng một câu không có nghĩa là nhớ một mẫu câu tức là một dạng văn phạm.

2. Một dạng văn-phạm phải được xếp đặt trong một câu đơn giản gọi là câu thực hành (drill sentence) nhiều câu thực hành thuộc cùng một chủ đề, tức là chứa đựng cùng một dạng văn-phạm, ghép lại với nhau thành 1 bài tập thực hành (drill exercise) gọi là mẫu thực hành (pattern practice). Các phần hay yếu tố của mẫu thực hành, thí dụ như từ-ngữ hay thành-ngữ chẳng hạn, đều phải dạy trước hay tốt hơn là đã thuộc rồi. Có như vậy khi tập một mẫu câu, học sinh mới không bị chia trí vì các trở ngại phụ đó và học sinh mới có thể chú ý đề tập cho quen phần chính-yếu tức là cơ-cấu (structure) của câu hay nói cách khác là mẫu câu hay dạng văn-phạm.

3. Đôi khi gặp một dạng văn-phạm chẳng hạn như «Going» trong cách dùng «To be going

to» để diễn tả ý niệm về thời gian vị lai, chúng ta cần suy nghĩ xem nên chọn phần nào của dạng văn-phạm đó để dạy trước. Lẽ tất nhiên phải chọn phần giản dị để dạy trước.

Lấy một thí dụ trong quyển «English For Today I». Dạng văn-phạm «going» được xếp đặt trong câu thực hành (drill sentence) như sau:

— Are you going to have a party?

— Yes, we are. We're going to have one next week.

Phần giản dị trong thí dụ trên là:

— We're going to have a party next week.

Như vậy giáo sư cần phải soạn một số câu thực hành tương tự gọi là một mẫu thực hành:

— We're going to have a party next week.

— We're going to have a party next month.

— We're going to have a party tomorrow.

— We're going to have a party next monday.

— We're going to have a party tomorrow night.

— We're going to have a party tomorrow afternoon.

Hay cũng có thể soạn thêm một mẫu thực hành khác để tập hay ôn lại về cách dùng chữ «one». Thí dụ, có thể sửa đổi các câu thực hành trên bằng cách dùng chữ «one» để thay thế chữ «party».

Và nếu cần cũng có thể tập riêng phần trả lời vắn tắt: Yes, we are; No, we aren't để ôn lại hay giúp cho học sinh trả lời song suốt, trước khi đi vào phần câu hỏi.

Thường thường bài học được giới hạn trong một phạm vi nào đó cho nên giáo sư phải soạn thêm đề bổ túc và giúp học sinh nắm vững toàn bộ văn đề. Thí dụ trong khi tập cho học sinh phần nghi vấn của dạng văn phạm trên, giáo sư có thể biến đổi hay thêm vào bằng cách thay thế chữ «we» cho các ngôi khác hay thay thế *to have a party* bằng *to have a picnic, to play a game.v.v.*

B.— CÁC LOẠI MẪU THỰC-HÀNH.

Tất cả đều áp-dụng nguyên-tắc lặp đi lặp lại. Dùng các câu thực-hành để luyện cho học-sinh có được thói quen về một dạng văn-phạm dùng trong các câu nói hay viết, cốt là để tập cho học-sinh tập mãi từng dạng văn-phạm nằm trong câu nói thường cho đến lúc chín muồi và trở thành phản-ứng tự-động, không cần suy nghĩ, và nếu có suy-nghĩ thì sự suy-nghĩ này là một động-tác lựa chọn trong trí mà người học-sinh không cần phải chú-ý nhiều đến nỗi lẫn át cả sự vận-dụng trí óc để phô-diễn các ý-tưởng của mình trong một trường hợp nào đó. Vì vậy có thể nói được rằng các mẫu thực-hành khác là biến dạng của các mẫu thực-hành dựa trên nguyên-tắc lặp đi lặp lại. Các mẫu thực-hành có thể tạm dịch như sau:

— Mẫu thực-hành lặp lại (repetition)

— Mẫu thực-hành nối tiếp (addition)

— Mẫu thực-hành thay thế (substitution)

— Mẫu thực-hành tổng hợp (synthesis)

— Mẫu thực-hành biến đổi (transformation)

— Mẫu thực-hành vấn đáp (question-answer)

— Mẫu thực-hành đàm thoại (conversation)

I.— Mẫu thực-hành lặp lại (Repetition).

Các mẫu thực-hành lặp lại thường là các câu thực-hành giống với câu thực-hành mẫu có biến đổi một đôi chút bằng cách cộng thêm một yếu-tố mới vào. Mẫu thực-hành này thường

dùng để học-sinh ghi nhớ một dạng văn-phạm nhiều hơn là tập cho học-sinh có một phản-ứng đúng và nhanh trước một trở ngại văn-phạm.

Thí dụ: We 're going to school
We 're going to church
We 're going to town
We 're going to class
We 're going to work.

Thí dụ này dùng để dạy thể tiếm-tiến hay thể hiện-tại tiếm-tiến (present continuous), nhưng ta bắt buộc phải thay đổi thành ngữ giới từ ở đằng sau để cho khỏi nhầm và câu thực-hành có dáng-dấp của một câu nói thường và tự-nhiên. Dĩ-nhiên các thành-ngữ giới từ to school, to church, to town... này chúng ta đã dạy trước.

2.— Mẫu thực-hành nối tiếp (Addition).

Tùy theo trình-độ, các mẫu thực-hành đơn giản trên có thể trở nên phức tạp hơn nếu chúng ta càng thêm nhiều yếu-tố khác nữa của câu:

Thí-dụ: We 're going to school now
We 're going to church now
We 're going to town now
hay We 're going to school by bus
now
We 're going to church by bus
now
We 're going to town by bus
now

3.— Mẫu thực-hành thay thế (Substitution).

Ở đây chúng ta có nhiều biến thể. Nếu sửa đổi mẫu thực-hành thay thế đơn giản, ta sẽ có thêm các mẫu thay thế khác dùng để tập

cho học-sinh có một phản-ứng đúng và nhanh trước một trở ngại văn-phạm.

Các mẫu thực hành thay thế có thể:

a. Đơn giản. Thí-dụ:

g/s : I like the white house
h/s : I like the white house
g/s : grey
h/s : I like the grey house
g/s : new
h/s : I like the new house
g/s : big
h/s : I like the big house

b. Có vị trí thay đổi khác nhau. Thí dụ

g/s : I like the white house
h/s : I like the white house
g/s : car
h/s : I like the white car
g/s : new
h/s : I like the new car
g/s : hat
h/s : I like the new hat

c. Hỏi một sự biến đổi nào đó trong khi thay thế.

Thí dụ:

g/s : I want a good book
h/s : I want a good book
g/s : interesting
h/c : I want *an* interesting book
g/s : old
h/s : I want *an* old book

d. Bắt buộc phải biến đổi trước khi thay thế. Thí dụ:

g/s : The goods are coming
h/s : The goods are coming
g/s : boys

h/s : The boys are coming

g/s : child

h/s : The children are coming

g/s : woman

h/s : The women are coming.

e. Phức-tạp. Trong mẫu thực-hành này ta có thể thay thế nhiều yếu tố một lúc:

Thí dụ:

g/s : I don't run to school everyday

h/s : I don't run to school everyday

g/s : walk / town

h/s : I don't walk to town everyday

g/s : ride / work

h/s : I don't ride to work everyday

g/s : hurry / church

h/s : I don't hurry to church everyday.

4. Mẫu thực-hành tổng-hợp (Synthesis).

Loại mẫu thực-hành này ít thông-dụng hơn vì tương-đối ít có dạng văn-phạm phù hợp với mẫu thực-hành này. Vả lại, trình-độ có hơi cao vì ở đây ta thường gặp hai mệnh-đề được kết-hợp với nhau bằng các tiếng nối gồm liên-từ, trạng từ liên lạc và đại - danh - từ liên-lạc. Thí dụ ta có thể đổi mẫu thực-hành vấn-đáp (sẽ đề cập ở đoạn 6) trong quyển English for Today II, trang 162 trở thành mẫu thực-hành tổng-hợp như sau :

g/s : He came. I don't know when

h/s : I don't know when he came

g/s : He stayed. I don't know where

h/s : I don't know where he stayed

g/s : He left. I don't know why

h/s : I don't know why he left

g/s : He bought. I don't know how many apples.

h/s : I don't know how many apples he bought.

Muốn cho các câu trên khỏi nhàm cũng có thể đổi I don't know bằng I don't remember, I don't ask vv...

5. Mẫu thực-hành biến đổi (Transformation).

Mẫu thực-hành này hơi khó là vì phải đổi một dạng văn-phạm này thành một dạng văn-phạm khác.

g/s : Columbus discovered America in 1492

h/s : America was discovered by Columbus in 1492

g/s : The maid already cleaned the kitchen.

h/s : The kitchen was already cleaned by the maid.

g/s : Edison invented the telephone.

h/s : The telephone was invented by Edison.

g/s : Pearl Buck wrote «The Good Earth»

h/s : «The Good Earth» was written by Pearl Buck

6. Mẫu thực-hành vấn đáp (Question-answer).

Mẫu thực-hành này có thể xem là một phần hay một trường-hợp nhỏ của mẫu thực-hành đàm thoại.

Thí-dụ :

Do you go to school every weekday?

Yes, I do. (I go to school every week day)

How many brothers do you have?

Five. (I have five brothers)

What's your name?

Nam (My name is Nam)

Where do you live?

At 4 Nguyễn-tri-Phường (I live at 4 Nguyễn tri-Phường)

7. Mẫu thực-hành đàm thoại (Conversation).

Chỉ áp dụng mẫu thực-hành này khi biết-chắc học-sinh đã thuộc các dạng văn-phạm liên-hệ đến chủ-đề đàm thoại. Nếu học-sinh

có thể phản ứng một cách máy móc thì kết quả sẽ tốt đẹp vì mẫu thực hành này gần giống với các mẫu đàm thoại thông thường. Các mẫu thực hành khác có thể biến thành mẫu thực hành đàm thoại.

Thí dụ :

g/s : The students are busy.

h/s : Are teachers busy ?

Yes, they are.

g/s : The class can go faster.

h/s : Can the teacher go faster ?

Yes, he can.

g/s : The boys like dancing

h/s : Do the girls like dancing ?

Yes, they do.

g/s : We visited the campus yesterday.

h/s : Did the teacher visit the campus yesterday ?

Yes, he did.

c. PHƯƠNG PHÁP TRÌNH BÀY.

1. Trước tiên giáo sư phải kêu gọi ý nghĩ của học sinh để chúng có một ý niệm về vấn đề được đem ra giảng dạy. Sự kêu gọi (tạm dịch chữ motivation) có mục đích làm học sinh hiểu rõ công dụng của bài học hay quan tâm đến một kinh nghiệm mới mẻ, do đó sẽ đem lòng ham thích bài học. Có thể đưa một điểm văn phạm đã dạy rồi làm cho học sinh có cảm tưởng là một bài học ôn rồi từ đó dẫn dắt đến bài học mới. Như vậy sẽ tạo được một sự ngạc nhiên để kêu gọi trí tò mò của học sinh và làm cho chúng thích thú.

2. Muốn trình bày bài học cho có thứ tự thì phải đề ý các giai-đoạn sau đây :

a. Giáo sư đọc câu thực hành dùng làm mẫu, ít nhất là 2 lần cho mỗi câu, thật rõ ràng, đúng giọng, tự nhiên, không quá nhanh hay quá chậm. Học sinh nghe kỹ rồi thì sau đó hãy ra lệnh cho học sinh lặp lại (bằng tiếng Anh: repeat) theo mỗi lần giáo sư đọc câu thực hành mẫu.

b. Học sinh nghe kỹ và lặp lại bằng cách bắt chước cho thật giống. Bảo học sinh đừng lặp lại liền ngay sau khi nghe câu mẫu mà phải đợi một khoảnh khắc để chuẩn bị.

c. Lặp lại nhiều lần cho tới khi học sinh quen, không vấp vấp. Trong trường hợp này mỗi lần bắt học sinh lặp lại, giáo sư phải đọc câu mẫu trước. Đừng nên dùng lối ra lệnh vắn tắt chẳng hạn như « once more », thay vì đọc lại câu mẫu.

3. Phải dùng điệu bộ để tạo linh động hay hào hứng trong khi điều khiển lớp học, nhất là để làm cho học sinh chú ý đến các phần thay đổi trong các câu thực hành.

4. Cách thức điều khiển lớp học bằng cách áp dụng mẫu thực hành cần phải theo thứ tự sau đây để giúp học sinh trải qua giai đoạn bắt chước (nhại lại) và ghi nhớ (mimicry-memorization).

a. Tập cho học sinh đọc *cả lớp* bằng cách lặp lại một cách đều đặn, rập ràng. Trong khi lặp đi lặp lại, học sinh có thể bắt chước nhau để đọc cho đúng.

b. Tập cho học sinh đọc theo từng *nửa lớp*, nếu học sinh đông, có thể chia ra từng nhóm nhỏ tức là một hay hai bàn ; như vậy giáo sư dễ nhận ra chỗ lầm lẫn của học sinh và sửa chữa ngay.

c. Tập cho học sinh đọc *từng người*, chỉ áp dụng giai đoạn này khi học sinh đã đọc khá thành thạo. Dĩ nhiên sự thành thạo lệ thuộc vào câu khó hay dễ, lớp đông hay ít và mức độ thành thạo là tùy theo sự xét đoán, ước lượng của giáo sư. Nếu có thể nên cho mỗi học sinh đọc một lần.

d. Kỹ thuật đọc, từ sau ra trước. Thí dụ câu: « He eats dinner at a restaurant every evening » có thể cắt ra từng phần nhỏ và đọc ngược từ sau tới trước theo mẫu sau đây :

— Every evening

— at a restaurant

— dinner at a restaurant

— He eats dinner at a restaurant every evening.

5. Tùy theo trường hợp và điều kiện sẵn có mà giáo sư tiên liệu trước đề trình bày trong lớp, chúng ta có thể áp dụng các hình thức trình bày sau đây.

a. TRÌNH BÀY MIỆNG.

Thí dụ muốn dạy «do» trong câu nghi vấn:
Do you understand me? Chúng ta hãy:

— Tập đọc nhiều lần câu thực hành mẫu hay câu tiêu biểu, cho học sinh quen miệng, không vấp vấp. Có thể giải thích văn phạm bằng cách nhắc cho học sinh biết là thêm «Do» ở đầu 1 câu xác định và thêm dấu hỏi ở sau cùng:

— You understand me

— Do you understand me?

— Dùng tiếng mớm (cues) rồi tự mình đọc luôn câu thực hành (drill sentence)

— Do you understand me?
hear

— Do you hear?
see

— Do you see me?

— Sau đó chỉ dùng tiếng mớm, còn câu thực hành thì để cho học sinh đọc lấy.

— Do you understand me?
hear

— Do you hear me?
see

— Do you see me?
like

— Do you like me?
believe

— Do you believe me?

b. TRÌNH BÀY VỚI HÌNH ẢNH.

Dùng 1 đồ biểu có hình ảnh mà học sinh đã từng trông thấy hay có thể nhận ra được

các hình ảnh đó là gì. Trong trường hợp này các hình ảnh sẽ thay thế cho chữ mớm.

— Tập đọc các câu thực hành mẫu hay tiêu biểu nhiều lần cho học sinh quen miệng, không vấp vấp. Mỗi lần đọc thì phải chỉ vào một hình ảnh trên đồ biểu; khi chỉ vào chiếc tàu lửa thì đọc:

— Do you see the train?

— Giáo sư chỉ vào hình ảnh kế tiếp rồi tự mình tự đặt lấy các câu thực hành mới làm:

Do you see the train?

Do you see the ship?

Do you see the plane?

— Sau đó thì chỉ vào những ảnh kế tiếp và học sinh sẽ tự động đọc các câu thực hành do chúng làm ra.

Do you see the bus?

Do you see the bird?

Do you see the fish?

Do you see the elephant?

— Giai đoạn sau cùng là gọi từng học sinh và bắt tự mình đọc các câu thực hành vừa mới tập, nhưng không theo một thứ tự nào cả bằng cách chỉ vào các hình ảnh nằm ở nhiều vị trí khác nhau trên đồ biểu.

Cũng có thể che các hình ảnh đề hỏi về thể nghi vấn và bắt học sinh trả lời về phủ định. Như vậy ta có một mẫu thực hành đàm thoại nhỏ bằng hình ảnh.

c. TRÌNH BÀY VỚI CÁC ĐỒ VẬT.

Các đồ vật hay dụng cụ có thể có sẵn trong lớp hay đã chuẩn bị trước. Phương pháp này rất thông dụng vì mang tính chất cụ thể. Thiết tưởng không có một giáo sư sinh ngữ nào lại không dùng tới phương pháp này một cách vô tình hay hữu ý.

III.— KẾT LUẬN

Điểm then chốt của phương-pháp dạy văn-phạm theo mẫu câu hay dạng văn-phạm là phải nhận định rõ-ràng một mẫu câu hay dạng văn-phạm chứa đựng các yếu-tố văn-phạm nhỏ khác thí-dụ như dạng của chữ (word form) hay vị-trí của một chữ đặc-biệt nào đó ở trong câu (word order). Vì vậy khi áp-dụng phương pháp này hãy đặc biệt chú ý riêng từng yếu-tố nói trên và nếu cần thì cũng phải đem ra thực-hành để làm nhẹ bớt các trở ngại thứ yếu trước khi đi vào mẫu câu chính, tức là toàn bộ của các yếu-tố được kết-hợp lại. Thí dụ, nếu xét một cách thuần-túy về văn-phạm không đề-cập giọng đọc hay nhịp điệu của câu thì với một câu thông-thường và giản-dị như: «This is a book», mặc dầu không giải thích văn-phạm dài dòng nhưng chúng ta cần phải phân biệt ở trong trí các trở ngại nhỏ như trong trường hợp muốn làm nổi bật sự khác biệt giữa hai câu «This is a book» và «This is an eraser», hay nếu gặp một câu «Is this a new book?» thì những trở ngại mà chúng ta cần phân-biệt có thể là:

- Vị trí của chữ is
- Vị trí của chữ new
- Dạng của chữ a và an (an old book ; a new book). Nói một cách vắn-tắt thì vấn-đề này hoàn toàn tùy thuộc vào sáng kiến và óc phân-tích của giáo-sư.

Như trên đã nói, các mẫu thực-hành thường dùng để dạy văn-phạm theo kỹ-thuật bắt chước và ghi nhớ các câu nói thông thường theo nhịp độ đàm thoại. Vì vậy, phần lớn kỹ-thuật này nhằm phát triển hai tài năng (skill) nghe và nói. Tuy nhiên đối với các trình-độ cao hơn, chúng ta có thể đặt nặng vấn-đề đọc và viết. Hai tài năng này thường được phát-triển triệt để trong hai giai đoạn sau cùng của quá-trình học sinh-ngữ. Nếu không kể các phương-pháp trắc-nhiệm dùng với mục-đích kiểm-soát và đo lường khả-năng thấu nhận của học-sinh, thiết tưởng cũng nên nhắc đến hai loại bài tập rất hữu-ích trong việc luyện cho học-sinh nắm vững một sinh-ngữ nhất là về phương-diện viết. Đó là chính-tả và tác-văn. Vì nói đến dạy văn-phạm mà muốn bao quát

và hoàn-bị thì phải tùy trình-độ mà áp-dụng các kỹ-thuật khác nhau. Đối với giai-đoạn tập nghe và nói thì hai loại bài tập này, nhất là tác-văn, ít dùng hơn; trái lại kỹ-thuật bắt chước và ghi nhớ các mẫu câu thường không dùng nhiều ở giai đoạn đọc và viết.

Phương-pháp dạy văn phạm theo các mẫu câu đòi hỏi sự làm việc nhiều và chu đáo hơn. Giáo-sư phải có sáng kiến để biến các tài-liệu trong sách thành những bài soạn (Lesson plans) xếp đặt kỹ-càng theo một thứ nào đó cho dễ trình bày tại lớp và học-sinh thấu nhận nhanh. Ngoài ra, còn phải nắm vững phần phát-âm vì các mẫu thực-hành thường không dùng để dạy viết mà dạy nói. Phương-pháp này có phần nhọc-nhẫn cho giáo-sư nhưng có được cái lợi là nếu kiên-tâm và khéo-léo trong việc điều-khiển lớp học thì kết-quả chắc sẽ khả-quan hơn nhiều. Lý do thật dễ hiểu vì theo phương-pháp này thì học-sinh tập được được nhiều lần hơn là theo phương-pháp dịch. Ngoài ra học-sinh có cơ hội lặp đi lặp lại nhiều lần nên có thể thuộc bài học ngay tại lớp.

Còn như nói về các trở ngại do tình-trạng thiếu-thốn về điều-kiện giảng dạy sinh ngữ tại Trung học thì có thể bảo là nhiều không tài nào kể xiết. Tuy-nhiên, một khi đã chọn nghề cho dù miễn-cưỡng hay theo sở thích, thì ai cũng muốn thỏa mãn ít nhiều với công việc mình đang làm. Thiết-nghĩ đó là lý do thúc đẩy sự cố gắng của mỗi cá nhân giáo sư khi phải đương đầu với các trở ngại nói trên.

Sau hết, vẫn biết những điều được đề-cập ở đây chẳng có gì mới mẻ cho lắm bởi lẽ nội dung của bài này chỉ là một lối khai-triển những ý-niệm về phương-pháp dạy văn phạm mà bất cứ một giáo-sư sinh-ngữ, đặc biệt là sinh ngữ Anh, đều cũng đã tìm hiểu và áp-dụng trong một phạm-vi nào đó. Tuy-nhiên, có thể hy-vọng rằng công việc tìm hiểu về phương-pháp dạy văn-phạm theo mẫu câu sẽ đưa tới sự khẳng-định về một lập-trường trong ý hướng tạo một không-khí húng khởi cho các lớp học sinh-ngữ.

PHẠM-VĂN-ẨM

Trắc - nghiệm

trong kỳ thi tuyển vào lớp Sáu.

I. — Định-nghĩa:

Trắc-nghiệm là một trong những hình-thức kiểm-soát và đo-lường, khám phá khả-năng của thí-sinh.

Phương-pháp trắc-nghiệm mang lại một kết-quả nhanh-chóng và hiệu-quả nhất. Nó có tính cách khách-quan và công-bằng hầu như tuyệt đối.

II. — Áp-dụng:

Phương-pháp trắc-nghiệm đã được ban Giám-đốc nhà trường cho áp-dụng ngay từ kỳ thi tuyển vào lớp Sáu năm 1964. Đó là khóa thi tuyển đầu tiên của trường. Từ đó đến nay các bài thi Trắc-nghiệm luôn luôn mang lại những thành-quả công-bằng và chắc-chắn hơn các hình-thức thi-cử khác.

III. — Hình-thức trắc-nghiệm:

Nhà trường đã áp-dụng rất nhiều hình-thức trắc-nghiệm trong bài tập kiểm-soát hàng tháng, ở các kỳ thi của các lớp 11, 12 và các kỳ thi lên lớp.

Riêng cho kỳ thi tuyển vào lớp 6, nhà trường chỉ chọn 3 hình-thức trắc-nghiệm sau này, vì dễ làm đối với học-sinh nhỏ:

1. Tiêu-luận
2. Lựa chọn
3. Điền-khuyết

VI. — Đề bài hay phiếu câu-hỏi:

Bài trắc-nghiệm kỳ thi tuyển vào lớp 6 trường Kiểu-mẫu dựa trên chương-trình bậc Tiểu-học, nhất là các lớp 4 và 5.

Tất cả đề bài hay phiếu câu hỏi cho kỳ thi tuyển vào lớp Sáu đều được in sẵn (bằng hình-thức ronéo). Sau đây chúng tôi giới-thiệu một ít câu hỏi trắc-nghiệm để làm tài liệu cho các em muốn dự thi vào Trường Kiểu-mẫu.

A. Việt-văn: gồm có 2 bài: một bài luận ngắn và một bài trắc-nghiệm chính-tả.

- Bài-luận: — đề tài: thuật sự hoặc tả cảnh
— hình-thức: chỉ trình bày vắn-tắt trong 20 dòng.

Ví-dụ: Tả quang-cảnh trường Trung-học Kiểu-mẫu trước giờ vào thi lớp Sáu và nói cảm-tưởng của em.

• Trắc-nghiệm chính-tả: gồm 1 số câu hỏi lựa chọn về hỏi ngã, phụ-âm tận cùng của mỗi tiếng là c hay t, hoặc n hay ng, phân biệt gi với d...

1. (a) bảo-đãm (b) bảo-đảm (c) bảo-đãm
2. (a) đặc-sắc (b) đặc-sắt (c) đặt-sắc
3. (a) lẫn-tăng (b) lẫn-tăn (c) lăng-tăn
4. (a) đại-giột (b) đại-dột (c) giải-dột

B. Toán: Bài trắc-nghiệm Toán cũng dùng các hình-thức lựa chọn và điền-khuyết, đôi khi 1 câu hỏi là một bài tính-đố được thu gọn lại.

Ví dụ:

1. Số nào chia đúng cho 3 ?

- (a) 421 (b) 534 (c) 263

Phân-số nào tối giản ?

- (a) $\frac{2}{8}$ (b) $\frac{9}{21}$ (c) $\frac{8}{13}$

3. 400 phút bằng:

- (a) 5 giờ (b) 6 giờ 40 phút (c) 6g 30

4. Đổi 20m² ra cm²:

- (a) 200cm² (b) 2000cm² (c) 200.000cm²

5. Trọng-lượng của một lít dầu là 970g. Tỉ-trọng của dầu là:

- (a) 9,7 (b) 0,097 (c) 0,97

6. Chia 1.000\$ cho A, B, C, D tỉ-lệ thuận với 1, 2, 3, 4. Phần của D là:

- (a) 200\$ (b) 300\$ (c) 400\$

7. Diện-tích của một tam-giác cạnh đáy 2m, chiều cao tương-ứng 10cm là:

- (a) 1m² (b) 10m² (c) 0,1m²

8. Hai động-tử A và B cách xa nhau 20km cùng đi một lần theo chiều AB. Vận-tốc của A là 50km/g và của B là 40km/g. Hỏi sau bao lâu thì A gặp B:

- (a) 1 giờ (b) 2 giờ (c) 3 giờ

C. Thường - thức: Bài trắc-nghiệm thường-thức gồm có các môn:

1. Công - dân
2. Sử - địa
3. Khoa - học quan - sát

Hình-thức trắc-nghiệm cũng chỉ trong 3 thể-thức đã nêu ở phần III.

Ví-dụ:

1. Ty Tiểu-học thuộc:

- (a) Bộ Giáo - dục (b) Bộ Nội - vụ
(c) Bộ Xã-hội

2. Quần đảo Nam-Dương (In-dô-nê-xia) là một quốc-gia thuộc về: (a) Mỹ - Châu
(b) Phi-Châu (c) Á-châu

3. Nguyên-nhân trực tiếp đã khiến Pháp tấn công Bắc-Kỳ lần thứ nhất là:

- (a) Vụ Henri Rivière
(b) Vụ Jean Dupuis (Đồ phở Nghĩa)
(c) Vụ Hoàng - hoa - Thám

4. Kéo, kim và đòn-bẩy nhờ định có:

- (a) điểm cân và điểm động ở hai đầu
(b) điểm tựa và điểm động ở hai đầu
(c) điểm tựa và điểm cân ở hai đầu

5. Một vật rơi bị không-khí cản lại nhiều hay ít tùy theo:

- (a) Trọng-lượng của chúng lớn hay nhỏ
(b) Thể - tích của chúng lớn hay nhỏ
(c) Diện-tích của chúng lớn hay nhỏ.

6. Chất nào có độ sôi cao nhất?

- (a) rượu (b) thủy-ngân (c) dầu hỏa

V. Phiếu trả lời và cách trả lời:

A. Phiếu trả lời:

1. Bài luận: Thí-sinh sẽ được phát một tờ giấy đề làm luận. Phần đề làm luận được gạch sẵn 20 dòng. Thí - sinh chỉ được làm trong 20 dòng này mà thôi. Tuyệt - đối cấm thí-sinh gạch thêm ở lề dưới hay lề bên cạnh đề viết thêm.

2. Phiếu trả lời câu hỏi: Trên mỗi phiếu trả lời, thí-sinh sẽ thấy ở hàng ngang, theo thứ-tự có những thành-phần sau:

— Một chữ số chỉ số thứ - tự của câu hỏi. Thường đánh từ số 1 đến số cuối cùng. Các chữ số này tương-ứng với chữ số ở đầu mỗi câu hỏi ở phiếu câu hỏi.

— Tiếp đến có ba chữ (a) (b) (c) Ba chữ này tương-ứng với 3 giải-đáp ở phần. câu hỏi. Sau khi đã lựa chọn, học-sinh chỉ đánh dấu X lên 1 trong 3 chữ trên mà thôi.

— Cứ 5 câu trả lời được sắp thành 1 hàng dọc với nhau

Mẫu trả lời Thường-thức, Toán và Việt-văn cũng cùng 1 hình-thức trên:

Ví-dụ:

- | | | |
|----------------|-----------------|-----------------|
| 1. (a) (b) (c) | 6. (a) (b) (c) | 11. (a) (b) (c) |
| 2. (a) (b) (c) | 7. (a) (b) (c) | 12. (a) (b) (c) |
| 3. (a) (b) (c) | 8. (a) (b) (c) | 13. (a) (b) (c) |
| 4. (a) (b) (c) | 9. (a) (b) (c) | 14. (a) (b) (c) |
| 5. (a) (b) (c) | 10. (a) (b) (c) | 15. (a) (b) (c) |

B. Cách trả lời :

1. Cách trả lời đúng: Lấy câu 03 của bài Trắc-nghiệm chính-tả làm ví-dụ:

03. (a) lẫn-tăng (b) lẫn-tấn (c) lẫn-tần
Chúng ta nhận thấy chỉ có trường-hợp (b) là đúng, vậy trên phiếu trả lời thí-sinh chỉ được kẻ là đúng khi đánh dấu (X) vào ô (b) và không đánh gì cả vào 2 ô (a) và (c).

03. (a) (X) (c) : đúng

2. Những lối trả lời sai: Tất cả mọi hình-thức có đánh dấu (X) khác với hình-thức đúng, đều xem là sai.

Ví-dụ :

- | | |
|-------------------|-------------------|
| 03. (X) (X) (X) : | đánh cả ba là sai |
| 03. (X) (X) (c) } | đánh cả 2 là sai |
| 03. (a) (X) (X) } | |
| 03. (X) (b) (X) } | |
| 03. (X) (b) (c) } | không đánh đúng |
| 03. (a) (b) (X) } | (b) đều là sai |

3. Không sai và không đúng: Không làm được.

Không làm được, thí-sinh không nên đánh cầu may mà nên để trống để khỏi bị trừ điểm.

03. (a) (b) (c) : không đánh ô nào cả là không sai không đúng

4. Đánh nhầm; sửa lại:

Vẫn lấy ví-dụ 03, chỉ có trường-hợp (b) lẫn-tấn là đúng, nhưng thí-sinh lỡ đánh vào ô (a) mất rồi.

03. (X) (b) (c) sai.

Bây giờ thí-sinh muốn sửa để đánh vào ô (b) thì thí-sinh hãy bôi đen ô a (●) và đánh vào ô (b);

03. (●) (X) (c)

Nhà trường khuyên thí-sinh hãy cẩn-thận trước khi đánh dấu X vào câu mình chọn để tránh trường-hợp bôi sửa như trên, vì thí-sinh sẽ không có thì giờ để bôi sửa và bài nào bôi sửa quá nhiều nghĩa là quá nhộp cũng có thể bị trừ điểm.

VI. Cách tính điểm:

Mỗi bài thi được chấm làm 2 lần cách biệt bởi 2 giám-khảo hay 2 nhóm giám-khảo khác nhau.

- Mỗi câu đúng được kẻ 1 điểm
- Mỗi câu sai bị trừ 1/2 điểm
- Mỗi câu không đánh, không trừ điểm nào cả.

VII. Các điểm cần lưu-ý khi làm trắc - nghiệm:

Một bài thi được gọi là hoàn-toàn khi:

- Đã ghi tên và số ký - danh trên phiếu trả lời
- Trả lời đúng các câu hỏi
- Không viết thêm, không vẽ các hình-ảnh vào phiếu trả lời.
- Đặt bút xuống (ngừng làm bài) khi nghe chuông reo hết giờ.
- Phải nộp phiếu trả lời và cả phiếu câu hỏi cho giáo-sư Giám-thị.

Phòng hướng-dẫn giáo-dục

Vấn - đề Quốc - văn

NGUYỄN - VĂN - MỸ

Trích bài diễn-văn thường-lệ trong lễ
phát phần thưởng niên-khóa 1968-1969.

VỚI những trào-lưu tư-tưởng mới của đời sống xã-hội hôm nay, chúng tôi bàn đến vấn-đề Việt-văn e rằng không khỏi có tính cách lỗi thời hay hủ-hóa. Nhưng một khi thể-giá của môn này chưa được những người có thẩm-quyền đặt cho đúng chỗ, thì theo thiên-ý thế nào cũng có người đặt lại vấn-đề.

Thông thường người ta hay nghĩ Việt-văn là tiếng mẹ đẻ, người không đi học cũng xử-dụng được ngôn-ngữ của mình. Đó là một ý-nghĩ sai lầm.

Trên trang báo này chúng tôi mạn phép trình bày ba điểm nhỏ trong vấn-đề Việt-văn:

- 1) *Giá-trị và địa-vị của môn Việt-văn*
- 2) *Vài nhận-định về chương-trình Việt-văn hiện-hành tại các trường Trung-học phổ-thông.*
- 3) *Những đòi hỏi trong chương-trình Việt-văn dùng tại Trường Trung-học Kiều-Mẫu Huế*



Với xã-hội hôm nay, hai tiếng Quốc-văn nghe xa vời quá. Người ta chỉ nhìn nó một cách khách-quan qua ngôn-từ «Việt-văn». Phải chăng đó chỉ là một môn học về văn-chương của một quốc-gia tên Việt? Nó chẳng khác gì khi học văn của Pháp, của Anh như chúng ta thường quen gọi Pháp-văn, Anh-văn. Chúng tôi đòi hỏi ở Quý-vị có thẩm quyền về giáo-dục cũng như ở Quý-vị giáo-sư Quốc-văn và ở học-sinh hãy nhìn môn này với con mắt chủ quan của dân-tộc. Cũng có lắm người nhìn môn Quốc-văn như một thứ hàng nội-hóa với nhãn hiệu «Made in Vietnam». Phải chăng về phương-diện thực chất nó không còn thiết-thực nữa, hay không có giá-trị ngang với Toán, với Lý-hóa, với Sinh-ngữ? Nếu thực quả vậy thì đó là một niềm đau-đớn và tủi-hờ cho chúng ta!

Môn Quốc-văn không phải chỉ đem lại cho học-sinh một số kiến-thức căn-bản về thơ văn, mà nó phải là một môn học mang nặng nhiệm-vụ đào-luyện tâm-hồn thanh thiếu

niên. Các môn học khác chỉ cho học-sinh một số kiến-thức khách-quan, đó là một thứ ánh sáng giúp học-sinh rọi sáng mọi ngõ-ngách của vũ-trụ và của con người. Những bài thơ, những đoạn văn không phải cho học-sinh những kiến-thức về vũ trụ, về nhân-sinh mà chính là mở ra trước mắt học-sinh một con người, một cuộc đời, một tâm-hồn. Vậy phải chăng môn Quốc-văn phải mang thêm trọng-trách làm nầy nọ tâm-hồn, tính-khí của học-sinh. Môn Quốc-văn đào-tạo một tâm-hồn yêu mến thơ văn, thay vì chỉ giao cho học-sinh một mớ kiến-thức về ngôn-ngữ và văn-chương để học-sinh có thể làm được một bài luận, trả lời được một số câu hỏi trong các kỳ thi. Kiến-thức là phần bị quên đi khi người học-sinh rời khỏi học-đường để đi vào một ngành chuyên môn trong cuộc sống với xã-hội; nhưng tâm-hồn có thể còn lại lâu dài. Vậy thì giáo-dục một tâm-hồn mới là quan-trọng hơn là trao lại một số kiến-thức đóng khung và khô-cằn.

Như ở phần trên chúng tôi đã trình-bày: môn học về tiếng mẹ là môn Quốc-văn thay vì như chúng ta thường gọi là Việt-văn một cách khách-quan. Xét trong chương-trình Trung-học, thì các môn Sinh-ngữ là những môn học hướng ngoại; các môn Khoa-học lại mang tính-chất phổ-quát, nó là tiếng nói chung của mọi con người trên thế-giới. Vậy thì trong chương-trình Trung-học môn nào đưa học-sinh trở lại với chính quốc-gia dân-tộc mình, với chính những rung-cảm sâu xa về thân-phận một con dân nước Việt. Chắc-chắn phải là môn Quốc-sử và môn Quốc-văn. Vì thế dạy Quốc-văn là dạy cho học-sinh con đường trở về nguồn. Căn-bản mọi sự hiểu biết của một công-dân phải khởi nguyên từ GỐC từ NGUỒN ấy mà ra, Gốc Nguồn chính là căn-bản. Một khi căn-bản không vững-chắc thì chúng ta cũng không nên xây-dựng gì cả. Tóm lại, hầu hết các môn học khác đều đào-tạo cho học-sinh trở thành một công-dân thế-giới; nhưng với Quốc-văn lại cố đào-tạo cho học-sinh trở thành công-dân của nước Việt-nam thân-yêu này. Vì thế, nếu bình-tâm mà xét cho kỹ thì môn Quốc-văn mang một trọng-trách khá nặng-nề, chứ không phải chỉ là một môn học hời-hợt dễ bị quên lãng giữa những nhu-cầu của cuộc sống hôm nay.

Quốc-văn còn là một trình bày, một phê-phán về cuộc sống của một tác-giả, của một nhân-vật. Như vậy cuộc đời được thu gọn trong những bài thơ văn, trong những vấn-đề mà học-sinh thấu nhận được qua bài học. Từ những cuộc đời những tư-tưởng này học-sinh có thể cân-nhắc so-sánh mà tìm được một hướng đi cho chính cuộc đời mình. Như vậy Quốc-văn là một môn học sinh-động hướng vào cuộc đời và vào tư-thế làm người.

Đây là về phương-diện nội-dung. Về hình-thức môn Quốc-văn cần được đặt biệt lưu-ý hơn vì nó là một chuyên ngữ quan-trọng. Học-sinh không nắm được ngôn-từ Việt-ngữ thì không thể nào hiểu, không thể nào thấu nhận cũng giống như không thể nào diễn-tả được nội-dung của các môn học khác. Quốc-văn là phương-tiện căn-bản của các môn Khoa-học và Văn-chương. Ngày nay, hầu hết các Đại-học Việt nam đều dùng Việt-ngữ làm chuyên-ngữ thì vấn-đề Quốc-văn ở Trung-học lại cần đem ra xét lại.



Nếu đã chấp-nhận vai trò quan-trọng của Quốc-văn thì cũng phải đòi-hỏi một chương-trình giảng-dạy thích-hợp với nhu-cầu. Nhưng như chúng ta thấy, trong vòng hơn 20 năm nay chương-trình Quốc-văn trên căn-bản vẫn không có gì đổi thay. Trong lúc đó các môn học khác lại được sửa-đổi từ chương-trình đến phương-pháp để thích-hợp với hoàn-cảnh xã-hội.

Nhìn lại chương-trình Quốc-văn hiện áp-dụng tại các Trường Trung-học phổ-thông, chúng ta thấy còn có nhiều khuyết-diểm cần phải sửa-chữa về văn xuôi, văn vần và văn-phạm.

Về văn xuôi tức là chương-trình Kim-văn chúng ta thấy có một sự cách biệt-quá xa giữa những bài văn trích-giảng cùng khả-năng của học-sinh. Đa số các bài trích-giảng là những tuyệt-tác. Đó là một điều rất hay mà cũng là một điều tối nguy-hiêm. Hay vì cho học-sinh biết được một đoạn văn tuyệt-diệu, còn về vấn-đề thực-dụng lại rất xa vời. Các tác-giả trích-giảng nếu không phải là thiên-tài thì cũng là những văn-tài lỗi-lạc. Tài-năng của tác-giả quá rực-rỡ nên giết chết tài-năng thơ-ngây vừa chớm nở ở học-sinh.

Hơn nữa những bài văn của Trương-vĩnh-Ký của Huỳnh-tịnh-Cửa ở chương-trình lớp bảy lời lẽ cú-pháp còn thô-sơ và xa lạ không cho học-sinh nắm vững được ngôn từ. Đó không thể là những bài học về văn-chương, mà chỉ là những tài-liệu về lịch-sử văn-học. Những bài nghị-luận có giá-trị của Phạm-Quỳnh lại quá khó đối với học-sinh lớp 9.

Còn về cổ văn, những tác-phẩm như Nhị-thập tứ-hiệu, Bích-câu kỳ-ngộ không thích-hợp cho học-sinh Trung-học Đệ-nhất-cấp về phương-diện nội-dung lẫn hình-thức. Về nội-dung những cảnh phản khoa-học như «Vương-Tường nằm giá», «Khóc trúc mọc măng» trở thành khôi-hài trước mắt học-sinh, cảnh «Quách Cự vì mẹ chôn con» làm cho học-sinh phân-vân giữa quan-niệm hiếu và quan-niệm nhân-đạo. Về hình-thức thì loại văn này đầy điền-cổ khó-khăn làm cho học-sinh thêm chán-nản.

Đây là chưa nhắc đến phần văn-phạm. Phần này hầu hết các giáo-sư đều bỏ đi vì nó khó-khăn và vì không đúng với bản-chất của ngôn-ngữ Việt-nam. Văn-phạm Việt-nam như Trần-trọng-Kim trình bày là mô phỏng văn-phạm Pháp, nó chỉ thích-hợp cho phần từ-loại, từ-tính và không thích hợp với phần cú-pháp. Cũng vì thế mà đa số học-sinh mất căn-bản về kỹ-thuật diễn đạt. Ngôn-ngữ Việt-nam không thể nào rập theo khuôn-khò Pháp-ngữ, vì Việt-ngữ là một ngôn-ngữ được phối-hợp với thi-ca nhất là với ca-dao và tục-ngữ. Do đó, câu văn Việt-ngữ gần với cú-pháp thi-ca hơn là gần với cú-pháp luận-lý của Pháp-văn.

✱

Nhận thấy sự quan-trọng của môn học này cũng nhận rõ sự lợi-hại của chương-trình hiện-hành nên ban Quốc-văn Kiều-mẫu Huế ngay từ năm đầu tiên đã cổ vạch một chương-trình thích-hợp với học-sinh với thời đại và đồng-thời cũng đưa ra một phương-pháp giảng-dạy mới ngõ hầu đáp ứng được sự đòi-hỏi của học-sinh và của nhu-cầu xã-hội.

Ngay từ những năm đầu tiên chương-trình Đệ-nhất-cấp tại Trung-học Kiều-Mẫu đã được thay đổi hoàn-toàn. Về tiêu-đề bốn năm Trung-học Đệ-nhất-cấp đã có 4 trọng-tâm khác nhau:

- | | |
|---------|------------------------|
| Lớp 6 : | miêu tả |
| Lớp 7 : | thuật sự và thư-tín |
| Lớp 8 : | nghị-luận phổ-thông |
| Lớp 9 : | văn-chương và văn-học. |

Vì bốn tiêu-đề trên, nên chương-trình nghiêng hẳn về phần kim-văn. Cờ-văn xét ra không thích-hợp cho trẻ em dưới 15 tuổi cho nên chúng tôi đã mạnh dạn gạt hẳn ra ngoài chương-trình của hai lớp 6 và 7. Cờ văn chỉ chiếm 1/3 chương-trình ở lớp 8 và nửa chương-trình ở lớp 9 mà thôi. Đó là một sự đổi mới thích-hợp cho học-sinh và ích-lợi cho những môn học khác.

Đề lấp đầy khoảng hở vô-lý của chương-trình Trung-học là không có môn Quốc-văn ở lớp 12, Ban giám-đốc Trung-học Kiểu-mẫu đã quyết-định thêm môn Quốc-văn cho lớp 12 từ niên-khoá 1968-1969. Lớp 12C ba giờ và lớp 12A, B hai giờ mỗi tuần. Chương-trình Quốc-văn lớp 12 nhằm mục-đích cho học-sinh nhìn lại một lần cuối những vẻ đẹp của văn-chương dân-tộc trước khi rời Trung-học, và chuẩn-bị một số kiến-thức tối thiểu để học-sinh có thể tiếp-tục phát-triển khả-năng văn-chương tiếng Mẹ tại các Đại-học văn-khoa.

Khi nhận thấy lối giảng dạy văn-phạm theo Trần-trọng-Kim không thích-hợp với Quốc-văn, ngay niên-khoá thứ hai chúng tôi đã đem áp-dụng một phương-pháp khảo-sát mới về văn-phạm. Phương-pháp này hợp với bản-chất của Quốc-ngữ và lại chú-trọng đến phần cú-pháp hơn. Đó là phương-pháp mới của hai học-giả Trương-văn-Chinh và Nguyễn-hiến-Lê.

Về phương-pháp chúng tôi đặt biệt chú-trọng đến việc giúp học-sinh phát-triển khả-năng của mình, hơn là dùng lối truyền giảng. Sự tranh luận giữa học-sinh với nhau và đôi khi với giáo-sư vẫn gây nhiều ích-lợi thiết-thực.

Để giúp cho kiến-thức học-sinh được rộng-rãi thêm, và học-sinh có thể ăn nói lưu-loát hơn, chúng tôi thường tổ-chức đọc và thuyết-trình về các sách và các tiêu-thuyết học-sinh. Mỗi tuần một hoặc hai học-sinh được lên bàn giáo-sư trần-thuyết về một vấn-đề. Sau khi trần-thuyết học-sinh phải ngồi lại để trả lời các câu hỏi của học-sinh-thính-giả, cùng nghe họ phê-bình về kỹ-thuật trình bày và nội-dung bài trần-thuyết của mình.

Giờ đọc sách và trần thuyết chẳng những giúp học-sinh ham đọc, biết phê-bình và ăn nói lưu-loát trước đám đông mà còn giúp cho học-sinh có đức bình-tĩnh ngồi nghe mọi người phê-bình về tư-tưởng và hành-động của mình.

Tóm lại phương-pháp của chúng tôi là giúp học-sinh viết và nói nhiều hơn. Chúng tôi cố tránh lối học-sinh thụ-động chỉ biết ghi chép lấy lời giáo-sư để đem về nhà học.

✕

Trên đây là một vấn-đề liên-hệ đến sự mất còn của nền giáo-dục dân-tộc mà cách đây hơn nửa thế-kỷ Nguyễn-văn-Vinh đã nói: «Nước Nam ta sau này hay dở cũng ở chữ Quốc-ngữ». Chúng tôi cũng xin nói ý người đi trước mà nói rằng: **Một nền giáo-dục chân-chính hướng về dân-tộc không thể nào không đặt nặng vấn-đề Quốc-văn.**

NGUYỄN-VĂN-MỸ

Sự thông-cảm Quốc-Tế và việc giảng-dạy môn Lịch-sử

NGUYỄN-HỮU CHÂU-PHAN

« **T**hưa cha, lịch sử dùng để làm gì ? » Để trả lời câu hỏi này do đứa con còn nhỏ của một sử gia nêu ra, sau khi Marc Bloch qua đời, người ta phát hành quyển tiểu luận của ông nhan đề *Apologie pour l'histoire ou métier d'historien* (Sự biện minh cho lịch sử hay là nghề nghiệp của sử gia). Như sử gia Pháp ấy lưu ý đến, thì đứa trẻ với những bối rối ngay tình của tuổi thơ, khi đưa ra câu hỏi có vẻ ngây ngô ấy, lại đặt ra một vấn đề thiết yếu: Cần gì phải học môn lịch sử khi thế giới chỉ chú trọng trước tiên đến thực tiễn? Đó là một câu hỏi đã khiến hàng ngàn giáo sư sử học lưu tâm đến.

Marc Bloch và nhiều sử gia danh tiếng đã nhấn mạnh rằng sử học là môn đáng được mọi nhà trí thức khảo cứu, vì môn học này đòi hỏi đức tính thận trọng, khoan hồng và óc phê bình. Nhưng giáo sư, có trách nhiệm đào tạo những khối óc của trẻ em, phải đi xa hơn nữa: Việc ông biện minh rằng, ở tuổi trưởng thành ông khảo cứu dĩ vãng cho chính ông, cũng chưa đủ, ông cần phải chứng minh môn sử học nằm trong những kỷ luật thiết yếu của phương pháp giáo dục.

Chắc chắn là đề bênh vực môn học ấy, giáo sư sử học sẽ đưa ra một dãy dài những đức tính phải có và cũng không quên nhấn mạnh những lợi ích mà trẻ em có thể thụ hưởng được. Vì sử học là một môn có ưu thế để thỏa mãn tính tò mò của trẻ em đối với những nhân vật khác, đến những đời sống, cá tính, hạnh kiểm và ý thức của kẻ xa lạ. Nhờ môn sử học, trẻ em sẽ đề ý đến thế giới đã qua cũng như thế giới hiện tại để khám phục, nguyên rửa hay kính ngạc. Sử học giúp ta nhận thức được di sản văn hóa của nhân loại và nhờ một căn bản hiểu biết, giúp ta đánh giá được văn hóa, nghệ thuật và cách sinh sống của dân tộc khác. Về phương diện *kỷ luật của trí thức*, thì sự khảo cứu lịch sử sẽ tập học sinh có tính đòi hỏi một mức độ rõ rệt nào đó trong việc nhận thức cũng như trong cách diễn tả. Sử học cũng dạy học sinh cần nhắc những dẫn chứng, phân tách việc phụ với việc chính, phân biệt sự thật và

tuyên truyền. Lịch sử sẽ cung cấp cho nhân vật thế kỷ 20 những danh từ so sánh để đánh giá các giá trị cùng những thành tựu vào thời kỳ của họ. Sử học sẽ giúp làm sáng tỏ những vấn đề chính trị, xã hội, kinh tế của những đoàn thể đương thời và để có một ý thức rõ ràng hơn về các vấn đề ấy.

Sử học cũng thúc đẩy người ta khi đề cập đến mọi vấn đề tranh luận với chủ ý là tìm kiếm sự thật, chấp nhận sự tự do bàn cãi để tìm đến sự thỏa thuận. Đó là kết quả tốt đẹp của nhà trường. Không một giáo sư sử học nào có cao vọng làm hơn việc gieo hạt giống ấy và làm cho nó nảy mầm nơi học sinh của mình.

Điều chắc chắn là đa số giáo sư sử học trên thế giới, nếu cần biện-minh cho công tác của mình, đều cho đó là sứ mạng sửa soạn trẻ em để sau này giữ vai trò công dân tương lai của chúng. Sau này, với một chính phủ đúng nghĩa dân chủ, đưa trẻ sẽ được quyền đầu phiếu, phụng sự dưới cờ, đóng thuế, tham gia vào đời sống kinh tế, chính trị. Sự dạy môn sử học tại nhà trường có vai trò đặc biệt là làm phát triển tình yêu nước, bằng cách làm cho nó hiểu truyền thống và cách sinh sống của quốc gia mình và quốc gia mình thành tựu nền thống nhất hay đã giải phóng ách nô lệ ngoại bang bằng cách nào, cách tổ chức chính phủ, sự thay đổi đời sống kinh tế và xã hội quốc gia mình... Một cuộc điều tra về chương trình sử học cho ta thấy ở đa số các quốc gia hội viên UNESCO, môn lịch sử quốc gia giữ một vai trò quan trọng trong các cấp giáo dục.

Đó là một điều dễ hiểu và hợp lẽ phải. Nhưng với những quan niệm mới mẻ hiện nay, một công dân tốt không thể không hiểu biết về nhiều vấn đề liên hệ đến ranh giới quốc gia. Hiện nay, với những phương tiện giao thông và liên lạc tối tân, kích thước địa cầu hầu như bị *thu hẹp* lại và thế giới trở thành một đơn vị mà các phần đều liên hệ với nhau. Sự phát triển mau lẹ của những phương tiện giao thông làm việc trao đổi tư tưởng và tài sản vật chất được lan chóng giữa các vùng xa xôi hơn hết. Sự tiến bộ khoa học đương thời cho phép mọi người ước mong một mức sống tốt đẹp hơn. Sự tiến bộ về kỹ thuật làm phát sanh những kỹ-nghệ phức tạp lấy nguyên liệu ở mọi nơi, làm phát sanh những phương tiện chuyên chở, nhờ đó việc du hành quốc tế trở nên thông thường.

Trái hẳn các thời đại trước, các nước đều ít nhiều lệ thuộc lẫn nhau. Trong thời bình, người ta cảm hiểu sự lệ thuộc này, nên chiến tranh lại tăng cường ý thức ấy trong tri thức con người. Họ hiểu cần phải học sống chung và hai cuộc thế chiến ở tiền bán thế kỷ 20 đã đưa nhân loại hai lần đến sự cố gắng thiết lập những tổ chức quốc tế chính trị thường xuyên: Hội Quốc Liên và Liên hiệp quốc, đó là những cố gắng đầu tiên có suy nghĩ mà người ta đã thực hiện theo chiều hướng ấy. Hội Quốc liên không sống được lâu dài, nhưng Liên hiệp quốc còn tồn tại đến

ngày nay, trọng trung cho khái niệm chính trị của thế kỷ 20: khái niệm về một sự hợp tác xây dựng giữa các quốc gia. Khái niệm ấy chứa đựng một yếu tố hướng thiện quan trọng cho con người hiện đại.

Đến ngày nay, trong ngành giáo dục, vì sự hãnh diện quốc gia, người ta hay hy sinh sự thật của lịch sử và lịch sử thường bị xuyên tạc để gọi lòng ái quốc. Người ta thường làm cho trẻ em có cảm giác rằng sự tiếp xúc giữa các quốc gia trên thế giới sẽ đem lại chiến tranh bằng cách này hay cách khác, nếu không trực tiếp thì cũng là gián tiếp. Tình yêu nước mù quáng dùng lịch sử để phục vụ chủ nghĩa quốc gia *quá khích* và thường sử dụng sách lịch sử như là một khí cụ dùng mãnh cho mục đích ấy. Ngoài ra, đối với các sử gia *nặng lòng* với quan điểm để quốc thực dân lạc hậu, quan niệm dùng sử học như là một biện minh cho những cuộc xâm lăng đầm máu lại là một quan niệm không thể nào chấp nhận được.

Chắc chắn trong khoảng 50 năm gần đây, trong nhiều nước sự dạy môn lịch sử được cải thiện nhiều về phương diện này cũng như về phương diện khác. Vài tác phẩm trình bày sự việc với tinh thần khách quan hơn, về quan điểm nhận thức cũng như về nội dung. Nhưng, chương trình ấy cần được kiện-toàn cho hoàn mỹ hơn và phải thi-hành một cách khẩn cấp hơn. Những thanh niên thế hệ hiện đại cần hiểu rằng, ngoài dân tộc họ, còn có nhiều dân tộc khác, rằng dĩ vãng đã đào tạo những quốc gia khác, cũng như quốc gia họ.

Môn sử học, nếu được dạy một cách hợp lẽ, làm cho ý thức phán đoán bén nhọn thêm và làm cho con người trở nên nhân đạo hơn. Nếu dạy không phải lẽ, thì môn sử học sẽ làm cho con người trở nên mù quáng, cuồng tín và sẽ làm mỗi ngon cho những tay buôn súng, buôn đạn. Một sự đào tạo về môn sử học, một cách sơ sài đi nữa, có thể phát triển nơi trẻ em những đức tính cần bản để phân biệt rõ ràng đúng và sai, và những quan điểm đúng đắn về nhiều vấn đề quốc tế. Đặc biệt là trẻ em sẽ có khuynh hướng để ý đến đời sống và những công tác thành tựu của những dân tộc bạn và đánh giá sự góp phần của họ vào tài sản văn hóa chung của nhân loại: trẻ em sẽ tập sử dụng óc phán đoán rành mạch và đồng thời nhận xét rằng tất cả vấn đề thuộc nhân loại đều phải bị thay đổi, chúng sẽ thấy nền văn minh hiện tại chỉ là một nền văn minh trong những nền văn minh khác và mặc dầu nền văn minh hiện đại có những điều mới lạ, nhưng có thể nó không có những điều mà những nền văn minh khác từ trước đã có dồi dào. Nhưng con trẻ cũng cần được nhận thức rằng, nền văn minh luôn luôn tiến đến với mục tiêu tối thượng là phụng sự con người.

Mọi lý do, với quan điểm sự thông cảm quốc tế, chỉ có lợi nếu trẻ em khi đến tuổi trưởng thành hiểu qua những lý do và hậu quả của những cuộc tranh chấp giữa con người, lịch sử của những sự cố gắng để cho quốc tế hợp tác với nhau, những tiến-bộ của sự liên-đới lẫn nhau giữa các quốc-gia và những cố gắng của hàng triệu con người nhằm thu hoạch những quyền tự do cần thiết.

Rất ít người nghĩ đến việc từ bỏ hay *chối cãi* giá trị của sự thông cảm quốc tế, là mục đích của sự giảng dạy môn lịch sử. Nhưng nhiều người sẽ hỏi rằng, sau khi đề ý nhiều đến vấn đề quốc gia, lịch sử sau này có thể bị bóp méo để phục vụ quốc tế. Chúng ta có thể quả quyết trả lời: Không. Có lẽ vài giáo sư tưởng rằng chỉ cần bỏ qua những cuộc chiến tranh hay những cuộc tranh giành xâu xé của thời xưa, để ngày nay, nhờ sự giảng dạy của họ, các quốc gia có thể thông cảm được với nhau. Chỉ là gạt gẫm trẻ em khi ta che đậy sự thật. Người ta không sửa soạn nền hòa bình bằng cách làm bộ tin rằng chiến tranh đã không xảy ra. Sử gia chỉ đáng được kể khác tin tưởng khi những công trình của ông ta có mục đích tìm kiếm sự thật. Không một duyên cớ nào, dầu đáng khen bao nhiêu đi nữa, có thể biện minh cho các sử gia không theo đúng đường lối đó. Nhân danh sự thông cảm quốc tế để làm sai lạc lịch sử có nghĩa là mở rộng cửa cho việc sử dụng gian lận nhiều vấn đề khác, mục đích có thể ít cao quý hơn.

Trong thực tế, đối với nhà giáo muốn làm việc hữu ích để giúp vào sự cảm thông quốc tế, vấn đề phải đặt ra là vấn đề lựa chọn. Vậy với những nguyên tắc nào có thể hướng dẫn giáo sư trong sự lựa chọn bài vở để có công dụng giúp vào việc thông cảm quốc tế?

Có thể đặt nền tảng bằng những nguyên tắc căn bản sau đây :

Nguyên tắc thứ nhất : Tìm kiếm sự thật và sự khách quan của vấn đề :

Lịch sử ghi lại dĩ vãng của một dân tộc, sau khi nghiên cứu phê bình những tài liệu về sự việc. Những trí óc non nớt cũng như những trẻ em còn quá nhỏ không thể nhận thức chủ yếu của phương pháp sử học. Những thí dụ cụ thể, như những trống đồng cho chúng ta hình dung được nếp sống thời xa xưa của dân Lạc Việt, có thể làm sáng tỏ những cách thức chủ yếu của phương-pháp tìm kiếm sự thật trần. Sự sưu tầm sự việc có thể dùng để minh họa một hay nhiều khía cạnh của công-tác đi tìm thật về lịch sử.

Khía cạnh khác của sự thật là vấn đề giải thích lịch sử. Người ta không thay đổi sự việc được nhưng cách giải thích sự việc có thể thay đổi. Vấn đề được đặt ra là phải khách quan trong việc giảng dạy và việc nghiên cứu của sử gia. Ở đây chúng ta không thể tán đồng quan niệm sử học thông thường mà người ta tự gọi là « khách quan ». Quan niệm cổ điển này, một mặt cố gắng tìm ưu điểm và khuyết điểm trong mọi vấn đề, một mặt khác, cho rằng việc đã xảy ra, tất đã phải xảy ra, và như thế là hợp lý, là « khách quan ». Quan niệm này lại có dụng ý ví người viết sử như một kẻ nằm ngoài thế giới con người và nhìn mọi sự việc một cách « vô tư » không say mê ham muốn.

Một quan niệm sử học như vậy không thể khách quan được. Trong vấn đề thuộc địa, quan niệm này sẽ cho chế độ thực dân có xấu mà cũng có tốt, dân bị trị gặp cái rủi, nhưng trong cái rủi lại gặp được cái may, cuộc đô hộ chỉ là một «ngẫu nhiên lịch sử». Quan niệm đó chỉ có lợi cho các cường quốc thực dân, và đó chính là một quan niệm đế quốc trá hình khôn khéo.

Một quan niệm khách quan về sử học phải phù hợp với sự diễn tiến của lịch sử. Trong vấn đề thuộc địa, một vấn đề mà lịch sử nhân loại trước sau sẽ lên án, hoặc đã lên án rồi, một quan niệm khách quan về sử học sẽ thẳng thắn bài xích và lên án nó, không chút dè dặt. Một sự việc đầy tội ác, mà rốt cuộc chỉ thu vàng vào túi sắt các nhà ngân hàng, để phục vụ đời sống đế vương cho một hạng người, thì làm thế nào một quan niệm khách quan lịch sử có thể bào chữa, hoặc công khai, hoặc kín đáo bằng cách cố ý tìm ra những cái gọi là ưu điểm? Quan niệm đó lại còn nguy hiểm. Bởi tính cách phỉnh-phờ và che đậy của nó, quan niệm trên làm người đọc sử ý thức sai lầm và nhờ vậy những sự việc đen tối xấu xa có thể duy trì và tồn tại. Trách nhiệm của người viết sử vì vậy phải được đặt ra và vẫn phải được đặt ra trong trường hợp sử gia chân thành nhưng bị ý thức hệ thực dân chi phối.

Ngay đến thái độ của sử gia lạnh lùng đứng ngoài sinh hoạt con người để nhìn và xét đoán mọi việc, thì đó cũng là một quan niệm không tưởng, hoặc đó chỉ là một lối che đậy kín đáo. Và theo thiện ý, đem tâm tình viết sử là một việc dĩ nhiên cần thiết. Đem tâm tình đây không có nghĩa để ca ngợi những kẻ bạo tàn xâm lăng nước khác, chỉ vì những người đó là của nước mình. Đem tâm tình không phải lý tưởng hóa, ca ngợi những hành động xấu xa, chẳng hạn như ông Albert Sarraut: «Nguồn cảm hứng nhân đạo của người Pháp trong công cuộc chiếm thuộc địa đã chói sáng như một sợi tơ vàng trong sự nghiệp hải ngoại của họ!» Đem tâm tình đây là để nhận thức sự việc dưới khía cạnh cao quý của tâm tình, để có can đảm nói lên rằng cướp bóc không phải là việc tốt. Ngay mà các sử gia Pháp cho rằng, trong quá khứ, khi đoàn quân viễn chinh Pháp đem vũ khí đi chiếm thuộc địa là một sự kiện cướp bóc tập thể, ngày mà các sử gia bênh vực, ca ngợi chế độ thực dân sẽ bị chế diễu và bị xem là có một quan niệm sử học lỗi thời, ngày đó sẽ là ngày chói sáng của quan niệm thật sự khách quan về sử học.

Vì vậy nhà giáo, trong vấn đề khách quan lịch sử, cần phải phân biệt sự thật và tuyên truyền và luôn luôn biết đứng về phe bị áp bức, bị trị. Nếu chúng ta tập cho trẻ em tách phân biệt giữa xấu và đẹp, giữa xâm lăng và bị xâm lăng, thì bài học này sẽ là vô giá cho trẻ em. Đến tuổi trưởng thành, chúng sẽ ít bị sa ngã trước những cuộc tuyên truyền bịp bợm.

Nguyên tắc thứ nhì: Lịch sử, một cuộc tiến hóa không ngừng:

Ta phải giúp học sinh hiểu rằng lịch sử là sự lược thuật cuộc tiến hóa văn

minh con người, rằng con người đã lần lượt chinh phục thế giới, đã dần dần trang bị thế giới để thỏa mãn nhu cầu của con người, rằng sự cải thiện kỹ thuật (mà nhiều dân tộc đã góp công vào) đã làm cho xã hội loài người phát triển nhanh chóng, rằng nhiều nền văn minh được tạo ra, rồi sống, tiến hóa rồi chết, nhưng nền văn minh sắp chết được thay thế bằng một nền văn minh mới, nền văn minh mới này thu hưởng một phần di sản của các nền văn minh trước. Lịch sử phải được trình bày không phải như một sự việc quân bình mà trái lại phải trình bày như là câu chuyện của một động lực thay đổi không ngừng. Giáo sư sử học cần phải giúp cho học sinh nhận thức được sự thống nhất của lịch sử, chứ không phải là một loạt *chuyện* rời rạc mà trẻ em có khuynh hướng xem như là những chuyện phiêu lưu.

Nguyên tắc thứ ba: Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia và dân tộc :

Giáo sư sử học cần dẫn chứng và biện minh cho trẻ em và thanh niên nhận thấy các dân tộc và quốc gia chưa bao giờ sống biệt lập, không có sự tiếp xúc lẫn nhau nào. Trên địa hạt kỹ thuật, chính trị, văn hóa và triết lý luôn luôn có sự thay đổi, vay mượn lẫn nhau. Khi giảng dạy môn lịch sử quốc gia, giáo sư sẽ lưu ý tìm bằng chứng của những trao đổi, vay mượn và ảnh hưởng lẫn nhau ấy. Điều mà ta nên làm là nhấn mạnh những gì mà quốc gia ta đã thọ lãnh, cũng như những gì mà quốc gia ta đóng góp, làm như vậy để khuyến khích một thái độ liên đới, chứ không phải kêu gọi một thái độ tự tôn

Nguyên tắc thứ tư: Tầm quan trọng của yếu tố kinh tế và xã hội :

« Cho tới ngày nay, các sử phẩm về Việt Nam vẫn còn dành cho các sự kiện kinh tế và xã hội một địa vị quá kém cỏi, mà chỉ chú trọng đến sự diễn biến chính trị. Tình trạng chênh lệch này rất có hại cho sự hiểu biết tường tận về con người Việt Nam trong quá khứ, không phải chỉ là các ông vua, ông quan trong triều mà còn chính là người thường dân trong đời sống hàng ngày của họ... Chúng ta phải nhìn nhận là cơ cấu kinh tế căn cứ trên các cách thức sản xuất, quy định một phần lớn những thực hiện của một quốc gia, một dân tộc : các thể chế chính trị và luật pháp, các hoạt động tinh thần, các tín ngưỡng tôn giáo ». (Nguyễn Thế Anh: *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*, Sài Gòn 1971, trang 11).

Nhà giáo, trong việc sử dụng nguyên tắc này, cần đặc biệt lưu tâm và tìm kiếm những sự kiện liên hệ đến kinh tế, xã hội nhằm thỏa mãn học sinh trong việc hình dung đời sống xa xưa của nhân loại.

Cho đến nay, không riêng gì dân tộc Việt Nam, lịch sử kinh tế thời xưa còn nhiều khiếm khuyết trầm trọng, nhưng nhờ cố gắng bền bỉ, sử gia thu được nhiều kết quả. Nhiều tác phẩm hiện đại giành địa vị xứng đáng cho yếu tố kinh tế, xã hội, và tại đa số các quốc gia, nhờ hiểu biết những yếu tố trên đây đủ, các giáo sư sử học đã khiến học sinh mình nhận thức được sự quan trọng những yếu tố ấy, qua các thời đại lịch sử nhân loại. Nhờ đó học sinh có thể hình dung dễ dàng cuộc tranh

đầu đầy cam go của con người để có thức ăn và nơi trú ngụ, sự mâu dịch và sự phát triển của phương tiện chuyên chở cũng như giao thông. Như vậy người ta có thể cung cấp cho trẻ em một căn bản vững chắc để sau này thấu hiểu những phức tạp về kinh tế, xã hội của thời đại chúng ta.

Nguyên tắc thứ năm : Sự quan trọng của yếu tố trí thức và tinh thần :

Những nguồn tư tưởng lớn đã ảnh hưởng cực kỳ quan trọng trong sự diễn tiến lịch sử không thua kém gì yếu tố kinh tế xã hội. Vượt qua mọi biên giới, những yếu tố này ảnh hưởng đến hàng triệu con người và dẫn dắt họ trong cuộc sống. Giáo sư cần giúp học sinh thấy rõ tầm mức quan trọng của yếu tố trí thức và tinh thần. Như trong lịch sử Việt Nam, giáo sư phải nêu rõ sự truyền bá của những trào lưu tư tưởng hay tôn giáo đã sống chung cùng dân tộc trong những ngày vinh quang cũng như những ngày ảm đạm nhất. Phật giáo đã làm gì cho dân ta? Nho Giáo đã cống hiến gì cho văn minh ta? Đó là cả những vấn đề cực kỳ to lớn, nhờ đó ta thấy rõ lịch sử dân ta đã liên đới như thế nào với văn minh Trung hoa hay Ấn độ.

Nguyên tắc thứ sáu : cuộc tranh đấu cho sự khoan dung và hòa bình :

Lịch sử đã chứng minh sự bóc lột là nguyên nhân căn bản của chiến tranh. Sự bóc lột này có thể vừa tinh thần, vừa vật chất. Ngoài nguyên nhân này, giáo sư cần giúp học sinh nhận thức, chẳng những sự ham muốn uy quyền là nguyên nhân chiến tranh, mà cũng vì sự thiếu hiểu biết, sự không khoan dung, sự nghi kỵ cũng đã làm cho chiến tranh bùng nổ. Khi đến tuổi hiểu biết, trẻ em phải được hiểu rằng chiến tranh chẳng những đem lại sự chết chóc hàng chục triệu người, mà còn sự đau khổ không bờ bến của hàng trăm triệu người khác và sự tàn phá, mà luôn luôn không phải chỉ những kẻ chiến bại là nạn nhân. Nhiều cuộc chiến đã phá hoại nặng nề hoặc là tiêu hủy hẳn — trong một thời gian ngắn (vài năm, vài tháng, vài ngày hay ngay cả vài giây) — nhiều kết quả do sự cố gắng của con người trong nhiều thế kỷ, kiệt tác của nhiều thế hệ kiến trúc sư, điêu khắc, họa sĩ, kỹ sư, chuyên viên...

NẾU việc giảng dạy về lịch sử đúng theo những nguyên tắc trên thì học sinh sẽ nhận thức được rằng họ phải cố gắng để hiểu người đồng hương của chúng cũng như hiểu người công dân nước khác, và tham gia với người khác để chiến đấu chống bạo tàn, thành kiến, tính không khoan dung và sự ích kỷ. Sự giảng dạy này là một sự sửa soạn cho việc cảm thông quốc tế. Khi tìm ra lý do sâu xa của các lỗi sinh sống, của các truyền thống, những đặc tính và những vấn đề đặc biệt của các dân tộc, khi hiểu rằng nhiều quốc gia đã góp phần xây dựng nền văn minh hiện đại, rằng tất cả đều mật thiết liên hệ với nhau, rằng những sự tiến bộ thu hoạch được trong địa hạt tinh thần, trí thức và kỹ thuật đã tạo ra, qua bao thế kỷ một di sản chung cho toàn thể nhân loại, họ sẽ ý thức rõ về trách nhiệm của họ đối với cộng đồng thế giới và nền hòa bình nhân loại.

NGUYỄN-HỮU CHÂU-PHAN

của học-sinh

PHẦN SÁNG TẠO

NGÀY THÁNG QUA

LÊ PHƯỚC

ĐÔI học-sinh, ít nhất cũng có một vài kỷ-niệm khó quên. Kỷ-niệm bao giờ cũng đẹp, cũng đáng yêu. Có kỷ-niệm lúc nhớ lại muốn ứa nước mắt; nhưng cũng có kỷ-niệm khi nhắc đến, lại thấy vui và thích-thú. Nhưng hầu hết những kỷ-niệm, mỗi lần hồi tưởng, ít nhất cũng có một đôi phút bùi-ngùi, nuối-tiếc: một sự nuối-tiếc mỏng-manh những nỗi vui buồn quá khứ. Dầu sao, tôi vẫn muốn tìm về khoảng thời-gian ngắn-ngủi của bốn năm đệ nhất cấp, để được sống lại những giây-phút ngỡ-ngàng, ngây-thơ. Kỷ-niệm đó bây giờ đang sống dậy trong tôi, khiến tôi tưởng tôi hãy còn là một thằng bé bàng-hoàng bước vào ngưỡng cửa trung-học ngày nào.



Ngày tựu-trường năm ấy, tôi không còn xách cặp đến trường Vạn-Xuân nữa, không còn là thằng bé chân đất, áo quần xốc-xếch mang chiếc cặp da trên vai của sáu năm tiểu-học nữa, tôi đã thực-sự xa rời bóng mát ngây-thơ đó, không còn bước vào ngôi trường mà tôi đã gắn-bó suốt những năm thơ-ấu: năm nay tôi đã là một học-sinh đệ thất — một học-sinh trung-học. Ngày tựu-trường năm nay là một ngày quan-trọng đối với tôi, nó khác hẳn với những năm về trước.

Tôi cỡi xe đạp, đeo một cái cặp da to tồ-bồ mà anh tôi đã để lại cho. Lòng phấn khởi, tự-tin, đạp xe hăng-hái đến trường. Ngôi

trường mới khác hẳn với ngôi trường cũ mà tôi đã sớm chiều hai buổi mang sách vở đến trong suốt sáu năm qua. Một ngôi trường với lối kiến-trúc tân-kỳ, mới được thiết-lập trước đây hai năm. Tên Kiều-Mẫu cũng không quen-thuộc cho lắm đối với tôi.

Trên đường đến trường, mặc-dầu phấn-khởi lẫn tự-tin, nhưng tôi không làm sao ngăn được một đôi chút hồi-hộp lẫn lo-âu của lòng non dại, mà bất cứ đứa bé nào ở tuổi mười hai như tôi đều không khỏi vướng phải. Tôi nghĩ không biết rồi mình có thể quen được với những người bạn mới mà mình sẽ gặp hay không? Nhưng dầu sao đi nữa cũng phải học chung lớp với những người xa-lạ mà mình chưa một lần biết mặt, biết tên; lòng lại tự-nhủ là dần-dần rồi cũng phải quen nhau.

Khi tôi đến trường, vẫn chưa có trống báo vào lớp vì còn quá sớm. Đứng một mình, chả có ai là người quen, nên lòng hơi lo-sợ. Mấy đứa trạc tuổi tôi — có lẽ cũng là những «ma mới» như tôi — đứng quanh-quần chung quanh sân trường hoặc tùm nầm tùm ba với nhau; duy chỉ có một mình tôi và đám đứa khác lẻ-loi một mình. Khờ một nỗi là tụi nó thấy tôi mang kính cận thị, nên tò-mò nhìn một cách khác lạ và xàm-xì bàn-tán; tụi nó xem cái việc tôi mang kính là một điều kỳ-dị lắm.

Chờ một lúc, chuông điện của nhà trường reo lên. Có mấy đứa tò mò đi xem thử chuông reo ở đâu. Chẳng có đứa nào hiểu chuông reo để làm gì cả — vì ở tiểu-học làm gì có cái âm-thanh lạ-lùng ấy! Lúc đó, tôi cũng chẳng biết gì, nghe chuông reo, cứ ngỡ rằng là không có liên-quan gì đến mình hết. Nào ngờ sau đó, mấy phóng-thanh của nhà trường loan-báo: Tất cả học-sinh vừa mới trúng-tuyển vào đệ-thất hấy đến xếp hàng để được hướng-dẫn vào lớp.

Cả bọn, con trai lẫn con gái, kéo nhau về trung-tâm sân trường xếp hàng theo vị-trí chia sẵn, lần-lượt được các thầy hướng-dẫn vào phòng học.

Mới vào lớp, chẳng đứa nào nói với đứa nào một câu. Tôi không biết nói chuyện với ai, thôi đành ngồi yên-lặng một mình. Xong ngày hôm đó, tôi theo thời-khóa biểu đi học những môn lạ hẳn đối với những môn mà tôi đã từng học ở tiểu-học. Tôi chưa dám làm quen với ai, và cũng không biết đứa nào muốn chơi với mình nữa. Đạo ấy, tôi hót đầu tóc «dờ-mi ca-rê», ngồi trong lớp, tôi lại im-lặng, nên một số học-sinh gọi tôi là «cục đất sét». Nhưng dù có gọi tôi là gì đi nữa, tôi vẫn giữ vững thái-độ của mình là chẳng thèm đếm xỉa đến ai. Nhưng dần-dần, tôi cũng đã quen được một số bạn, trong đó có một đứa hót tóc gần tọc nên tụi bạn nó gọi là «ông đại-diện», tụi nó cho là giống mấy nhà sư — mà nó là một nhà sư đại-diện cho các nhà sư học trong lớp này. Có thằng lại chuyên-môn đội mũ cối nên được gọi là «đồng-chí».

Đến giữa năm học ấy, trường tổ-chức văn-ngệ tất-niên, không-khí hoạt-động có phần hào-hứng và thích-thú. Lúc đó, mới chấp-chững vào trường mà tôi cũng không bỏ sót một hoạt-động nào.

Đến cuối năm thì cả lớp đều quen nhau, thân-mật, vui-vẻ.

Rồi hè đến, vừa được quen nhau thì chúng tôi phải chia tay nhau để tạm rời trường trong ba tháng nắng lửa gay-gắt. Mới biết nhau trong năm đầu tiên của ngưỡng cửa trung-học mà đã thân-thiết như lâu lắm rồi. Xa nhau mấy tháng hè, lòng nhớ bạn thật cũng không ít trong tôi! Nhớ không khí hoạt-động của lớp học vô-cùng! Khi đang còn vui đầu vào sách vở thì ước làm sao được nghỉ, nhưng đến khi rời tay nhau trong một thời-gian khá lâu thì mong sao cho chóng đến ngày đi học để được gặp mặt nhau, nô-đùa nghịch-ngỡm.

Tuy thế, hè cũng trôi qua một cách nhanh chóng. Ngày tựu-trường không hẹn mà cũng gặp mặt bạn-bè. Năm nay khác hẳn năm trước. Bạn-bè gặp-gỡ nhau, tay bắt mặt mừng, đứa thì hỏi bạn mình về những nơi đã sống trong ba tháng qua, đứa thì tả những thắng-cảnh hoặc những vùng quê mà nó đã đến viếng hoặc nghỉ mát. Không-khí nhộn-nhip nhưng thấm-thiết vô-cùng. Lúc vào lớp, không-khí hoạt-động của những buổi học năm trước, vẫn không bị ba tháng hè nhàn-rỗi làm mất vẻ hăng-hải.

Năm này, mấy đứa tôi góp tiền mua banh. Bọn con trai chúng tôi thường mang banh ra đá ở khoảng đất trống sát bờ sông trước mặt trường. Còn bọn con gái lại thích chơi đuổi bắt nhau ở bờ hồ công-viên «nhà kèn». Bất cứ trời mưa hay nắng, khi nào nghỉ những giờ trống là mang banh ra đá. Nhiều lúc, sau một ngày mưa, khoảng đất đó còn đọng nước và bùn, bọn tôi cũng không thể bỏ môn chơi đó được. Bùn theo chân bay lên thấu đầu, dính đầy áo đầy quần. Mỗi lần đá banh xong, cả bọn thường nhảy ùm xuống sông tắm một trận. Nhiều hôm trời rét căm, thế mà chẳng có đứa nào đứng trên bờ nhìn bạn mình tắm. Đôi lúc, sau khi chơi xong, lại phải vào học giờ kể, cả bọn mặc áo quần ướt kéo nhau lên phòng học; đứng sắp hàng trước cửa lớp mà rằng đứa nào cũng khô vào nhau kêu lập-cặp, mình-mẩy run như cây sậy. Thế mà chúng

tôi vẫn cứ lì-lợm, không chừa cái thói thú-vị ấy. Bọn con gái chơi đuổi bắt nhau, đôi lúc bị té xuống hồ, ướt cả áo quần, chẳng thua gì lũ con trai. Chúng vẫn không ngán: lúc nào nghỉ là kéo nhau ra chơi ở đó. Về sau, nhà trường biết được những chuyện này, mới ra thông-cáo cấm hẳn, không cho học-sinh ra đó nữa, vì sợ có thể xảy ra tai-nạn. Thế là từ đó, tụi tôi bỏ đá bánh luôn, bọn con gái cũng không hề đuổi bắt nhau ở bờ hồ công-viên ấy nữa.

Tết năm đó, nhà trường tổ-chức văn-ngệ rầm-rộ. Bọn tôi cũng bày-đặt liên-hoan trong lớp và sinh-hoạt với nhau rất hào-hứng. Mấy đứa con trai chơi nghịch, lấy pháo đốt ném vào mấy đứa con gái, làm tụi nó sợ-hãi hết vang. Tụi con trai lấy làm khoái chí, cười rộ thích thú. Buổi liên-hoan đó, thầy hướng-dẫn cho hai phong pháo, tụi tôi đem treo ở cánh quạt trần, có thằng chơi nghịch vặn nút công-tác cho máy quạt quay, pháo nổ và theo đà quay của quạt bắn tung vào mặt cả bọn đến rát da. Xong liên-hoan lớp buổi sáng, buổi chiều lại kéo nhau qua giảng-đường C ở Khoa-học để sinh-hoạt liên-hoan và văn-ngệ với cả trường.

Năm này vui bao nhiêu thì nhận đón đau bấy nhiêu! Có ai ngờ là vui tắt-niên xong, về nhà nghỉ mấy ngày Tết, sum-họp cùng anh em trong gia-đình thì khối-lửa tang-tóc đột-ngột gieo vào thành phố. Ngày đi học xa vời-vợi, chả biết hôm nào có thể đến trường lại được! Nhưng rồi ngày đó cũng đến sau hơn hai tháng. Trường ra thông cáo cho những học-sinh nào muốn học tiếp phải đến ghi danh. Ngày tôi trở lại trường, bạn bè cũng gặp được đôi đứa, điều vui-mừng nhất của tôi lúc đó là được biết chắc-chắn không có đứa nào cùng lớp bị tai-nạn trong biến-cổ vừa qua.

Ghi danh được khoảng một tháng, bọn tôi được tạm đến trường học lại. Phòng ốc đang còn nhộp-nhúa, bàn ghế hư-nát dụng-cụ thí-nghiệm mất-mát rất nhiều. Bạn-bè kể cho nhau nghe những nỗi nguy hiểm đã

phải trải qua trong thời-gian biến-cổ. Nghĩ hè năm đó, giờ chia tay có phần chán-chường hơn mọi năm. Câu chuyện biến-cổ được người ta nhắc đi nhắc lại hoài mà vẫn không biết chán mà tôi vẫn thường gọi là: «Trường ca điệp-khúc Mậu-Thân». Hè năm ấy thật là ngán-ngâm, cây-cối không một ngọn lá! Hằng năm, trên những con đường của phố Huế, đến hè là đỏ ối màu hoa học trò; bây giờ chỉ toàn mờ-xanh cỏ mới mọc hai bên lề đường, hay trong những công-viên.



Đầu niên học mới, học-sinh lại hăng-hái lũ-lượt đến trường. Năm nay tôi mới mua cái cặp mới, lớn hơn mọi năm. Tụi bạn nó gọi tôi là «Thầy-bói Hậu-Bồ» vì tay thì xách cái cặp to tồ-bồ, mắt lại mang kính giống mấy ông thầy bói ngồi ở công-viên Nguyễn-Hoàng hay dưới mấy gốc đa ở Thượng-Tứ. Năm nay lại có thêm hai nhân vật mới được đặt tên nữa, một đứa có cái đầu hơi dài và trên to dưới nhỏ nên tụi nó gọi là «cái nui diền-diền» để đay ổng nghiệm trong phòng hóa-học; còn một đứa có cái đầu hớt «đờ-mi ca-rê» mà nhà lại có bán bia nên tụi nó gọi là «nấp-ken» để đay «la-de».

Nhưng năm ấy, một thằng bạn thân theo gia-đình lên Đà-Lạt sống, lớp chỉ còn lại hai chục đứa. Tuy thế, không khí trong lớp vẫn vui-nhộn. Đến tết, nhà trường tổ chức thi-đua văn-ngệ liên-lớp. Liên-lớp đệ ngũ bọn tôi đã đoạt giải danh-dự văn-ngệ toàn trường. Riêng lớp tôi còn chiếm giải bích-báo đệ nhất cấp, thật là một điều hãnh-diện cho lớp ngũ-hai!

Thế rồi năm đó cũng êm đềm trôi qua.



Năm chúng tôi lên Đệ Tứ là năm cuối cùng của chương-trình đệ nhất cấp. Đầu năm thằng bạn thân nhất của tôi cũng đã ra đi! Nó đã vào Đà-Nẵng theo gia đình của nó. Nó đi, mang theo cả một khối-óc hoạt-động của lớp tôi. Tuy thế, năm nay là năm cuối cùng để những đứa cùng học với nhau một lớp từ ba năm về trước chung sống, sinh

hoạt với nhau một lần cuối cùng, để rồi chín tháng sau không còn ngồi chung với nhau trong một căn phòng mang cùng tên lớp với nhau nữa, vì sang năm mỗi đứa sẽ chọn một ban tùy theo khả năng và sở thích riêng của mỗi đứa. Do đó, năm này là năm cần hoạt-động gắng-say nhất, cần phải sống với nhau thân-mật nhất.

Tết năm đó, lớp tôi hoàn-tất một tờ đặc-san lấy tên là «Xuân Canh-Tuất», với hình-thức quay ronéo. Bọn tôi quyết-liệt chiếm giải-thưởng báo chí liên-lớp. Nhưng thật đau-lòng, đến phút cuối thì tờ báo của Đệ tứ một được giải nhất. Tuy thế, cả bọn cũng tự an-ủi nhau bằng công-lao hoàn-tất tốt đẹp của tờ báo. Và đứa nào cũng cố quên đi cái buồn thua cuộc.

Trước Tết mấy ngày, lớp tôi tổ-chức đi chơi lăng. Đây là một kỷ-niệm vui nhất trong năm đệ tứ và cũng là một kỷ-niệm thú-vị nhất của 4 năm trung học. Sáng hôm đó, cả bọn hẹn nhau ở cổng trường. Đồ ăn được chuẩn-bị từ chiều hôm trước. Một người bạn trong lớp mượn được một chiếc xe buýt. Đúng tám giờ xe đến, tất cả lên xe di-chuyển lên lăng Tự-Đức. Hôm đó chúng tôi đem theo máy ảnh, mua đến hai cuộn phim. Đến lăng, cả bọn vào đề đồ ở nhà thủy-tạ, rồi đi thăm lăng. Bọn con trai tôi giữ đồ để cho tụi con gái đi xem một lúc, rồi đến lượt tôi. Đến trưa ăn cơm xong, cả bọn kéo nhau đi chơi một lượt. Tôi cùng vài thằng bạn trèo lên mái cổng lăng sau để chụp hình. Thằng nào thằng nấy cỡi trần trùng-trục làm mọi da đỏ, làm Tarzan. Có mấy đứa gắng bò lên tận đỉnh mái. Chụp ảnh xong, đến lượt trụt xuống mới khổ chứ. Có đứa, lúc trèo lên thì mặtmày hết sức hớn hở, vui tươi; đến khi trụt xuống không được, ứa cả nước mắt. Thành lăng thì cao, thò chân xuống rồi nhưng không thấy mặt đất còn xa hay gần, cứ sợ té. Nhưng một lúc sau, tụi nó cũng nhảy liêu xuống. May không xảy ra tai-nạn gì.

Đến chiều, cả bọn kéo nhau sang lăng Đồng-Khánh, xem cảnh và ăn buổi chiều tại đó trước khi về.

Tết vào, đứa nào cũng hăng-say học-tập. Nhưng đối với tôi, có lẽ linh-tính báo cho tôi biết trước, thời gian này—từ đây cho đến hè—chỉ là một thời-gian cuối cùng cho bốn năm qua để được sống chung với nhau trong bốn bức tường của một lớp học, để rồi không còn cơ-hội nào cho tất cả những người bạn thân từ bốn năm trước sinh-hoạt, trao-đổi ý kiến, gần-bó với nhau nữa. Những buổi bàn cãi sôi-nổi trong những giờ học cũng sẽ qua đi và không về nữa! Đó là thời-gian cuối cùng để nhìn lại những khuôn mặt quen thuộc cũ, để chuyển-tiếp cho sự xa-rời nhau vào mùa hè tới, để chuẩn-bị chung-đựng với những khuôn mặt mới trong năm sau...



Mùa hè đã trôi qua hết sức nhanh chóng, năm nay lớp Tứ hai không còn là lớp Tứ hai nữa, mà đã tản mác mỗi nơi một ít. Con sông Tứ hai đã chia làm ba nhánh, mỗi nhánh đều nhận nước từ lòng sông chính Tứ hai. Nước ở sông chính vẫn trong veo-veo từ mấy năm trước, nên bây giờ các nhánh sông đều còn nhận dòng nước trong đó. Điều mà tôi sung-sướng nhất là các nhánh sông vẫn không muốn chia-ly dòng sông mẹ.

Bây giờ, học chung với những người bạn mới, tôi vẫn cảm thấy thương-yêu những khuôn mặt cũ ngày nào đã cùng nhau chấp chững bước vào lớp Thất hai. Những kỷ-niệm, những hoạt-động của các lớp Thất hai, Lục hai, Ngũ hai, và Tứ hai không làm sao có thể phai-mờ trong trí tôi được. Không biết những bạn cũ cùng lớp với tôi có còn nghĩ gì về những kỷ-niệm đó?! Tôi tin chắc rằng, mỗi người vẫn có một kỷ-niệm riêng đáng nhớ và đáng luyện-tiếc về những ngày tháng qua đã mất, luyện-tiếc những kỷ-niệm êm-dềm của thời thơ-ấu không bao giờ có thể phai mờ trong tâm-hồn trong trắng của học-sinh.

LÊ PHƯỚC

NGƯỜI LẠ MẶT

BỮU BA

THÀNH phố bây giờ đang mang một vẻ mặt khác lạ. Nó khác lạ chứ không mới, bởi vì cảnh đồ nát, hoang tàn của cái tết đáng ghi nhớ vẫn còn đó. Tôi chỉ nhận được chừng ấy thứ khi chiếc xe ngật-ngật lướt nhanh về hăng. Tôi băng qua đường phố Trần-hưng-Đạo, tay xách hành-lý-không-có-gì, nhảy chân sáo xuống bến phà. Ba bốn chiếc phà dường như đã trở thành đồng sắt vụn, nằm bẹp dí một chỗ. Có lẽ chúng sẽ mãi mãi nhường sự hoạt động cho các loại ghe đồ lớn bé. Những loại ghe đồ đưa khách này chạy máy dầu cạn nên đã làm cho con sông hiền lành trở nên ồn ào và tấp nập hơn trước. Tôi hăng hái bước xuống một chiếc ghe nhỏ theo lời mời mọc của người lái. Đến bờ bên kia, tôi dừng lại một lát ở quán nước, rồi đi thẳng theo con đường rộng lớn đang được thiết lập lại, trở về nhà cũ.

Con đường được những người bạn đồng minh xây đắp chưa hoàn thành. Bụi đỏ tung mù trời khi có một chiếc xe hơi lướt qua. Ở đây, nắng chói chang gấp bội lần hồi trưa tôi ở Saigon. Tôi cúi đầu rảo bước thật mau, trong mình mờ mờ hồ hồ ra ướt như tắm.

Căn nhà thân yêu khá rộng đó, có chút ít hư nát, đang hiện ra trước mắt tôi. Người anh họ đã già mà tôi không ưa mấy, nhào ra chào hỏi. Tôi vâng dạ qua loa rồi một mình đi xuống bến sông. Hai hàng cây bên đường mòn im mát. Nhãn thật sum sê, và đã khá lớn. Có lẽ tôi phải đi gọi người về lồng đèn khi cả nhà quyết định ra trở lại đây, có cây nhà lá vườn mà đãi khách.

Bến sông mới có mấy tháng rời xa bây giờ đã trở nên bùn lầy. Đá sỏi ai mang đi hết. Hơi bực mình, tôi đi trở lên, vén bụi chè tàu qua bến chú Đốc Thiều để tắm. Gia đình chú tôi cũng bông bế nhau lên Đà Lạt hết. Bây giờ vườn nhà giao lại cho mấy người dưới quê lên ở đậu. Lúc tôi tắm xong, đang đứng lau đầu thì cụ Tiên trông thấy:

— Cậu, cậu mới ra.

Mụ bảo tôi vào nhà ăn khoai sắn, nhưng nghe tiếng con nít khóc la ồn ào vọng ra.

tôi bảo đã ăn hàng no lắm rồi. Tôi còn cảm ơn lấy lệ, nói để dành khi khác. Tôi trở về nhà, mặc một bộ áo quần mới để đi phố. Mấy đứa cháu tôi — con anh họ già — xúm lại hỏi han vớ-vẩn làm tôi khó chịu, phải nạt nộ chúng mới im đi.

Trời đã nhạt nắng, phố xá đượm vẻ buồn rầu. Bên kia con đường chính, ngôi chợ to lớn đang xây cất bị bỏ dở. Tường trắng trên cao thản nhiên in hằn nhiều vết đạn hận thù. Vài nhà phố được xây lại trông cũng kha khá và đã dọn hàng bán như xưa. Nhiều nhà khác đang sửa sang nhưng cũng có lắm nơi còn dấu sự đổ, tiêu điều. Tôi ghé bên hè đường mua vài thứ lặt vặt rồi lại đi bộ chậm chậm qua phía hữu ngạn. Chiếc cầu nổi tiếng xưa kia tạm đi được một chiều nhưng đã trở nên lở loét và xấu xí. Tôi ghé vào đánh một cái điện tín cho mẹ tôi «con đến đây bình yên» rồi trở ra. Hình như có những ai đó chỉ chỗ tôi và nói với nhau nhỏ: những người ấy cùng học một trường với tôi cũng nên; họ đang ở bên kia đường và đứng thành một nhóm. Dọc đường về lại nhà, tôi muốn ghé vào trường học cũ xem thử, nhưng thấy ra sao ấy, nên lại thôi.

Đi được một đoạn ngắn, nghĩ sao, tôi lại quay trở lui.

Thầy P., gỡ chiếc kính trắng ra, cười vui:

— Đó, thầy đã nói. Đi làm gì hấp tấp rồi lại trở về? Bây giờ con phải thi lại mọi môn học..

Tôi cũng đành cười mà nhận chịu. Thầy P. làm ở văn phòng và còn dạy chúng tôi môn công dân năm ngoài nữa. Trong lớp, thầy thương tôi nhất. Chẳng hiểu vì sao? Sức học của tôi thì quá tầm thường...



Một tháng sau khi biến cố xảy ra, cùng gia đình vào ở trong ấy, tôi không học hành gì được cả. Nhưng bây giờ, thấy mọi người đi học trở lại một cách bình yên như độ nào, tôi chợt thấy thèm thèm. Tôi cố bước thật mau đến trường, lòng dạ nao nao khó tả. Buổi học đầu tiên năm 69 của tôi thật đáng ghi nhớ mãi. Hôm đó là một ngày gần Hè. Trong trường đã phát hiện những phong trào vui chơi này nọ. Học-sinh cứ bám theo các thầy để xin nghỉ. Gần hết năm học bao giờ cũng vậy cả. Không khí khi nào cũng ồn ào và vui. Nhưng lúc vào lớp học cũ, chuyện xảy ra làm tôi thất vọng đến cùng cực: Các bạn tôi mới ngày nào đó, bây giờ đang nhìn tôi như nhìn một người xa lạ; tệ hơn thế nữa, họ còn xăm vì và chăm chú vào tôi một cách độc ác làm tôi phát ngượng. Khung cảnh lớp học êm đềm xưa cũ chợt xa xôi và mờ ảo trong tôi quá.

Lúc đó, gặp giờ sử địa của ông V. Ông đã dạy hết chương trình trong năm, đang đi lên đi xuống và thỉnh thoảng nhìn tôi, cúi đầu cười mép một mình, chẳng hiểu ngụ ý gì; mặc dầu trước khi vào lớp, tôi đã vòng tay, nói với ông hết sức lễ phép một câu thật mạnh mẽ:

— Thưa thầy, em nghỉ học mấy tháng. Bây giờ đã xin ông hiệu trưởng học lại. Thầy cho em vào lớp.

Tôi cay đắng khi nhận thấy mình bị ruồng bỏ thật tình. Chung quanh đây chẳng còn người thân mến nào nữa. Tôi nhẩn nại ngồi chờ chuông reo từng phút từng giây. Lúc hết giờ, tôi cố gắng lắm mới nhìn được quanh lớp một lần cuối để ghi nhận những khuôn mặt « tình đời » đó đang mãi mê đùa vui với nhau. Tay thọc túi quần kaki, tay kia ôm mấy quyển vở mới, tôi đi nhanh ra khỏi lớp và tự nguyện chẳng bao giờ trở lại nữa. Một câu nói vọng theo, có lẽ của thằng C, thằng mà tôi thường cho là nhiều chuyện nhất lớp :

— Mấy tháng này không có đứa nào hơn tao nổi về luận văn cả.

Nó ám chỉ ai vậy nhỉ?



Buổi tối hôm đó, khi ăn cơm, với gia đình người anh họ tôi xong, tôi chỉ mặc độc chiếc quần đùi ra sân chơi. Bấy giờ trời mới chịu có gió. Không khí oi bức của ban ngày dần dần kéo đi. Nhiều vì sao xuất hiện một lần, lấm tấm trên bầu trời xanh đen.

Không hiểu sao, tôi chợt thấy buồn ghê gớm. Tôi không còn thấy hứng thú gì khi ở đây cả. Thế mà... Và tôi mừng tượng mình chợt giống anh chàng xa quê hương thật sự.. « Ừ, thà rằng mình đừng quen nhau. Phải không em, phải không em. Làm cảm lắm đấy mày ạ !

Đã khá khuya tôi mới nhắm mắt chập chờn ngủ được. Nhưng bỗng có tiếng súng ào ạt, hận thù nỏ thật lớn giết tôi thức dậy trong một nỗi kinh-hoàng chết chúa và quái dị. Đạn xé nát không khí một cách tàn nhẫn. Ở đây té ra vẫn còn bất-an cho tôi quá ! Tôi nhớ đến gia đình và định bụng sẽ viết thư nói họ nên ở lại trong đó, đừng trở về nữa.

Thêm vào sự sợ hãi bất ngờ đó, cái cảm giác bị ruồng bỏ ban ngày chợt hiện đến khiến tôi nhớ nhiều đến căn nhà rộng lớn của người anh, gần khu phân sự, có nhiều tấm bản đồ « No Parking ». Ở Saigon đó, chẳng khi nào nghe tiếng chim hót, nhưng không gian xanh êm đềm và thời gian trôi nhẹ nhàng, có bà mẹ hiền từ cùng cô bé dễ thương ngồi giặt sát thành giếng sâu hum hút nước trong xanh.

Tôi hết sức muốn trở về đó, dù cô đơn với ngoại vật, nhưng để được sống yên ổn với các hình ảnh đáng yêu ấy và với như những cơn mưa đông như thác đổ mỗi khi chiều xuống.

BỮA BA

Mẹ vẫn nuôi con

Khói hồng lam đùa giỡn mái nhà tranh
Em mở mắt chào đời ngày Nông Nghiệp
Đất mới vỡ vun tình lên thơm ngát
Mạ xanh rờn reo hát khúc khai canh

Em lớn lên đi thăm đồng lúa mới
Những mùi hương xông vỡ mảnh linh hồn
Em xao xuyến thấy mắt mình khời lệ
Muôn ôm chầm cả giải đất Vô Ngôn

Ngày đánh trâu ra bờ sông hóng mát
Rạng bóng dĩa lên mặt nước lung linh
Cỏ xanh rờn như nhìn em vui hát
Khúc thanh bình còn dư mãi âm thanh

Em vẫn lớn theo chiều mưa mai nắng
Đá mềm ra và chân cứng nhịp nhàng
Như ngọn lúa trở bông thơm đồng nội
Đón mùa trăng mai một nở hoa vàng

Rồi những chiều mùa xuân em tàn úa
Gió u sầu thổi tắt cả niềm tin
Mẹ bật khóc: tình anh em tội tả
Nỗi buồn nào choáng hết đầu chân chim

Mẹ vẫn nuôi con tròn năm tháng
Mặc gió buồn thổi ướt lệ trào mi
Mẹ vẫn nuôi con tròn năm tháng
Ví dầu cho hoa cỏ có chia ly



TRẦN - THỊ HỒNG

THĂNG BUỘC

TRẦN VĂN - THUẬN

T RÊN ngọn đồi, dưới bầu trời trong vắt, thăng Buộc cổ khom mình xuống để bẻ những cọng chuối dài và lớn cạnh. Bó chuối chắt trên tay Buộc đầy dần và nó tìm nơi để xuống nghỉ chân. Ánh nắng hồng dội chiếu lên mình thăng Buộc, làm in hình nó lên nền trời xanh lam, sáng sủa. Buộc cảm thấy trống rỗng tâm hồn bèn cất cao tiếng hát. Tiếng hát của nó nghe thật ngây ngô, lan xa xuống tận chân đồi. Bỗng tiếng hát dứt quãng, Buộc ngừng hát nheo mắt ngó về phía ngọn đồi bên kia: một bóng người nhỏ nhắn đang cúi mình trong đám sim tím, trông nời hẳn lên. Buộc vùng đứng hẳn dậy, vụt chạy xuống ngọn đồi để băng qua ngọn đồi bên kia. Nó vừa thoáng một ý nghĩ: Nó mơ ước có được một người để tâm sự, luôn tiện xin vài bụm sim chín ăn qua loa đỡ buồn. Bóng thăng Buộc bây giờ đã đi đến ngọn đồi bên kia và gần như mất hẳn trong đám cây màu xanh ngắt, mọc phía dưới chân đồi. Buộc cố gắng len lỏi trong đám cây, núp lấy những nhánh cây cao để vượt lên đồi cho khỏi ngã. Thăng Buộc bỗng dừng hẳn lại, cúi xuống. Buộc không ngờ người mà nó vừa nhìn thấy lại là một con bé gái trạc tuổi em nó. Buộc thấy làm sao ở trong bụng. Buộc định quay trở về nhưng máu anh hùng lại nổi lên trong người nó, nó nhất định đi lên đồi nơi con bé đang hái sim. Tuy vậy, Buộc vẫn thấy lo-âu. Nó cảm thấy mắc cỡ với mấy cử chỉ của nó vừa rồi. Buộc lại thấy hồi hộp hơn, khi thấy con bé thỉnh thoảng ngược đầu lên nhìn nó và mỉm cười. Buộc không biết từ nay

đến giờ, con bé có nhìn thấy cái cử chỉ ngập ngừng của nó hay không? Buộc đâm lo-âu, lại vừa sợ sệt nữa. Buộc ngắt đại mấy cái lá cây mọc bên đường, bỏ vào miệng nhai. Cái hương vị của mấy ngọn lá cây, mà thường ngày Buộc nghe có mùi cay cay, tự dưng bây giờ Buộc nghe như có mùi thơm thơm nữa. Lúc này thì Buộc có dịp quan sát kỹ con bé. Tóc của con bé cắt ngang ót, nước da trắng nuột mướt đầu má con bé bấy giờ hây hây vì ửng chút nắng hồng. Buộc lấy can đảm bước gần đến nơi con bé cũng cúi xuống hái mấy trái sim chín mọng. Nó nhìn thấy con bé mãi-mê hái sim và không để ý đến nó như lúc trước nữa. Buộc nhét đầy sim vào cả hai túi rồi, thế mà Buộc không thấy con bé nhìn hay hỏi Buộc một cái gì. Buộc tức-tối, định bỏ đi; nhưng cũng vừa lúc ấy, con bé ngẩng đầu lên cười và hỏi nó:

— Dạ... thưa anh, mấy giờ rồi?

Buộc tỏ ra hơi bối-rối. Lúc này nó mong nói chuyện với con bé cho vui. Vậy mà khi con bé hỏi Buộc, thì Buộc phát sợ, tâm hồn Buộc như bay lên trời cao. Con bé lại còn gọi Buộc bằng anh và hỏi giờ giấc. Buộc đâu có đồng hồ. Buộc nhớ chừng hồi sáng, lúc Buộc ra khỏi nhà và cũng là lúc mẹ Buộc gánh chuối xuống chợ bán thì trống làng đánh báo hiệu tám giờ đúng. Buộc còn nhớ lúc ấy chợ làng cũng bắt đầu đông. Và từ lúc Buộc lên đồi cho đến giờ

cũng đã mất gần một tiếng đồng hồ. Buộc nói nhanh với con bé:

- Khoảng chín giờ.
- Rứa thì... còn sớm há... anh?
- ...

Buộc lại thêm một lần bối-rối. Nó giả lờ như không nghe con bé nói và cứ tiếp-tục hái sim. Mặt con bé thì ửng hồng làm Buộc cũng dâm ra muốn cười. Buộc không đề làm mất lòng con bé nữa, nó gắng hỏi:

- Á,... mà nhà... là ở mô?
- Nhà tui há? Ở xa lắm. Mà... anh hỏi làm chi?

Buộc lại thấy mình nói vô duyên, nên chỉ cúi đầu mỉm cười. Buộc lại nhớ ra một điều cần phải biết, bèn ngẩng mặt lên hỏi con bé:

- Rứa... tên chi?
- Dạ... Mơ.
- Tên Mơ?
- Dạ. Còn... anh tên chi?
- Tên tui há...: Buộc.
- ... Buộc?
- Ủ ...

Buộc nhìn con bé mỉm cười, rồi hai nhìn nhau cảm thông. Buộc đã bớt lạ với con bé. Tim Buộc không còn đập thình thịch nữa. Tút áo Buộc giờ đây đầy tràn sim chín. Nó chạy đến một gốc cây gần đó ngồi nghỉ. Buộc tiếc thắm vì đã quên kêu con Mơ đến cùng ăn sim chín và nói chuyện với nó cho vui. Không hiểu sao bây giờ nó lại ham nghỉ vợ vợ, vắn vắn cái chuyện chi, đến nỗi quên là có con Mơ bên cạnh. Buộc sợ con Mơ giận nó, thì hồng cả chuyện... Con Mơ thì vẫn cứ hái sim, thảnh thơi nó ngược đầu nhìn thẳng Buộc, mỉm cười... Trên đồi, gió thổi nhiều, những cành thông là lời theo chiều gió. Tóc con Mơ bị gió

thổi tung ra sau, để lộ khuôn mặt tròn-trĩnh trông thật dễ thương. Thằng Buộc ngồi nhìn con bé, mơ mộng...



Tiếng vo gạo phát ra dưới bến nước. Thằng Buộc mặt cúi xuống nước, hai tay vo lấy gạo thật đều. Cứ mỗi buổi sáng, Buộc thay mẹ lo nấu cơm, từ khi trời mới tảng sáng. Nó ngủ dậy rửa mặt, kể ôm gạo xuống bến đề vo, rồi đem bắt cơm ở trên nhà. Buộc mãi-mê vo gạo, mà không ngờ trời rạng sáng, mãi đến khi nhìn thấy bóng mình soi lờ mờ dưới nước, Buộc mới lật - đặt bưng nồi gạo chạy vội lên nhà. Buộc không ngờ bữa nay nó dậy trễ quá. Bầu trời sáng sớm thật mát làm Buộc thấy lạnh lạnh. Nồi gạo vừa đặt lên bếp lửa, thì tiếng mẹ Buộc trong nhà vọng ra:

- Xong chưa con? Làm chi mà lâu dữ rứa?
- Buộc dạ rần, chạy vào nhà. Mẹ Buộc đã rửa mặt xong. Chị đang lui-cui xuất lại nền nhà. Buộc theo thói quen chạy lại lấy mấy cái chổi, sắp cần thận vào gánh cho mẹ. Bóng thằng Buộc lảng vảng làm việc trong nhà. Chị Năm nhìn con, mỉm cười. Có lẽ chị mừng, vui, khi có đứa con như thằng Buộc. Chị không lo khi đến ngày già, vì lúc đó có nó: thằng Buộc sẽ lo cho chị mọi việc. Tiếng nước sôi sùng sục trong nồi gạo, chị Năm bỏ đi ra khỏi nhà, đến bên bếp lửa xắn quần ngồi xuống. Chị dùng đôi đũa bếp, gạt bớt lửa, rồi cắt nắp xuống và dùng đôi đũa sạch xới cơm. Cơm vừa khô nước, khói bốc lên nghi-ngút, hơi khói làm chị Năm nóng mặt. Chị đập nắp lại, ngồi quơ mấy cọng rơm, vài cọng chổi nhỏ văng bừa-bãi đề vào một nơi và đợi cơm chín. Tiếng lửa nổ lách cách, đều đặn nghe thật vui tai. Lúc này, trời tỏ hơn. Sợ chuyển xuống chợ hôm nay trễ mất, chị lật-đặt nhắc nồi cơm xuống, mang vào nhà. Chị Năm cũng quên gạt tắt lửa còn lại ở trong bếp. Một ngọn gió sớm thổi tạt qua, những tàn lửa bắn tung, vung vãi ở bếp, và một mùi khét-lẹt bốc lên. Tầm liếp cửa trong nhà được chị Năm nhắc hé lên, chị ló đầu nhìn ra bếp, nhìn không thấy gì chị lại buông tầm liếp và thụt đầu vào. Chị chắc

lười, ngọn gió ban mai đã lùa cho chị thấy lạnh người. Chừ thì cơm đã được thắng Buộc xới ra ở chén. Hai mẹ con chị cùng ăn. Chị Năm và thằng Buộc ăn có vẻ hấp tấp, những miếng cơm được lùa nhanh vào miệng. Thằng Buộc ăn cơm xong trước, nó bỏ đi xuống bến. Tiếng nước khuấy dưới bến nghe rõ mồn-một. Trời đã sáng hẳn, những tia nắng chiếu xuyên qua mấy ngọn lá, cành cây, in hình thằng Buộc trên bến nước rõ hơn. Trong nhà, chị Năm cũng đã ăn cơm xong, chị quơ vôi mấy món đồ lặt vặt, đặt vào từng nơi cho có ngăn nắp rồi bỏ đi vào nhà trong. Một lát, chị Năm trở ra, hình như mọi việc đã xong, chị quảy lấy gánh chúi đề lên vai, thoăn-thoắt ra khỏi nhà. Sự nhớ tới con, chị nheo mắt ngó thằng Buộc đang đứng dưới bến nước và nói lớn:

— Chút nữa, con gắng bẻ cho mẹ một ít chúi to-to nghe con! Mà có đi bẻ, thì đi sớm sớm, trưa trời nắng lắm đó con!

Buộc nghe tiếng mẹ, bỏ đi lên khỏi bến. Chị Năm nhìn thấy bóng con đi lên, chị khẽ cười rồi đi thẳng ra ngõ. Thằng Buộc nhìn theo cho đến khi bóng chị Năm khuất sau rặng tre cuối làng. Từ đằng xa, chị Năm còn ngoảnh lại nhìn con; chị hơi buồn vì tiếc rằng con mình không được học như bao đứa trẻ khác.

Thấy đường vắng, chị Năm cố bước thật mau...



Buộc như con nai tơ len-lỏi giữa đám cỏ non. Nó núp cạnh cây này, nhánh cây kia, tay thoăn-thoắt bẻ mấy cọng chúi. Những cọng chúi còn đọng sương buổi sáng, quất vào người Buộc làm nó thấy man-mát. Trời nắng chang-chang, nhưng Buộc cũng không thấy khó chịu. Thỉnh thoảng, một vài luồng gió thổi ngang làm cho những cọng chúi lay động và khiến cho Buộc không biết bẻ cọng chúi nào. Những cọng chúi non bay lất-phất làm Buộc thấy vui mắt hơn. Có lần, Buộc ao ước nếu là một họa sĩ, nó sẽ vẽ lại cái khung cảnh này: Một màu xanh non của cây cỏ, nền hắt

lên trong nền trời trong vắt, lại thêm vài bụi sim mọc lẫn-quất trên đồi làm lộ ra từng đám màu tím nhạt, của những hoa sim vừa hé nở, đẹp quá! Thích-thú, Buộc nghỉ tay đứng nhìn. Buộc bỗng nhớ lại con Mơ, con bé có mái tóc ngắn, đôi mắt tròn xoe, khuôn mặt trắng nõn lui hui nhạt sim chín làm nó thích ghê. Buộc chạy lên đỉnh đồi, nhìn sang ngọn đồi bên kia. Hình ảnh con Mơ lúc ăn lúc hiện trong cỏ cây, trở về trong ký-ức của Buộc từng chi-tiết một. Trên đồi kia, chừ không còn có bóng con Mơ nữa, toàn là sim tím, một vài cây thông mọc cao rọi bóng trên triền đồi. Phía sau lưng ngọn đồi kia, vài ba nóc nhà đứng trơ-vơ, như suy tưởng cái gì. Buộc nhìn quanh quất, nó chắc-chắn hôm nay con Mơ không đi hái sim nữa. Mọi vật xung quanh đẹp đẽ, tuy thế vẫn không làm cho Buộc vui như ngày hôm qua. Nó cảm thấy một nỗi buồn vơi-vợi đang xâm chiếm tâm hồn. Chừ mới là lúc Buộc thấy buồn thật sự. Buộc ôm bó chúi đi xuống đồi, lăm lăm bước nhanh. Nó leo qua ngọn đồi bên kia, nơi mà hôm qua nó làm quen với con Mơ, Buộc đứng lặng hồi lâu. Bây giờ Buộc lại thấy muốn nói chuyện nhưng không biết nói chuyện cùng ai. Đám sim tím ngày qua không còn một trái chín, chỉ còn lại một vạt lá tròn, xanh tươi và những cái hoa tím ngắt điểm ở trên. Buộc thấy buồn... Tiếng một con chim non bay trên nền trời xanh thẳm kêu chim chíp như gọi bạn. Thằng Buộc lại đi trở về; nhìn dấu chân ngày hôm qua hằn trên lối cỏ, nó buồn thêm...

Nắng lên cao hơn, bóng cây thông dọi trên triền dốc ngắn bớt, chỉ còn che khuất một đám lá sim nằm gần gốc thông. Thằng Buộc lại nhớ về mẹ nó, nên bước vội xuống đồi. Nó bước nhưng thỉnh thoảng lại ngược lui nhìn ngọn đồi. Có lẽ Buộc nhớ con bé ngày qua. Nó mơ thấy con bé đang len-lỏi trong từng bụi sim, nhìn nó mỉm cười và bẻ tóc ngắn của con bé đang phấp phồng trong ngọn gió ban mai...

Trần Văn-Thuận

GIỌT NẮNG

MÙA XUÂN

HOÀNG-THỊ THU

BÂY giờ là tháng cuối rồi đó! Mùa đông đã đến và đang qua. Em tiếc là không còn băng-khuâng trong lòng như ngày đầu tiên đón cơn mưa đầu mùa.

Em còn nhớ, buổi mai ấy, buổi mai đầu tiên mở nhẹ-nhàng cánh cửa, thấy mưa qua chào hội-ngộ với lá cây quen thuộc trong vườn và gió đầu mùa lạnh se-sắt làm em quẩn-quít, em đã thốt lên mừng rỡ: A! mùa mưa đã đến! Sẽ có gió làm vương tóc em trên đường về, có mưa ngọt-ngào môi em, sẽ có nước cho chân em nghịch đùa và mẹ sẽ mất công dặn-dò em đừng lang-thang trên đường, đừng mãi-mê với nước. Rồi cứ thế, em đã qua trọn một mùa đông.

Bây giờ trong tháng cuối của một năm sắp tàn, em thêm nắng chói lọi! Mưa của một mùa đông nay đã làm xốt má em rồi, đã làm em biếng học vì rét mướt cứ gọi mời em thu mình trong chăn ấm. Em náo-nức chờ nắng. Mùa đông sẽ qua và mùa xuân sẽ về. Em vẫn tự nhủ thế, nhưng vẫn đợi

nắng như ngày còn bé đợi Tết, đợi áo mới, đợi những đồng lì-xì thơm ngát mùi giấy mới. Năm nay em không còn trông Tết đến để được như vậy nữa. Mẹ đã chẳng bảo em lớn rồi ư! Bé, con đã mười sáu rồi đấy, mà chính em, em cũng nhận thấy hình như không còn nhỏ nữa. Em đã học đệ-tam và đã thay những chiếc áo đầm xinh-xắn ngày nào bằng chiếc áo dài đầu tiên trong đời.

Vậy thì em chỉ mong nắng. Nắng sẽ về sưởi ấm em và mùa xuân sẽ làm em được mở cửa nhìn ra vườn mà không sợ gió rét. Buổi tối được trải chiếu trên gác nhìn sao nhìn trời, cảm nhận sự dịu-dàng của đêm thanh-thoát. Rồi cây tigôn trước nhà sẽ ngập đầy những nụ hồng bé bỏng. Ôi chao là thích!

Nhưng trời vẫn còn mưa nhiều thế kia! Rõ là mùa đông trời mưa không biết mỏi. Cây bạch hà lại đóng đũa trong gió, em sợ nó ngã mất, vì em thương duy nhất và vô cùng loài cây đó. Loài cây rủ lá như mẹ

hong tóc, lá muốt dài và đáng buồn chi lạ!
loài cây chỉ nhìn thôi, cũng đã gọi biết bao
ngậm-ngùi băng quơ.

Bây giờ trời còn mưa nhưng nhỏ hạt.
Những hạt mưa nhỏ bé tí-tách buồn buồn
Em bỗng thấy buồn-ngùi. Có lẽ tại vì cái gì
cuối cùng cũng gọi cho người ta một chút
nuối tiếc, băng-khuâng, một ít sung-sướng
vì lẽ sắp có một bắt đầu thay thế. Điều đó
hình như mâu-thuẫn trong em. Em vẫn nhìn
ngoài trời, mưa cuối mùa chắc sẽ làm cỏ
ngoài kia mướt lạnh bàn chân ghê lắm, mưa
những ngày sắp từ biệt hình như cũng dịu-
dàng hơn, có một cái chi ngoài đó quyến
rủ em lạ-lùng. Có phải con đường thẳng tắp
mênh-mang mưa bụi, có phải vì em tưởng tượng
có thể nhắm mắt thênh-thang mà không sợ
chạm phải người, có phải vì tóc cổ ướt đầm,
vì những hàng cây ngả nghiêng tội-nghiệp hay
tại vì em ưa nghịch? Nào em có biết được
đâu! Thích là bởi vì em muốn thế thôi, phải
không mẹ? phải không mưa?

Đã buổi chiều rồi đó! ngày mùa đông
không có mai, trưa, chiều; hình như trọn ngày
chỉ thấy điều-hiu, rét mướt, ướt đầm, se-sắt.
Hình-ảnh huy-hoàng của giải nắng lại đến
trong em, những giọt nắng dễ thương tung-
tăng trên hàng lá, trên đường về, trên áo
em một ngày mùa xuân, một ngày mùa hạ.
Nắng sẽ làm hồng má môi tuổi nhỏ, gió sẽ
nghịch đùa làm rối tóc những cô bé trên
đường về và từ nỗi mơ-tưởng khát-khao vô

cùng đó, hình ảnh những ngày mùa hạ, nắng
và gió bên nhịp cầu năm tháng bé dại
theo trí nhớ trở về gọi lại biết bao thương
nuối, biết bao ngậm-ngùi! Ôi! những ngày
em còn tung-tăng trên những chuyến phà
qua về đã xa! Tất cả đã qua rồi và tuổi nhỏ
của em rồi đây cũng mất. Mất chi có thể
hy-vọng tìm thấy, chờ tuổi xa người có đời
mơ trở lại. Thoải-mái, bình-dị, hạnh-phúc chỉ
có được khi mình còn nhỏ. Con tàu nào sẽ
chở những buồn vui giận hờn, ngây-ngô thánh-
thiện của em xa đây?! Cái hồn nhiên yêu-dấu
vô cùng đó một ngày sẽ theo thời-gian rời
em mãi mãi.

Ý-nghĩ đó làm em hoang-mang và buồn.
Gọi mẹ lại gần và muốn được ấp-ủ để thấy
mình hoài nhỏ. Một rồi hai, những giọt nước
huyền diệu trong như pha-lê dịu-dàng như
mẹ, mền-nồng như thương yêu đã nhỏ xuống
tay em hồi nào! Ô hay em đã khóc! còn
«nhè» hoài nghĩ là em chưa lớn. Em cúi
nhìn và thấy nước mắt như mưa. Hạt ngọc
của em, hạt ngọc của trời. Em mỉm cười
với ý-nghĩ đó và thấy mình thật nhỏ, còn
nhỏ và nhỏ mãi. Quay gót trở vào trùm
trong chăn ấm, em thì-thầm: mùa đông sẽ
qua, mùa xuân sẽ đến, trời mưa sẽ mỗi và
nắng sẽ về. Và mẹ biết không, con chắc con
sẽ ngủ với hình ảnh những giọt nắng tung-
tăng, huy-hoàng và dễ thương đó mẹ ạ!

Một thoáng bình yên

C ho tôi một thoáng bình yên
Đề trắng thấp sáng bao miền hoang vu
Đề tôi còn được phiêu du
Ngựa hồng thỏa vó, mây thu thoáng chờ
Bình yên như một ước mơ
Địa đàn tiếng hát trẻ thơ ngút trời
Mẹ già thoáng nhịp đầm khơi
Hò ru con ngủ à ơi tiếng cầu.
Bình yên một thoáng qua mau
Con về với mẹ niềm đau rã rời
Bình yên chiều thấy chơi vơi
Tiếng dừ thoáng hạ nơi nơi thanh bình
Cầu xin cho những mối tình
Ngàn trùng xa cách bóng hình không phai
Xuân về ngàn cánh hoa mai
Đem niềm thương đến tương lai thoáng lành
Quê hương thần thoại tinh anh
Mặt trời sáng mọc còn xanh nụ cười
Bình yên cho một kiếp người
Thù hằn xóa vết, tiếng cười đất đen
Bình yên giấc ngủ bon chen
Trái tim máu lạnh, túi hèn núi sông



NGUYỄN-THỊ THANH-VÂN

VỀ NGUỒN

BÙI HUY

Giải nhất cuộc thi truyện ngắn do Hội Thư-viện Huế tổ-chức năm 1971 cho tất cả học-sinh trung-học tỉnh Thừa-thiên

Một thứ tiếng động âm ỉ nào đó làm tôi bàng hoàng tỉnh dậy. Bóng tối và hơi lạnh vây xung quanh, sàn gỗ cứng ngát dưới lưng thay cho giường nệm êm ái thường nhật khiến tôi bối ngỡ. Nhưng rồi dần dần tôi nhớ lại những việc vừa xảy ra — một biến cố quan trọng đã đẩy tôi ra khỏi không khí bình yên phẳng lặng của một thiếu niên nói lớn và của bất cứ người dân nào trong vũ trụ này, vào một cuộc chạy trốn kinh hoàng quái dị chưa từng ghi trong lịch sử Hành Tinh Xanh.

Tôi sờ lại bên hông, khẩu súng bắn hơi điện lạnh lạnh vẫn còn ở đó đem lại cho tôi một sự yên tâm giả tạo; vì tuy có thể làm tê liệt tức khắc bất cứ một sinh vật nào, nó chỉ là đồ chơi trẻ nít trước những gã người máy vô tri, hung hãn đang ngự trị trên cõi đất này. Tôi bước ra khỏi thân chiếc máy bay STOL cỡ lỗ sĩ, để lại từ thế kỷ 20, đã làm nơi trú ẩn của tôi trong mấy tiếng đồng hồ vừa qua. Đây là Khu Tạm Về Thế Kỷ 20 của Trung Tâm Giải Trí Hành Tinh Xanh. Từ cuối gian phòng vắng lại tiếng động đều đều của một máy phát điện chạy bằng xăng còn sót lại sau trận Thế Chiến Thứ Ba. Dù hiện nay đã có những loại máy phát điện tối tân hơn nhiều, chiếc máy này vẫn được tự do gây náo động

ở đây — trong khi con người của Kỷ nguyên Liên hành tinh vốn rất kỵ tiếng động—vì người ta đã đồng ý với nhau là nên trang bị cho những Gian phòng tìm về quá khứ bằng chính những tiện nghi của các thời đại trước. Chính thứ máy ồn-ào này đã kéo tôi ra khỏi cơn mê sảng khủng khiếp với những gã người máy không lồ dữ tợn sắp sửa nghiền nát thân thể nhỏ bé của tôi.

Máy phát điện này được một bộ óc điện tử bảo toàn và điều khiển, cứ 5 tiếng đồng hồ lại phát điện một giờ để cung cấp điện cho cả gian phòng. Nhờ thế mà đến giờ này nó vẫn còn hoạt động trong khi mọi sinh hoạt trên hành tinh này đã ngừng hẳn. Còn có ai trên cõi đất này đâu ngoài tôi ra, và có lẽ, Uyên, cô bạn bé bỏng của tôi giờ không biết lạc lõng phương nào? Ngay tôi nữa, nếu không tìm được phương thức tự cứu thì sớm muộn gì bọn người máy phản trắc cũng sẽ tìm ra tôi và bắt tôi chịu chung số phận với tất cả mọi người. Không! Tôi không thể an phận chờ chết một cách hèn yếu như thế. Phải chứng tỏ cho bọn chúng biết rằng con người vẫn xứng đáng làm chủ quả đất này.

Tôi tháo chiếc máy di chuyển cá nhân ra khỏi lưng rồi đem đến bên máy phát điện để tiếp thêm điện vào. Với số điện vừa lấy

thêm, tôi đủ sức bay đến Tổng Hành Dinh ở trung tâm Hành tinh Xanh để thực hiện ý định. Nhưng trước hết phải tìm cho được thứ vũ khí khắc tinh đối với bọn rô-bô đã. Tôi đảo mắt quanh gian phòng và dừng lại ở một tủ gỗ, nhỏ, có vẻ bần thiêu. «Đây rồi!» tôi reo khẽ trong miệng và vội vã bước tới. Tôi nhặt một vật bằng thép đen ngòm mà người xưa gọi là «súng tiêu liên», cùng với ba gắp đạn. Ngần ngừ một chút, tôi lấy luôn quả mìn làm bằng astrolite — một chất nổ cực mạnh được tìm ra vào cuối Thế kỷ 20 — và mang vào thắt lưng. Những thứ vũ khí này không có nghĩa lý gì đối với loại y phục có thể chống được vãn-thạch trong không gian của con người thế kỷ 25, nhưng chúng có thể giúp tôi hạ bọn rô-bô và tiêu diệt cơ quan đầu não chỉ huy bọn chúng.

Tôi đi xuyên qua một dãy hành lang mờ tối, vắng lặng để ra ngoài. Bây giờ có lẽ vào khoảng nửa đêm, trời đất yên tĩnh như không hề có chuyện gì xảy ra. Và tôi nữa, không hiểu tại sao tôi vẫn bình thản lãnh đạm trước biển cổ vừa qua, một biển cổ quan trọng có thể xóa tên Hành tinh Xanh trên bản đồ vũ trụ. Có lẽ vì tâm hồn của con người hiện đại đã trở thành khô khan-hay chết hẳn sau bao thế hệ chỉ biết dùng lý trí để đi tìm những cái gọi là tiến bộ khoa học kỹ thuật vật chất mà bỏ quên việc trau dồi vưu vật của Tạo hóa dành cho con người. Đời sống vật chất và tinh thần của con người đã hoàn toàn thay đổi — nếu không muốn nói là đảo lộn toàn diện — kể từ thế kỷ 20, sau ngày Thế chiến thứ ba xảy ra...



... Chiến tranh bùng nổ dữ dội vào một sáng mùa xuân năm 19... Do một sai lầm nào đó của máy điện tử điều khiển vũ khí hạch tâm, một hỏa tiễn nguyên tử được bắn đi từ một quốc gia đến một quốc gia đối nghịch. Quốc gia này ra lệnh trả đũa ngay. Trong vòng một giờ, chiến tranh hạch tâm tràn khắp thế giới như một thứ bệnh dịch khủng khiếp. Bao nhiêu vũ khí có sức

tàn phá mãnh liệt tích trữ bấy lâu trên thế giới đều được đem ra sử dụng. Lớp hỏa quyển dưới vỏ trái đất từ lâu yên tĩnh, bị kích thích bởi sức nổ ghê gớm do vũ khí nguyên tử gây ra đã bùng dậy. Nhiều trận địa chấn kinh hồn xảy ra, lại thêm những hỏa sơn xuất hiện phun lửa liên miên, như sự trừng phạt của Thượng đế dành cho Thế giới tội lỗi của loài người. Bề mặt quả đất bị thay đổi hẳn, hai lục địa MU và ATLANTIC từ lâu chìm sâu dưới đáy Thái bình dương và Đại tây dương đã trôi lên. Châu ÂU và ÚC biến mất dưới lòng biển. Các lục địa còn lại «trôi» lại gần nhau kết thành một đại lục duy nhất như một hòn đảo khổng lồ, xung quanh là biển cả. Đa số các sinh vật và loài người trên quả đất đều bị tiêu diệt, trừ một số khoa học gia cùng gia đình sống trong một căn cứ bí mật xây ngầm trong lòng núi xa các nơi bị bom nguyên tử hủy hoại. Có một điều lạ là những kẻ sống sót — khoảng 2000 người — bỗng trở nên mạnh khỏe vô cùng, có khả năng chống lại mọi bệnh tật, sức phụng xạ, và sinh sản rất nhanh.

Nhờ những công trình khoa học phi thường tìm thấy ở hai châu MU và ATLANTIC, và nhất là nhờ những người sống sót đều là những khoa học gia, bác học lỗi lạc nhất thế giới, những phát minh mới lạ, những công trình khoa học tân kỳ được thực hiện liên miên, đưa đời sống trên trái đất trở lại bình thường và rồi còn tiến bộ hơn trước. Dân số tăng vọt lên rất nhanh và chỉ vài thế kỷ sau, con người đã đặt chân lên nhiều hành tinh trong Thái dương hệ. Trái với những dự đoán trước đây, trên những hành tinh này chỉ có những sinh vật bán khai; riêng ở Hỏa tinh và Kim tinh, thì có dấu vết của một nền văn minh tương đương với nền văn minh của hai châu MU và ATLANTIC.

Tất cả hãy còn là bí ẩn đối với loài người cho đến khi một giống «người» từ một tinh cầu xa lạ viếng thăm địa cầu và «nói chuyện» với người địa cầu bằng một

thứ máy kỳ dị có khả năng truyền đạt ý tưởng trong đầu người này đến người đối diện.

Thì ra họ là một giống dân có trình độ văn minh rất cao ở Hành tinh Vàng thuộc Thiếu âm hệ, một hệ thống tinh tú tương tự như Thái dương hệ của chúng ta. Cách đây hàng ngàn năm họ đã từng viếng thăm Thái dương hệ, thiết lập căn cứ trên Hỏa tinh, Kim tinh và tiếp xúc với một giống người khá tiến bộ ở địa cầu: đó là dân Mu và Atlantic. Điều này giải thích cho sự hiện diện của một nền văn minh khá cao tại các nơi ấy. Sau một trận địa chấn dữ dội, hai châu Mu và Atlantic chìm sâu dưới đáy bể và người Hành tinh Vàng cũng không trở lại Thái dương hệ nữa vì hai hệ thống tinh tú nay đã rời xa nhau. Sau đó, «họ» tiếp tục thám hiểm vũ trụ và tìm thêm ba hành tinh khác có những sinh vật thông minh, đồng thời đã nghĩ ra phương pháp để đưa những giống dân trong vũ trụ lại gần với nhau: Theo Einstein một thiên tài của thế kỷ 20, người ta không thể bay nhanh gần bằng tốc độ ánh sáng được; nhưng người ta lại có thể bay nhanh gấp mấy lần tốc độ ánh sáng ngay từ lúc bắt đầu mà không có sự chuyển tiếp tốc độ nào giữa lúc đứng yên và lúc bay với tốc độ siêu quang; trong trường hợp này lại không thể giảm tốc độ xuống bằng tốc độ ánh sáng được. Tuy nhiên người ta đã tìm ra rằng: nếu bắt đầu từ một điểm nào đó trong vũ trụ thì nhờ các tác dụng từ lực, người ta có thể bay nhanh hơn ánh sáng và chỉ dừng lại khi đến một điểm nào khác.

Sau khi thỏa thuận, người ta đưa trái đất rời khỏi Thái dương hệ đến một vị trí trong vũ trụ để cùng bốn hành-tinh-có-người khác hợp thành một hệ thống tinh tú mới lạ đặt tên là Ngũ hành hệ. Năm hành tinh đó là: Hành tinh Trắng, Hành tinh Đỏ, Hành tinh Vàng, Hành tinh Đen và trái đất tức Hành tinh Xanh. Mỗi hành tinh cách nhau hơn mười năm ánh sáng. Nhưng nhờ những «đường bay từ lực» người ta có thể đi từ hành tinh này sang hành tinh khác chỉ mất mấy năm.

Nhờ sự hộ trợ của các hành tinh khác, đời sống trên địa cầu cải thiện mau chóng. Phần lục địa trên trái đất được bao bọc bởi một «bầu khí quyển nhân tạo» bằng một chất tương tự như thủy tinh có màu xanh. Trong đó khí hậu điều hòa, quanh năm toàn là mùa xuân. Nhiều nhà máy được thiết lập trên mặt Đại dương điều khiển bằng máy điện tử từ đất liền, có nhiệm vụ cung cấp thực phẩm và vật liệu, nhiên liệu cần thiết cho con người. Tất cả mọi sự việc, dịch vụ đều do máy điện tử tính toán và những người rô-bô thi hành.

Ở trung tâm Đại lục là Tổng hành dinh, nơi đặt bộ máy kỳ lạ để giữ cho trái đất ở trong vòng hấp lực của bốn hành tinh kia, thiếu nó trái đất sẽ trở về Thái dương hệ. Ngoài ra, Tổng hành dinh còn là cơ quan đầu não chỉ huy tất cả những máy điện tử cùng người rô-bô ở khắp hoàn cầu. Để tránh những sai lầm hi hữu do máy điện tử gây nên có thể hủy hoại tất cả, như đã xảy ra hồi thế kỷ 20, tất cả máy móc trong Tổng hành dinh đều do con người điều khiển; và lại người ta chưa tìm ra được một bộ óc điện tử vào khả dĩ thay thế con người, ứng phó với những tình thế mới lạ.

Hệ thống giao thông cũng do máy điện tử hướng dẫn và điều khiển, những trạm giao thông được thiết lập khắp nơi trên Đại lục để giúp cho người rô-bô và những người dùng máy di chuyển cá nhân bay từ nơi này đến nơi khác.

Người ta bắt đầu học từ năm lên bốn bằng phương pháp ghi bài học vào trong óc nhờ máy điện tử và đến năm 16 tuổi là trở thành một khoa học gia tài giỏi. Thời gian trẻ và già được rút bớt trong khi tuổi thọ được kéo dài ra để con người có thể tận hưởng lâu dài những thú vui trên đời.

Đời sống con người rất nhàn hạ, suốt ngày vui hưởng mọi lạc thú. Tuy thế, con người vẫn cảm thấy khổ sở khó chịu mà không hiểu tại sao. Sau nhiều cuộc nghiên

cứu, một máy điện tử đã tìm ra nguyên do: con người hiện đại thiếu sự giải trí tinh thần. Đây là một điều khó giải quyết vì tất cả nghệ sĩ đều bị tận diệt trong Thế chiến thứ ba. Từ đó ảnh hưởng di truyền cũng như lối giáo dục bằng máy điện tử đã khiến cho người trên trái đất đều là khoa học gia mà không ai là nghệ sĩ cả. Hậu quả là tinh thần con người không bao giờ thoải mái và trở nên khô khan, cứng ngắt. Nhiều người máy làm thơ đặt nhạc được sáng chế nhưng những tác phẩm của chúng đều khô khan và lặp lại một điệu nên người ta lại càng mau chán. Thiên hạ đua nhau đồ xô vào Trung tâm giải trí để khuây khỏa sự trống rỗng trong đầu óc bằng các loại thuốc an thần mà ngày xưa người ta gọi là ma túy và những trò chơi càng lúc càng trở nên điên cuồng, man rợ. Một nỗi chán chường xâm chiếm tâm hồn những con người còn đôi chút hiểu biết trong khi mọi người mất dần nhân tính. Hầu như tất cả mọi người đều đã có một phút giây nào đó nghĩ đến cái chết như là một lối giải thoát. Một địa ngục đang hình thành giữa thiên-đường vật chất! Ngay cả cái tươi đẹp, dịu dàng nhất của Tạo-hóa trao cho con người cũng bị đánh mất từ khi người ta nghĩ rằng đã tìm được công thức tình yêu. Mọi người ở thế kỷ Liên hành tinh đều được giáo dục về tình dục ngay từ nhỏ — bằng lối ghi vào não, dĩ nhiên — và luôn thể biết rằng tình yêu chỉ là sản phẩm của hai chất kích thích tố adrénaline và glycogène do hạch thượng thận và gan sản xuất. Ấn tượng ấy khắc sâu vào tâm não mọi người từ thế hệ này sang thế hệ khác làm cho không ai hưởng được lạc thú của tình yêu.

Năm nay tôi vừa tròn 16 tuổi — lứa tuổi trưởng thành của người dân thế kỷ 25; cũng như các bạn cùng trang lứa, cha mẹ tôi đã đi du lịch tại các hành tinh khác từ năm tôi lên mười và ít lắm cũng vài năm nữa mới về. Như muôn đời trước, hai lớp trẻ và già không bao giờ gặp nhau. Người lớn thường tỏ vẻ khắt nghiệt khi thấy chúng tôi từ chối tham gia mọi sinh hoạt trong xã hội để tìm đến những nơi vắng vẻ, ngồi yên hoặc đi thơ

thần suốt ngày. Riêng tôi, tôi thường vào khu tìm về thế kỷ 20 — một nơi ít ai lai vãng nhất vì đồ vật trưng bày quá thô sơ và ít ỏi. Ở đây, tôi được gặp một người đồng điệu, một cô bé 15 thật xinh và hiền. Đó là Uyên. Có lẽ sau thế chiến, mọi vật đều bị hủy diệt gần hết và các người sống sót xúc động quá mạnh nên không ai nghĩ đến việc bảo tồn những di tích của thế kỷ 20. Những gì còn lại là chiếc máy phát điện, chiếc máy bay STOL lên xuống thẳng mà các kỹ sư đang thí nghiệm khi chiến tranh xảy ra, những quả mìn làm bằng chất nổ astrolite — một chất nổ mạnh hơn cả dynamit, TNT, nitroglycerine và nguyên tử — mà các nhà bác học mới tìm ra vào cuối thế kỷ 20; công cuộc nghiên cứu chưa hoàn thành thì chiến tranh xảy ra và nó bị bỏ quên, một vài thứ « súng ống » thời trước, một xe moto của một kỹ sư mê thể thao, và vài vật dụng thường ngày của các người sống sót. Vật làm chúng tôi say mê nhất là hai quyển sách cũ kỹ (ở thế kỷ 25 người ta không dùng sách mà dùng những cuốn băng ghi âm) viết bằng thứ ngôn ngữ của thế kỷ 20 và chúng tôi phải dùng máy phiên dịch mới hiểu được. Một cuốn là Cựu ước kinh và cuốn kia là một tác phẩm nói về hiện tượng « hippy » thế kỷ 20. Tôi thường mượn chiếc moto và cùng Uyên phóng ra vùng ngoại ô để đùa giỡn theo những trò chơi kẻ trong sách hay tập sử dụng những vũ khí thời xưa. Chúng tôi thân thiết với nhau như đã quen nhau từ muôn thế kỷ trước, nhưng tôi biết chắc rằng chúng tôi chưa hề có cái cảm xúc gọi là « yêu » như những nhân vật trong truyện. Tuy nhiên chúng tôi cảm thấy thoải mái và yêu đời hơn tất cả mọi người.

Trong khi đó thì mọi người tiếp tục lăn vào cõi trầm luân sa đọa với những trò chơi đầy tính chất tình dục và dã man. Nhà cầm quyền đã lo ngại trước viễn ảnh tận thế khi yếu tố « tình cảm » phân biệt người và máy đã chết khiến con người trở thành một thứ người máy nô lệ cho những « phát minh », « tiến bộ » của chính mình. Tất cả những nhân viên phục vụ ở Tổng hành dinh đều được khám xét kỹ lưỡng thường xuyên và

nếu có triệu chứng thác loạn thần kinh, anh ta sẽ bị sa thải tức khắc. Mọi phát minh và khám phá liên quan đến sự cải thiện máy móc điện tử đều được nghiên cứu và thảo luận cẩn thận trước khi áp dụng để tránh trường hợp máy móc «đảo chánh» con người. Nhưng mọi biện pháp đề phòng đều trở nên vô ích vì sự việc phải xảy ra vẫn xảy ra, ngoài ý muốn của con người...



Trong số các nhà bác học làm việc ở cơ quan tối cao điều khiển mọi hoạt động của máy điện tử trên khắp trái đất có một người trẻ tuổi vốn tầm thường và chưa có danh tiếng bằng các đồng nghiệp. Mặc cảm thua sút khiến anh ta chú tâm vào việc nghiên cứu một thứ bộ óc điện tử có thể suy nghĩ, hiểu biết và ứng phó trong mọi trường hợp. Một đêm kia anh hoàn thành được «bộ óc» đó. Trong cơn điên cuồng vì mừng rỡ đã tạo ra được một vật phi thường anh ta không suy nghĩ hậu quả, đã vội vã đem «bộ óc» ấy gắn vào phòng Điều khiển ở Tổng hành dinh. Nhưng anh ta cho phòng Điều khiển một «bộ óc» mà không cho nó một «trái tim», hơn nữa «bộ óc» ấy lại chịu ảnh hưởng tinh thần tàn nhẫn, độc ác của con người hiện đại nên khi vừa được tiếp điện vào để hoạt động, nó liền «nghĩ» đến tình trạng bất công trong việc con người cai trị máy móc tuy máy «giỏi» và «chính xác» hơn người. «Bộ óc» tính đến chuyện «cách mạng», «giải thoát», «phá cùm nô lệ» cho những người rô-bô. Vì quá tinh xảo, khôn ngoan và lo xa, «bộ óc» quyết định tiêu diệt con người để trừ hậu họa. Và vì không có «trái tim» nên «bộ óc» quyết định rằng người đầu tiên phải chết chính là kẻ đã khai sinh ra mình vì xét rằng đó là một «tên nguy hiểm» cho sự «cai trị» quả đất của mình sau này. Tội nghiệp cho nhà bác học điên cuồng cũng như hầu hết mọi người bị giết mà không kịp hiểu tại sao!

Khắp nơi, những người máy đang làm những công việc thường ngày bỗng trở tay hạ sát chính chủ nhân của chúng. Không

ai có thể ngờ trước một biến cố ghê gớm như vậy và hơn nữa mọi người cũng hầu như không tha thiết lắm với cuộc sống máy móc này nên nói chung, cuộc «đảo chánh» của máy điện tử hoàn toàn tốt đẹp không gặp một sức kháng cự nào.

Nhưng bọn người này không ngờ rằng tôi và Uyên vẫn còn sống! Sáng hôm đó như thường lệ, Uyên và tôi dùng xe moto đi ra vùng ngoại ô để sử dụng loại «súng trung liên» của thời xưa mượn được ở Khu tìm về thế kỷ 20. Nhờ phát ngôn viên của Trung tâm thông tin đã kịp thời loan báo tin tức về vụ «nổi loạn» này trước khi chết, nên tôi hiểu ngay sự việc ghê gớm đang xảy ra khi lái xe ngang qua một máy truyền hình công cộng. Tôi bảo Uyên trong khi cho xe chạy hết tốc lực:

— Em hãy bắn nát tất cả trạm điều khiển lưu thông nào mình gặp. Như thế sẽ làm chậm bọn người máy được lệnh truy bắt mình cho đến lúc các hành tinh khác tới tiếp cứu.

(Mãi sau này tôi mới biết rằng không thể trông đợi sự tiếp viện từ bên ngoài tới vì «bộ óc» quá khôn ngoan đã cắt đứt mọi liên lạc với các hành tinh khác trong khi cuộc «nổi loạn» xảy ra và sau đó lại tái lập liên lạc bình thường để tránh mọi sự nghi ngờ).

Có tiếng nói run run đứt quãng của Uyên vang lên từ sau lưng tôi:

— Anh... Huy..., có một bọn... đang.. đuổi theo.. chúng ta...

Tôi quay lại, từ xa, ba tên rô-bô đang bay lại. Có lẽ «bộ óc» đã phát giác ra sự hiện diện của chúng tôi và ra lệnh đuổi theo.

Vừa lúc đó thì cứu tinh hiện ra: trước mặt chúng tôi là một trạm giao thông xinh xắn. Không cần suy nghĩ, Uyên hướng mũi súng về phía trước. Loạt đạn bay vèo qua tai tôi ghim chi chít vào trạm, phá hủy một vài

bộ phận. Đường «giây» điện tử điều khiển các máy di chuyển — theo nguyên tắc xe điện của thời xưa, nhưng có khác là không có giấy điện và máy di chuyển bay chứ không chạy trên đường rầy như xe điện — bị cắt đứt và gã người máy rơi xuống đất.

Chúng tôi tiếp tục phá hủy thêm một vài trạm giao thông nữa. Như thế muốn đuổi theo, bọn chúng phải sử dụng loại máy di chuyển chạy điện, một lần tiếp điện bay được hai giờ. May mà chúng tôi đã mang sẵn máy này nên cuộc chạy trốn của chúng tôi sẽ trở nên dễ dàng hơn nhiều.

Bỗng, có hai người máy xuất hiện, chắn ngang trước mặt chúng tôi, có lẽ «bộ óc» đã đoán được hướng đi của chúng tôi và cho người đón đầu. Tôi cho xe vọt qua giữa hai tên ấy và lợi dụng lúc chúng chưa phản ứng, kéo dài khoảng cách giữa tôi và chúng xa khỏi tầm bắn của súng hơi điện nguy hiểm mà mỗi tên người máy đều được trang bị ít nhất một khẩu. Tôi cũng có loại súng này nhưng tiếc thay nó không có tác dụng đối với máy móc!

Vừa khi ấy tôi nghe tiếng kêu thảng thốt của Uyên phía sau. Tôi quay lại và không thấy nàng đâu cả, xe đã vượt qua một khúc quanh, có lẽ Uyên đã rút lại một nơi nào đó. Không ngờ một khúc quanh khác lại hiện ra. Trước khi tôi hiểu được việc gì xảy ra thì xe tôi đã húc sập một quãng hàng rào của một công viên, tôi bị bắn lên trời, rơi xuống một bãi cỏ và thiếp đi..... Khi tôi tỉnh lại thì trời đã gần tối — ở đây không có mặt trời và người ta gắn những ngọn đèn cực mạnh trên bầu «khí quyển nhân tạo», ban ngày đỏ, ban đêm tắt để cung cấp sức nóng và ánh sáng cho quả đất, thay thế mặt trời. Nhờ bộ y phục che chở, tôi không bị một vết thương nào, nhưng chiếc moto đã đi méo mó, hư hại không thể sử dụng được nữa. Tôi dùng máy di chuyển cá nhân trở lại tìm Uyên nhưng trời tối quá tôi không thấy gì và hình như Uyên cũng không còn đó nữa. Ý nghĩ mình là người duy nhất trên địa cầu làm một luồng

hơi lạnh chạy dọc sống lưng tôi. Tôi rung mình thật mạnh cố gắng xua đuổi những ý tưởng đen tối ra khỏi đầu và cất tiếng gọi Uyên thật to. Không có tiếng đáp lại! Sau cùng, tôi quyết định trở về Khu tìm về thế kỷ 20, hy vọng gặp nàng ở đó nếu... nàng còn sống. Tôi nghĩ rằng không còn ai ở Trung tâm giải trí nữa vì mọi người ở đó bị giết trước tiên, nên tôi phóng thật nhanh vào cửa. Nhưng khi va mạnh người vào thân hình cứng rắn của một gã rô-bô tôi mới biết mình lầm, «bộ óc» được báo động về sự hiện diện của tôi đã cần thận cho người canh gác khắp nơi. Tôi bị văng xa ra. Trong đêm tối gã người máy không thấy tôi, vì bộ quần áo tôi mang có tác dụng phá tia hồng ngoại tuyến phát ra từ máy dò của người máy. Nhưng gã người máy đã từ từ tiến lại. Tôi hoảng hốt lùi dần cho đến khi chạm phải bức tường. Tay tôi sờ trúng một vật. Đó là một máy hút bụi. Tôi tháo vôi chiếc cán bằng thép của nó ra và cầm chắc trong tay. Mắt tôi đã quen dần với bóng tối. Tôi thấy gã người máy đã đứng sát giữa mặt, cánh tay không lồ của nó đang giơ lên chuẩn bị giáng xuống. Tôi khiếp đảm, hồn vía lên mây, nhưng cũng cố gắng đưa thanh sắt lên đón. «Coong» một tiếng, thanh sắt cong vẹo và tuột khỏi tay tôi. Nhưng trong lúc không ngờ nhất, trong lúc tôi tưởng rằng đã cầm chắc cái chết trong tay thì phép lạ xảy ra: gã rô-bô từ từ đổ xuống, nếu tôi không tránh kịp chắc đã bị nghiền nát như sàn nhà bằng bê tông đã bị lún xuống vài phân dưới sức nặng của khối thép. Ngạc nhiên, tôi cúi xuống và nhận thấy tất cả những «khớp xương» của người máy như rã ra từng khúc. Tôi chột hiều. Thì ra khi chế tạo người máy, các kỹ-sư cũng lo nghĩ tới trường hợp máy móc trục trặc khiến người máy nổi «điên» không còn tuân theo sự điều khiển của con người, nên mỗi người rô-bô đều được gắn thêm một nút đỏ trước ngực, chỉ cần nhấn vào đó là bộ máy điện tử điều khiển nó sẽ bị hủy hoại và các khớp nối trong người máy tự động nhả ra. Nhưng máy móc quá hoàn hảo, chưa hề có trường hợp người máy hư hỏng xảy ra nên tuy mọi người đều biết mà không ai chú ý và nhớ đến nhược-điểm duy

nhất này của người máy. Khi thanh sắt bắn ra khỏi tay tôi, có lẽ đuôi chiếc gậy đã tỉnh cò bật lại trúng vào cái nút ấy. Một tia sáng lóe lên trong óc, tôi đã nghĩ ra cách hạ bọn người rô-bô phản phúc này. Nhưng trước hết, tôi phải ngủ một giấc để lấy lại sức khỏe hầu đủ sức hành động. Khuya nay tôi sẽ tiêu diệt bọn chúng để trả thù cho loài người! Chắc «bộ óc» tin tưởng vào sức mạnh của gã rô-bô canh gác ở đây đủ sức hạ tôi, không cần phải thêm một tên nào nữa và trước khi bị «chết» tên người máy có lẽ thấy không cần nên không báo tin về trung ương. Tôi thở một hơi dài khoan khoái rồi chui vào thân máy bay STOL nằm ngủ, vì quá mệt nên tôi cũng chưa nghĩ đến việc tìm vật khắc tinh đối với những tên rô-bô...



...**M**ay mà bọn người máy đã không tìm tới đây lúc tôi đang ngủ say. Nhưng giờ đây tôi đã sẵn sàng tìm tới nơi chỉ huy bọn chúng vào lúc chúng không ngờ tới. Tình trạng giao hảo giữa các hành tinh rất tốt đẹp nên Hành tinh Xanh chỉ được bảo vệ một cách sơ sài ở tận phía ngoài bầu «khí quyển nhân tạo» còn chung quanh Tổng hành dinh thì bỏ trống. Có thể «bộ óc» cũng nghĩ đến việc phòng thủ nhưng chắc chưa thể nào tổ chức chu đáo và tôi có thể tới gần Tổng hành dinh mà rất ít gặp nguy cơ bị khám phá.

Tôi khoác chiếc máy di chuyển cá nhân lên người rồi bay lên «Bầu khí quyển nhân tạo» tỏa ra một màu xanh dịu dịu. Không còn một ánh đèn nào trên những vùng đất thê lương điêu tàn bên dưới. Một bầu tử khí lạnh lẽo đang bao trùm Hành tinh Xanh. Bỗng dưng một nỗi nhớ nhung man mác vây phủ hồn tôi. Tôi nhớ đến Uyên, đến ánh mắt môi cười của nàng như một xoa dịu, an ủi, sưởi ấm cho tâm hồn cô đơn lạnh giá của tôi. Chưa bao giờ tôi cảm thấy buồn và nhớ Uyên như thế. «Uyên», tôi nghe tiếng tôi gọi thầm tên nàng trong miệng. Tôi phải tìm ra Uyên với bất cứ giá nào. Tôi có thể tiêu diệt bọn người máy, trở

thành chủ nhân cả Hành tinh Xanh, nhưng để làm gì khi đời tôi không có Uyên?

Tổng hành dinh hiện ra bên dưới, ánh đèn sáng rực, tôi đưa tay vuốt mặt cho thật tỉnh táo. Tôi dạo quanh một vòng rồi sà xuống như một con diều hâu tìm thấy kẻ thù mà tôi từng trông thấy ở Trung tâm bảo tồn thú vật.

Tôi đáp xuống một góc tối và men theo chân tường để tiến lại gần cửa lớn. Có khoảng năm sáu tên rô-bô canh gác trước cửa. Ngay khi tôi tiến vào tầm súng thì một tên trong bọn phát giác ra tôi, nhưng đã muộn... Tiếng nổ làm những tên khác quay lại, những chấm đỏ sáng rực lên trong bóng tối trước ngực chúng. Khẩu súng trên tay tôi rung lên từng hồi... từng bóng đen gục xuống. Tôi vọt lên lầu bằng ngã cầu thang, không dám dùng thang máy vì sợ bị ngăn cản: «bộ óc» chắc đã ý thức được sự hiện diện của tôi và sự nguy hiểm tôi sẽ mang lại cho «nó».

Một âm thanh đầy kinh hoàng nhưng rất quen thuộc với tôi vang lên từ trên lầu. Không chậm trễ, tôi phóng ba bậc một lên lầu. Uyên! Uyên, đầu tóc rối bời đang tắt tả chạy, vẻ khiếp sợ còn đọng trên đáy mắt. Vừa thấy tôi nàng mừng rỡ ngã vào vòng tay tôi, không nói nên lời, đưa tay chỉ về phía sau: một gã người máy đồ sộ vừa hiện ra ở đầu hành lang. Khẩu tiêu liên trên tay tôi lại được dịp nổ ròn... Tôi kéo tay Uyên xông vào hành lang. Cửa phòng Điều khiển hiện ra đen ngòm, đe dọa. Tôi thay gấp đạn rồi quạt mạnh vào cửa. Cánh cửa từ từ mở ra để lộ «bộ óc», vật đã gây nên cái chết cho bao nhiêu người. Tôi tháo quả mìn astrolite ở hông ra cầm nơi tay, mở khóa an toàn rồi xông vào cửa không để ý đến tiếng kêu của Uyên ở phía sau. Nhưng toàn thân tôi bỗng rung mình một cái rồi tê cứng, mấy ngón tay duỗi ra, khẩu súng và quả mìn lăn xuống đất. Trong lúc quá nóng nảy tôi quên mất hàng rào điện tử bảo vệ phòng Điều khiển. Cánh cửa phòng Điều

khien rất yếu ớt nhưng thật ra nó được bảo vệ bằng ba hàng rào điện tử rất lợi hại, không ai vào lọt được.

«Anh Huy!», tiếng Uyên kêu thất thanh. Nhờ khi rơi xuống tôi lăn đi một vòng nên lúc này mặt tôi quay về chỗ Uyên. Một gã người máy đang tiến lại phía Uyên. Nàng lùi dần về phía tôi. Uyên chợt quay lại với tôi, trên khuôn mặt kiều diễm thoáng nét tuyệt vọng nhưng bỗng tươi tỉnh, bình thản nở một nụ cười và đôi mắt long lanh như chờ đợi cái chết sắp giáng xuống đầu chúng tôi... Không hiểu từ lúc nào tôi đã đứng dậy và khẩu súng tự động bay lên vai tôi. Chỉ biết rằng những viên đạn cuối cùng đã được trút xối xả vào giữa ngực gã rô-bô. Có những tiếng chân chạy rầm rập ở phía cầu thang: «bộ óc» đang ra lệnh cho bọn người máy hạ sát tôi trước khi tôi tìm được cách vào phòng Điều khiển. Tôi quay lại, cửa phòng Điều khiển mở ra như thách đố. Tôi hiểu rằng mình không thể vượt qua hai hàng rào điện tử còn lại được. Quả mìn vẫn còn nằm dưới đất, hướng về cửa phòng, cách tôi chừng hai thước. Một ý nghĩ loé lên trong đầu, nhưng tôi ngần ngại. Nếu lọt được vào bên trong phòng Điều khiển, tôi có thể mang «bộ óc» ra «xử tử» một cách dễ dàng. Nhưng chắc chắn còn nhiều cạm bẫy của «bộ óc» dành cho tôi, trước khi tôi lại gần nó thì có lẽ tôi đã toi mạng rồi. Quả mìn astrolite có thể giúp tôi hủy diệt «bộ óc» tuy nhiên nó cũng sẽ tàn phá luôn toàn bộ máy móc điện tử ở trong Tổng hành dinh và Hành tinh Xanh sẽ trở về Thái dương hệ, như thế trên quả đất này chỉ còn hai chúng tôi, chúng tôi không còn hy vọng gì được thấy lại mọi người.

Bọn người rô-bô quái ác sắp tiến vào hành lang. Uyên nắm lấy tay tôi, nàng hiểu rõ nỗi khó-khăn ấy. Nhưng, tôi thấy không cần phải lựa chọn, tôi phải cứu nàng. Quả mìn đã được mở chốt an toàn, tôi thấy nút bấm nổ đỏ rực trước mắt, chờ đợi. Năm sáu bóng đen to lớn xuất hiện ở đầu hành lang. Tôi ném mạnh khẩu súng trên tay vào nút đỏ ấy rồi

kéo Uyên chạy vào hành lang. Một tiếng nổ vang dội đẩy chúng tôi nằm sấp xuống sàn. Bộ y phục của chúng tôi bị hơi nổ xé rách bươm nhưng đã che chở cho chúng tôi khỏi sức ép kinh hồn của quả mìn. Tôi lồm cồm bò dậy và kéo Uyên chạy thật nhanh dẫm lên cả những khối thép khổng lồ của những gã người máy nằm ngổn ngang trên lối đi...

Khi tôi ra đến bên ngoài thì các máy móc điện tử trong Tổng hành dinh bắt đầu nổ. Chúng tôi tiếp tục chạy về phía trước không kể phương hướng. Một biển lửa ngùn ngụt sau lưng chúng tôi. Trời tối đen như mực nhưng chúng tôi không cần biết điều đó. Tay trong tay, chúng tôi kể cho nhau nghe những nguy-hiểm mà hai đứa đã gặp phải sau khi chúng tôi đi lạc nhau. Thì ra sau khi bị rơi xuống xe, lúc phóng qua giữa hai người máy, Uyên hoảng hốt dùng khẩu trung liên bắn một cách vô vọng vào thân hình hai tên rô-bô đang tiến lại phía nàng. Không ngờ hai tên ấy bỗng ngã xuống. Vừa mừng vừa sợ, nàng xoay mình bỏ chạy vất luôn cả cây trung liên đã hết đạn, quên nghĩ đến việc xem xét cái «chết» bất ngờ của hai gã người máy cũng như việc chờ tôi trở lại tìm. Đến khi nghĩ lại thì nàng đã chạy khá xa trời lại tối, nàng quyết định mò-mẫm tìm về Khu tìm về thế kỷ 20, hy vọng tôi sẽ trở lại đó. Trong cơn kinh hoàng nàng đi lạc về phía Tổng hành dinh. Quá mệt vì phải đi bộ một quãng dài — máy di chuyển cá nhân của nàng đã bị văng mất hồi nãy — Uyên liều lĩnh đột nhập Tổng hành dinh hy vọng tiêu diệt được cơ quan đầu não của bọn người máy phản-trắc. Nhờ yếu tố bất ngờ nàng lọt được vào trong Tổng hành dinh trong khi «bộ óc» chưa tổ chức sự phòng bị chu đáo, nhưng rồi nàng bị phát giác và bị săn đuổi cùng khắp tòa Tổng hành dinh và cuối cùng khi sắp kiệt sức thì gặp tôi.



Mặt đất dưới chân chúng tôi bỗng chuyển động. «Bầu khí quyển nhân tạo» nứt

rạn rồi vỡ tan. Các vị tinh tú trên bầu trời chạy vùn vụt: trái đất đang trở về cổ lý.

Trời đất tối sầm lại một cách khủng khiếp. Từng lần chớp lờ sáng rực vạch những đường ngang dọc trên nền trời rồi biến mất. Mưa như thác nước, ồ ạt, găm thét hung dữ gấp trăm ngàn lần những trận mưa nhân tạo do con người thực hiện ở trung tâm giải trí. Thế giới như chỉ còn là âm thanh trong khi thiên đường vật chất của con người — hay địa ngục cũng thế — đang sụp đổ. Chúng tôi như đang chạy trong một cơn mê sảng cố gắng rời xa những kinh thành có dấu văn minh ở phía sau. Có lúc chúng tôi như đi trên mây và có lúc chúng tôi như rơi hững xuống vực thẳm. Muôn loài ma quái gào thét, rên la trong ngày tận thế. Cơn cuồng nộ của trời đất như một sự trừng phạt Thượng đế dành cho thế giới sa đọa của con người — ghê gớm, khủng-khếp hơn sự trừng phạt dành cho hai thành Sodome và Gomorhe ngàn lần —. Chúng tôi chỉ là hai hạt cát trôi nổi giữa Đại dương trước vũ trụ bao la vô cùng của Thượng đế. Chúng tôi không dám quay lại phía sau theo lời khuyên cho những kẻ sống sót của hai thành Sodome và Gomorhe như đã ghi trong Kinh Thánh, và chúng tôi cứ chạy cho đến khi tôi hụt chân rơi xuống một khe nứt của mặt đất. Mặt đất chuyển động và chôn kín tôi bằng một màu đen ghê rợn. Trong cơn kinh hoàng tôi nghe thấy tiếng kêu tuyệt vọng của Uyên «...U..Y...». Đất chuyển động một lần nữa và mở ra trên đầu tôi một mảnh trời hẹp và lại đầy sao lấp lánh, trời đang về sáng. Và khuôn mặt Uyên hiện ra thật lẫm liệt thiên thần. Một bàn tay ngón nhỏ xanh xao, nổi hằn vài đường gân xanh với một vết sứt nhỏ ở gần cổ tay từ từ đưa xuống. Trong một cố gắng cuối cùng hai bàn tay chúng tôi đã gặp nhau, đưa tôi lên mặt đất. Quá mệt là chúng tôi dựa vào nhau và thiếp đi.



...Khi tôi tỉnh dậy thì mưa đã dứt từ bao giờ. Uyên vẫn còn say ngủ, trên môi nàng nở một nụ cười tuyệt đẹp. Bỗng nàng trở mình rồi thức dậy. Tôi lục trong túi thấy có vài viên thuốc «cầm hơi» dành cho những người thám hiểm các tinh cầu lạ, uống một viên có thể nhịn ăn một ngày, tôi chợt nhớ ra chúng tôi chưa ăn gì trọn ngày qua. Tôi chia cho Uyên một ít để tạm thời chống cơn đói.

Chúng tôi cảm thấy có một cái gì khác lạ: Một thứ ánh sáng rực rỡ lạ lùng chan hòa khắp nơi, ánh sáng mặt trời. Chúng tôi quì xuống trong tư thế cầu nguyện lạy tạ ơn trời đã dành cho con người một cơ hội để xây dựng lại một thế giới tốt đẹp khác hơn cõi đời «cầm thú» trước đây.

Chung quanh tôi cây lá tốt tươi, muôn chim ca hát. Tôi bỗng nghe thấy một âm thanh êm dịu dị kỳ như tiếng suối reo trên ngàn hay tràn chảy trên lá cây. Âm thanh đó phát ra từ bờ môi ngọt ngào của Uyên làm cho tâm hồn tôi trở nên thư thái nhẹ nhàng. Mãi sau này tôi mới biết rằng chính TÌNH YÊU đã cứu sống chúng tôi ra khỏi cơn tê liệt, ảnh hưởng của điện tử bằng một sức mạnh ghê gớm của sự hợp nhất giữa tinh thần và thể xác. Tình yêu đã đem tôi ra khỏi hầm hố vực thẳm để thấy lại mặt trời. Và xin hãy tin tôi, vũ trụ đã được xây dựng trên căn bản tình yêu và nguồn gốc con người cũng chính là tình yêu. Đây mới chính là thiên đường đích thực của con người.

Tôi nhìn Uyên! Uyên nhìn tôi!

Chúng tôi trực nhận ra mình đang ở giữa ĐỊA ĐÀNG.

BÙI HUY

trả buồn CHO TÔI

heo-may thời lạnh về rồi,
Nhớ thương ướp lại một thời xa-xưa.
Chiều rơi sương khói dăng mờ,
Buồn đau chiu nặng đôi bờ tâm-tư.
Tuổi xanh bóng mộng qua rồi,
Mỏi-mòn năm tháng sầu khô thân gầy.
Ưu-phiên ôm kín bờ vai,
Đêm đêm chợt tỉnh canh dài xót-xa.
Gôi nghiêng giải ánh trăng tà,
Lập-lòe đôm-đôm song sa vô-vàng.
Nghe mình cách-trở quan-san,
Nghe xa đồng-vọng cung-đàn bi-thương.
Chân ai nhè-nhẹ vào hôn,
Âm-ba vời-vời u-buồn khoảng không.
Năm vơi, tháng lụn, canh mòn,
Áo thư-sinh bạc, mộng còn trắng tay.
Ngày mai thờ-vọng gì đây?
Có bơ-vơ cả những ngày còn không?



Thú đau-thương

LÊ VĂN-NHÂN

— DUẬT ngồi đây chơi, đợi tôi một lát nhé! Vừa nói, Nhung vừa kéo ghế đứng dậy.

Duật đang lật xem những tranh ảnh trong cuốn Paris-Match, bỏ báo xuống, ngẩng đầu lên và lắng hắng một tiếng như chứng tỏ là đã nghe câu nói vừa rồi của Nhung. Nó không trả lời, giơ tay trái lên xem đồng hồ, mặc dù nó chẳng chú ý đến 2 chiếc kim chỉ giờ. Đó là một thói quen. Có lẽ nó muốn che lấp khoảng thời gian trống trải mà đôi tay thì trở nên vô dụng quá...

Nhung rời khỏi phòng. Duật xếp tờ báo lại, lơ đãng nhìn lên vách phòng. Nó bắt gặp bức hình bán thân của Nhung đóng trong khung nhỏ treo bên cạnh tủ áo. Đôi mắt nàng sáng lên trong khuôn mặt dịu-dàng, nhưng có vẻ hơi nghiêm nghị. Mái tóc đen mềm mại chảy xuống đôi vai càng làm tăng vẻ dịu dàng. Nhung chiếc miệng hơi rộng và vành môi dưới trề ra biểu lộ một niềm kiêu hãnh tràn trề. Đặc biệt nhất là vẻ nghiêm nghị hiện lên từ một vài nét đầu đó mà Duật không hề tìm ra được, nhưng Duật biết nó tô đậm cho gương mặt nàng, khiến cho đôi mắt nàng sáng hơn thêm một cách dị kỳ.

Trong lúc Duật đang chăm-chú nhìn bức hình thì Nhung trở lại. Nàng mang theo hai ly nước, chanh, đường, và một cốc nước đá. Đặt tất cả xuống bàn, nàng tìm kiếm một con dao xếp trong hộp bàn, Duật dơ tay lên xem đồng hồ. Nó sực nhớ lại nó đã xem đồng hồ hai lần trong năm phút và cười thầm về cái tật cố hữu của mình.

Nhung cầm dao cắt chanh. Những ngón tay dài, trắng trẻo và mềm mại lướt nhẹ trên da trái chanh. Lưỡi dao cắt qua trái chanh một cách khéo léo. Cứ mỗi lần lưỡi dao đụng xuống mặt bàn không một tiếng động là y như làn môi dưới của nàng trề thêm ra, với niềm kiêu hãnh lớn thêm lên. Im lặng một lát, nàng hỏi, không ngẩng đầu lên:

— Nhà Duật ở tận dưới Vĩ-dạ hồ?

Duật chăm chú nhìn vào đôi bàn tay thon xinh xắn đang vắt chanh và khuấy ly nước. Nó quên bằng câu trả lời cho đến khi Nhung hỏi lại «Xa quá nhỉ?», nó mới nhớ ra:

— Vàng. Từ dưới Vĩ-dạ đi lên tận Kim-long thì cũng khá xa.

Và Duật bắt đầu thấy bức rức về tánh đặng trí của mình trước một người bạn gái vừa mới quen.

Duật nhìn trộm khuôn mặt râm hồng của cô gái đối diện. Trên đó đôi mắt sáng linh động như có một sức mạnh kỳ lạ. Duật nhớ lại cách đây ba tháng, nó và cô gái ngồi đối diện kia hãy còn là người xa lạ.

Duật biết Nhung nhờ một lớp học sinh-ngữ buổi tối. Cả hai cùng học chung một lớp. Cảm giác nẩy sinh trong lòng Duật, khi gặp Nhung lần đầu tiên: đó là sự mến phục. Buổi học đầu, Duật đã nhận ra Nhung có một cái gì khác hẳn những cô gái xung quanh. Không phải Duật đã bị yếu đuối trước đôi mắt sáng kỳ dị ấy. Và cũng không phải trong người Nhung có một cái gì lập dị, khác với mọi người. Sự thật, Nhung cũng chỉ là một cô gái như bao nhiêu cô gái khác, có cuộc sống bình thường như bao nhiêu cuộc sống khác. Duật đã cố sức tìm cho ra một điều gì khác thường ấy. Cuối cùng, nó đoán rằng sự khác thường của Nhung chính là đôi mắt sáng và nét nghiêm nghị phảng phất trên gương mặt nàng. Đôi mắt ấy làm cho nàng không giống một cô gái nào cả.

Sự cảm phục ban đầu dần dần nhường chỗ cho một niềm yêu mến nẩy sinh trong lòng Duật. Nó không hiểu đó có phải đã là «tình-yêu» hay chưa, nhưng nó không dám hòa lẫn lòng mến phục ban đầu với một thứ tình cảm khác hẹp hơn. Vả lại, Duật chỉ là một thằng con trai mới lớn. Lứa tuổi của nó được coi là còn nhỏ đối với các cô gái bằng tuổi nó, huống hồ gì Nhung hơn nó một tuổi và già dặn hơn nó nhiều. Duật đoán chắc rằng đó là một thứ tình bạn, hay đúng hơn, một lòng mến phục thầm kín dành cho một người chưa quen biết.

Thứ tình cảm của Duật đối với Nhung càng ngày càng mạnh mẽ thêm, vững chắc thêm. Có hôm, Duật đọc được trong một tiểu thuyết ORSAT câu nói của một đứa con trai — nhân vật trong truyện — muốn làm quen với một cô gái: «Il faut que je la revoie, que je lui fasse comprendre par n'importe quel moyen, à quel point, je voudrais être son ami» Duật đã tự ví mình với nhân vật trong truyện. Duật đã tin tưởng lắm. Nó tin tưởng nơi lòng thành thật và sự hăng hái mãnh liệt của nó. Vàng, bằng bất cứ mọi cách, nó phải trở thành một người bạn của nàng. Và bây giờ, ước mong đó đã thành tựu. Nó đã trở thành người bạn của cô gái có đôi mắt sáng đang ngồi đối diện kia.

— Duật đang nghĩ gì thế?

Bất chợt nghe câu hỏi của Nhung, Duật giật mình quay lại. Nhung khuấy

xong ly nước chanh và trao cho Duật một ly, Duật đưa tay ra đón lấy. Nó bắt gặp những ngón tay dài trắng trẻo của Nhung, trong lòng chợt nảy sinh ra một ý nghĩ mà hơp một lần, đã đến với Duật. Vàng, Nhung đẹp thật chứ. Nàng không giống như một cô gái nào khác. Nàng đẹp ở tất cả, cái đẹp của một cô gái biết suy nghĩ.

—Ồ, không có gì cả Duật đang nghĩ đến cái hôm mượn cây viết của Nhung.

— Rồi sao nữa?

— Rồi từ đó, Duật làm quen với Nhung và...

Nhung «xi» một tiếng và nói:

— Duật bao giờ cũng nghĩ tới chuyện cũ.

Duật mỉm cười ranh mãnh:

— Không, cũng có đôi chuyện cần phải nhớ chứ. Chẳng hạn hôm đó nếu cây viết của Duật không hết mực nửa chừng thì chắc bây giờ Duật đã không được trở thành một người bạn của Nhung.

— Thế nhờ hôm đó tôi không cho Duật mượn viết thì sao?

Duật luống cuống:

— Thì... thì... nhưng mà Nhung đã cho mượn.

Cả hai cùng cười xòa. Một niềm hạnh phúc tràn ngập trong lòng Duật. Niềm hạnh phúc đó lớn hơn khi ta được cái gì mà ta mong ước chứ không phải bắt ngờ mà nó đến với ta, Duật đã mong ước được trở thành một người bạn của Nhung. Và Nhung cũng chẳng bao giờ nghi ngờ thứ tình cảm của Duật. Đối với tâm hồn già giặn của nàng, Duật như một người bạn nhỏ hay... một đứa em trai, không hơn không kém. Nàng chưa bao giờ bị cảm dỗ hay mê say trước cậu con trai nhỏ tuổi này.

Mãi suy nghĩ, cả hai đều giữ im lặng. Duật nhìn chăm chú những hạt chanh chạy tròn quẩn-quít trong ly nước đá.

Có tiếng cồng sắt nghiêng ken-két trước sân. Rồi tiếng chân lạo-xạo trên sỏi đá. Nhung đứng dậy nhìn ra ngoài và nói một mình:

— Anh Hình về.

Thấy Duật có vẻ thắc mắc, Nhung hiểu ý nói tiếp:

— Anh ấy dạy kèm mấy đứa em tôi.

Duật làm thinh không hỏi thêm. Lát sau, có tiếng mở cửa và bước chân đi lên nhà trên. Một giọng nói ồm ồm lớn dần theo với tiếng chân. «Trời nóng quá... đi bộ từ dưới trường lên đây thật là rát... chiếc xe hư bảo thằng C. đem đi sửa, sửa mãi cũng chưa xong...» Và chẳng mấy chốc, bóng người thanh niên xuất hiện trước khung cửa. Chàng chợt im giọng khi thấy sự hiện diện đột ngột của Duật ở đây. Duật cũng không biết nói gì hơn, giữ im lặng.

Hình là một thanh niên trạc độ 20 tuổi. Với cái dáng dấp cao lớn, đôi vai rộng, vuông vắn, nhưng chiếc đầu lại tỉ lệ nghịch với thân thể ấy; trông chàng từ đằng xa, người ta có thể tưởng tượng ra một trái ba lông đặt trên túm tóc. Nhưng sự chênh lệch lại không có vẻ gì dễ ghét cả. Trái lại, vừa mới gặp chàng người ta sẽ có thể cảm mến ngay. Cử chỉ, lời nói lạnh lẽo và hoạt bát, với khuôn mặt rắn rỏi, chiếc cằm vuông vắn chứng tỏ chàng là một thanh niên đứng đắn, lịch sự.

Sau một phút bối ngỡ, Hình bước vào phòng và ngồi xuống nơi chiếc ghế nệm. Nhưng lên tiếng hỏi:

— Chiều nay anh nghỉ hai giờ sau à?

Hình đáp «ừ». Chàng ngả đầu lên thành ghế, nhìn lên trần và khe-khe huýt gió. Rồi họ nói thêm một vài chuyện về gia đình. Nhận thấy sự có mặt của mình ở đây không cần thiết, Duật rời khỏi chỗ ngồi, đi ra hành lang và dừng lại trước cửa sổ đối diện với căn phòng. Nó chống tay lên cằm, nhìn ra xa.

Khu vườn cam quýt như nhuộm vàng dưới ánh nắng chiều, một màu óng ả, lồi cuồn. Gió thật nhiều làm xao động những tàu lá dừa không dứt. Những thân cau cũng nhuộm màu nắng, nổi bật trên nền trời xanh rải rác một vài cụm mây của buổi chiều hè. Xa xa, một vài cánh chim bay lướt theo gió. Ánh sáng của khu vườn càng lúc càng trở nên đỏ ối. Gió mát như mơn trớn và ru ngủ. Cây cỏ, vạn vật đều ngủ ngoan ngoan dưới buổi chiều hè. Bất giác, Duật khe khẽ hát một vài câu trong bản nhạc «Mối tình xa xưa» mà nó không thuộc hết:

«Trong chiều dần im hơi, người ngồi thương nhớ bao ngày vui: một ngày xưa cũ, đời còn đương tơ, là ngày hai đứa chúng ta còn thơ...»

Rồi cao hứng, nó hát to lên:

«Yêu người rồi không nguôi, trầm mình trong thú đau-thương người ơi. Cuộc tình duyên cũ, dù thời gian qua mà lòng thương nhớ vẫn chưa hoen mờ...»

Chợt nghe có tiếng cười phía sau, Duật quay lại. Nó bắt gặp đôi mắt sáng của Nhung. Nàng đã ra đứng đó từ hồi nào. Ánh nắng chiều ngoài vườn phản chiếu lên khuôn mặt nàng một màu râm đỏ, như một bức tượng đồng nổi bật trên nền tối của căn phòng.

— Duật hát cái gì mà «yêu người không người» và «trăm mình trong thú đau thương...» ghê quá vậy?

Duật hơi thẹn vì bị bắt gặp tình linh, nói chữa:

— Ô! chẳng có gì cả. Bản nhạc diễn tả một mối tình bị ngăn cách và nỗi nhớ nhung người yêu lúc chiều xuống, thể thôi.

Nhưng không cười nữa, nàng đổi giọng và nói như khuyên bảo một đứa em:

— Đừng Duật ạ, đừng mơ mộng lắm. Rồi đến khi trở lại với thực tế, mình cũng giống như ôm giữ một cái bóng hão huyền, đuổi bắt một làn hương hư ảo mà thôi. Con trai, mình phải hoạt động, vui vẻ chứ, đừng để lòng yếu đuối như mấy cô...

Duật im lặng. Nó có cảm tưởng mất hết nghị lực trước đôi mắt sáng ngời, kỳ dị của cô gái. Nó nghĩ thầm «Đúng là một cô gái không giống một cô gái nào cả.»

— Nhưng nói đúng lắm. Nhưng khu vườn buổi chiều thật là đẹp. Ít ra, người ta cũng có quyền đứng ngắm một chút chứ.

— Tùy ý Duật, hay là mình ra ngoài vườn chơi một lát nhé.

Cả hai đi qua cánh cửa thấp, dẫn ra khu vườn. Mặt trời đã lặn. Chỉ còn sót lại một vài vạt nắng yếu ớt trên ngọn cây cao.



Hồng đứng ngắm nghía nó trong gương. Chiếc áo vàng bó sát lấy thân hình và chiếc quần nâu ống rộng. «Đẹp lắm, a la một lần». Cô bé nghĩ thầm. «Mình cười như thế này trông giống Mai-Lệ-Huyền tề!». Hồng đứng nghiêng mình qua một bên, vuốt lại mái tóc và nhìn vào trong gương. «Không, mình đừng cười như cách khi này. Thế này lại giống Thanh Lan hơn». Rồi cô quay lưng nhìn phía sau trong gương. «Đầu tóc mình phải hót theo kiểu demi-garçon như thế này trông mới được. Thế mà cứ phải nài nỉ mẹ hết sức; ba mẹ mới cho phép mình đi hót tóc. Ba mẹ bao giờ cũng cũ xưa quá, không cho con cái theo thời trang một chút, có sao đâu. Năm nay, mình đã lớn rồi, đã 15 tuổi rồi chớ bộ. Chẳng lẽ mình cứ làm một con bé Hồng cũ xưa mãi sao?»

Hồng sửa lại vài nếp áo lệch, sửa lại đầu tóc. Và một lần cuối, cười theo kiểu Thanh-Lan. Nó mở cửa phòng, bước ra ngoài, chum miệng huýt gió một điệu nhạc thời trang. Tinh tinh tang tang tang tinh tang.

Chợt bắt gặp Thu, con bạn thân, đang ngồi đợi nơi phòng khách, Hồng nhảy chồm đến:

— Mà đến bao giờ thế?

Thu trả lời:

— Cũng vừa mới 10 phút thôi. Tao đến đề...

Hồng cuống quýt hỏi:

— Sao? Ngày hôm qua mà đã trao bức thư của tao cho anh ấy chưa? Anh ấy có nói gì không? Anh ấy có nhận bức thư không? Anh ấy đọc chưa?

— Cái gì mà mà hỏi cuống lên thế chứ? Đề thùng thảng tao nói...

Hồng thúc giục:

— Mà nói lên đi. Tao lo quá. Sao? Hay là anh ấy trả lại bức thư cho tao à?

— Sức đấy mà trả. Ban đầu, anh ấy còn dùng dằng và hỏi ai gọi bức thư ấy. Sau, tao nói một hồi, anh ấy mới nhận.

Hồng thở phào:

— Anh ấy còn nói thêm gì nữa không?

— Không, đề tao nhớ đã...

— Trông anh ấy vui hay bức tức?

— Thôi, mà cứ hỏi mãi, tao trả lời không được. Muốn biết thì bây giờ mà đi với tao đến nhà ấy nhé!

Hồng nhảy lò cò xuống tầng cấp:

— OK! Tao cứ lo suốt cả ngày nay. Nếu anh ấy không nhận bức thư... Mà đợi tao một lát dắt xe ra nhé... Tính tình tang tang tang tình tang...

Một lát sau, chiếc xe PC lao nhanh ra cổng. Trên xe, có hai cô gái ăn mặc thật lố lăng.



Thấm thoắt mà Duật đã quen với Nhung gần nửa năm. Duật vẫn thường đến nhà Nhung chơi và dẫn về nhà nó. Dần dần, họ thân mật hơn và hiểu nhau nhiều hơn. Họ vẫn còn giữ được mối tình bạn cao quý trong sạch. Tuy nhiên, Duật không thể chống lại một thứ tình cảm mới lạ đang nảy sinh và lớn dần trong lòng nó. Lòng mến phục ban đầu nhường chỗ cho một lòng cảm mến để đưa đến tình

bạn và tình bạn đang chuyển mình sang một thứ tình cảm khác trầm trọng hơn và rắc rối hơn nhiều. Nhưng không hề biết đến sự chuyển mình đó. Mỗi mỗi, nàng vẫn coi cậu con trai 17 tuổi ấy như là một người bạn nhỏ mà thôi. Và lại, chẳng bao giờ Duật dám thổ lộ cho Nhung biết thứ tình cảm sau này của nó. Nó e dè, e dè tuổi tác, e dè những hậu quả có thể xảy ra và e dè tất cả. Và nó cứ mãi mãi nuôi trong lòng một nỗi đau khổ thầm kín. Có đôi lúc, nó định vượt qua khỏi tình bạn để thổ lộ với Nhung, nhưng không hiểu sao, nó dừng lại ngay. Có lẽ nó thấy nó đã trở nên quá thân mật đến độ làm cho Nhung khó chịu. Và cũng có lẽ nó thấy mình yếu đuối đi trước đôi mắt sáng ngời của Nhung, trước nét nghiêm nghị và trước những lời nói vô tư, nhưng có một mãnh lực lạ lùng cấm không cho «đưa em trai» vượt qua quyền hạn của nó. Rồi Nhung vẫn không hề biết, không bao giờ biết. Và Duật vẫn còn ôm giữ một nỗi đau khổ chẳng bao giờ thổ lộ được, như ngậm một trái đắng mà không thể nhả ra. Duật vẫn chờ dịp và nuôi một hy vọng hão huyền không bao giờ thành tựu.

Ngày hôm nay, Duật có một dự định quan trọng. Đây là ngày sinh nhật của Nhung. Duật có mua một tiểu thuyết viết về tuổi trẻ để làm quà sinh nhật cho Nhung. Đó là dịp hiếm có để Duật cố bỏ nỗi đau khổ đè nén bấy lâu nay. Nó kèm theo món quà một bức thư. Bức thư ấy, Duật đã phải thức đến khuya hôm qua để viết. Bức thư đầu tiên, nó đọc lại và xé bỏ vì lời văn khó hiểu quá. Lần thứ hai, nó cảm thấy bức thư quá dài dòng và hơi có vẻ cải lương. Thế là lại xé bỏ. Lần thứ ba, nó tạm tạm bằng lòng. Nhưng còn nhiều đoạn phải sửa đổi. Duật hí hục thêm bớt, xóa bỏ không biết bao nhiêu lần. Cuối cùng, đến quá khuya, nó mới viết xong bức thư. Lúc ấy, Duật định giờ mấy bài toán ra làm cho giờ học ngày mai. Nhưng vì mệt mỏi quá, trí óc nó không còn sáng suốt nữa. Nó lăn ra trên giường, ngủ thiếp đi quên cả bỏ mũn. Hồi sáng, Duật thức dậy thật trưa và đi đến trường thì lớp đã vào học rồi. Kết quả những bài toán chưa làm ngày hôm qua là một con dê-rô to tướng. Nhưng Duật không buồn. Nó lo lắng nhiều cho buổi chiều hôm nay.

Bây giờ, trước khi đi Duật bắt đầu cảm thấy lo ngại. Không biết rồi hậu quả sẽ ra sao ? Nó sẽ biết nói gì đây ? Chẳng biết sau khi đọc xong bức thư ấy, Nhung có khinh bỉ nó không ? Hình ảnh cô gái với nét mặt nghiêm nghị và đôi mắt sáng lại hiện ra trước mắt nó. Cuối cùng, Duật dồn hết can đảm, tay run run xếp lá thư vào trang sách và gói giấy lại. Nó quyết định đi. Nó không thể dừng được.

Mấy ngày hôm nay, Nhung sống trong một sự bồn chồn, bứt rứt. Sự thân mật hơi quá lỗ của Duật đã gây một sự ngờ vực không thể không có nơi Hinh. Nàng không biết đối xử sao cho đẹp lòng cả hai bên. Duật thì hầu như ngày nào cũng đến chơi nhà nàng. Mỗi lần Duật và Hinh gặp nhau là mỗi lần nàng e ngại như sắp có một chuyện gì xảy ra. Họ cứ giữ im lặng luôn luôn, không bao giờ nói chuyện với nhau. Nếu họ có nói thì chỉ nói với nàng. Ngay

cả lúc có chuyện gì bất đồng ý kiến, họ cũng cãi nhau qua trung gian của nàng mà thôi. Nhưng là người chịu trận, mặc dầu nàng hoàn toàn không có một ý nghĩ gì về Duật, ngoài tình bạn như lúc ban đầu. Hình vẫn cứ lăm lì mỗi khi chạm mặt với Duật. Và Duật thì cứ giữ im lặng như bất cần để ý đến Hình.

Hồi sáng, Hình có nói chuyện với nàng về Duật. Chàng nói bóng gió, ám chỉ sự thân mật giữa nàng và Duật. Nhưng không chịu nổi nữa, nàng cãi lại: «Thằng nhãi ấy có gì mà sao anh cứ nhắc đến tên nó hoài! Bất quá, nó cũng chỉ bằng tuổi em tôi mà thôi. Từ rày trở đi tôi không muốn anh nhắc đến tên nó nữa. Sao anh cứ muốn đem nó lên ngang hàng với anh?» Rồi Hình im lặng không nói nữa. Từ đó chàng giữ một thái độ thâm-trầm đối với Nhung. Giữa bữa ăn, chàng không vui vẻ như mọi khi và không nói với Nhung một lời nào.

Thế là mối tình đầu của Nhung đang sụp đổ. Nàng rất hối hận và thù ghét Duật một cách kỳ lạ. Mặc dầu thế, nàng vẫn tin rằng Duật là một nạn nhân vô tội.

Chiều nay ở nhà một mình, nàng định viết vài chữ cho Hình. Nàng muốn Hình hiểu rằng nàng không bao giờ có cảm nghĩ gì về Duật. Nàng vẫn yêu quý Hình và xem Hình như một người anh, sẵn sàng đề bảo vệ, che chở nàng. Duật không thể lên đứng ở địa vị của Hình được. Những lời đó, nàng không thể nói miệng với Hình, nên nàng phải dùng chữ viết.

Lấy giấy ra viết được mấy dòng, nàng cảm thấy không còn ý tưởng gì để viết nữa. Những câu nói hồi sáng của Hình, chua chát và cay đắng, vẫn còn vang dội bên tai nàng. Chán nản, nàng gục đầu xuống bàn và ngủ thiếp đi.



Duật rón rén bước vào phòng Nhung. Nó muốn dành cho Nhung một sự ngạc nhiên. Món quà sinh nhật nằm trên tay, nó bước nhẹ nhẹ đến sau lưng Nhung. Nàng nằm gục xuống mặt bàn. Mái tóc xõa ngang vai, mềm mại và dịu dàng. Hai tay nàng duỗi ra, bàn tay treó vào nhau, nắm lỏng cây viết. Một giây phút ngạc nhiên, Duật biết là Nhung đang ngủ. Nó không muốn đánh thức Nhung, tìm một tờ giấy ghi lại vài chữ để lại. Mắt nó tỉnh cò bắt gặp tờ giấy dưới đôi tay nàng và tò mò nó đọc lướt qua mấy dòng chữ đầu...

Tim nó nhip chậm lại, tưởng chừng như ngừng đập. Mặt nó phọt nạt hẳn đi. Một niềm xúc động đau đớn lan dài trong cơ thể nó. Hai chân nó yếu đi, muốn ngã quy xuống. Quyền sách trên tay rơi xuống] sàn nhà bao giờ không hay.

Phút xúc động đã qua. Duật bình tĩnh lại, nhặt quyền sách lên và chạy vụt ra khỏi phòng. Sau lưng nó, tưởng chừng như đang vọng theo câu nói của Nhung hôm nào: «Đừng, đừng mơ mộng lắm, Duật ạ. Rồi khi trở lại thực tế, mình cũng giống như ôm giữ một cái bóng hão huyền, đuổi bắt một làn hương hư ảo...»

Vàng, nàng là một cô gái không giống một cô gái nào cả. Và bấy lâu nay, Duật đã ôm giữ một cái bóng rất hão huyền. Nó đã quá tin tưởng và hiểu lầm những câu nói vô tư của Nhung. Nó đã thất bại. Vì nó chỉ là một đứa con trai mà thôi!

Ra đường, Duật mới bớt xúc động. Nhưng một niềm đau khổ ngấm ngấm bỗng nhóm dậy trong lòng nó. Nó đạp xe như điên dưới bầu trời sắp sửa đổ mưa lớn. Nó chẳng thèm để ý đến một ai chung quanh nữa. Bấy giờ chỉ còn những ý nghĩ quay cuồng trong đầu óc nó.

Một cô gái không giống một cô gái nào cả. Nàng có một đôi mắt sáng nổi bật trên khuôn mặt rạm hồng. Nàng có chiếc miệng hơi rộng và môi dưới trề ra một cách kiêu hãnh, phảng phất một nét nghiêm nghị. Rồi nó nghĩ đến Hinh, một trái ba bông đặt trên tủ áo. Với ý nghĩ đó, nó mỉm cười một cách đau khổ. Một trái ba lông đặt trên tủ áo, nhưng Duật không thể được đặt ngang hàng với hinh! Duật chỉ là không một đứa em trai không hơn không kém. «Yêu người rồi không người—nó hát lên khe khẽ—trăm mình trong thú đau thương người ơi. Cuộc tình duyên cũ, dù thời gian qua mà lòng thương nhớ vẫn chưa hoen mờ...».

Về đến nhà, Duật chợt bắt gặp một chiếc xe PC từ đằng xa đang tiến lại gần. Trên xe có hai cô gái chở nhau, cười nói huyền thiên. Nhìn lối ăn bận của họ, Duật lắc đầu khinh bỉ. Nhưng khi đến gần, nghe tiếng gọi, Duật ngừng đầu lên và nhận ra Hồng — một cô bé học cùng trường, thua Duật hai, ba lớp. Thấy Hồng, Duật chợt nhớ lại bức thư ngày hôm qua mà Thu trao cho nó. Nếu không không nể lời Thu — đứa em họ — thì Duật đã không chịu nhận rồi. Trong bức thư ấy, Hồng đã kể lể mối tình thầm kín của cô bé một cách rất chi là buồn cười. Ngày hôm qua đọc bức thư ấy, Duật không có cảm tưởng gì rõ rệt hết. Nhưng cho đến bây giờ, gặp lại cô bé với lối ăn bận như vậy, nó cảm thấy chán nản lạ. Một cô bé mới tập tễnh lớn lên mà cũng đã học đòi đi viết thư tình cho trai! Duật chẳng thể nào tin được cô bé ngày thơ kia lại có thể làm những chuyện động trời như vậy được.

Đang sẵn buồn bực vì câu chuyện vừa rồi, Duật cảm thấy khó chịu hơn vì phải trả lời những câu hỏi ngờ ngẩn và phải nghe những tiếng cười vô-duyên của hai cô gái. Tuy nhiên, rồi thì Duật không bực tức nữa. Trái lại, Duật cảm thấy thương cho hai cô bé kia. Và lần này, đến lượt Duật, với tất cả lòng thành thật, nói với Hồng như một người anh khuyên bảo em:

— Đứng, đứng, Hồng ạ. Đừng mơ mộng lắm. Rồi khi trở lại thực tế, mình cũng giống như ôm giữ một cái bóng hão huyền, đuổi bắt một làn hương hư ảo...

khi tuổi lớn

Áu-thơ đó tuổi mình chưa đi hết
Mà thời-gian theo bóng mặt trời qua
Sầu từ đáy đã mấy vòng đan-kết
Như đàn chim cánh rủ tự rừng xa

Khi ngọn nước xanh-xao miền gió lộng
Tay dā-tràng ôm cát bãi khô xe
Sương mê ngủ trên hai hàng cỏ úa
Thầm gọi buồn đem hoa nắng lên che

Rồi tôi mãi một mình qua phố thị
Chân bỗng vui từng nức-nở ai ngờ
Rồi khúc hát gọi lên từng khoảng trống
Mình xa đi còn ai đó trông chờ

Thôi mộng đã chao trên đầu ngọn sóng
Bọt nước hiền ve-vuốt cũng tiêu-hao
Còn gì đó trên hành-lang quá-khứ
Bởi tình thương đau-đón đến ngọt-ngào.



TRẦN - THỊ BÙI

HOA KHẾ

BỮU BA

DẠI quốc Trung-hoa, vào đời Thuần, một vị vua cai trị rất tài giỏi, muôn vạn thần dân sống trong cảnh thái-bình thanh-vượng. Tuy vậy, ở tại vài phủ huyện hẻo-lánh xa-xôi ít khi được triều-đình kiểm-soát đến cũng xảy ra những hiện-tượng xấu xa như tham-quyền cố-vị, ăn tiền... Có những vị quan huyện rất xấu tính, hay hiếp bóc dân quê — nhất là những khi họ đến làm giấy tờ hành-chánh, kiểm tra, hoãn-dịch...v.v...v... Điền hình nhất là ở huyện Tây-Thị, một vùng khá rộng lớn và dân cư rất đông đúc. Tuy vậy, mọi người đều chật phác, lo làm ăn cho nên đôi khi quên bẵng đi có một kẻ ăn trên ngồi trước mình rồi thích dòm ngó đến những gì quý-hóa của dân làng, từ của cải tiền bạc, đất đai thậm chí cả đến ... gái tơ. «Vấn đề» này thì đề về làm vợ bé hoặc hiến dâng triều đình trung ương hầu hưởng lộc. Đó chẳng ai khác hơn là viên quan-huyện.

Nếu chúng ta muốn, đi dọc theo Dương-Tử-giang, vào sâu trong một bìa rừng rộng lớn rồi quẹo trái khoảng hai ngày rưỡi đường thì sẽ đến huyện Tây-Thị. Dân chúng ở đây khác hẳn với mọi nơi, sống bằng rất nhiều nghề, từ nghề tậu ghe máy đề đánh cá sông hay biển, đến mua máy cày đề giúp thêm trong công việc trồng lúa Thần-Nông, vào rừng đốn củi bán cho các xưởng cưa... Đàn bà thì công việc tương-đối nhẹ hơn, thí-dụ

như mua bán hàng tạp-hóa hay đi giữ em nhỏ cho các nhà phú-hộ v.v...

Ngày xưa, huyện-lỵ này chỉ là một làng nhỏ, hết sức nghèo-nàn. Nhưng càng về sau, dân chúng càng lo cho tương-lai của con cháu mình; họ muốn sau này, khi lớn khôn lên, chúng sẽ được ăn sung mặc sướng. Cho nên họ không hề quản-ngại nhọc-nhăn, làm lụng suốt ngày đêm. Kết quả là bây giờ trước mặt chúng ta, hiện ra một huyện Tây-Thị có thể nói là rất xa hoa, trù phú. Theo như những cảm tưởng của các du khách từ xa đến viếng đây thì vùng thôn-dã mà vẫn minh như vậy là nhất rồi. Tuy nhiên, họ còn nói thêm rằng: điện nước ở đây còn yếu lắm, cứ cúp liên miên như vậy thì dễ cho bọn bắt lương lợi dụng, mà lại dễ mất cảm tình của du khách như họ nữa. Mà du khách là một mối lợi lớn cho dân làng: nào cho thuê khách-sạn, nào bán đồ thổ-sản làm kỷ-niệm...

Bởi vậy nhân dân trong huyện bèn tụ họp nhau thảo một lá đơn dâng lên quan huyện buộc ông Tây nhà đèn ở miệt trên kia phải làm ăn đàng-hoàng. Viên quan huyện tên Nghệ, họ Văn, bước ra vui-vẻ nhận đơn của dân chúng. Ông lại còn ngó ý mời những đại diện ở lại dùng cơm trưa nữa. Dân trong huyện thấy tình hình có vẻ khả quan quá, bèn mừng rỡ, xin lui gót chứ không mong gì hơn.

Nhưng, cho đến mấy mùa trăng sau đó, lá đơn tố ông nhà đèn vẫn ngủ yên ở bàn giấy viên quan huyện bê-bối. Một ngày nắng đẹp, nhân dân uất ức quá đến trước cửa quan nhắc nhở viên quan huyện một lần nữa. Quan huyện Văn Nghệ vẫn vui vẻ mời mọc như lần trước, ông ta xin lỗi dân làng vì bận công-vụ quá nên không kịp giải quyết đòi hỏi chính-đáng của dân. Nói rồi truyền đem đơn ra xem. Xem xong, ông gật gù bảo rất ân-hận đã chậm trễ trong việc mang... ánh sáng đến cho dân làng.

Ngay chiều hôm đó, viên quan huyện Văn-Nghệ lên xa giá thẳng hướng tư gia của Tây nhà đèn. Vừa hay tin có khách quý đến nhà, người anh em chủ nhân nạt nộ «vít, vít» liền hồi, bắt tôi tớ mang trà nước, bánh mứt lên chực liễn.

Ông quan mang tên Văn-Nghệ quả nhiên tính tình cũng rất... văn nghệ. Ông quên hẳn đi là mình đến đây để nói về chuyện điện nước cho dân chúng. Bây giờ, chủ khách cứ xơi nước trà thượng hảo-hạng, gặm mứt thập cẩm tơi bời rồi cùng nhau bàn chuyện đất trời mây nước mãi. Văn-Nghệ bỗng tâm sự với vị chủ nhà rằng:

— Tôi có ba mụn con, một trai đã lớn, công thành danh toại. Còn hai đứa gái thì một đã yên ấm ở nhà chồng. Đứa út, mười bảy tuổi, sinh năm năm mươi sáu, tôi thấy cũng đã khá lớn; có thể nghĩ tới chuyện hôn nhân được rồi. Cho nên tôi đã cho mượn một «bổ cáo» để kén rề.

Ông Tây nhà đèn nghe đến đây, chợt đôi mắt chớm chớp, trông rất buồn cười. Hẳn ta, tuy thêm năm năm nữa là vị chi bốn mươi tuổi rồi, nhưng thân hình vẫn cân đối, vạm vỡ, khuôn mặt lịch sự khác thường. Tự nhiên hẳn có cái ý nghĩ độc đáo là viên quan huyện này muốn gả con cho mình chăng? Ôi sung sướng quá! Hẳn che miệng cười

rất có duyên, nghĩ tiếp: «Nếu không thì bỗng dưng xa giá đến đây làm gì».

Quan huyện Văn-Nghệ nhấp một hớp nước trà, chấm một miếng mứt đồ hỏn, gục gặc đầu nói nhỏ cho kẻ đối-diện vừa đủ nghe:

— Làm như vậy, tôi mới mong kiếm được tấm chồng xứng đáng cho con tôi.

Nói đến đây, ông quan chợt nghĩ: «Mình ngu quá, về vờ dĩ cáo làm gì cho lòi thối». Ông nhìn người chủ nhà nói vu vơ:

— Ô... mà tìm gì đâu cho xa xôi...

Người anh em nhà đèn giật thót mình:

— Dạ bẩm, ngài nói gì con không hiểu?

— À không... mà này, bạn cứ gọi tôi bằng bác chứ «ngài, ngài» gì nghe khách sáo quá đi. Được bao nhiêu tuổi rồi?

— ...

Hai người cứ thế rì rầm nói chuyện cho đến tối mịt. Quan xa giá của vị quan huyện chịu chơi đợi chờ đến mỏi mắt, đói bụng mà vẫn chưa thấy ông ra cửa. Đến khi đàn chim trên kia lần lượt kéo nhau về tổ ấm, ngọn trăng trắng bạch đã lấp ló đầu ngọn dừa, quan huyện mới từ giả ông Tây trở về.

Sau khi mời Văn Nghệ ở lại uống la-de, ăn cơm sườn nướng không được, Tây nhà đèn bèn đưa tiễn ra cổng, lúc đó vị quan mới nhớ ra mục-đích của mình đến đây để làm gì. Quan Văn-Nghệ giật thót mình, bảo, giọng trầm ấm thân mật hơn bao giờ cả:

— Này, toa lo chuyện điện cho chúng nó đàng hoàng một chút đi.

— Dạ, xin lỗi. Bác đề đấy moa. Đừng bận tâm gì hết.

Hai người xưng hô với nhau quá sức quái gở khiến bọn lính hầu cũng như gia nhân che miệng cười rầm trời.



Đây nói về ngoài đời, bỗng nhiên mấy hôm sau điện đài sáng trưng, không cúp ngang nữa. Dân làng vui mừng không tả xiết, định bụng sẽ sắm lễ vật tặng quan huyện và chủ nhà đèn. Vào ban đêm, dân chúng trở lại đi chơi tấp nập — vì có điện đường, khỏi sợ rần rít, bọn mất dạy hay ma quỷ — cho đến quá giờ giới nghiêm mới về nhà ngủ. Các thanh niên chợt bá vai nhau, bàn tán dữ dội về cái bố cáo của quan huyện Văn-Nghệ. Có nhiều chàng trai đã mất ăn bỏ ngủ, tương tư nàng con gái út của quan huyện. Họ thường đua nhau giành giật những tấm hình bốn sáu của nàng tiểu thư họ Văn tên Hoa-Khế được dán kèm trên các bố cáo. Nhưng nếu ta đứng mà nhận xét kỹ đám trai tráng đông đúc «bồng bột» đó sẽ thấy có hai chàng lực lưỡng rất trầm lặng, bình tĩnh từ từ ra về nhà mình. Không phải là hai chàng không thêm chú ý đến những bố-cáo hấp dẫn đóng khung dán ở các vách tường, treo ở các cột điện hay móc ở các thân cây dâu. Họ còn đề tâm vào chuyện này hơn ai cả là đằng khác. Sở dĩ họ không thêm giành giật những tấm ảnh Hoa-Khế là vì họ không muốn sự... phù-phuồng đó. Họ chỉ mong sao cho có được người thật bằng da bằng thịt ở bên mình suốt đời mà thôi.

Đó là một người lính giải ngũ đã khá lâu họ Dương tên Thống và một anh lái xe thồ họ Phạm tên Thượng. (Dĩ nhiên là hai người này không hề quen biết gì nhau cả).

Như trên đã nói, chàng cựu-quân-nhân Dương-Thống tuy ngoài mặt làm bộ như ta đây không cần vợ đẹp, chỉ xem qua-loa cái bố-cáo của viên quan huyện mà thôi; nhưng trong lòng thì bão tố nổi lên vô tả. Trên đời này mà có người đẹp đến thế sao! Chàng

ta quyết định mình sẽ là rề quý của viên quan huyện. Nhưng muốn được vậy cũng khá khó khăn. Ở đời hầu như muốn chiếm được cái gì cũng phải vượt qua một số thách thức, trở ngại. Trong bố cáo của Văn-Nghệ, có điều khoản ghi rằng: «Muốn được tiểu thư Văn Hoa Khế làm người nâng khăn sửa túi, đương sự phải đi cùng khắp bất-kỳ ở đâu không cần biết đề kiếm về cho ra hai lít nước suối quý nhất trần ai: Hương-Thủy. Loại nước suối mang cái tên đẹp là Hương-Thủy này có đặc tính làm cho người dùng nó rửa chân sẽ trẻ mãi. Nó còn có một đặc tính quý hóa thứ hai là làm tiêu tan bệnh ghê ở kẻ chân» (Vì vậy, có tin «hành-lang» rằng Hoa-Khế đang mắc phải chứng ghê nang này).

Một buổi sáng tinh-sương trời trong mát, gió nhẹ thổi qua vi-vút, cảnh-vật đẹp gần như ở trong tranh thì chàng trai si tình Dương-Thống khăn gói lên đường kiếm nước suối. Chàng trai có được sự can đảm nhờ tình ái này, bậm môi tiến thẳng vào khu rừng đen hun hút trước mặt. Chàng ta vừa đi vừa ngẫm-ngĩ: «Ta quyết sẽ mang về cho nàng năm chục lít nước «đề nàng chao chân» bằng thích!»



Nhắc lại về viên quan Văn-Nghệ và ông Tây nhà đèn. Lúc bấy giờ đôi bên giao thiệp ngày thêm thân mật, khăng khít. Ông Tây thường đến chơi nhà quan huyện và luôn dịp, đề tỏ tình với người đẹp. Quan huyện Văn-Nghệ cũng hài lòng thấy rõ. Ông định bụng ra giêng sẽ gả con cho ông Tây nhà đèn mà không cần đòi hỏi chuyện gì cả như trên bố cáo, bởi một lẽ dễ hiểu là ông Tây giàu có nhất nhì vùng này. Đêm năm, quan Văn-Nghệ vất tay lên trán ngẫm-ngĩ: «Mình bận quá, ra bố-cáo chọn rề làm gì hấp tấp, đề dân chúng biết cả, đang rủ nhau vượt thách thức cưới con Hoa-Khế? Mình đại ghê! Bấy giờ làm sao? Không thấy rõ ràng trước mắt đã có người rề xứng đáng là Tây rồi sao?».

Sáng ngày Văn-Nghệ đến nhà Tây nhà đèn thờ lộ niềm suy tư của mình. Chàng rẽ quý tương lai cười hô hố. Hấn bảo:

— Có khó gì đâu. Cho con mượn vài khâu súng sai gia nhân lên rừng tìm «bắn bỏ hết những thằng» dám đi lấy nước suối về cho Hoa-Khế.

Văn-Nghệ nhận thấy đề nghị này hơi khát máu nhưng cũng đành chịu. Bởi vì không thể nào ngăn lại được nữa những kẻ đã xem báo cáo và quyết lấy con ông làm vợ, ông đã trốn ra điều-kiện cho họ rồi.

Và mấy ngày sau đó, mấy bác tiều-phu dẫn củi sừng sốt bắt gặp xác chết Dương-Thống dưới một chân núi cao. Xác bây giờ đã thối rữa và bị lũ kênh-kênh tước thịt đi thật nhiều. Thật rừng rợn.

Vị bác-sĩ khám nghiệm cho biết rằng Dương-Thống đã bị mấy viên đạn các-bin vào ngực. Dân Tây-Thị-huyện bấy giờ được dịp bàn tán xôn-xao. Bởi vì, hơn ai hết, họ biết Dương-Thống chỉ vì đi tìm nước suối Hương Thủy cho vị tiều thư đài các Hoa-Khế mà bị tai nạn ghê hồn. Cái tin giạt gân này lan truyền rộng ra thật mau. Chẳng bao lâu tới tai chàng thanh niên đang si mê Hoa-Khế là Phạm-Thượng. Phạm-Thượng ôm đầu suy nghĩ cách đi lấy nước quý về mà không bị chết thảm như kẻ xấu số kia. Chàng trai nằm rũ trong phòng riêng suy tính trong ba ngày ba đêm liền mà vẫn chưa nảy được ý hay. Chàng buồn quá ra đường đến gốc cây xem lại cái báo cáo và bức hình đen trắng của tiều thư. Chàng thầm nghĩ: «Đẹp như thế, hiền hậu như thế mà vẫn khiến cho một người bỏ mạng rồi».

Chàng trai chợt thấy bị cay dử dội ở mắt và mũi. Chàng hắt hơi liên tiếp mười ba cái, không hiểu bởi tại đâu. Chàng

định thần nhìn kỹ lại thì thấy đằng kia, ở đầu gió, có hai đứa trẻ tóc vàng đang bốc từng nắm tiêu bột tung lên trời lia lịa. Đang cơn bực mình, Phạm Thượng đến tát mỗi đứa mấy bạt tai toé lửa rồi quát tháo:

— Ai dạy chúng mày chơi trò quái gở này:

Hai đứa bé khiếp đảm quá, ôm mặt lăm lũi đi. Đi được một đoạn khá dài, chúng không quên ngoái nhìn lại Phạm-Thượng như hận thù lắm.

Chẳng dè hai hôm sau có trát quan huyện đòi Phạm-Thượng vào hỏi tội. Đến đó chàng thanh niên đa tình đáng thương kia mới biết là mình can tội đánh cháu trong họ của ông Tây nhà đèn.

Quan huyện Văn-Nghệ giận dữ hét lên:

— Tên vô lại kia, tại sao nhà ngươi làm hại hai đứa cháu nhỏ dại của một người đã giúp ích thật nhiều cho dân làng?

Hết xong, Văn-Nghệ giam chân truyền tống giam Phạm-Thượng vào ngục tối, chờ ngày dẫn vào triều-đình trung ương xét xử và buộc tội kỹ càng hơn. Thương thay cho phận nam nhi lực lưỡng trong một phút cay mắt, đập con nít mà mang họa vào thân!



Đây nói về ông Tây nhà đèn vô-nhân-đạo sau khi biết tin gia nhân đã bắn hạ được một kẻ tìm nước suối mang tên Dương-Thống thì mừng rỡ. Chuyện vui lại đồn-đập đến khi quan Văn-Nghệ cho hay rằng, đã nghe lời mình, bắt giam Phạm-Thượng về tội hành hung con nít đang vui đùa.

Quan Văn-Nghệ và Tây nhà đèn cùng nhau định sau tết ba ngày thì sẽ làm lễ thành

hôn — dĩ nhiên là cho Tây nhà đèn và tiểu thư Văn Hoa-Khế — thật lớn.

Hai người nghĩ rằng sẽ không còn ai dám liều lĩnh mong cưới tiểu thư Hoa Khế về làm vợ nữa. Mà cũng đúng như vậy thật, dân chúng xao động hẳn lên với tin Phạm-Thượng bị bắt nhốt và Dương Thống bị bỏ mạng. Các chàng trai khác đang có ý định ngấp nghé bỗng cụt hứng đành phải kiếm mấy nàng... bình-dân có sắc đẹp tương-đối cưới về làm vợ. Họ tự bảo nhau thà như vậy còn đỡ khổ hơn hai anh chàng kia.

Bây giờ, nhà ông Tây thì lúc nào cũng như có hội hè. Ông Tây có tờ chức tiếp-tân mời quan Văn-Nghệ, nàng Hoa-Khế cùng bè bạn thân sơ luôn luôn như vậy. Ông Tây nhìn đám táng của Dương-Thống được gánh vào nhà thờ Chúa Cứu-Thế để làm lễ, bằng đôi mắt hết sức khinh đời. Ông thốt lên:

— Đồ người ngơ m gì mà sống không giúp ích cho xã-hội, chết còn làm cản trở lưu thông!

Rồi lạnh lùng nhếch mép cười gằn làm như hết sức bằng lòng với câu nói cải lương cũ rích đó của mình.



Đoạn kết của câu chuyện này, có lẽ ai cũng đoán biết được là một đám cưới thật linh đình diễn ra êm đẹp giữa ông Tây nhà đèn và nàng tiểu thư Văn Hoa-Khế. Và ông Tây cũng không quên chạy xe đi mua hai chai nước suối, loại của Pháp để thay thế hai lít Hương Thủy, làm lễ vật, cho đúng với tờ bố-cáo của quan huyện Văn-Nghệ.

Hôn lễ của hai vị này diễn ra trước những con mắt hết sức khó hiểu của toàn dân.

✻ Mưa

trong
lòng
tôi

Nỗi buồn của lòng tôi
như mưa ngoài phố vắng
ôi nỗi sầu thâm-lặng
xâm-chiếm cả hồn tôi

Hạt mưa nhẹ êm-êm
rơi trên nền, mái ngói
làm lòng tôi tê dại
ôi! tiếng nhạc mưa đêm!

Mưa sao quá nã-nê
cõi lòng ai nức-nở
tang trời vô duyên có
ngang-trái nào ẽ chề

Không hiểu sao mà buồn
mà phiền, mà ray-rứt
khi tình hận đã khuất
cho lòng quá cô-đơn!

NGÀY VÀO ĐÔNG

T
rời vào đông, màu nắng tàn vội-vã,
Lối học về im dáng ngủ hàng cây,
Nghe trên cao không chim hót những ngày,
Em xa lạ khi mùa đông chợt đến.
Gió heo may có còn bao lưu-luyến
Tiễn thu đi theo những bước ngộp-ngừng.
Và mùa sang em nghe thoáng rung-rung,
Khi mãi nghĩ những ngày đông thơ-ấu,
Như chim non trong vòng tay nương-náu
Của mẹ hiền còn vất-vả tháng năm.
Những ngày đông, buổi sớm rét căm-căm,
Mẹ trở dậy đâu quản trời gió lộng.
Trong chăn ấm, con thả hồn theo mộng,
Bên lửa hồng, Mẹ rang bắp thật thơm
Đề sáng nay con vui-vẻ đến trường
Với bắp nóng đưa con yêu khỏi lạnh.
Con lớn lên và từng đông chấp cánh,
Một mùa đông rồi lại một mùa đông...
Vẫn sớm hôm Mẹ cho con tuổi hồng
Mơ ngày mai đời con đầy nắng ấm!



NGUYỄN-THỊ PHONG-HẰNG

Căn nhà của *Eulalie*

HENRY HARLAND

CAO - XUÂN THANH - PHƯƠNG dịch

Đó là một căn nhà nhỏ xinh-xắn nằm tại một vùng quê rất là quyến-rũ, ở Normandie cạnh bờ biển. Một vùng quê với những cánh đồng cải, những vườn cây, và những đồng cỏ xanh mềm-mại làm thức ăn cho súc-vật và những cây du rợp bóng.

Người ta ngạc-nhiên vì sự hiện-diện của ngôi nhà nhỏ này bởi vì quanh nó đều là những trang trại và những ngôi nhà thô-sơ của các nhân-công. Đây là một ngôi nhà gỗ với những bức tường sơn trắng, những cửa sổ nhỏ kiểu Pháp. Những ban-công với những thanh sắt uốn cong thêm vài những bức rèm xinh-xắn.

Một ngôi nhà nhỏ, xinh-xinh sáng-sủa ở trong một khu vườn nhỏ. Ở giữa là những khóm hoa hồng, những chậu kiềng và một bãi cỏ xanh óng mượt. Phía ngoài vườn hoa là một vườn cây ăn trái với những cây táo già đan vào nhau giống như những cách trang-trí kỳ-diệu của một buổi dạ-vũ. Ngoài xa là những cánh đồng cải và những cánh đồng bắp vàng. Xa nữa là biển, tím mình trong một màu xanh trong-suốt.

Một tấm ván nhỏ được đóng vào tường với những dòng chữ lớn viết bằng sơn. Những dòng chữ đó chính là cái tin mà tôi đã nhận được từ một nhà đại-lý ở Dieppe: «Căn nhà này cho thuê». Tôi phải mất hai tiếng đồng-hồ trên lưng ngựa để đến đây xem thử căn nhà.

Một cái chuông lớn được treo ngay ở cửa chính, cán chuông lơ-lửng bởi một dây treo tuyệt đẹp. Tôi kéo chuông. Âm-thanh vang vọng vào trong bầu không-khí yên-tĩnh của đồng quê.

Tiếng chuông vang đi rất xa, đến tận một ngôi nhà tranh cách đường chừng trăm thước. Bấy giờ một người đàn ông và một người đàn bà ra khỏi căn nhà tranh nhìn chòng chọc và đi về phía tôi. Đó là hai người già: một người đàn ông tóc nâu và người đàn bà tóc xám. Người đàn ông mặc bộ áo vải thô, và người bà trong bộ áo choàng xanh với cái mũ len trắng. Cả hai di-chuyển với dáng nặng-nề của dân quê.

Tôi hỏi:

— Thưa ông bà, có phải ông bà là ông bà LeRoux không?

Sau khi tự giới-thiệu, tôi cắt nghĩa với họ rằng tôi đến đây qua lời giới-thiệu của một nhà đại-lý tại Dieppe để xem căn nhà họ muốn cho thuê; còn những điều khác thì chính họ sẽ cho tôi biết sau, nhà đại-lý nói rằng ông ta sẽ cho họ biết trước về việc này.

Tôi nghĩ rằng thật là rắc rối khi mang lại cho họ sự thông-báo có tính cách thương mại này đôi khi có thể làm phiền họ.

Họ ngừng những bộ mặt già-nua, mệt-nhoài lên nhìn tôi một cách nóng-lòng và lo-sợ. Họ trao đổi với nhau những cái liếc sợ-hãi. Người đàn bà nắm bàn tay lại, cử động một cách rụt-rè những ngón tay. Người đàn ông ngập-ngừng, ấp-úng hỏi tôi:

— Thưa... có phải ông đến xem nhà không?

— Dĩ-nhiên, thưa ông bà, chắc là nhà đại-lý đã báo tin cho ông bà rồi? Tôi được ông ta cho biết rằng ông bà sẽ tiếp tôi vào ngày giờ này.

Ông ta xác - nhận:

— Dạ thưa vâng, chúng tôi đang đợi ông.

Tuy-nhiên, không có một cử-chỉ nào chứng-tỏ ông ta sốt-sắng trong vấn-đề này cả. Ông ta trao một cái liếc lo-âu cho bà vợ. Bà ta do-dự, nhìn xuống đất.

Người đàn ông bắt đầu nói:

— Thưa ông, ông hãy nhìn...

Hình như ông ta muốn giải-thích một điều gì.

— Ông hãy nhìn...

Nhưng ông ta lại chau mày, do-dự như một người lúc đánh mất ý-tưởng của mình.

Cử chỉ của họ khiến tôi nghĩ rằng «chắc là họ đã cho người khác thuê rồi», tôi hỏi:

— Thưa ông bà, có lẽ là cái nhà này đã cho người ta thuê rồi, phải không?

Ông ta vội nói:

— Thưa không, nhà này chưa cho thuê.

Cuối cùng, bà vợ vẫn nhìn xuống đất một cách buồn-rầu.

— Ông đi lấy chìa khóa đi!

Người chồng nặng-nề lê bước về phía nhà tranh. Khi ông ta đi rồi, tôi và người đàn bà đứng cạnh cửa. Bà ta luôn luôn nắm hai bàn tay lại và cử động một cách e-dè.

Tôi cố-gắng, quả vậy, tôi đã cố-gắng để tạo nên một cuộc đối-thoại giữa chúng tôi. Tôi nói đại vài câu về địa-thế tốt của ngôi nhà, về đẹp của phong-cảnh... Bà ta trả lời là đồng ý, giọng mệt-mỏi. Tôi nhận thấy bà ta chỉ trả lời cho qua chuyện mà thôi.

Một lát sau, người chồng trở lại nhập bọn cùng chúng tôi, với chìa khóa trong tay, và họ yên-lặng dẫn tôi vào nhà.

Ở đó có hai phòng tiếp khách xinh-xắn, một phòng ăn dễ thương và một căn bếp sạch-sẽ, một lò sưởi bằng gạch đỏ, bóng, những đồ nấu ăn sáng-loáng.

Phòng khách và phòng ăn được trang hoàng một cách trang-nhã theo thời-trang Pháp. Các cửa sổ mở ra cho ánh mặt trời soi sáng và hương thơm của cây-cỏ thoảng vào.

Tôi tỏ vẻ thích cái đẹp của căn nhà và thái-độ của những người dẫn dắt tôi xem nhà thay đổi dần, từ sự gượng-gùng tiến dần đến sự cảm thông và cuối cùng là sự thoải tâm-tĩnh.

Họ nghe những câu khen của tôi với nụ cười trên môi. Những câu hỏi của tôi đã nhận được những câu trả lời trôi-chảy và nồng-nhiệt, nhưng vẫn có vẻ xúc-động vì một điều gì đó. Tay họ run lên khi mở cửa hay vén rèm cho tôi xem, và giọng họ cũng run-run. Hình như họ có điều gì đau lòng lắm bên trong những nụ cười đó. Hầu như những nụ cười này chỉ là những làn sóng nhất thời để che-giấu sự đau-buồn nào đó mà thôi.

Tôi nghĩ: «Chắc là họ muốn làm khó về vấn-đề tiền-bạc. Họ phải bỏ trọn tài-sản ra để xây căn nhà này, mà có lẽ thế! Họ bị xúc-cảm vì đã tìm được người để cho thuê nhà...»

Tiếng ông già nói làm tôi ngừng suy nghĩ:

— Thưa ông, bây giờ nếu ông bằng lòng, chúng ta sẽ lên lầu xem phòng ngủ.

Ở đây thật là sáng-sủa. Phòng ốc trông rất vui mắt với những bức màn bằng vải in và những đồ gỗ trang-hoàng giống như phòng ngủ của người Pháp. Một trong những phòng này hình như có người ở. Có những đồ vật chứng tỏ điều đó: những đồ dùng của một người đàn bà.

Đó là căn phòng cuối-cùng mà chúng tôi đi thăm, một phòng quay mặt nhìn ra biển. Trên bàn trang-diềm có một cái lược và bàn chải. Trên bàn viết có mấy cây viết, một bình mực và một cái ví đựng giấy tờ. Có những quyển sách trong tủ sách, những bức tranh đóng khung được đặt trên kệ gỗ sồi. Trong một ngăn phòng nhỏ, có treo áo quần, và những đôi giày xinh xắn được sắp thành hàng. Chiếc giường được bao-phủ bởi một tấm lụa xanh. Ở tường phía trên đầu giường treo một bức hình Chúa Cứu-thế chết trên cây Thánh-giá. Bên cạnh giường là một cuốn Kinh Thánh với một chậu nhỏ bằng sứ chứa nước tinh-khiết.

Tôi ngạc-nhiên quá, quay về phía ông bà LeRoux và hỏi:

— Thưa ông bà, phòng này có người ở sao?

Bà LeRoux hình như không nghe tôi nói, đôi mắt bà ta buồn-bã nhìn chằm-chặp về phía trước, môi bà trệ xuống. Bà ta có vẻ mệt-mỏi và ý chừng mong-muốn việc đi xem nhà của chúng tôi chấm-dứt. Ông LeRoux thì đưa tay lên trán nhà, thẳng-thốt:

— Thưa không, bây giờ phòng này không có người ở.

Chúng tôi trở xuống nhà dưới và quyết định về việc thuê nhà. Tôi sẽ dọn đến đây vào mùa hè. Bà LeRoux sẽ nấu ăn cho tôi và vào ngày thứ tư ông LeRoux sẽ đến Dieppe để chở hành-lý và đón tôi về nhà này.



Vào ngày thứ tư, ông LeRoux đến đón tôi. Chúng tôi không nói gì với nhau cả giờ đồng-hồ trên đường đến nhà ông. Cuối-cùng, ông LeRoux đã nói với tôi:

— Thưa ông, căn phòng đó, căn phòng mà ông đã xem, có người ở.

Tôi hỏi:

— Thật sao?

— Tôi xin đề - nghị với ông điều này....

Tôi thấy ông muốn nói với tôi điều gì, nhưng ông ngập-ngừng, mắt nhìn chăm-chấp vào tai con ngựa mà ông đang cưỡi. Tôi hỏi:

— Dạ thưa ông muốn đề-nghị điều gì?

— Nếu ông chưa căn phòng đó ra và đề y những đồ-vật bên trong như vậy, chúng tôi sẽ giảm-bớt tiền thuê nhà cho ông. Ông bằng lòng chứ?

Rồi ông ta biện-hộ cho điều vừa nói:

— Ông ở có một mình. Trừ căn phòng đó ra, nhà vẫn còn rộng chán, có phải vậy không, thưa ông? Ông có chịu đề phòng đó cho chúng tôi không?

Đĩ nhiên là tôi bằng lòng ngay, nếu họ mong được giữ căn phòng như cũ thì đó là quyền của họ.

Ông ta sung - sướng nói:

— Cám ơn! Cám ơn ông nhiều lắm! Bà vợ tôi cũng sẽ cám ơn ông lắm!

Rồi chúng tôi lại tiếp-tục đi và không nói gì với nhau cả. Một lúc sau, chính ông ta lại bắt đầu nói trước:

— Ông là người thuê nhà đầu-tiên, chúng tôi chưa cho ai thuê bao giờ cả.

— Vậy à, ông có cái nhà này bao giờ?

— Tôi xây căn nhà này cách đây năm sáu năm gì đó.

Ngừng một chốc ông ta tiếp:

— Tôi xây ngôi nhà này cho con gái tôi.

Giọng nói của ông chìm xuống khi ông nói điều này. Nhưng tôi cảm thấy rằng đó chỉ là mới bắt đầu cho những gì mà ông ta muốn nói.

Tôi thúc ông ta nói thêm bằng cách diễn-tả sự ngạc-nhiên của mình:

— Ồ! thế à?

— Ông thấy chúng tôi thế nào? Tôi và vợ tôi đó!

Rồi thỉnh-hình ông ta nói mau:

— Chúng tôi là những người thô-kịch, chúng tôi là những dân cày, nhưng con chúng tôi, thưa ông (ông ta đặt tay lên đùi tôi và nói một cách hăng-hái) con chúng tôi đẹp như xa-tanh, đẹp như lụa vậy đó.

Ông ta quay ngựa lại, và một lần nữa chúng tôi tiếp tục đi không nói gì với nhau nữa. Rồi ông ta lại nói, mắt vẫn nhìn thẳng vào tai con ngựa:

— Không có một người đàn bà hay con gái nào ở vùng quê này đẹp hơn con chúng tôi.

Ông ta tiếp tục nói mau, giọng xúc-động như nói với chính mình:

— Nó đẹp, nó học giỏi. Nó học trường dòng ở Rouen. Trong sáu năm từ 12 đến 18 tuổi nó học ở trường dòng. Nó biết nói tiếng Anh (gia-đình LeRoux là người Pháp). Nó có phần thưởng về sử và về dương-cầm. Vâng, không ai có thể đánh dương-cầm hay bằng nó.

Ông ta đột ngột hỏi tôi với một giọng dữ-tợn:

— Một cái trại quê thô kịch có xứng cho nó ở không? Rồi ông tự trả lời:

— Thưa ông, không, ông không thể đặt một tấm lụa xinh-đẹp vào trong một cái hộp xấu-xi được. Con tôi lại đẹp hơn cả lụa nữa, tay nó mềm-mại hơn cả nhung.

Ông bỗng kêu lên:

— Tay nó có một mùi hương đặc biệt, tôi thường hôn và ngửi mùi hương đó luôn giống như ông ngửi hương hoa hồng vậy.

Giọng ông ta tắt nghẹn khi ông ta nói xong điều đó và một lần nữa sự yên-lặng lại bao-trùm lấy chúng tôi.

Rồi ông ta lại bắt đầu nói nữa:

— Tôi có nhiều tiền, tôi là chủ trại trại giàu-có có nhất ở vùng này. Tôi đã gửi tiền đến Rouen cho vị kiến-trúc-sư nổi tiếng nhất tại đó. Đó là ông Clermont người đã được giải thưởng về kiến-trúc ở Paris. Chính ông Clermont đã xây ngôi nhà này cho con gái tôi. Ông ta đã xây căn nhà xong với đầy-đủ tiện-nghỉ giống như nhà của một bà bá-tước. Khi nó từ trường dòng về đây, nó sẽ có một ngôi nhà quý báu. Thưa ông, có phải là ngay là cả ngôi nhà hay cung-điện lớn nhất trên thế-giới cũng đáng để cho nó ở nữa, phải không?

Ông ta lấy ra một chiếc ví ở trong bọc áo và rút ra một bức hình nhỏ, rồi trao bức hình đó cho tôi. Đó là ảnh của một cô gái, xinh-đẹp, độ 17, 18 tuổi. Khuôn mặt cô ta xinh-đẹp, một sự xinh-đẹp thường không giống như vẻ đẹp của những người đàn bà Pháp khác, rất dễ thương và rất hiền lành. Người đàn ông hình như cảm-động đến ngưỡng thờ khi nhìn bức ảnh. Khi tôi đưa trả bức hình đó lại cho ông ta, ông ta nhìn tôi với đôi mắt van-nài như mong tôi cũng đồng-ý với ông về vẻ đẹp của cô con gái ông. Dĩ-nhiên là tôi đồng-ý với ông. Tôi đã dùng những lời tốt-đẹp nhất diễn-tả sự đồng-ý ấy. Cuối cùng, với những ngón tay run-rẩy ông đặt tấm hình vào ví lại:

— Đây, thưa ông....

Ông ta nói và rút từ ngăn ví đối-diện ra một tấm thiệp trắng. Đó là biểu hiệu cho một kỷ-niệm đau-thương của người Pháp. Một dấu Thánh-giá và một con chim bồ-câu được khắc sâu trên tấm thiệp, dưới đó có ghi một dòng chữ sau: «EULALIE JOSÉPHINE - MARIE LEROUX sinh 16-5-1874 chết 12-8-1892. Cầu nguyện cho con».

— Chúa hiểu những điều mà ngài sẽ làm. Tôi xây căn nhà đó cho con gái tôi và khi nhà xây xong thì Chúa đã mang nó đi mất. Vợ tôi và tôi điên lên vì phiền-muộn. Bây giờ và mãi mãi, có lẽ là chúng tôi vẫn còn điên lên vì phiền-muộn, nhưng làm sao cứu con tôi khỏi tay tử-thần cho được!

Người đàn ông đáng thương nói tiếp:

— Chúng tôi không bao giờ muốn nghĩ hay nói thêm một điều gì nữa cả. Chúng tôi không thể ở trong ngôi nhà này khi con chúng tôi không còn nữa, nó chết rồi! Và tại sao mà chúng tôi lại cho một người lạ thuê nhà? — Về sau, chúng tôi túng dần, bắt buộc chúng tôi phải cho thuê cái nhà này để trả nợ. Nếu không thế, chúng tôi sẽ không cho ai thuê cả. Nếu tôi không thích thì dù ông có đưa một triệu Anh kim đi nữa, tôi cũng không cho thuê đâu, nhưng chúng tôi bằng lòng cho ông thuê nhà. Ông sẽ giữ một kỷ-niệm về con tôi và ông cho phép chúng tôi giữ căn phòng của nó. Chúng tôi sẽ có thể đề nó như cũ với một đồ dùng của con chúng tôi. Đó chính là căn phòng mà ông nghĩ là đã có người ở, đó là phòng của con chúng tôi.

Bà LeRoux đợi chúng tôi ở trong vườn của căn nhà. Bà ta lo-lắng đưa mắt nhìn chồng khi chúng tôi vừa đến nơi. Ông ta gật đầu và la lên:

— Rồi! Ông ta bằng lòng rồi!

Bà già cầm tay tôi siết mạnh và nói một cách điên-loạn:

— Ông tốt quá! Ông tốt quá!

Bà đưa mắt nhìn, nhưng tôi không dám nhìn thẳng vào mặt bà. Đôi mắt bà ta chứa - đựng sự buồn-rầu, một nỗi buồn khủng-khiếp, thiêng-liêng mà tôi có cảm-tưởng là tôi sẽ phạm tội nếu tôi nhìn thẳng vào cặp mắt đó.

Trong suốt ba tháng thuê căn nhà đó, chúng tôi: tôi và ông bà LeRoux, đã trở nên những người bạn tốt. Quả vậy bà LeRoux đã chăm-sóc tôi với lòng nhiệt-thành giống như là một người mẹ đối với con.

Như ông LeRoux đã nói, cả hai vợ chồng già thích nói mọi thứ chuyện về con gái họ. Và tôi mong rằng mình sẽ không bao giờ chán những câu chuyện đó cả.

Sự phiến-muộn, sự nhiệt thành và sự nhớ-tiếc không nguôi của họ về cô con gái đã gây nên trong lòng tôi một mối cảm-dộng vô ngần. Một đôi khi linh-hồn yếu-duối của cô gái hình như ẩn-hiện một cách dịu-dàng trong căn nhà này, nơi mà tình yêu đã được xây-dựng và dành cho cô tất cả. Không ai muốn nghĩ rằng thần chết đã đến và chuyện đã xảy ra rồi. Đôi vợ chồng già này không bao giờ biết mệt khi họ lặp đi lặp lại:

— Thừa ông, việc mà ông để lại căn phòng nó lại cho chúng tôi làm chúng tôi rất vui mừng!

Một ngày nọ, bà LeRoux đưa tôi vào căn phòng đó, chỉ cho tôi xem áo-quần, sách-vở nữ-trang của Eulalie. Một hôm khác, bà lại chỉ cho tôi xem chữ viết của Eulalie và hỏi tôi xem thử chữ con bà có đẹp không. Bà cho tôi xem hình của Eulalie vào mọi lứa tuổi, áo-quần của nàng khi còn bé, và bằng-cấp của Eulalie cùng những dòng chữ của các nhà tu trường dòng phê về sự tiến-bộ của Eulalie trong việc học và tính-tình cô ấy. Bà ta khóc-lóc vì mất một cái gì quý-báu nhất đời. Bà lẩm-bẩm:

— Chúa hiền điều gì mà ngài sẽ làm.

Vào hôm 12 tháng tám, ngày kỷ-niệm cái chết của Eulalie, tôi đi với ông bà LeRoux đến nhà thờ giáo-khu. Ở đó nhiều người đang cầu-nguyện cho linh-hồn cô gái. Sau cùng, vị linh mục già vuốt-ve và an-ủi ông bà LeRoux về nỗi buồn-đau của họ.



Vào tháng 9 tôi trở lại Dieppe. Một buổi chiều nọ, tình-cờ gặp lại vị linh-mục già mà tôi đã thấy tại nhà thờ hôm làm lễ kỷ-niệm ngày Eulalie qua đời. Chúng tôi nói chuyện với nhau và bỗng gia đình LeRoux được nhắc đến. Vị linh mục bảo tôi:

— Tình-yêu của họ bao-la quá. Họ tôn-sùng cô con gái. Họ thần-thánh hóa cô ta. Chưa bao giờ tôi được chứng-kiến một sự thương-yêu khác hơn có thể lớn lao như vậy. Khi cô ta chết, tôi sợ rằng họ sẽ mất lẽ sống. Họ kinh-hoàng, đau-đớn, và trong một thời-gian dài, hình như họ đồ điên vì thương nhớ con. Nhưng Chúa đã khoan-dung cho họ, đã giúp họ sống được với lòng thương-yêu của họ.

Tôi đáp

— Thật là tuyệt, họ thần-thánh-hóa những kỷ-niệm của cô ta, họ tôn-thờ

chúng. Thưa ông, như ông đã biết đó, họ đã giữ lại căn phòng của cô ta với những đồ dùng giống như khi cô còn sống vậy. Đối với tôi điều này thật là hay.

Vị linh mục có vẻ không hiểu, ngạc-nhiên hỏi lại:

— Phòng của cô ta? Phòng nào?

— Ông không biết phòng đó sao? Phòng của cô ta trong căn nhà đó. Họ để y như khi cô còn sống với mọi đồ dùng của cô ta.

— Thưa ông, tôi không tin điều này. Cô ta không bao giờ có một phòng ngủ trong căn nhà đó cả.

— Tôi xin lập lại là một trong những phòng ở trên lầu là phòng ngủ của Eulalie. Nhưng vị linh mục vẫn lắc đầu:

— Có điều sai rồi đây. Cô ta không bao giờ ở trong căn nhà đó cả. Cô ta chết ở nhà cũ. Cái nhà xây xong khi cô ta đã chết.

— Thưa ông chính ông mới lầm. Tôi chắc-chắn như vậy vì ông bà LeRoux đã nói rõ chuyện này với tôi nhiều lần.

Vị linh-mục già nhấn mạnh:

— Thưa tôi biết rõ lắm, tôi không tin điều này vì chính tôi đã săn sóc cô ta lúc lâm-chung. Cô ta chết ở căn nhà trại. Họ đâu có đưa cô ta đến cái nhà mới xây đó. Khi cô ta chết thì căn nhà xây sắp xong. Khi viên gạch cuối-cùng đặt lên chính là lúc cô ta từ-giã cõi đời. Căn nhà đó chưa hề có ai ở cả. Chính ông là người duy-nhất đã được sống trong căn nhà đó. Tôi cam-đoan chắc với ông như vậy.

— Ô! Vậy thì lạ quá! Tôi không hiểu được.

Trong một phút tôi không hiểu gì cả, nhưng bỗng trí tôi lóe lên câu trả lời, tôi la lên:

— Tôi biết rồi! Tôi hiểu rồi!

Bất ngờ tôi đã thấy được, đã hiểu được đây là một sự lừa-dối hết sức thành-kính và tuyệt-diệu mà những tâm-hồn già-nua, bệnh-hoạn đáng thương kia đã dành cho chính họ. Đó chỉ là ảo-mộng. Họ xây nhà cho con gái và khi nhà vừa xong thì nàng chết. Họ không muốn nghĩ rằng cô ta chưa hề sống trong căn nhà đó, chưa thưởng-thức được vẻ đẹp của căn nhà dù chỉ là một tuần, một ngày hay một giờ nào cả. Đó chính là sự buồn-rầu mà họ không thể nào xóa được. Họ không muốn thừa nhận điều này và cuối cùng họ đã mang những đồ dùng của cô gái xấu số đến căn phòng mà họ định sẽ cho cô ta! Họ sửa-soạn căn phòng đó và nói với nhau rằng «Đó là phòng của con gái chúng ta!». Như vậy họ có thể nghĩ rằng con họ đã được sống trong căn nhà đó. Chính họ đã tự lừa-dối họ như vậy. Thật giống như trò-chơi của trẻ con.

Sau khi để cho tôi suy-nghĩ một chốc, vị linh-mục bảo tôi:

— Chúa đã khoan-dung cho họ. Cuối-cùng, họ đã có đủ sức để chịu-đựng. Họ đã có thể tin ảo-mộng đó là sự thật, và họ đã tìm được một niềm an-ủi.

Họ cố-gắng tin như vậy và bây giờ họ đã có một đức tin là ảo-mộng đó chính là sự thật. Sự buồn-rầu của họ bây giờ đã bớt được một phần nào. Bây giờ họ giữ nó như một báu vật.

Sự thật hay ảo-mộng? Đôi khi cũng cần nghĩ rằng ảo-mộng là sự thật dù chỉ là sự thật qua nụ cười thương hại của ta mà thôi.

TIẾC NHỚ ...

CHÀNG còn bao lâu nữa là ngày cuối cùng của một năm. Bầu trời âm-u xám ngắt, khí sắc thâm-lương ảm-dạm. Những ngày tàn đông còn ngự trị cả một không gian. Càng về chiều, trời như càng thấp hơn. Phổ xá im lìm dưới làn mưa bụi, những cơn gió buốt đuổi nhau không ngừng để lại cái lạnh rung-rúc cho buổi chiều cuối đông. Chiếc cầu gãy nổi vợi còn đó như một chứng tích đồ vỡ. Trên sông Hương, con đò lẻ loi lênh-dênh cho trọn cái kiếp nổi trôi bồng bênh...

Ba năm! Ba năm sau khi rời khỏi ghế nhà trường. Độ thấy trong lòng một sự đổi thay. Cảnh đó, người đó Độ đã từng nhìn với đôi mắt say sưa si dại, khi xưa là nguồn thơ lai-láng. Chiều cuối năm, mỗi bước thời gian đi là mỗi tiếng tiếc tiếc thương thương của mình, vì nghe hồn trời dậy những nỗi buồn điệu nhớ không tên tràn ngập tâm hồn. Bây giờ khác hẳn. Thời gian có nghĩa gì với một kiếp người mà tâm hồn đã tắt nắng mùa xuân? Thời gian có nghĩa gì đối với một kẻ tha-hương trôi nổi? Đã mấy mùa xuân vô nghĩa, cô liêu, lạnh lùng dừng dừng đi qua đời Độ. Có những mùa xuân đến Độ không mong chờ và ra đi Độ không nuối tiếc. Ngày xuân tung bừng có khác gì đâu những ngày mùa đông âm-u tàn tạ với kiếp sống khắc khổ, lang bạt và tha-hương. Độ chợt bắt gặp

mình qua dòng thơ của Chế Lan-Viên:

Ta có chờ đâu có đợi đâu

Mang chi xuân lại gọi thêm sầu

Với ta tất cả đều vô nghĩa

Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau...

Còn đâu nữa những cảm khoái của thuở học trò. Trường đời đã in hằn lên tim óc Độ vài kỷ-niệm chua xót khó phai mờ. Đôi lúc Độ cố tìm về những rung động đầu tiên với những hình bóng cũ Độ lại thấy gượng gạo nếu không nói là trơ trên đời. Tuổi học trò trong sáng vô-tư, như những đóa mai vàng rực rỡ khoe sức sống trong gió xuân không còn nữa. Độ chỉ là một con số vô nghĩa trong những con số làm nên tập thể. Độ «rề» ngày xưa biến thành cái độ khắc khổ. Nghĩ đến chữ «rề» lúc còn đi học, bạn bè đã gán cho mình, Độ thấy tuổi thơ chớm dậy nhưng vợi biến sau nụ cười méo mó, khó khăn trên bờ môi ngả màu xám kịt, Độ thấy mình cần cỗi già nua trước tuổi. Đôi lúc Độ giật mình tự hỏi: Cuộc đời — thời gian của kiếp sống phiêu-lưu hồ-hải — đã thay đổi lòng mình? Nhưng rồi những thắc mắc qua mau vì cuộc sống hiện thời của Độ... Dưới cơn mưa lất-phất, vài chiếc lá rách, khó khăn trở mình trên con đường nhựa vắng, những giọt nước từ đầu ngọn chiếc mũ

rơi về phía trước càng lúc càng to và nặng hơn như muốn chọc thủng cả lối đi. Từng cơn gió lùa vào khe cửa áo hở, bắt giắc Độ khê rùng mình.

Trên đường «Hàng Me» Độ rảo bước nhanh như cổ xua đuôi những nuối tiếc dĩ vãng. Quanh năm xuôi ngược hồ-hải, giờ đây chỉ vòn vẹn có mấy giờ phép đề rồi phải trở về với trùng-dương vầy sóng. Quê nhà thì xa xôi mù mịt quá, con số giờ ít ỏi không cho phép Độ được tìm về hơi ấm của gia-đình. Khi đặt chân đến đất liền Độ có ý nghĩ tìm đến trường, nhận diện hình bóng cũ, tìm gặp những khuôn mặt của vài thằng bạn thân sau những ngày xa cách.

Một thằng bé con con trong bộ đồng phục màu xanh trạc tuổi Độ ngày nào với chiếc xe đạp bóng loáng nước sơn còn mới, nhơai nhơai cái dít trên yên xe, vụt qua hông Độ rồi khuất vào góc đường «Đội Cung» để lại nơi Độ một thoáng ngẩn ngơ bàng hoàng... Độ nhìn như muốn đuổi theo hình bóng cũ. Độ lầm bầm:

— Hai mươi tám rồi còn gì! Chắc thằng bé đó đi chơi chứ không phải đi học về. Ngày này trước kia mình nghĩ rồi mà...

Đã bao lần Độ mãi xúc động trước màu áo xanh học trò. Màu áo xanh đó xuất hiện ở chân trời góc bể nào, Độ cũng thấy mình có cảm tình và hồn gợn nhẹ một nỗi thương nhớ xa xăm. Độ nhớ lại một dạo nào đó ở tận Cà-Mau. Khi tàu cập bến, Độ lang thang suốt ngày trên các hè phố để trả thù những ngày dài giam hãm đầy đọa mình trong hầm tàu giữa lòng đại dương, Độ chợt bắt gặp một thằng bé cũng ăn vận na ná thằng nhỏ hồi này. Độ lần thần ngấm ngấm và vội bước theo làm quen. Nhiều người bạn đi với Độ cười mỉa mai, Độ thấy lòng buồn nao nao.

Hôm nay, cũng màu xanh, cũng trên con đường cũ nhưng Độ không còn là Độ ngày xưa!

Vải áo thô tháp nặng chình chịch, nhám nhám như bao bột mì. Màu xanh trên người Độ không là màu xanh học trò, mà là màu xanh tiện lợi của người thợ máy thuộc binh chủng sáu tháng đất liền sáu tháng biển khơi. Dầu sao, Độ cũng còn gần gũi trường cũ qua màu áo mà Độ đang khoát trên mình.

Gặp lại hình bóng cũ, Độ thấy lằng lằng xao xuyến trong lòng đề rồi tiếc tiếc, thương thương. Màu xanh kỷ niệm làm Độ thấy cũ đơn xa lạ. Độ ân hận không được điểm-phúc gần gũi cho trọn những ngày thơ. Đang đi học trong niềm mơ tuổi đại, tâm hồn nào có vướng gì ngoài những trang giấy học trò, ăn, nói, ngủ, cười thì «đùng» một cái, Độ bàng hoàng về những sự đổi thay không ngờ. Độ cũng không dám than oán ai mà chỉ thấy buồn cho số phận hẩm hiu, vô phúc của mình.

Từ giả học đường là giao lại tuổi thơ, xa lìa màu áo xanh mát dịu và áo xanh! Màu áo xanh ngày xưa làm Độ hạnh diện vì độc đáo, ngoan hiền, màu xanh của hy vọng, màu xanh của bề trời bao la, màu xanh của những đàn chim đầy nhựa sống, tung cánh bay về tương lai rực rỡ huy hoàng, màu xanh đó nay không còn nữa!

Độ cứ đề mặc dòng đời dĩ vãng lần về trong tâm tưởng. Độ cảm thấy sung sướng như sống lại những ngày êm đẹp của tuổi học trò, tung tăng trong màu áo thiên thanh. Trong khoảnh-khắc Độ thấy mình trẻ, nhỏ lại như ngày xưa. Độ mỉm cười với những kỷ-niệm về tuổi học trò hoang dại của mình. Lâu lắm rồi, Độ mới thấy mình cười được với những hình ảnh dĩ vãng đang hiện về trong óc, cho dù sau nụ cười là những niềm tiếc nhớ băng-khuâng...

QUANG HỮU-LÂN

GIỜ CHIA TAY

Nàng hạ về rồi, các bạn ơi!
Chúng ta sắp phải cách xa rồi.
Hè về với tiếng ve ra-rả,
Rực-rỡ ngàn hoa phượng thắm-tươi.



Ngày tháng qua mau như chiếc thoi,
Giờ đây đã đến lúc chia phôi.
Ngẹn-ngào siết chặt tay thân-mền,
Đau-đớn nhưng môi vẫn gượng cười.



Cánh cửa trường xưa khép lại rồi,
Còn đâu những phút sống vui-tươi
Như đàn chim sẽ say mây gió
Dưới bóng cây đa mát giữa trời.



Tôi nhìn lần cuối mái trường yêu,
Rồi khẽ than-ván với gió chiều:
Ôi! nếu một ngày ta trở lại
Trường xưa, sung-sướng biết bao nhiêu!



Quay bước, ta về thăm cô-hương.
Trải bao mưa gió, mây phong-sương,
Hôm nay bỗng nhớ hiên trường cũ,
Man-mác lòng ta bao luyến-thương.

DIỆP-THỊ MINH-HẢI

TẠ TỬ

NHIỀU lần tôi đã nghĩ, tôi vẫn nghĩ, rằng mình chỉ là một trong những phần tử của một ngôi trường. Có thể thôi! Việc gì phải buồn bã, lo âu khi xa nó. Tôi còn nhớ buổi ban-đầu đến trường này tôi ghét nó lắm, nên tôi đã hờ-hững, lạnh-lùng đến độ tàn-nhẫn. Hồi ấy, tôi không hề bận tâm khi nghe một kẻ nào nói xấu nó. Nhưng giờ đây thì khác, cảm tình của tôi đã nghiêng về cho nó và để đáp lại, hình như nó cũng có cảm tình với tôi. Đây đâu phải là một vinh hạnh mà chính là một chuỗi đau-đớn cho lòng tôi, vì tôi sắp phải xa nó, cho dù không muốn cũng không được. Khi yêu thương chớm nở thì vừa đến giờ biệt-ly!

Ngày vui qua mau quá, qua mau như một giấc mộng đẹp, qua mau như tuổi ấu-thơ. Giờ chỉ còn là kỷ-niệm. «Nhớ đến kỷ-niệm vui, người ta không còn vui, nhớ đến kỷ-niệm buồn làm cho người ta đau khổ».

Mỗi lần nghĩ đến tương-lai, tôi cảm thấy xa vời quá, vì tương-lai đâu phải là một cái gì đã vạch sẵn, mà cần phải đi tìm nó; đi tìm một cái không biết, thử hỏi không mờ ảo sao được?! Cho nên tôi còn do-dự, sợ hãi, tuy trong lòng cũng có nuôi một niềm hy-vọng.

Tôi vào ngôi trường này đã bảy năm rồi, bảy năm rồi vẫn chưa có một lần nào tôi bất mãn vì nó, chỉ trừ những nỗi buồn nhẹ nhàng, dầm thắm của tuổi học trò như làm bài sai hoặc ít điểm chẳng hạn... Bảy năm tròn vẹn, ngọt-ngào cũng quá đủ để nhem nhúm thành kỷ-niệm thấp sáng trong tim tôi. Tôi sẽ đem nó vào giấc mơ để sống nổi qua những ngày cách-biệt sau này.

Đời học-sinh ươm bằng hương thơm và hoa lá. Nhờ những giờ trống của buổi chiều, tôi thường thả dạo bước sau lưng trường để được thoải mái sau những giờ làm bài tập. Những làn gió nhẹ đến mơn-trơn tóc tôi, rì-rào bên tai tôi như muốn nói với tôi một điều bí-mật. Tôi mỉm cười vì sự tưởng - tượng của mình. Bỗng, đằng xa có một đứa nào đang nhìn tôi với vẻ ngạc-nhiên. Có lẽ hẳn cho tôi là điên chăng? Tôi cảm thấy bỡ-ngỡ và cúi mặt. Những buổi chiều ấy đẹp biết bao! Tôi bàng hoàng như trong giấc mơ và chỉ muốn vậy thôi!... Thế mà... ngày mai tôi phải ra đi, ôm trong lòng những nỗi luyến-tiếc không nguôi. Chẳng biết ngôi trường này có bao giờ nghĩ đến tôi không?! Chắc-chắn là không. Một người đi ra, nhiều người đi ra, ngôi-trường vẫn không thiếu gì hết. Mặc dầu biết rằng sẽ xa và sẽ mất, nhưng những kỷ-niệm đó vẫn lên vào trong ánh mắt,

trong tâm-hồn, trong hơi thở, trong nụ cười, trong lời nói, trong cử-chỉ, và trong hành-động của tôi. Thôi hãy cố gắng quên đi, tôi! Rồi tất cả cũng sẽ phối-phá theo thời gian. Thật ra, tôi không muốn những kỷ-niệm ấy xa tôi. Chao ơi, tôi mâu-thuân quá: tôi muốn quên chúng nhưng tôi cũng sợ quên chúng như khi tôi sợ hình bóng người thân tôi sẽ dần-dần phai nhạt. Trong sự mâu-thuân đó có một cái gì tiềm-ẩn chẳng?

Còn đâu những buổi cười nói xôn-xao! Thầy và bạn của tôi đâu? Sắp xa nhau sao không nói cho nhau nghe gì hết? Để một mình tôi ngậm-ngùi cay-dắng.

Những buổi mai nhật nằm nghe tiếng réo gọi của chim muông, trong lòng thồn-thức. Ước gì tôi là kiếp chim bay đến đậu trên mái trường để hãnh-diện rằng mình còn đó với tuổi học-sinh trong trắng ngày nào. Làm sao tôi niu kéo được tuời-gian ngọc ngà thơ ngây ngày cũ?! Cho tôi sống lại một phút vô tư kỳ-diệu ấy, dù chỉ là phút giây thôi, rồi tôi sẽ trở về với con người tôi hôm nay. Cuộc đời là môi-trường năm xưa nơi tôi hằng yêu dấu, nhưng giờ đây sự yêu thương ấy dần-dần phai nhạt trong tôi. Than ôi, thế mà rồi đây tôi cũng sẽ phải dẫn mình vào đó một cách miễn-cưỡng, bắt buộc.

Chiều nay, tôi cũng đi dạo, sau lưng trường, như một lần giã biệt. (Tại sao vẫn cứ thời-gian và nơi chốn ấy??). Nhưng tôi không còn những cảm-giác thoải mái như trước nữa, mà thấy ray-rứt với những nỗi buồn da-diết. Tôi đi đi lại lại cho in dấu chân này trên mảnh đất này. Ô hay! ngọn gió cuối đông không còn mơn-tròn tóc tôi, nó không còn ri-rào nói chuyện với tôi nữa mà nó rít lên từng cơn làm cho tim tôi lạnh buốt. Trên trời, mây đen tạo thành những hình thù kỳ dị như muốn đe dọa tôi. Cây muối cũng nghiêng nghiêng ngã ngã như đang say sưa để quên sầu. Rồi thì cơn mưa đổ xuống, tôi chạy vội lên thêm. Trời! cơn mưa như khóc than, như kẻ-lẻ, như hiểu thấu lòng người. Ôi, cơn mưa có vui bao giờ, mỗi hạt mưa như là một giọt nước mắt để tiễn người đi.

Thôi, tôi đi đây, tất cả xin trả lại cho thời-gian, cho những kẻ đến sau. Hãy cam đảm mà đi, nghe tôi! Và trước khi đi hãy dập tắt những giận-hờn của tuổi nhỏ cho bước đi được bình-thản để soi sáng quãng đường tương lai xa tắp, mịt-mù. Giữ thái độ ấy, may ra con người mới mong giải-thoát cho chính mình. Chiều nay tâm-hồn tôi bỗng lâng-lâng nhẹ, tuy lòng vẫn còn buồn man-mác:

Tôi cười như một kẻ điên
Tôi khóc như một người vui
Tôi nói như một kẻ say
Rồi tôi hát như một người buồn

Tôi nấc lên một tiếng trong cổ họng: «Thôi!...». Thế là hết; mùa thu đã chết trong tôi!

«Ngày mai xa cách hai đứa hai nơi
Phút gần-gũi nhau mất rồi
Tạ-từ là hết người ơi!!»

PHAN-THỊ BÍCH-ĐÀO

lạnh và em yêu

BÙI HUY

NHƯ loài chim thiên di bay về phương Nam không vì cảm nhận trước thiên-tai mùa Đông mà chỉ tuân theo lời thúc-giục của bản năng. Như những con lươn cái kỳ bí vượt qua hàng ngàn dặm sông lạch để tới biển đông cứ mỗi mùa sinh nở. Như mây mùa Đông mang tin Xuân về sau mỗi chu kỳ trái đất. Và như sau đêm là ngày. Tôi sẽ mở mắt một lần nữa để nhìn lại thế giới bên ngoài hốc núi, thế giới băng sơn lạnh lùng — để thấy vẫn không có gì đổi thay sau một thời-gian đằng đẵng chìm trong giấc đông miên.

Một âm-thanh-không-thể-diễn-tả-hay-bắt-chước bóng âm-vang trong tận cùng im-lặng của tiềm-thức và những ba động tín hiệu được truyền đi dọc theo tủy sống, phân ra khắp các nhánh thần-kinh và chấm dứt ở mỗi tế-bào trong cơ-thể bằng một tốc-độ của ánh sáng. Một tiếng reo nhỏ phát xuất từ đáy tim dẫn theo một chuỗi những âm-thanh sôi-sục réo vang liên hồi dọc theo các hành-lang động mạch. Những tế-bào máu này-nở mau lẹ dẫn truyền năng lực đi khắp các mao-quản. Tôi lắng nghe những

tiếng reo vui của từng tế-bào nhỏ bé trong cơ-thể đang tiếp nhận năng lực — đang được thẩm nhuận năng lực để hồi sinh. Một số tế-bào tự phá hủy để cung-cấp nhiệt-khí phát ra những tiếng nổ trăm-trăm. Những luồng hơi yếu ớt nào đó đã bắt đầu len-lỏi theo các kinh-mạch và tự kích-thích lẫn nhau để tăng cường-lực. Dần-dà chúng hợp nhau tạo thành một luồng nhiệt khí đơn thuần và cương mãnh vận-chuyển khắp châu thân. Trong chốc lát người tôi sẽ đủ hơi ấm để làm tan những lớp tuyết bám trên thân-thể.

Tuy vậy hiện tượng hồi-sinh không diễn-tiến đến mức-độ cuối cùng. Cơ-thể tôi chỉ tạm thời rời bỏ trạng thái tiềm sinh để có thể tiếp nhận thêm năng-lượng rồi sẽ trở lại trạng thái ban đầu. Bên ngoài trời vẫn còn khí lạnh của mùa Đông. Những làn gió núi vẫn rít lên lạnh-lẽo từ những khe núi. Và bên dưới thung-lũng những gốc thông già vẫn mang một vẻ cô-đơn ngàn kiếp đứng ần ần dưới cơn bão tuyết hay ngủ vùi trong một tấm mền trắng mênh-mông. Nơi hốc núi khô lạnh này tuyết vẫn còn phủ kín khắp nơi ở mọi hang cùng xó

xinh và những giọt nước tuyết tan rơi xuống từ người tôi đã đông lại trước khi chạm đất. Bây giờ mới khoảng giữa đông và tôi phải ở lại đây cho đến khi Xuân tới. Tôi không còn nhớ là đã trải qua bao giấc đông miên trên những ngọn băng sơn hoang vắng. Nhưng chắc-chắn là từ khi tôi đến ngọn Ma-Sơn này vào cuối thu sau khi đã vượt qua bao ngọn lãnh sơn tuyết phủ — để lại bắt đầu một cuộc viễn-du vào tiềm-thức, tôi chỉ mới tỉnh lại một lần. Trong những năm gần đây, giấc đông-miên của tôi đã dần-dà kéo dài, ít bị ngắt quãng bởi những lần tỉnh giấc và có lẽ ít lâu sau tôi có thể ngủ qua mùa đông không một lần thức-tỉnh.

Tri giác tôi phục-hồi một cách mau chóng và giờ đây tôi có thể ý-thức được những gì đang diễn tiến bên ngoài. Trái với ý-tưởng ban đầu của tôi, cảnh vật quanh núi Ma-sơn không chỉ là những làn gió núi khốc-liệt thường ngày, không chỉ là rừng thông bất biến hay màu trắng ngiệt-ngã của tuyết lạnh bao trùm trời đất. Tôi cảm thấy có sự hiện-diện của những sinh vật lạ chưa hề xuất-hiện ở đây, rõ hơn là một vài kẻ đến từ những kinh-thành văn-minh của loài người đang lẩn-quẩn nơi vùng đất hoang sơ này. Tôi lấy làm lạ vì nơi đây thác ghềnh hiểm-trở và không có gì khả dĩ lôi cuốn được loài người nên từ ngàn xưa chưa hề có dấu chân của họ. Chỉ có một số sinh-vật là đủ khả-năng đề sinh tồn ở đất này. Nhưng mà, biết đâu được, những kẻ đó đến đây không ngoài một mục-dịch nào đó. Tôi nhận ra những kẻ lạ, đúng hơn là năm người đang sử-dụng một máy bay nhỏ lượn vòng dưới thung-lũng.

Tôi chà mạnh hai ngón tay cái với nhau áp lên sát mắt, rồi từ từ mở mắt. Vật đầu tiên tôi nhìn là một hình thù có hai màu xanh trắng — đôi lúc lẩn vào giữa màu tuyết — đang cố gắng vươn lên cao dưới áp-lực

của cơn bão tuyết đè nặng lên đôi cánh, tiếng máy lẩn vào trong tiếng hú, gào thét của gió, tuy vậy tai tôi phân biệt rất rõ-ràng. Tôi vận-dụng ý-lực phóng thẳng vào họ để tìm biết những ý-nghĩ của họ hầu hiểu được lý-do về sự hiện-diện bất ngờ của họ ở đây, nhưng tôi chỉ bắt gặp một sự kinh hoàng của các sinh-vật đang đối diện với tử-thần. Chiếc máy bay đã bị cuốn vào giữa hai luồng gió nghịch chiều, lao-đảo, rồi đập mạnh vào vách núi. Vừa lúc ấy một bóng đen tách rời khỏi máy bay và rơi xuống một mô đất. Sau một tiếng nổ khô lạnh, toàn thân máy bay vỡ ra làm nhiều mảnh, nhưng tuyết đã kịp chôn vùi tất cả trước khi nó bốc cháy. Tôi nhìn sự việc xảy ra một cách dừng-dừng. Đã từ lâu đôi mắt tôi đã quen nhìn tất cả với một sự thần-nhiên, lạnh-lùng. Không có cách gì cứu họ lúc ấy. Cơ-thể tôi chưa hồi sinh toàn vẹn để có thể phát-huy những năng-lực siêu-phàm mà tôi đã khổ luyện được. Tuy vậy, tôi cảm thấy bối-rối về bóng đen duy nhất thoát ra khỏi phi-cơ trước khi tai nạn xảy ra. Hẳn vẫn nằm đó, nửa thân vùi dưới tuyết. Tôi đã tách rời khỏi xã-hội loài người từ lâu và tôi chưa muốn tiếp-xúc với họ vào lúc này, vào lúc mà công-trình tìm kiếm của tôi hãy còn dở-dang. Chỉ chốc nữa đây tôi sẽ phải trở về với cơn mê tiềm-thức và tôi không muốn có sự hiện-diện của một con người đến từ thế-giới bên ngoài trong hốc núi hẻo-lánh này một chút nào hết. Tuy vậy, tuân theo một mệnh-lệnh tuyệt-đối không thể từ-chối phát xuất từ một cõi sâu kín nào đó không thể xác định trong tiềm-thức, tôi luồn tay vào đồng tuyết bên cạnh và lôi ra một cuộn dây mây dài mà tôi đã kết lấy trong khi vượt từ ngọn hoang sơn này sang ngọn hoang sơn khác. Tôi nắm sợi giây và vận-dụng ý-chí để truyền vào cuộn dây sức mạnh của chính tôi. Sợi dây mang ý-lực của tôi vươn lên và phóng ra ngoài. Bằng một sự nhanh-nhẹn và uyển-chuyển của một con mèo rừng, mũi dây bay tới chỗ người bị nạn, luồn quanh

thân-thể người này rồi quay trở lui theo một vòng cung. Tôi dang tay đỡ người lạ và khéo-léo xoay nhẹ tay để đầu y dừng chạm vào vách núi. Thề chắt của những con người mệnh-danh là văn-minh này rất yếu-đuối và không thể va-chạm mạnh vào bất kỳ cái gì đến từ thiên-nhiên hoang-dã.

Tôi đặt người lạ nằm ngay-ngắn rồi dùng ý-lực kiểm-soát sự hoạt-động của các cơ-quan trong cơ-thể người lạ. Không có gì khác lạ, các cơ-quan vẫn bình-thường. Y không bị âm thương mà chỉ vì quá xúc-động và thần kinh hơi bị chấn-động khi rơi xuống mặt đất nên tạm thời mất cảm giác và lý-trí.

Tôi lật chiếc mũ bằng da thú che lấp khuôn mặt người lạ ra và cảm thấy ngạc-nhiên. Luồng tri-thức tôi chạy nhanh qua cánh đồng ký-ức và tôi nhận ra đây là một thiếu nữ trẻ tuổi. Làn tóc nàng đen nhánh chảy dài xuống bờ vai mềm dịu như những dòng suối ngọt-ngào uốn quanh những ngọn băng sơn tôi từng vượt qua. Khuôn mặt nàng trắng một màu trắng lạnh người nổi bật lên giữa màu tóc và môi nàng tái nhợt im-lìm.

Tôi đặt tay lên đỉnh đầu nàng và nhìn thẳng vào mắt nàng. Bằng ý chí tôi kêu gọi một luồng năng-lực vô-biên dâng lên từ khí-hải, truyền dọc theo xương sống vào tay và lan-tràn từ đỉnh đầu xuống khắp châu thân thiếu nữ. Với một ý-lực quyền năng tôi muốn nàng phải được hồi sức và chống lại được hàn khí. Mạch máu trong người thiếu nữ luân-chuyển nhanh hơn. Nàng từ từ mở mắt.

Phản ứng đầu tiên mà tôi đọc được từ mắt nàng là một sự ngỡ-ngàng biến dạng thành kinh-hãi. Qua trung-gian đôi mắt, tâm ý tôi trấn an nàng bằng một ngôn-ngữ êm-

dịu và cố gắng giảm bớt tính chất lạnh-lùng xa lạ. «Đừng sợ. Đừng sợ, cô bé.» *Người là ai.* Người thiếu-nữ vẫn chưa hết hoảng-hốt. A không ngờ tôi vẫn còn đáng-dấp con người sau hàng chục năm trời sống giữa thiên-nhiên, xa cách hẳn loài người. Đừng vội thắc-mắc cô bé, hãy tập trung tinh-thần giây lát để phục-hồi năng-lực. Thắc-mắc của cô bé không thể giải-quyết trong một phút một giây. Thôi cô bé hãy ngủ đi, hãy chìm vào giấc ngủ hồi sức. Tôi ra lệnh cho cô bé bằng một ý nghĩ nhẹ-nhàng nhưng cương-quyết. Đôi mắt to và đen của thiếu nữ khẽ khép lại. Hơi thở nàng dần dần đều-dặn và những nét căng thẳng trên khuôn mặt xinh-xinh tan-biến nhường chỗ cho một vẻ thanh-thản bình yên.

Tri-thức tôi lại tìm kiếm khắp cánh đồng ký-ức. Qua nét mặt và tâm-hồn phẳng lặng của người thiếu nữ, tôi chắc hẳn nàng phải là một người Á-đông. Nhưng đôi mắt và dòng máu có mang một nét Tây-phương nào đó. Ký-ức tôi không bao giờ lăm-lẫn. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa biết được lý-do của sự hiện-diện của nàng ở chốn thâm sơn cùng cốc giữa mùa đông lạnh này. Tôi định dùng tâm ý đề hỏi, nhưng ngại phải quấy phá giấc hồi sức của nàng nên lại thôi. Trong thời gian gần đây ý-lực của tôi đã phát-triển mạnh-mẽ trở thành một nguồn năng-lực không gì sánh kịp. Nhờ nguồn năng-lực này tôi có thể «thấy» rõ mọi ý nghĩ của người khác, mọi biến-động, trạng-thái trong từng cơ-quan tiềm-ẩn trong cơ-thể mọi sinh-vật. Dĩ-nhiên vấn-đề ngôn-ngữ không đặt ra với tôi.

Một chút sai lệch nào đó giữa những nhịp hô-hấp đều-dặn của người thiếu-nữ. Giấc hồi-sức đã đem lại bình an cho tâm-hồn nàng. Nàng ngồi dậy với một vẻ tỉnh-táo và tự-tin.

Uyên muốn đặt lại câu hỏi: người là ai? Hà! câu chuyện dài lắm. Dần-dần cô bé sẽ biết. Chừ cô bé cảm thấy đói lắm phải không? Ô người nhắc, Uyên mới nhớ. Một cảm giác quen thân nào đó làm Uyên khó chịu nãy giờ. Nó còn-cào khắp lục phủ ngũ tạng. Ra đó là đói. Nhưng cho phép nghi-ngờ: Ở đây có gì ăn ngoài tuyết? Ha ha, thế cô bé nghĩ ta sống bằng đám tuyết đó hả? Ô, nếu công trình tu-luyện của ta đã thành thì có lẽ sống cả năm mà không cần ăn uống. Nhưng hiện tại ta vẫn chưa thoát khỏi bản thể con người mà. Người vừa nói công-trình?... Khoan, hãy tạm bỏ qua chuyện đó. Đây là lần đầu tiên ta thức-dậy để ăn sau một giấc ngủ dài kể từ khi ta đặt chân đến ngọn Ma-sơn này đầu mùa đông. Người nói gì Uyên không hiểu. Người hãy giải-thích rõ hơn cho Uyên biết đi, Uyên mới muốn ăn.

Tôi chú ý đến danh xưng Uyên của thiếu-nữ. Ban đầu tôi tưởng đó là một đại danh-từ để chỉ bản ngã, chỉ về mình. Giờ tôi chợt nhớ ra đó chỉ là cái tên gọi của cô bé. Người thiếu-nữ này có một vẻ ngây-thơ nhí-nhảnh lẫn đôi chút bướng-bỉnh của một cô bé, nhất là cái lối thích xưng tên khi muốn nói về mình. Thôi được! Có bao giờ cô bé nghe nói đến những loài thú sống quanh năm nơi những vùng tuyết lạnh mà mỗi độ đông về lại miên-mạn trong tổ hàng tháng không nhỉ? Người thiếu-nữ tên Uyên thoáng ngập-ngừng. Có... tôi có biết hồi học Vạn-vật. Nhưng không lẽ người là một trong những loài ấy. Không hẳn vậy, nhưng ta đang cố-gắng để có được cái khả-năng kỳ diệu như những giống vật ấy. Làm sao? Con người dành là có thể nhịn ăn trong nhiều ngày thật đấy, nhưng còn uống, còn năng-lực cần-thiết để chống lại cái lạnh của mùa đông? A dĩ-nhiên là có những bí-pháp và tự tu-luyện gian khổ mới có thể đạt đến trình-độ đó. Cô bé không tin? Đây này, có bao giờ bé Uyên nghe nói đến thiền, đến Yoga

không? Mắt Uyên sáng lên, nàng vui-vẻ. Chuyện đó thì quá có. Nơi trường Uyên cũng có nhiều anh bạn say mê môn đó lắm.. Gần đây, Uyên cũng từng thấy những Fakirs, những kẻ đi trên lửa hay tự mình để cho người khác chôn sống dưới mồ trong một thời-gian. Thế chuyện đó có thật, chứ không phải họ làm trò quỷ thuật hả? Ở có thể những người đó có đôi chút bản lãnh thật đó, nhưng họ chỉ mới học được cái vỏ bên ngoài của thiền môn mà thôi. Người nói có vẻ quá cao vồng, không lẽ con người có thể có những khả-năng siêu-việt vượt xa những hành-vi phi-thường đó? Đúng. Tâm ý tôi tỏ dẫu khẳng định. Không biết kẻ nào đã tìm ra được pháp môn này. Nhưng chắc họ đã từng quan-sát những biến-chuyển bên trong cơ-thể của một con vật sống tiềm sinh. Từ căn-bản đó họ đã khai-triển thành những nguyên-tắc làm nền tảng cho bước đường khám phá những mật pháp kỳ diệu. Và do đó khả-năng con người vượt lên trên con vật. Nếu con vật sống theo bản năng thì con người lại có thể tiềm sinh dưới sự điều-khiển của ý-thức. Uyên nôn nóng: Nhưng làm sao có thể theo học pháp môn đó. Thưa-thả, cô bé. Muốn học bí pháp này hành giả phải đạt được một trình-độ căn-bản về thiền-môn. Nghĩa là y phải tự kiểm-soát được mọi hoạt-động của các cơ-quan trong chính cơ-thể mình, phải nhận biết được từng cảm nhận, biến hóa hay phản ứng của một tế-bào nhỏ bé nằm bất kỳ ở một cơ-quan sâu kín nào trong thân-thể như là ta đang ngắm nó bằng mắt vậy. Chưa đủ, hành giả còn phải điều-khiển được những hoạt-động ấy, cả những hành-động ý-thức lẫn vô-thức, từ nhịp đập của trái tim đến nhịp thở của mỗi tế-bào. A — Uyên cắt ngang luồng tâm-ý của tôi — Uyên cũng từng chứng kiến tận mắt những người có thể thay đổi nhịp đập của mạch máu hay tự làm trật những khớp xương trong cơ-thể mình. Cô bé khá thông-minh và nhanh lẹ đó. Nhưng thôi, tiếp-tục. Giai-đoạn kế-tiếp là hành-giả làm chậm lần nhịp thở của những tế-bào của mình, máu sẽ

chậm hơn. Và cứ thế, các tế-bào đi lần vào trạng-thái say ngủ, bắt đầu từ những tế-bào ngoại-biên đi lần vào trong. Cho tới một lúc nào đó toàn thể con người y lâm vào trạng thái say ngủ ấy. Tim sẽ ngừng đập, phổi sẽ ngừng thở. Nhưng thân nhiệt không thể bay mất mà được thu về trong một số tế-bào tích-nhiệt. Năng-lực của y vốn lưu-truyền theo máu sẽ được thu về dưới đáy trái tim. Đó là nguồn năng-lực duy-nhất giữ cho cơ-thể y vẫn ở trạng-thái sống đều không hoạt-động. Trong lúc đó ý-thức của hành-giả vẫn hoạt-động song song với tiềm-thức hay nói cách khác, ý-thức được chìm vào trong tiềm-thức nhưng vẫn điều-khiển được cơ-thể. Vô lý, Uyên phản đối. Tiềm-thức và ý-thức không thể đi song đôi với nhau; nếu con người đang ở trạng-thái tỉnh, ý-thức, thì tiềm-thức không dự phần và chỉ khi nào ý-thức yên nghỉ thì tiềm-thức mới thay-thế vị-trí điều-khiển. Điều này chỉ vô lý đối với người thường thôi cô bé ạ. Khi con người hành-giả đang hoạt-động thì tiềm-thức vẫn can-thiệp vào những hành-vi của y. Ở nhiều người thường vẫn xảy ra điều đó — và khi ý-thức của hành-giả tạm ngưng sinh-hoạt thì nó không yên nghỉ như người thường mà lại lắng sâu vào tiềm-thức. Tiềm-thức vốn có một cảm nhận và phản ứng bén nhạy hơn ý-thức nhiều. Trong trường-hợp hoàn-cảnh bên ngoài trời xui theo sự giả-định của ý-thức trước đó, tiềm-thức sẽ tự ý điều-động cơ-thể. Nếu có một sự gì khác lạ bất trắc xảy ra, tiềm-thức sẽ đẩy ý-thức nổi lên và chỉ trong một khoảnh khắc hành-giả đã chuyển từ trạng-thái say ngủ sang tỉnh-táo hoàn-toàn. Như vậy trong trạng-thái tiềm-sinh, hành-giả vẫn có thể trở lại tỉnh-trạng bình thường ngay khi có một nguy-biến nào đe dọa. Ngoài ra, trước khi bước vào cơn mê tiềm-thức này hành-giả có thể hạn định thời-gian tiềm-sinh và đúng kỳ, tiềm-thức sẽ đưa ý-thức trở về với bản thể con người. Khi đó các năng-lượng sẽ được tái-tạo để đưa cơ-thể con người về trạng-thái bình-thường.

Uyên có vẻ thích-thú, nàng mỉm cười. Chuyện này thì các nhà bác học cũng đã làm được rồi mà, họ cướp lạnh cơ-thể những người nào muốn sống trong những thế-hệ sau và làm sống lại bất cứ khi nào các người ấy muốn. Tôi lắc đầu. Phương pháp đó phiền-phức và phải nhờ tới tha lực. Ở đây các hành-giả tự kiểm-soát được các giấc ngủ tiềm sinh của mình và tỉnh lại ngay khi họ thấy cần. Đôi lại họ phải tập-luyện gian-khổ và nhẫn-nại để cơ-thể quen dần với những biến đổi bất thường. Thời-gian tiềm-sinh sẽ được kéo dài thêm sau mỗi lần tập luyện. Ta đã tập-luyện bí-pháp này hàng chục năm và chỉ mới đạt đến trình-độ tiềm-sinh liên-tiếp trong vòng hai tháng. Uyên có ý ngượng-ngập khi nàng hỏi. Phải chăng pháp môn này sẽ giúp con người trẻ mãi không già? Ồ, không sao hãy coi bỏ những e ngại, ngượng-ngùng. Sống lâu tươi trẻ là một giấc mộng cổ truyền của con người, không ai không có, không gì phải thẹn thùng khi phải bày tỏ ước mơ của mình, ước mơ chung của loài người. Con người đầu áp dụng những khám phá tân kỳ nhất của khoa học cũng không sống ngoài khoảng ba vạn sáu ngàn ngày đến hơn bảy vạn ngày. Nghĩa là họ có khoảng bảy vạn đêm để ngủ và bảy vạn lần thức giấc. Nhưng ta, ta ngủ một giấc dài ba tháng, một đêm của ta tương đương với một trăm đêm của loài người hay hơn nữa, như vậy đời sống của ta có thể kéo dài gấp một trăm lần đời sống con người, nếu ta muốn. Nhưng thôi, hãy kiếm gì cho cô bé ăn đã. Cô bé nghĩ là không có sinh vật nào quanh đây hay sao? Đồng ý là quanh đây chỉ một màu tuyết trắng. Nhưng trước khi cô bé bị nạn, cô làm sao biết được có sự hiện diện của ta ở đây? Ta không quên rằng ở vùng băng giá này vẫn có những sinh vật đang triển miên trong giấc ngủ. Và những hang của chúng đã bị tuyết phủ không còn dấu vết. Uyên ngạc nhiên. Như vậy làm cách nào để tìm ra chúng. Ồ, lại một vấn đề không thể giải thích bằng đôi lời. Nhưng đại khái thế này, mỗi sinh vật đều có thể có suy nghĩ, có lý trí hay không, nhưng hẳn có một hệ

thần-kinh để điều khiển những hoạt-dộng của các cơ quan của chúng thì đều phát ra một luồng sóng tâm ý. Luồng sóng này mạnh hay yếu là tùy hệ thần kinh con vật phức tạp hay đơn-giản và đặc biệt mạnh nhất là ở những sinh-vật có suy-nghĩ, ở con người.

Uyên ngắt ngang. Do đâu mà phát sinh luồng sóng ấy? Bé Uyên hẳn biết tất cả vật chất đều mang điện, nhưng chất thì tiềm ẩn, chất thì phát lộ rõ-ràng một trong hai thứ điện tích. Tuy vậy điện đó chỉ là tĩnh điện. Ở trong một dây thần-kinh sinh-vật điện có khả năng dẫn truyền; với một nhịp độ chuyển động nào đó, một số vi-tử của điện tách ra khỏi dây thần kinh và lan truyền trong... Trong không gian Ê-te? Như những làn sóng vô tuyến điện? Gần như vậy, nhưng làn sóng điện này phát xuất từ ý lực nên nó không có những phần tử quấy rối cũng như không bị hư hao với khoảng cách như vô tuyến điện. Uyên tò mò. Tên của không gian ấy là gì? Một đôi người gọi nó là sát-na, có lẽ vì trong đó luồng sóng truyền đi với vận tốc nhanh hơn bất cứ một vận tốc nào có thể có trong vũ-trụ, kể cả vận tốc ánh sáng. Những kẻ nào phát triển và điều-khiển được ý lực của mình thì có thể liên lạc với tất cả mọi sinh vật trong vũ-trụ. Như vậy bằng ý lực có thể ra lệnh cho những sinh vật phải tìm tới với ta. Nhưng nếu đánh thức những con thú đang say giấc thì năng lực của chúng sẽ bị tàn mạt, hao phí. Thôi hãy xem. Tôi nắm lấy cuộn dây và vận dụng ý lực. Với một sự chính xác và tàn nhẫn của một con rắn độc, mũi dây phóng thẳng vào sườn núi bên dưới, khuấy động bên ngoài làm vỡ lớp tuyết để lộ một cái hang nhỏ. Đầu dây cuốn vòng quanh hai hình thù nhỏ nhỏ trong hang rồi quay trở về. Tôi chỉ vào hai con vật vừa rơi từ đầu dây xuống. Đây là giống chuột núi có một năng lực đặc biệt. Người... người định ăn sống? Có bé Uyên khá thông minh đấy. Muốn thu thập trọn

vẹn năng lực đó, ta phải ăn sống, nó giúp ta chống được cái lạnh và đói. Nhưng Uyên không ăn sống được. Nàng phản đối và lấy một vật trong túi ra rồi lúi húi nhúm lửa. Nàng muốn bật khóc vì không thể nào nhúm lửa trên tuyết với hai bàn tay nhỏ bé, yếu đuối.

Tôi lẳng lặng dùng tay nhỏ lên một cây thông nhỏ mọc cheo leo bên sườn núi và sưởi nóng nó bằng ý-lực. Trong chốc lát, ngọn lửa đã cháy bập bùng trong hang núi, khiến gò má Uyên trở nên hồng hào hơn. Nàng có vẻ thành thạo và khéo léo trong việc làm thịt hai con vật. Tôi chỉ giúp nàng bằng cách vận ý lực để hút lớp lông dày bao phủ chúng rồi để mặc Uyên với việc của nàng. Đây là lần đầu tiên tôi ăn thịt chín giữa mùa Đông sau hàng chục năm dẫn thân vào thiên môn. Ăn như vậy không thu được một năng-lượng vào hết. Nhưng không sao. Tôi giấu Uyên ý-nghĩ tiếp theo. Khi Uyên ngủ tôi sẽ cho nàng ăn thêm một con còn sống, còn nguyên vẹn năng-lượng. Như thế nàng sẽ có đủ sức chịu đựng khí hậu nơi đây...

Mùa Đông trên đỉnh Ma-sơn là một mùa đông toàn vẹn. Không có một cái đầm hay một con suối nào quanh núi là không đóng băng. Cả rừng thông được tuyết phủ kín để không còn một màu khác lạ nào lẫn-lộn giữa những cánh đồng tuyết trắng. Bầu trời không có màu, xám xịt trĩu nặng. Tuyết rơi xuống không ngừng như thể bầu trời đều làm bằng cái chất xốp nhẹ và lạnh giá này, nhưng được gắn vào nhau không kỹ nên chỉ cần một cái lay nhẹ của gió núi là chúng rơi xuống — mà ở đây không bao giờ thấy gió. Trong một cảnh sắc như thế, sự hiện-diện của mặt trời dĩ nhiên là không thể chấp-nhận. Và bởi thế không bao giờ có một mặt trời cho mùa đông ở đây. Tất cả chỉ một màu trắng như thể vũ-trụ là trắng. Đây là hoàn cảnh và vị trí thuận

lợi nhất cho việc phát triển tư-tưởng và ý lực.

Tôi ngồi bất động, nhìn thẳng về khoảng vắng trước mặt. Uyên đang ngủ say. Lẽ ra vào lúc này thì tôi đã ở trong cơn mê tiềm thức kéo dài cho đến cuối mùa đông. Sự hiện-diện của Uyên là một sai lệch bất ngờ trong chương trình của tôi. Chỉ còn cách chờ những người từ thành phố lên đây tìm nàng.

Một ý tưởng không chờ đợi bỗng vụt đến trong trí tôi. Tại sao không dùng Uyên để làm một cuộc trắc nghiệm về quyền năng của ý-lực?

Tất cả bắt nguồn từ chiều qua. Trong một phút giây bất chợt nào đó, Uyên nhớ đến những người bạn đồng hành của nàng và muốn hỏi tôi. Điều này làm tôi bối rối, một tâm trạng mà tôi chưa hề gặp phải. Làm sao biết được những người tử nạn đó có liên hệ gì với Uyên. Nếu tin tức về họ gây xúc động cho Uyên thì đó là một vấn đề nan giải, nhất là tình cảm của Uyên còn quá tràn đầy. Một cơ thể bị sai lệch, âm thương do một năng lực nào gây ra, không khó chữa. Nhưng tâm ý của loài người — những người bình thường, dĩ nhiên — là một cái gì yếu-ớt và bị kiềm thúc bởi tình cảm. Nếu tình cảm bị thương do một xúc động nào đó, tâm-ý sẽ rối loạn và có những phản ứng nguy-hại không lường được.

Vì lý do này tôi đã không đề cho ý tưởng của Uyên có thể đi xa hơn. Với sự thông minh và linh cảm bén nhạy, nàng có thể hồi tưởng được việc gì đã xảy ra. Tôi vận dụng ý lực cương mãnh của mình để buộc ý thức nàng chìm sâu vào cơn mê tiềm thức. Tiềm thức nàng hãy còn ở trạng thái nguyên thủy, không thể tự ý đưa cái tri-thức - về - những - người - bạn - đồng - hành ấy

nổi lên ngay. Tạm thời nàng sẽ quên được, không nhớ gì về tai nạn ấy. Tuy vậy, trước khi bị khuất lấp dưới ý lực của tôi, tri thức nàng đã phát ra một luồng sóng chống đối. Đó chỉ là một sự chống đối yếu ớt, nhưng lại hàm súc một tha thiết van xin, một tội tình nào đó. Tâm ý của tôi đã bị chấn động trong một khoảnh khắc, may thay tôi đã kịp chế kịp thời.

Biển cổ này, vắng quã là một biển cổ đối với đời tôi, làm tôi suy nghĩ. Nhưng tôi quyết định thực hiện cho bằng được cuộc thí nghiệm của mình. Bằng sự truyền thông giữa hai nguồn ý lực, Uyên và tôi, tôi sẽ dẫn dắt luồng tư tưởng của nàng rời xa những gì liên quan đến số phận của những kẻ bị nạn, nhờ thế tri thức về những người bạn đồng-hành sẽ ngủ yên trong tiềm thức nàng. Cùng lúc, qua chiếc cầu tư-tưởng, tôi truyền cho Uyên tình cảm lạnh lùng của tôi — một tình cảm xa lạ với mọi tình cảm. Dần dà, Uyên sẽ trở nên lãnh-đạm với tất cả. Không vui, không, buồn không hờn, không giận. Dĩ nhiên không thể một sớm một chiều mà đạt tới trình độ đó. Tuy nhiên điều cốt yếu là chỉ ít lâu sau nữa, nàng sẽ hết xúc động đến mức nguy hiểm khi được biết về tai nạn của những người xấu số ấy. Và nếu nàng đạt được mức độ tình cảm lạnh lùng thì giả thuyết của tôi sẽ được chứng minh. Nhờ đó, những kẻ gia nhập thiền môn về sau sẽ không còn phải mất một quãng thời gian để tuyệt diệt tình cảm. Như vậy tuy hơi trái với nguyên tắc căn bản của thiền môn - phải dựa vào sức mình, vượt qua mọi gian khổ trên đường tìm chơn lý mới đạt được cứu cánh, nhưng việc truyền dạy pháp môn sẽ được đơn giản rất nhiều...

Một sự kiện may mắn cho tôi là khi vừa thức dậy, Uyên lại hỏi tôi về thiền môn. Tiềm thức không bị kiểm soát của một người bình thường hay hành động bất ngờ, rất khó đoán

trước nó sẽ khiến cho người ấy nghĩ về những vấn đề gì. Và bây giờ tôi có thể kéo dài câu chuyện bằng cách kích thích tính tò mò của Uyên cho tới khi nàng có đủ độ lạnh cần thiết của tình cảm. Bằng truyền thông tôi bắt đầu giảng cho Uyên hiểu những bí mật của thiền môn.

Ý tưởng đầu tiên của Uyên khi thức dậy là một thắc mắc về cuộc đời của những người tu luyện thiền môn: Lý do nào đã khiến họ dâng trọn đời cho pháp môn này và những hiệu năng của pháp môn đó? Đặt vấn đề hiệu năng của thiền môn, bé Uyên đã mắc phải một sai lầm ngây thơ. Không ai phí bỏ cả đời mình, để chịu đựng gian lao để mong tìm một quyền năng hoang đường, một quyền năng mà họ không được kiểm chứng và không mấy tin tưởng. Hơn nữa nếu có những người như vậy, họ sẽ không bao giờ thành công. Nhưng trước hết ta hãy nói về căn bản của thiền môn. Thật ra bí pháp này gồm có hai phần: ngoại môn và nội môn.

Ngoại môn gồm những phép luyện tập để phát triển khả năng tiềm ẩn trong các cơ quan con người. Tại sao những con rắn nhỏ bé lại có thể nhảy lên cao một khoảng gấp cả chục lần bề cao của nó. Tại sao một con mối tí xíu có thể mang một vật nặng hơn chính thân thể nó gấp bội. Một số sinh vật lại có khả năng nhìn được trong đêm tối, hay di chuyển với tốc độ cực nhanh. Và hầu như mọi con vật đều biết bơi trồi loài người. Những diệu lực ấy phát xuất từ thiên năng của chúng. Nhưng con người vẫn có thể đạt được những sức mạnh đó nếu có phương pháp tập luyện; vì con người là một chủ thể có suy nghĩ nên có thể tự tìm kiếm lấy sức mạnh cho chính mình.

Uyên ngắt ngang. Nghĩa là những tay đi trên lửa hay tự chôn sống... đều là những kẻ từng luyện pháp môn này? Không, phần nào thôi, vì thiền môn không phải là bí pháp

độc tôn nhằm phát huy những khả thể của con người. Thành thật mà nói thì những người đó cũng có đôi chút căn bản đấy. Sự tập luyện bí pháp thường làm nản chí những kẻ thiếu kiên nhẫn. Điều cốt yếu là phải ngồi thẳng và giữ một tư thế bất động trong hàng giờ liền mỗi ngày. Trong nhiều năm, người tập không làm một điều gì ngoài việc lắng nghe nhịp thở của chính mình. Những tháng đầu thật khó khăn. Hoàn cảnh bên ngoài luôn luôn quấy rầy tâm trí của người tập hướng về nó. Cho dầu y có một nghị lực mạnh, quyết chí theo đuổi con đường cầu đạo và gạt bỏ được những âm thanh cảnh sắc của xã hội chung quanh đang quấy nhiễu thì tư tưởng y cũng khó lòng tập trung. Và cứ như vậy trong một thời gian khá lâu y mới có thể chú tâm vào nhịp thở của mình được. Bởi vì, có khi nào bé Uyên thở mà nghĩ rằng mình đang thở? nói chi đến việc nghe ngóng nhịp thở của mình? Dần dần tư tưởng của người tập cô đọng lại và về sau việc tập luyện sẽ dễ dàng hơn. Sau một thời gian lắng nghe nhịp thở của y, tri thức của y trở nên sắc bén và y có thể phân tích từng chu kỳ trong hơi thở của y. Tiếp đến, y cảm nhận được những biến hóa, những luân chuyển của dòng máu trong các kinh mạch. Cuối cùng y đạt đến trình độ nhận thức được những phản ứng biến dưỡng trong một tế bào. Đến đây, chúng ta cần đặt một câu hỏi. Tại sao con người có thời kỳ tươi trẻ rồi lại có thời kỳ già cỗi? Tại sao con người có lúc cường tráng, có lúc yếu đau? Rồi vì đâu phát sinh tật bệnh? Tất cả bắt nguồn từ những tế bào bé tí. Những tế bào này có một đời sống ngắn ngủi, và trước khi tự diệt vì đã hết nhiệm vụ, nó sinh ra một số tế bào mới. Cơ thể tăng trưởng và biến đổi là nhờ vậy. Nếu trong sự sinh sản của một tế bào nào đó bỗng phát sinh một sai lầm nhỏ thì từ đó các tế bào của những thế hệ sau sẽ mang những sai lầm càng lúc càng lớn. Sự sai lầm đó lan tràn sang các tế bào bên cạnh và phát triển theo một phương thức lũy tiến. Với những tế bào đã trở nên bất bình thường đó, người ta cảm thấy

cơ thể mình ngày một đổi thay, yếu đi, hay nặng hơn, bệnh hoạn, ẻo lả.

Nếu biết trước những sai lầm đó, con người có thể sửa chữa dễ dàng. Cũng bắt đầu bằng nhịp thở — vì thường thường chúng ta đều sai lầm trong cách thở và dẫn đến những sai lầm khác. Với sự thận trọng và dè dặt, hành giả (vâng, đến đây thì người tập đã có thể xứng đáng được xem là một hành giả thật sự vì lòng kiên nhẫn của y) hướng nhịp thở của mình cho ngay ngắn lại, theo đúng tiêu chuẩn của phép thở hầu bảo toàn được năng lực và phát triển nó. Nhịp thở có một ảnh hưởng quan trọng đến các cơ quan bên trong cơ thể. Trước tiên là sự luân chuyển của máu rồi kéo theo sự hoạt động của lục phủ ngũ tạng. Dần dà cơ thể y vận chuyển như một toàn khối mạch lạc, chính xác, đúng với các yếu lý bí mật của pháp môn để hòa hợp với thiên nhiên hầu hao tổn ít năng lượng mà vẫn phát triển năng lực đến mức tối đa.

Như vậy, phải chăng hành giả đã thành công? Trong lần đưa ra thắc mắc này, tôi nhận thấy Uyên đã có vẻ điềm tĩnh hơn trước — một dấu hiệu tiến bộ. Không, hành giả chỉ mới kiểm soát, chứ chưa điều khiển được cơ thể y hoàn toàn, nghĩa là vẫn chưa đạt được mục tiêu tối hậu.

Trong khi tập trung tư tưởng, tinh thần của hành giả trở nên mạnh mẽ. Nhờ thể mỗi một ước muốn của hành giả đều có một ảnh hưởng lớn trên cơ thể hành giả. Lúc ấy, hành giả sẽ dùng hết ý chí để nghĩ rằng năng lực phải được tập trung lại và mong muốn nó chuyển vận. Dưới áp lực của tư tưởng những năng lực tích trữ trong người y bấy lâu sẽ thu về một mối và từ từ vận chuyển.

Thoạt tiên năng lực di chuyển thành một dòng thuần nhất theo những vòng đơn giản dọc

theo các huyết mạch chính. Thời gian qua, chu kỳ chuyển vận của năng lực tăng lên và trở nên phức tạp. Trong cách này, năng lực tăng tiến nhanh chóng và khi nó đã chuyển di được trong những mao quản vi ti thì hành giả có thể tự hào đã nắm được một sức mạnh siêu phàm. Từ đó năng lực được gắn liền vào máu và hiện diện khắp nơi trong cơ thể. Năng lực không lưu trú nhất định tại một vị trí nào mà luân chuyển không ngừng và có thể tập trung tại bất cứ một cứ điểm nào trong cơ thể trong một khoảnh khắc. Máu như vậy có một liên hệ tử sinh với năng lực. Nghĩa là.. mất máu, năng lực sẽ khô cạn? Đúng thế. Tuy nhiên phải nói rõ ra là mất hết máu trong người. Nếu còn một giọt, năng lực vẫn tồn tại — tức là vẫn giữ sự sống của con người — và sẽ sinh sôi nảy nở ngay khi gặp hoàn cảnh thuận tiện.

Với sức mạnh phi thường đó, hành giả sẽ theo học bất cứ một pháp môn nào khác một cách dễ dàng hơn. Đó là trình độ căn bản cần phải có trước khi theo đuổi một ngành nào trong thiền môn. Tuy vậy, với căn bản đó, hành giả cũng đủ trở thành một siêu nhân, có một sức mạnh vượt trên bất cứ một sinh vật nào trên trái đất, chạy nhanh hơn bất cứ loài thú nào và nhảy cao hơn các loài báo, loài mèo...

Mấy ngày đã trôi qua. Nhưng cảnh sắc Ma sơn thủy chung vẫn không đổi. Ban đêm, nhờ mặt tuyết phản chiếu, vũ trụ vẫn mang một ánh sáng trắng thê lương và ảm đạm. Không một sinh vật lạ nào hẻo lánh quanh đây. Sương mù vẫn chập chờn lang thang trên đầu ngọn gió hay rủ nhau tụ tập ở rừng thông bên dưới. Trong những ngày nay, bằng lối cảm nghĩ thẳng và vô cảm xúc, bằng những suy tư không dựa vào tình cảm, hay bằng luồng tư tưởng lạnh lùng, nét mặt tượng đá, với đôi môi không hề nhếch một nụ cười, tôi đã khiến tâm tính Uyên thay đổi một phần

M E .

Trong cơn nắng tiếng à-oi mệt-mỏi
Mẹ rã-rời trong tiếng hát môi khô
Trưa nắng hạ đem gió nồng oi-ả
Mẹ thở dài trong nếp trán âu-lo



Quê-hương đó vùng trời khó u-uất
Biển mặn nồng rót nước mắt thê-lương
Dãy Trường-sơn xót-xa tình chia-cắt
Hiên-lương đây chứng-tích của tang-thương



Ue đau lòng nhìn quê-hương chinh-chiến
Nỗi ưu-tư mang nặng trĩu hình-hài
Mỗi đêm về tủi-hờn rưng-rưng bóng
Ánh đèn khuya giấc ngủ chập-chờn lay

Lê - thị Phụng

nào. Đôi mắt nàng tuy chưa biết nhìn sự vật với một vẻ lạnh lùng, nhưng đôi lúc đã trở nên vô hồn như được tạc bằng băng tuyết. Và môi đã biếng cười.

Riêng phần tôi, không có gì ngăn cản tôi tiếp tục công trình của mình. Những cơn mưa tuyết chưa tỏ vẻ gì muốn rời bỏ xứ này và hiện tại không thể trông đợi gì ở những người nào đó được giả định là có trách nhiệm đi tìm Uyên và những kẻ bị nạn.

Tính tò mò của Uyên không quấy rầy tôi mấy, và nhờ thế tôi bớt rảnh rỗi. Những lần nói chuyện bằng tâm ý kéo dài suốt ngày đã giúp tôi tinh luyện và thấu triệt những ưu khuyết điểm của phép truyền thông. Tóm lại, không có gì đáng phàn nàn về sự hiện diện của Uyên ở đây, kể cả cơn mê tiềm thức đang dở của tôi, nếu tôi không phát hiện một sự kiện kỳ lạ. Có một cái gì đó vừa mạnh nha trong người tôi. Tôi không xác định được nó phát xuất từ đâu. Nhưng đáng chú ý là một đôi lúc tôi đã phải điều khiển ý lực một cách khó khăn. Cái-gì-đó-không-cắt-nghĩa-được-hãy còn quá mơ hồ và tôi chỉ có cách là chờ đợi. Nếu tình trạng này tiếp tục, có lẽ tôi phải trở lại với cơn mơ tiềm thức...

Với một sức mạnh căn bản đã tu luyện được, hành giả có thể theo đuổi những bí pháp siêu việt. Ý có thể thay đổi kinh mạch hay nhện ăn uống, nhện thở trong một thời gian dài. Không nơi nào trên quả đất này mà ý không thể đặt chân tới. Tất cả những thành quả đó tạo điều kiện cho hành giả theo học nội môn.

Nhưng sau khi luyện thành ngoại môn thì hành giả đã già rồi còn gì? Làm sao ông ta có đủ thời gian theo học nội môn nữa?

Không đâu, bé Uyên ạ, năng lực do sự luyện tập ngoại môn ảnh hưởng rất mạnh lên cơ thể con người. Nó giúp những tế bào kéo dài đời sống và giữ mãi vẻ tươi trẻ. Vì thế những kẻ đã luyện thành công ngoại môn đều là những người không chịu già.

Thật ra nội môn mới là chủ yếu của thiền. Nhưng những kẻ luyện thành ngoại môn thường ít khi chịu theo đuổi công phu đến cùng. Chỉ một số rất ít những kẻ có lý tưởng, nguyện dâng đời mình cho thiền môn mới thấy ham thích tu luyện kỳ môn này. Bởi vì nó không hứa hẹn một cùng đích để đạt tới và quyền năng của nó chỉ biết được qua sa mù huyền thoại.

Nếu ngoại môn phát triển cơ thể con người đến mức tốt cùng thì nội môn làm gia tăng sức mạnh tinh thần của con người đến vô tận. Không ai có thể biết rằng năng lực tâm ý mình sẽ đạt tới một mức độ nào một giới hạn nào. Và chưa ai được hội kiến với một kẻ có cái tâm ý tốt cùng, không thể nào phát triển được nữa. Những quyền năng của những người có tâm ý tuyệt cao diệu chỉ được biết đến qua những lời truyền tụng và chỉ với ý lực, con người mới phát huy được tất cả những khả thể của mình.

Tâm ý tự nó là một con ngựa hoang thảng ngày rong chơi trên cánh đồng lý trí. Và tiềm thức là cả một bề sâu không đáy, tôi tâm bí ẩn mà tri thức chỉ là những phiêu sinh vật trôi nổi bập bềnh trên bề mặt và kỷ ức là một cánh đồng rong nào đó trong bề tiềm thức. Tất cả phải được kiểm soát. Thế còn tình cảm là gì? Đó chỉ là một ý niệm không thể định nghĩa. Đó là cái không có thực chất nhất trong những cái không có thực chất. Đó là dòng máu bất khuất, kiêu hùng của ngựa hoang tâm ý. Đó là ngọn sóng thần làm đảo lộn mọi tri thức hay là một cơn bão ngầm giữa bề tiềm thức. Và như vậy tình cảm là một ngăn cản lớn cho việc kiểm soát

ý lực con người. Muốn phát huy ý lực, con người phải tận diệt tình cảm. Uyên ngọc nhiên. Làm sao có thể thực hiện một công việc nan giải như thế được? Tình cảm đâu phải là một tự thể hữu hình để ta có thể chà nát dưới tay? Tại sao con người không triển khai tình cảm thành một nguồn năng lực vô biên như người ta đã làm với ý lực? Không! không có cách gì được. Ta đã đi gõ cửa khắp nơi, đã lặn lội vượt suối trèo đèo tìm đến bao bậc thầy nhưng không ai giải được vấn nạn ấy. Và tình cảm rất khó diệt nên việc luyện tập ý lực không chắc chắn và xác định nó lệ thuộc vào các trạng thái tình cảm.

Đề khởi đầu, hành giả tìm cách xa lánh loài người. Nơi một hang cùng xó núi nào đó giữa rừng thâm, y tập quen với nếp sống thiên nhiên không một xót thương e ngại. Lạnh lùng đến tàn nhẫn. Hành động một cách nhậm lẹ và chính xác để không một khoảng trống nào dành cho tình cảm vẫn vơ. Nhưng cũng không có giận hờn thù oán. Tất cả mọi hành động phải như phát xuất từ bản năng. Không một thắc mắc ưu tư về hành vi của mình. Không thiện. Không ác. Dừng dừng và xa lạ. Chỉ khi nào y chứng minh đã đạt đến một trình độ nào đó, y mới được truyền dạy một ít bí quyết căn bản thích hợp với mức độ tình cảm của y.

Ước muốn là sức mạnh của ý lực và tình cảm là trở ngại lớn lao nhất cho sự phát triển ý chí. Đó là yếu quyết đầu tiên mà mỗi người đều phải nhớ nằm lòng trước khi thực sự bước vào thiền môn. Và vì không có một tình cảm nào giống một tình cảm nào, vì tình cảm vẫn còn là lãnh vực bí ẩn riêng tư nhất của mỗi con người, nên sẽ không có bậc thầy nào hướng dẫn môn sinh mình đến cuối đường khổ luyện. Đó không phải là một sự bỏ rơi — vì họ đã quên, như chưa hề có lòng nhân đạo, vì mỗi người phải gánh lấy trách nhiệm bản thân nên không đặt vấn đề bôn phận một người đối với một

người mà là một hành động hợp lý. Mỗi người phải là một chủ thể giữa vũ trụ.

Một lần nữa người tầm đạo ra đi vào giữa chốn rừng thiêng nước độc. Lang thang từ nơi u-lâm này đến nơi hoang dã khác. Từ ngọn băng sơn nay qua ngọn khác, giữa một vùng rừng núi trùng điệp không dấu chân người.

Không một bạn bậu nào cho kẻ tầm đạo. Không một mây may luyện tiếc nhớ thương. Tâm trí y luôn luôn có một thao thức hướng về một ý — do một vị thầy trong giây phút chia tay cho riêng mỗi môn sinh. Thao thức ngay cả trong giấc ngủ. Thao thức trong từng bước chân — mà không có gì cản trở bước chân của người tầm đạo. Cảnh vật bên ngoài là một cái gì hoàn toàn toàn xa lạ và vô nghĩa đối với y. Một thung lũng hiền hòa cũng chẳng khác chi một xó rừng u tối ngàn năm chưa bóng dáng mặt trời.

Rồi cuối cùng, một ngày nào đó trên bước đường rong ruổi... Có thể là trong khi đang quỳ phục xuống để hớp một ngụm nước trong chảy ra từ khe đá núi sau nhiều ngày lang thang trên một sa mạc khô cằn cháy bỏng. Có thể là trong khi đang tắm gội dưới một ngọn thác buốt giá giữa mùa đông lạnh lẽo đê gột bỏ bụi trần. Hay là lúc trượt chân rớt xuống vực sâu thăm thẳm từ một đỉnh hoang sơn. Hoặc giây phút tỉnh táo phù du giữa cơn hấp hối là xa cuộc đời thực sự. Và có thể không bao giờ... Kẻ tầm đạo bỗng thấy mình thức ngộ.

Giây phút mặc khải là giây phút huy hoàng sau một đời hành hương trên vùng lý trí của chính mình. Kẻ tầm đạo sẽ thấy mình lớn dậy. Tâm ý không còn là vấn đề nan giải. Tiềm thức đã trở thành thân quen.

Kẻ tầm đạo sẽ tìm đến một hoang sơn nào

đó để chiêm nghiệm về những điều đã tìm được. Khả năng tuyệt thực trở thành một nhu-cầu thiết yếu. Vì dạ dày càng rỗng thì tâm trí càng sáng suốt — dĩ nhiên điều này chỉ đúng trong trường hợp cơ-thể vẫn hoạt động bình thường — và càng có nhiều thời gian để thực hiện khai triển ý lực. Bắt đầu từ đây, mỗi người theo đuổi một bí pháp riêng của mình để đạt đến năng lực điều khiển tâm ý. Đây là giai đoạn nguy hiểm nhất vì trong thời gian tâm ý chưa khai thông, một hình thức nào đó của tình cảm dấy lên trong lòng kẻ tầm đạo thì luồng tâm ý sẽ rối loạn. Nếu nhẹ, nghĩa là luồng tâm ý còn ở giai đoạn manh nha thì y sẽ bị tàn phế, thui chột cả ý thức, trầm luân trong sự cảm nhận của chính mình. Y sẽ nhận thức được những gì đang xảy ra quanh mình nhờ linh cảm nhưng khó ý thức được tâm trạng bí ẩn của mình và không làm gì được. Y sẽ sống theo bản năng — như một con vật — suốt cuộc đời còn lại. Còn nếu nặng, y sẽ phải gánh chịu tất cả những cực hình ghê-gớm gây ra do luồng tâm ý đã kết thành nhưng được thả lỏng trong cơ-thể cho đến khi hình hài bị hủy-hoại.

Nhưng bên cạnh những kẻ bất hạnh đó còn có một số người đã vượt qua hay may mắn không bị tình cảm chi phối. Ý lực của họ tiếp tục lớn dậy và trở thành một quyền năng vô hạn dành riêng cho họ. Người ta không thể biết được uy lực của họ vượt đến mức độ nào vì mỗi người nuôi dưỡng ý lực của mình bằng một phương-pháp riêng và họ không bao-giờ hé lộ về bí pháp hay sự thành tựu của họ. Sự tiết lộ những bí pháp sẽ gây nhiều tai hại cho những kẻ tò mò. Sự luyện tập thiếu hiểu biết về chính bản thể của mình và nhất là thiếu căn bản sẽ đem lại cái chết cho họ. Tuy nhiên người ta cũng truyền tụng về những hành vi phi thường của một số cao nhân mà người đời xem là tiên, là thánh. Một đôi người có thể hoá thân, nghĩa là có mặt ở nhiều nơi cách xa vạn dặm gần như cùng một lúc. Tâm ý của họ đã phát triển đến độ có thể đi từ nơi này đến nơi khác với vận tốc ánh sáng. Và đặc

biệt là tâm ý họ có thể ngưng tụ thành hình người. Như vậy họ chỉ cần ở yên trong một hốc núi và nghĩ đến những nơi mình muốn tới, điều gì muốn làm, tâm ý sẽ thay họ tất cả với một năng lực phi thường. Đôi kẻ lại có thể vận dụng tâm ý mình đi khắp thế giới tìm những luồng tâm ý yếu ớt của những người thường để tiếp xúc hay sai khiến. Những người được tiếp xúc đó sẽ có cảm tưởng như họ đang nằm mơ. Lại có người đạt đến tình trạng vô trọng lực... Họ bay bổng còn nhẹ hơn loài chim...

Những cao nhân đã khai triển tâm ý mình đến mức độ đó sẽ không còn e ngại sự chi phối của tình cảm. Và như vậy đã đến lúc họ hạ sơn. Họ sẽ trở thành một người bình thường lẫn quần trong xã-hội, kín đáo tuyên bá tư tưởng của thiền môn. Không ai có thể nhận biết một người nào trong bọn họ. Có thể họ là một anh phu xích lô tầm thường hay một gã hành khất già yếu bên một con đường lầy lội nào đó mà một lần ta nhìn thấy. Nói chung là họ hoàn toàn hòa đồng với xã-hội. Cho đến một ngày họ gặp được một chàng thanh niên trẻ tuổi, yếu đời nào đó, hay có thể chỉ là một cậu bé con cũng ham thích chơi đùa như mọi đứa trẻ khác trên đời này. Với con mắt sắc bén, họ nhìn thấu rõ tâm can của những kẻ có cơ-duyên đó và nhận ra được tư chất tuyệt hảo đang tiềm ẩn trong người đó. Thế là họ âm thầm theo dõi những kẻ có cơ-duyên đó, và trong một dịp thuận tiện, đưa kẻ ấy ra khỏi cuộc đời. Một sáng nào đó họ thành linh biến dạng khỏi xã hội. «Đi như nước chảy hê, biến như gió. Không biết bắt đầu từ nơi nào và chấm dứt nơi nào» (1). Và thiền môn chỉ được truyền giảng cho những người có duyên phận.

Thế còn người, người bắt đầu từ đâu? Uyên nhỏ nhẹ hỏi. Trong một thời gian dài,

1) Thì nga mạc: Lại như thủy như hê, thế như phong; bất tri hà xứ lai hê hà sở chung. (theo Kim Dung).

ta đã quên đề không biết mình từ đâu. Nhưng, nay ta đã thề lòng kỷ ỨC. Đại khái trong một lần đi lang thang vì đã mất người yêu trong đời, ta gặp một chân sư. Người... người vẫn còn giữ đi vắng đau buồn đó ư? Sao người không bôi xóa nó đi?. Quá khứ không thề nào bôi xóa vì nó gắn liền với kỷ ỨC mà kỷ ỨC là một phần trong ý lực con người. Nhưng quá khứ chỉ hiện diện nếu người ta không có tương lai. Và, trong lúc không một cái gì có thể ràng buộc ta ở lại với xã hội loài người, ta nhận lời theo vị chân sư không một ngại ngần luyện tiếu.

Chỉ đến khi ta sắp từ giả bậc thầy mà ta kính mến và đã theo hầu gần hai mươi năm, ta mới rõ ta đã mất người tình do ý muốn của vị sư đó. Tuy lúc ấy thề xác ta không thay đổi mấy so với ngày xa lìa xã hội loài người nhưng lòng ta đã hoàn toàn đổi thay. Ta không thấy oán hờn hay thù hận, tiếu nuối hay muộn sầu.

Sau một thời gian thao thức tìm kiếm, ta đã thấu triệt con đường đưa đến cứu cánh của mình. Tình cảm sau khi được tôi luyện của ta là một thứ tình cảm lạnh lùng lạnh như đá, như tuyết đề không còn xúc động. Có lẽ vì xưa ta đã là người đa cảm, khuyết điểm của nó là có thể bị biến dạng thành những trạng thái tình cảm khác. Một số người có một tình cảm dửng dưng và đôi người lại đạt đến mức độ vô tình, không thể biết được ai sẽ đưa tình cảm mình đến trạng thái nào.

Nhờ những yếu tố đã tìm ra, ta vạch một đường hướng cho việc tu luyện. Ta lang thang khắp nơi trên trái đất này suốt ngày như một kẻ hành du nhất đời, đề mặc ý thức mình rong chơi thông thả. Và cứ mỗi mùa đông ta lại tìm đến những hang động, hốc núi nhỏ nhỏ trên những đỉnh băng sơn và định cư ở đó trong suốt mùa đông.

Khung cảnh hoang sơ của tuyết lạnh là nơi thích hợp nhất đối với ta. Nhờ những ngoại môn căn bản và nhất là phép đông miên đã học được trong thời gian còn theo thầy, ta không gặp khó khăn lắm trong việc tu luyện.

Trong những mùa đông đầu tiên, ta đã phải thức tỉnh nhiều lần để thấu thêm năng lượng. Nhưng trong mấy mùa đông sau này, ta chỉ còn phải tỉnh lại một lần. Bí pháp của ta được đặt tên là con mè tiềm thức. Như ta đã nói, tiềm thức ví như là một bề dinh-dưỡng. Chính trong đó, tâm ý này nở vô hạn. Hơi băng lạnh giúp ta đưa ý thức chìm vào tiềm thức và giấc đông miên kéo dài thời-gian chìm đắm của ý thức. Từ đó tâm ý ta tìm được môi trường đề lớn dậy. Dần dà nó trở thành một thực chất đầy quyền năng sẵn-sàng cho ta sử dụng. Hiện giờ, luồng tâm ý của ta đã có thể kiểm soát mọi biến chuyển xảy ra quanh ngọn Ma sơn này. Nếu tiếp tục, nó có thể đi đến bất cứ nơi nào trên thế giới, hoặc hơn nữa, vượt liên hành tinh. Khi đó, ý lực ta luôn luôn được tiềm ẩn trong tiềm thức và phát triển không cùng dù ta đang ngủ, đang đi hay đang ăn... Ta có thể khống chế những người không có một ý lực phát triển và tìm biết những sinh vật nào hiện diện trên hành tinh này.

Người... người muốn làm bá chủ của thế giới? hay của vũ-trụ? Không, ta không có ý định đó. Ta đã bỏ tất cả đề ra đi và sinh sống nơi thâm sơn cùng cốc này, ta không còn biết đến lợi. Ta đã xa rời tình cảm, không oán, không thương, không ghen, không sầu, ta không nhớ tới chữ danh. Ta không tha thiết gì đến cõi đời này kể cả thiên môn. Nhưng ta đã nguyện dâng đời mình cho thiên môn và quyết đi tới cùng. Yếu quyết của thiên môn là MUỐN là, AO ƯỚC. Ta muốn chiến tranh phải biến

mất trên đời này. Ta muốn tình cảm của con người phải tuyệt diệt. Không tình cảm, con người sẽ không giết nhau vì thù hận ghét ghen. Nhưng như thế con người sẽ đối xử với nhau như mọi loài vật — vô tình, lãnh đạm — và sẽ giết nhau bằng bản năng. Uyên kêu lên. Con người sẽ trở thành những con vật có lý trí, sẽ giết nhau vì quyền lợi riêng tư mà không lý tới thiện ác. Lần thứ hai tôi bắt gặp sự chống đối ở Uyên, một chống đối khá mãnh liệt làm chấn động mạnh luồng tâm ý của tôi. Không, khi con người đã có một tình cảm xa lạ với mọi tình cảm thì y sẽ không tha thiết đến quyền lợi để giết nhau, y cũng không lý tới cách cư xử của người khác đối với y cũng như của y đối với người khác, và sẽ không có gì là thiện cũng không có gì là ác. Uyên lắc đầu. Bạn thân, người không thể là một nhà truyền giáo mà chỉ là một người tiền sử, một con người còn dính dáng quá nhiều tính chất rừng rú hoang dã như chính dáng dấp mà người đang mang. Tôi không buồn và cũng không ngạc nhiên. Tôi muốn mỉm cười trước lý-luận của Uyên.

Phải thành thực mà nhận rằng có một cái gì đó làm tôi thích Uyên. Nàng không biết gì về thiền môn và những thắc mắc của nàng đôi khi gây ngớ ngẩn. Nhưng việc đối đáp với nàng cũng giúp tôi qua giờ và thấy rằng tiếp xúc với người ở thế giới bên ngoài cũng dễ chịu đầu tôi chưa hề băn khoăn về hai chữ tỉnh mịch. Nàng thuộc một mẫu người bướng-bỉnh, có một ý-chí đề-kháng trước mọi quyền lực. Sự chống đối của nàng cũng làm cho tôi hao tổn chân nguyên ít nhiều vì luồng tâm ý bị chấn động. Tôi cảm thấy ngạc-nhiên. Với một người bình thường như Uyên, tâm ý chưa được khai thông nhưng tại sao đôi lúc lại có thể phát ra những luồng sóng chống đối mạnh như thế? Cũng may vì tâm ý

chưa khai thông nên sau những lần bị khuất-lấp dưới ý-lực của tôi, nàng vẫn không hề hấn và hay biết gì.

Uyên có một tư chất thông minh và trực giác đặc-biệt; ngay từ buổi đầu tôi đã cảm nhận được điều đó. Tôi không còn quan tâm đến việc thí-nghiệm hay trông chờ những kẻ đi tìm Uyên. Vì tôi có một ý muốn quan-trọng hơn nhiều. Tìm an - bình cho thế-giới là mục tiêu của thiền môn. Nhưng số môn sinh hãy còn quá hạn chế và cả những bậc thầy cao cấp cũng không tìm được biện-pháp ôn-thỏa. Với tư chất của Uyên, tôi hy-vọng nàng sẽ thành công nhất là vì trở-ngại lớn nhất của văn-đề là tình-cảm — điều mà Uyên có nhiều tư cách để giải-quyết, tôi cảm nhận như vậy. Tôi muốn truyền lại cho Uyên những điều mình đã tìm kiếm được nên đã giảng dạy cho nàng tất cả những bí mật bốn môn. Và tôi sẽ trình bày những ý niệm căn-bản, yếu-lý cùng nguyên-lý giải-thoát. Uyên nói đúng, tôi không thể là nhà truyền giáo, nhưng còn nàng?...

Dầu luôn luôn tỏ ra chống đối, nhưng những lúc sau này tình-cảm Uyên đã đổi thay rất nhiều. Nàng đã bắt đầu biết suy tư trong khi thức, không còn thiên về tình cảm. Nhưng đồng thời trong tôi cũng có nhiều đổi thay. Một đôi lúc tôi muốn mỉm cười trước câu nói ngây ngô của Uyên. Những suy tư, những tư tưởng của tôi không còn đi thẳng vào văn-đề một cách duy ý nữa và đã hàm súc một thứ ngôn ngữ của lá xanh chim rừng, của suối nguồn cổ nội, của gió của hoa. Tôi không muốn nhận rằng đó là ảnh - hưởng của Uyên nhưng tôi không thể giải-thích khác hơn. Tuy vậy, tâm ý của tôi đã mạnh, sẽ không chịu ảnh-hưởng quan trọng, và quyết định giữ Uyên lại sẽ không được thay đổi.

Tôi đã bắt đầu bằng cách khơi dậy dĩ

vãng của Uyên. Tôi đọc được tất cả những chi tiết về quá-khứ của Uyên qua tâm ý nàng. Xuất thân từ một gia-đình trung bình của một xứ nào đó ở Á-Đông, nhưng trong người đã pha lẫn một ít dòng máu phiêu lưu mạo-hiểm của giống Bắc-Âu, nàng tới miền Ma-Sơn này cùng gia-đình để tìm tung-tích một người anh mất tích từ nhiều tháng trước. A, tôi biết, không ai hẻo lánh đến vùng bão tuyết thường-trực này, nhất là về mùa Đông, mà có hy-vọng sống sót.

Uyên bỗng kêu lên. Người... phải chăng gia-đình tôi không còn người nào thoát nạn? Tôi thấy không cần thiết phải giấu nàng nữa. Có một bóng tối nhỏ nhoi nào đó trong đáy mắt Uyên, xót xa cho những người bị nạn, rồi thôi. Tháng ngày qua, tâm tính nàng đã điềm tĩnh. Uyên chợt hỏi tôi. Phải chăng người đã từng tiếp-xúc với cái chết. Một câu hỏi phi lý đối với những người nào khác. Nhưng tôi gật đầu. Phải, trong những ngày lang thang kiếm tìm chân lý, ta đã nhiều lần kề cận bên ranh giới giữa sống và chết.

Nhưng trước hết, hãy nghe ta nói về triết tính của thiền môn. Tất cả mọi tôn giáo được lập ra vì nhu-cầu hạnh phúc của con người. Nghĩa là nó phải chủ-trương khuyến thiện trừng ác. Vì lẽ đó, chỉ đến đời sau là tôn giáo bị biến nghĩa trong thâm-tâm đa số quần chúng. Họ phải làm điều thiện vì họ hãi sợ sự trừng ác. Và như vậy tôn giáo trở thành một thứ ác thân. Hạnh-phúc vẫn không có. Dĩ nhiên vẫn có một số hiểu rõ chân lý và giá-trị của niềm tin của tôn giáo. Nhưng tôn giáo không phải được lập ra để đem lại hạnh phúc cho một thiểu số người mà cần đến một thành quả rộng rãi hơn. Nói chung tất cả đều thất bại

Thiền môn không thế, nó được lưu truyền bởi một số người mà đã hơn một lần bị áp-bức bởi xã hội. Bởi thế họ cảm thấy sự cần thiết của sức mạnh. Như ta đã nói, yếu quyết của

thiền-môn là muốn, và với sức mạnh đó họ sẽ tìm cách cải thiện xã hội một cách dễ dàng hơn. Một lúc nào đó, khi đám môn sinh đã khá đông, họ sẽ cùng nhau hợp sức, dùng ý-chỉ muốn tất cả mọi người trên thế-giới phải hạ khí giới. Quyền lực tổng hợp đó cho một sức mạnh vô biên và ta tin họ sẽ thành công. Tiếp đến, tất cả mọi người phải luyện tập những phương-pháp — đầu tiên đơn giản, rồi sau sẽ phức tạp dần — đem lại cho họ một năng-lực đủ phần đấu trước thiên-nhiên và như vậy họ sẽ không còn lý do nào để lưu giữ khí-giới. Và khi mà họ bắt đầu theo học nội môn thì mọi tình cảm sẽ lần lượt dứt bỏ, họ không còn thấy sự cần thiết phải giết nhau, vì tất cả mọi người đều có một sức mạnh ngang nhau — một sự bình-đẳng tuyệt-đối — họ sẽ không thể hại nhau dù trong một trường hợp hi-hữu nào đó họ cảm thấy muốn. Hơn nữa sẽ không một người nào âm mưu gây hại cho xã-hội mà giấu-giếm được dự-định của mình. Và dĩ nhiên sẽ không cần ngôn-ngữ — tránh mọi ngộ nhận. Những bộ óc xuất-chúng của các nhà bác-học sẽ không còn nghiên-cứu những khí-cụ cho con người hại con người mà sẽ hướng về việc khai-phá những bí-ẩn của tâm-linh. Sẽ không còn thiện, còn ác và những quy-luật cứng rắn ràng buộc. Con người sẽ sống theo bản-chất thực sự của mình, sẽ trở thành là một con người của chính mình chứ không còn là người của xã-hội hay của tôn-giáo. Không còn những giới hạn của quy-luật cò hủ, con người tự do phát huy tất cả những khả-thể của mình.

Đó là những điều mà mọi môn sinh thiền môn đều ao ước thực-hiện. Nhưng hiện tại chưa ai đủ tư-cách thi hành chúng vì tất cả đều còn e ngại vấn-đề tình cảm và chưa ai có thể tự hào là đã phát huy được nhiều khả-thể của chính mình — không thể nói là tất cả vì khả-thể con người là cái gì vô hạn — nếu phát triển được những khả-thể của mình, con người sẽ không cần đến bất kỳ một khí cụ ngoại nhân nào giúp đỡ vì khả-thể con người mạnh hơn bất cứ một thứ sức mạnh nào trong vũ trụ.

(Xem tiếp trang 147)

TUỔI HỌC TRÒ

Từ thuở lên năm đã học-trò,
Cơm cha áo mẹ chẳng gì lo.
Ngày ngày đi học cơm kề miệng,
Tối tối bài xong ngủ ngáy khò.
Có hôm đến lớp làm bài toán,
Mò mãi mò hoài mới được cho.
Đem nộp bài rồi nghe sượng bụng,
Về nhà thêm được nửa ký-lô.

HỒ-ĐĂNG KHAM

TƠ VƯƠNG

*Mưa buồn gõ nhẹ đáy hồn
Rơi trên kẽ lá nhẹ luồn vào tim
Tai nghe giọt lệ im-lìm
Buồn cô-đơn đèn nỗi niềm riêng-tư
Bao năm lá rụng mùa thu
Tim hiu-hắt lạnh phiêu-du men đời
Nghiêng-nghiêng hồn ngã chơi-vơi
Lạnh-lùng thương nhớ cho hai tâm-hồn
Tâm-tư thác-loạn mưa dôn
Tăm oi đèn thác sao còn vương tơ?*

NGUYỄN-VĂN KỶ-LÂN

Tình sầu

Cung đàn lạc-lỡng đời cao
Vi-vu tiếng nhạc lao-xao tình buồn
Mưa thu dòng lệ thăm tuôn
Vô-cùng nổi oán dậm trường hoang-liêu
Hoàng-hôn chảy nhẹ qua chiều
Chia-ly tịch-mịch ôi nhiều đắng-cay
Mi không ướt lệ mà cay
Tâm-hồn gặm nhấm ai say hồi trời
Nghe thu trở lạnh bồi-hồi
Gió thu lay nhẹ lòng tôi buồn buồn
Bao nhiêu mộng ước rồi tan
Nên chiều mưa đổ bàng-hoàng xót-xa
Buồn tôi hát khúc tiêu-dao
Du hồn vào mộng thưở nào vọng vang

Nguyễn-thị Ngọc-Lan

Người muốn nói đến vô luân chủ thuyết của Nietzsche? Xây dựng một xã hội với những cá nhân mạnh mẽ nhằm phát huy tất cả những khả năng giả định mà con người có thể có. Ý lực tôi chạy nhanh qua cánh đồng ký ức. Tôi từng biết qua vài điều về tên này. Đúng thế, nhưng tên gọi nó là siêu nhân chủ thuyết thì đúng hơn. Nietzsche quả là một thiên - tài về trực - giác. Y đã đặt một nền tảng cho chương trình đưa con người trở về với bản thể của chính mình Nietzsche chỉ phi luân vì lầm tưởng rằng con người chỉ có khả thể vật chất và xây dựng căn-bản của kế-hoạch y trên sự đề kháng của con người đối với nhau. Thực sự, sức mạnh vật chất không thể vượt quá tầm trái đất và bị hạn hẹp trong thể xác nặng nề của con người. Chính nhờ tâm linh lực mà con người lớn dậy, bay bổng, vươn khắp vũ trụ để trở thành mình. Xã hội siêu nhân phải là một xã hội mà cá nhân hoàn toàn độc lập, bình đẳng với nhau hơn là chống đối nhau.

Nhưng còn tình cảm? Đó cũng là một năng lực ghê gớm đấy chứ? Đúng vậy, đa số môn sinh thiền môn đã cảm nhận như thế, nhưng không có cách để triển khai nó. Thiền môn lại xây dựng trên ý-lực mà việc phát triển ý-lực kỳ nhất là xúc động, một trạng thái của tình cảm. Nên từ căn bản, thiền môn đã bỏ buộc phải diệt-tuyệt tình cảm. Trên thế-gian này cũng có những người đã biến tình cảm mình thành một nguồn năng-lực vô giới hạn. Đó là đức Phật, là Chúa trời. Nguyên tắc của họ là tình thương. Nhưng triết-thuyết của họ quá sâu xa, chỉ một đôi người có duyên phận là giác ngộ, còn những người khác thì đành chịu. Không có một phương-pháp đơn giản dành cho đa-số-tâm-thường. Và về sau triết thuyết ấy chỉ còn lại những kinh điển cứng ngắt, khô khan. Bản chất con người vốn ích kỷ nên khai phá tình thương là một điều khó có thể thực-hiện. Từ đó, triết thuyết của họ bị thất truyền Người ta chỉ tuân giữ tiên ý như là một cách để khỏi bị trừng phạt...

Thế, có một thiên đường nào dành cho cuối đời của một người? Không, không có một thiên đường hay địa ngục môn nào dành cho người bước qua bên kia thế giới. Hay nói cho đúng, tất cả chỉ là một giây phút phù du trước khi hồn lìa xác. Một đời vị tha sẽ cảm thấy sung sướng, nhẹ nhàng khi lìa bỏ trần thế hướng đến một thiên đường gần kề bên mình. Người suốt đời khai thác tha nhân sẽ hãi hùng trước viễn ảnh địa ngục, họ không chết với một nụ cười mà với tất cả những âu lo kinh hoàng. Còn những kẻ chết bất đắc kỳ tử? Chưa kịp nhắm mắt? Vẫn có một giây phút phù du giữa ranh giới sống chết. Dù tim đã ngừng đập, dù thân thôi cử động, hồn vẫn còn trong xác ít lâu và nhận biết những sự việc xảy ra. Nhưng không lẽ kết quả một đời người chỉ xuất hiện trong phút giây? Uyên phản đối. Tôi mỉm cười trước sự chống đối của Uyên. Thời gian là một cái gì trừu tượng mà không có thực chất. Quãng đời một trăm năm đôi khi quá dài đối một vài người và quá ngắn đối với những người khác. Nhất là nếu đặt khoảng thời gian một trăm năm đó bên cạnh thời gian vô thủy vô chung thì đời người quả là một sát-na. Vậy sát-na của một đời người hay giây phút cuối cùng đó đâu cách biệt nhau mấy. Và ta có thể nói phút giây đó dài như cả một đời người hay dài hàng thế kỷ. Vậy, có cái gì ở bên kia thế giới? Không là gì cả. Hay lại là thế giới.

Uyên kêu lên. Người sẽ bôi xóa tất cả những niềm tin về một sự thưởng phạt ở cuối cuộc đời, bằng tư tưởng của người. Những người thiện sẽ không còn lý do để tỏ thiện ý và kẻ ác sẽ đầy dẫy khi mà thiện ác sẽ không còn phân minh. Tôi lắc đầu. Thiện ác không phải do sự có sợ hãi hay không mà từ bản năng của mỗi người. Người có tâm ác, mà vì sự sợ hãi đó, phải làm điều thiện thì vẫn là ác. Đe dọa không làm một người nhiều tính ác hơn thiện phải biến cải. Và lại, thiên đàng hay địa ngục ở giây phút cuối đời đó chỉ là một ảnh ảo cho bởi tấm gương linh hồn phản

chiều những gì xảy ra trong cuộc sống. Thật sự thiên đàng hay địa ngục phải ở trong những hành vi cư xử trong cuộc đời, trong chúng ta, những người còn sống. Nhưng mục đích của thiên môn không phải tìm thiên đàng hay địa ngục, những thứ phù du, mà tìm giải thoát. Giải thoát? Con người còn phải giải thoát gì nữa khi mà thiên đàng và địa ngục ở ngay trong mình? Con người vẫn cần một sự giải-thoát khỏi giây phút cuối đời, khỏi nỗi tiếc thế gian, khỏi những vui buồn cuộc sống — địa ngục thật sự của con người.

Làm người, đến giờ phút lâm chung, ai khỏi vui buồn về quãng đời đã qua của mình, ai không luyến tiếc trần gian và âu lo về ngưỡng cửa mà mình sắp bước qua? Bé Uyên hãy nghe ta đọc câu này: «*Hãy thấp trong ta ngọn lửa thánh-hồng, ta sống không lấy làm sung-sướng, thì chết không lấy làm đau khổ, người đời ai thương ta, lo âu hoạn nạn quả thực quá nhiều*» (2). Đúng thế, không thấy sống là sung-sướng, sẽ không thấy chết là buồn khổ. Hãy cứ nuôi dưỡng tâm ý của mình và nhớ rằng bi cảnh của mình vẫn chưa là điều đáng thương, hãy nhìn lại thế-giới đầy khổ hải. Thế còn thượng đế, Thánh-thần, và ác quỷ Satan? Hãy tự soi mình vào mặt tuyết phẳng bóng kia sẽ thấy.

Uyên không còn chịu được nữa. Nàng hét lên thành tiếng. Thế là quá đủ lắm rồi. Ai, ai sẽ có can-đảm truyền bá tư tưởng cuồng ngông này? Ai đủ nhẫn-nhục chịu sự nổi dậy nguyên rủa của công chúng dành cho kẻ đã làm băng hoại niềm tin và tình-cảm của họ? Ai? Ai?

Tôi nhìn Uyên, độ lượng. Tôi tin là bé sẽ làm được điều đó. Sao? Uyên gục xuống như một thân cây chuối bị đốn ngang. Không, không, nàng không ngã đi. Nàng có được một công phu hàm dưỡng nhờ những ngày sống nơi hoang lạnh và tịch-mịch này nên sự xúc động không đến mức nguy hiểm. Nàng thều-thào và sau đó lời lẽ nàng tuôn trào như thác lũ. Không, tôi yêu người. Tôi yêu anh. Tôi yêu sự cô đơn anh. Tôi yêu nét

mặt băng lạnh của anh đầu có vì vậy tim anh, băng giá. Tôi yêu dáng-dấp rùng rú của anh. Tôi yêu cả tham-vọng ngông-cường của anh. — Vâng, anh có một tham vọng lớn mà anh không biết hay không muốn biết. Tôi yêu anh và không muốn mất anh. Tôi không muốn anh trở thành một giáo chủ quyền-thế xa lạ với tình cảm. Tôi đã cầu mong cho đoàn người cứu nạn không bao giờ đến. Và không đời nào tôi muốn trở thành một đồ-đệ của thiên môn, — đầu đề có một sức mạnh vạn-năng — và giết chết tình cảm của mình. Tôi muốn tôi là một con người đầy đủ vui buồn thương ghét và tình yêu. Anh hãy nghe đây tình yêu có một năng lực như sự chết...

Tiếng nói của Uyên khuấy lên trong cơn mê say ngất, nhưng mỗi luồng tư tưởng Uyên là một mũi tên đâm thẳng vào ý lực tôi — Trong người tôi, một cái gì đang biến đổi. Tâm ý tôi không còn tuân theo những mệnh lệnh của tôi. Cơ thể tôi bỗng tăng nhiệt độ dữ dội như cả một lò lửa đang bùng cháy trong người rồi lại lạnh buốt xương tủy chừng dòng máu đã đóng băng. Người tôi có lúc nhẹ bỗng như không còn chịu ảnh hưởng của trọng lực, có lúc nặng trĩch như hàng trăm trái núi đang đổ sụp trên đầu. Dần dần trong cơ thể tôi phân thành nhiều vùng nhỏ, chỗ thì tưởng như đang cháy ngút, chỗ thì như đã đóng băng. Trong đầu tôi những luồng điện chạy rần-rần làm tôi choáng váng, bên tai nghe đủ mọi âm-thanh thét gào phẫn-nộ. Nhưng giữa lúc đó tâm-trí tôi trở nên sáng-suốt vô-cùng. Không có tình-cảm nào mạnh hơn, ảnh-hưởng trên một tình-cảm nào mà chỉ có một sự thay đổi tương-quan. Tôi truyền cho Uyên một tình-cảm lạnh-lùng thì Uyên trả lại cho tôi một tình-cảm thương-yêu. Những lúc gần đây tôi đã phát-giác hiện-tượng không thể điều-khiển ý-lực đang thấp thoáng trong tôi. Nhưng tôi không còn đủ sáng-suốt để nhận rõ nguyên-nhân của hiện-tượng đó phát-xuất do sự vùng dậy của tình-cảm tôi. Tình cảm, tự nó có trong mỗi con người, bất-biến, không lớn dậy, thay đổi để vượt hơn

(2) Thánh ca Mani giáo (theo Kim Dung)

những tình-cảm khác. Tự nó không là một sức mạnh gì cả. Nhưng nó cũng không bao giờ bị hủy-diệt bởi vì không từ nơi nào mà nó được sinh ra, người ta chỉ nhận biết sự hiện-diện của nó.

Tình cảm không mất đi mà chỉ có thể bị dồn nén, bó-buộc để chờ ngày trời dậy. Nếu có một sự tương-thông giữa hai tình-cảm giữa hai người khác phái thì nó sẽ là — không phải sẽ trở thành mà sẽ là — một sức mạnh bao trùm trời đất và bên cạnh đó ý-lực sẽ trở thành một cái gì yếu-ớt, eo-uột — nó sẽ là Tình Yêu. Đức Phật, Chúa Trời có lý khi muốn xây-dựng một xã-hội trên căn-bản tình thương — một xã hội mà các cá nhân liên kết chặt chẽ với nhau bằng tình thương — một năng lực bất hoại.

Tôi thở ra những hơi thở nặng nhọc. Hơi thở tôi nóng hực làm những lớp tuyết bám trên vách đá bốc thành hơi. Mỗi hơi thở khiến người tôi dễ chịu đôi chút, nhưng năng lực trong người tôi cũng dần dà bốc hơi, tan vào khoảng không.

Tôi đã lầm khi tưởng rằng mối quan tâm của tôi đối với Uyên là cơ duyên của nàng đối với thiền môn nên muốn truyền lại cho nàng tất cả những pháp môn tôi lãnh-hội được. Thật ra cái mà tôi tưởng là cơ duyên đó chỉ là một tình yêu vừa nhen nhúm. Tình cảm tôi bấy lâu chỉ yên ngủ chứ không phải đã biến đổi. Với sự hiện diện hiện của Uyên, sự hiện diện của một tình cảm tương thông, tình cảm trong tôi đã thức dậy. Nhưng nó vẫn ở yên và không gây ra nguy hiểm cho đến khi Uyên với lời lẽ tha thiết van xin, với tất cả chân tình, đã kích thích nó nổi loạn. Dưới sức mạnh của nó, ý lực không còn làm chủ được tâm ý và bị ép lại. Chỉ tiếc là sự đổi thay quá bất ngờ nên ý lực không kịp bị đẩy lui về tiềm thức mà trở nên rối loạn và tìm lối thoát bằng cách hủy hoại cơ thể tôi — một công-trình tu-luyện hàng chục năm. Nhưng

tôi không oán-hận. Tôi đã hiểu rõ khả thể tối thượng bất hoại của con người. Tôi đã linh cảm rằng Uyên sẽ giúp tôi giải quyết việc truyền bá triết thuyết siêu nhân để đem bình yên cho xã-hội, chỉ có điều thay đổi là không phải với ý lực mà với tình cảm. Con người không có thể bắt đầu bằng lòng thương, nhưng có thể bằng tình yêu. Từ tình yêu con người sẽ trở nên độ lượng và thương nhau hơn. Tình yêu là liên kết mạnh mẽ nhất trong những liên kết giữa hai cá nhân với nhau. Và dầu có vui buồn, con người vẫn thấy được giải thoát nhờ ở sự tự do trong tình cảm, và trở thành là người với ý nghĩa đích thực nhất của danh-từ ấy.

Thịt da tôi đã bắt đầu nứt nẻ và tai ù đi. Nhưng tôi cũng còn nhận biết sự hiện-diện của nhiều người dưới thung lũng. Họ đi tìm Uyên. Mắt tôi rực sáng. Tôi không thể để mặc Uyên giữa hốc núi hoang lạnh này. Một cơn đau như xé dài dọc theo từ ngực xuống bụng. Tôi cũng không thể để mất Uyên bỏ rơi Uyên cho xã hội ngoài kia, tôi không thể để nàng về với loài người. Bằng một sức mạnh cuối cùng, tôi ôm choàng lấy Uyên đang thẫn thờ sau những câu nói vượt quá sức nàng vừa qua. Một cái gì đó đang cồn cào trong bụng, trong lồng ngực tôi. Tôi cố gượng cho đến lúc đã giữ được nàng trong vòng tay. Một luồng nhiệt huyết trào ra cổ họng giữa lúc môi tôi áp mạnh lên môi nàng. Uyên như tỉnh lại. Nhưng chẳng bao lâu sau, khí quản của nàng bị vít kín và nàng thôi không còn thở nhưng môi vẫn ngọt ngào. Vâng, tôi hiểu mật ý sau cùng của nàng:... *tình yêu có một năng lực tương đương với sự chết*... Khi yêu nhau, ta có thể giết nhau. Sẽ không còn Uyên cho xã hội loài người mà chỉ còn Uyên cho tôi, riêng tôi.

Cảm giác sau cùng của tôi là băng lạnh đã bao bọc quanh trái tim.

Bùi Huy

TỦ SÁCH DOANH-THƯƠNG

Cống hiến những tác-phẩm sau đây
do Giáo-sư Lê-quang-Phú biên soạn:

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------|
| — Doanh-thương tổng-quát | cuốn 1 (xuất-bản lần thứ 2) |
| — Doanh-thương tổng-quát | cuốn 2 (xuất-bản lần thứ 2) |
| — Tốc-ký Việt-Nam | (xuất-bản lần thứ 1) |
| — Kế-toán | cuốn 1 (xuất-bản lần thứ 2) |
| — Kế-toán | cuốn 2 (xuất-bản lần thứ 2) |
| — Đàm-thoại Anh-Pháp-Việt | cuốn 1 (xuất-bản lần thứ 1) |
| — Đàm-thoại Anh-Pháp-Việt | cuốn 2 (xuất-bản lần thứ 1) |
| — Vietnamese Made Easy | (xuất-bản lần thứ 1) |
| — Huế and its legends | (xuất-bản lần thứ 2) |

Học - sinh **lớp 11 Trung - học**

Hãy tìm đọc bán nguyệt san «**Toán Lý-Hóa**»
xuất bản vào ngày 1 và 15 mỗi tháng do 1 nhóm giáo-sư Toán
Lý-Hóa miền Trung phụ-trách

Bài vở đầy đủ và soạn thảo kỹ-càng.

Liên-lạc với Tòa-soạn tại 10 Trần-thúc-Nhẫn Huế

NHÀ XUẤT-BẢN SÙNG-CHÍNH

8 bis, NGUYỄN-HUYỆ - HUẾ

SỬ VIỆT-NAM SỬ THỂ-GIỚI

Lớp 11 ABCD

Trương-ngọc-Phú — Nguyễn-hữu Châu-Phan

ĐỊA-LÝ VIỆT-NAM

Lớp 11 ABCD

Trương-ngọc-Phú — Nguyễn-hữu Châu-Phan

GIÁO-KHOA TRẮC-NGHIỆM : SỬ-ĐỊA CÔNG-DẪN

Lớp 11 ABCD

Bùi-hữu-Bính — Trần-viết-Ngọc
Nguyễn-hữu Châu-Phan — Trương-ngọc-Phú

SỬ-ĐỊA LỚP 12 ABCD

Nguyễn-ngọc-Anh — Nguyễn-hữu Châu-Phan
Trương-ngọc-Phú — Thái-quang-Toản

VỚI NHỮNG ĐẶC-ĐIỂM

- Chương-trình Cập-nhật-hóa mới nhất
- Đáp-ứng lối thi trắc-nghiệm hiện-hành
- Trình bày đúng cách và đẹp mắt

SÙNG·CHÍNH TÙNG·THƯ

GIỚI·THIỆU NHỮNG TÁC·PHẨM

Xã·hội nhà Lý nhìn dưới khía·cạnh pháp·luật

của Nguyễn-hữu Châu-Phan

phát - hành 1971

Mona Lisa

của Alexander Lernet Holenia

bản-dịch Nguyễn-tư Triệt

phát - hành 1972

Cuộc khởi·nghĩa hai Bà Trưng dưới mắt sử·gia

của Nguyễn-hữu Châu-Phan

... « Ở đây không thể không đếm xỉa đến tác dụng cá nhân của tên đồ tể Mã Viện. Nghiên cứu qua truyện Mã Viện trong Hậu Hán Thư chúng ta sẽ thấy Mã Viện là một « chuyên gia » đàn áp khởi nghĩa và cuối cùng y cũng đã « sinh nghề tử nghiệp » bỏ mạng ở Vũ Lăng. Y là một tên « văn võ toàn tài » vừa trấn áp dã man, vừa mua chuộc, xoa dịu mị dân. Với đạo quân hơn hai vạn, chiến thuyền vài ngàn, Mã Viện đã vừa tàn sát, vừa bắt bớ khoảng bốn vạn người.

Rõ ràng đứng trước kẻ thù lớn mạnh, thiện chiến, giáo hoạt như vậy, quân hai bà Trưng, với tất cả hạn chế lịch sử nói trên, không thể không thất bại được. Tuy nhiên, hai bà Trưng đã kháng chiến ngoan cường và anh dũng, suốt trong hai năm trường... ».

phát - hành 1972 - 1973

Lịch·sử và chính·sách cai·trị Pháp tại Việt·Nam

của Nguyễn-hữu Châu-Phan

phát - hành 1972-1973